

BAOVIET 



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | MỞ RỘNG
2012 | TẦM NHÌN**

www.baoviet.com.vn

MỞ RỘNG TẦM NHÌN

EXPANDING YOUR VISION

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP 2012

Mở rộng tầm nhìn

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	06
Thông điệp Tổng Giám đốc	12
12 sự kiện tiêu biểu năm 2012	18
Các chỉ số hoạt động cơ bản	20

TỔNG QUAN

Khát vọng vươn tầm cao mới

Cơ cấu quản trị và lĩnh vực kinh doanh	24
Chiến lược kinh doanh 2011-2015	29
47 năm một chặng đường	32
Thành viên Hội đồng Quản trị	34
Thành viên Ban Điều hành	38
Thành viên Ban Kiểm soát	42

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012

Khẳng định vị thế dẫn đầu

Tình hình thị trường 2012 và dự báo 2013	46
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 và kế hoạch kinh doanh năm 2013	58
Các lĩnh vực kinh doanh	70



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nâng tầm giá trị

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	100
Hoạt động của Ban Kiểm soát	105
Báo cáo Quản trị doanh nghiệp	109
Quản lý rủi ro	119
Kiểm toán nội bộ	128

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thực hiện sứ mệnh

Thông tin cổ phiếu	134
Thông điệp của cổ đông chiến lược	138
Quan hệ cổ đông	140
Phát triển nguồn nhân lực	144
Văn hóa doanh nghiệp	148
Báo cáo phát triển bền vững	150

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực - Minh bạch - Tin cậy

Báo cáo tài chính Hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS)	166
Báo cáo tài chính Riêng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS)	272
Báo cáo tài chính Hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS)	321

Thông điệp của Báo Việt là “mở rộng tầm nhìn” nhằm tìm kiếm, khai thác và nắm bắt các cơ hội của thị trường, vượt qua thách thức trong điều kiện kinh tế còn khó khăn. Với tầm nhìn toàn cảnh, rộng hơn, sâu hơn. Báo Việt tin tưởng rằng mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng sẽ luôn có cơ hội cho phát triển, thành công, hạnh phúc và thịnh vượng.

MỞ RỘNG TẦM NHÌN

EXPANDING YOUR VISION



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Bảo Việt sẽ tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ tài chính kết hợp, phát triển các sản phẩm bảo hiểm để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nền kinh tế - xã hội, phấn đấu hoàn thành chiến lược kinh doanh đến năm 2015, giữ vững cam kết đối với khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.”

Kính thưa Quý vị,

Năm 2012, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục bị ảnh hưởng từ diễn biến phức tạp của nền kinh tế toàn cầu cùng với việc thực hiện chính sách tài khoá và tiền tệ chặt chẽ trong nước để kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Những yếu tố bất lợi của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và sức ép trong nội bộ nền kinh tế đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Tập đoàn Bảo Việt nói riêng.

Năm 2012 – Phát triển bền vững trong bối cảnh khó khăn của thị trường

Với quyết tâm cao trong hoạt động quản trị doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (HĐQT) cùng với nỗ lực trong công tác chỉ đạo điều hành của Ban Điều hành Tập đoàn và các đơn vị thành viên, sự đồng lòng của các cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống, và đặc biệt là sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, cổ đông và các đối tác dành cho Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2012 thông qua cụ thể như sau: Tổng doanh thu hợp nhất đạt 16.007 tỷ đồng, tăng trưởng 7,6% so với năm 2011; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.431 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2011. Tổng doanh thu của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.393 tỷ đồng, vượt 4,7% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 1.082 tỷ đồng, tăng trưởng 19,7% so với năm 2011, hoàn thành vượt mức 18,2% kế hoạch ĐHĐCĐ đã thông qua.

Giai đoạn 2007 – 2012: Đảm bảo mục tiêu tăng trưởng – hiệu quả, tập trung xây dựng những nền tảng mới

Năm 2012 là năm kết thúc nhiệm kỳ 5 năm hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2007 - 2012. Trong 5 năm qua, HĐQT với vai trò, trách nhiệm là đại diện cho ĐHĐCĐ trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các nhóm giải pháp, kế hoạch hành động trong từng giai đoạn cụ thể để đạt được những mục tiêu đã đề ra, trong đó tập trung chỉ đạo một số lĩnh vực trọng yếu như sau:

Đảm bảo mục tiêu tăng trưởng – hiệu quả, phát triển bền vững

Trong giai đoạn 2007 – 2012, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, Tập đoàn đã hai lần thực hiện tăng vốn vào các năm 2009 và 2010 nhằm nâng cao năng lực tài chính. Kết quả là vốn điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt đã tăng từ 5.730 tỷ đồng lên 6.267 tỷ đồng và sau đó lên 6.805 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ giúp Tập đoàn Bảo Việt có điều kiện mở rộng hoạt động kinh doanh theo đúng chức năng của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, từ đó có điều kiện gia tăng giá trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh để đóng góp trở lại nền kinh tế và bảo đảm lợi ích cho các cổ đông.

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tổng tài sản hợp nhất năm 2012

46.225

Tỷ đồng

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu hợp nhất 2009-2012

14,9%



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tốc độ tăng trưởng bình quân LNST hợp nhất 2009-2012

12,3%



Đến năm 2012, tổng tài sản hợp nhất đạt 46.225 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 11,1% giai đoạn 2009-2012; vốn chủ sở hữu đạt 12.114 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 12,4% giai đoạn 2009-2012. Tổng doanh thu hợp nhất đạt 16.007 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 14,9% giai đoạn 2009-2012; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.431 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 12,3% giai đoạn 2009-2012. Tổng doanh thu của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.393 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 14,7%/năm giai đoạn 2009-2012, lợi nhuận sau thuế đạt 1.082 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 10,2%/năm giai đoạn 2009-2012. Tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm ổn định ở mức 11-12%, hoàn thành các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao. Đặc biệt, với kết quả kinh doanh năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt dự kiến mức chi trả cổ tức cho cổ đông là 15%, vượt 3% so với mức đã được ĐHĐCĐ thường niên 2012 thông qua.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện đổi mới trên nhiều lĩnh vực như quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân sự và phát triển nguồn nhân lực, tài chính, công nghệ thông tin, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới của Bảo Việt, đồng thời tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực kinh doanh chính nhằm xây dựng những nền tảng bền vững cho doanh nghiệp. Bảo Việt cũng luôn là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc quan tâm hỗ trợ cộng đồng, thông qua các hoạt động an sinh xã hội đối với những người dân tại các tỉnh nghèo trên cả nước, thực hiện sứ mệnh “Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng”. Trong năm 2012, Bảo Việt đã đóng góp hơn 23 tỷ đồng cho các dự án cộng đồng, nâng mức đầu tư cho hoạt động vì cộng đồng lên gần 80 tỷ đồng trong 5 năm từ 2007 đến 2012.

Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và tăng cường nhân sự thành viên HĐQT chuyên trách nhiệm kỳ 2012 - 2017

ĐHĐCĐ bất thường năm 2012 của Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức vào tháng 11/2012 đã bầu HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017 bao gồm 8 thành viên HĐQT và 5 thành viên Ban Kiểm soát. Nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2017 đảm bảo sự ổn định và có tính kế thừa. Để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo mô hình Tập đoàn và tuân thủ yêu cầu của công ty cổ phần đại chúng niêm yết có đối tác chiến lược nước ngoài, HĐQT đã tăng số thành viên chuyên trách, không tham gia điều hành ở các Công ty con để tăng cường tính độc lập trong các quyết định của HĐQT, tiếp tục nâng cao năng lực các Ủy ban tư vấn thuộc HĐQT.

Công bố nhà đầu tư chiến lược Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life)

Ngày 20/12/2012 đã diễn ra “Lễ ký kết hợp đồng và công bố nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt”, theo đó Sumitomo Life trở thành nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt sau khi hoàn tất việc mua lại 18% cổ phần của HSBC tại Tập đoàn Bảo Việt. Kế hoạch chuyển giao cổ phần của HSBC nằm trong chiến lược phát triển toàn cầu mới của HSBC là tập trung vốn và các nguồn lực để phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trên phạm vi toàn cầu, trong đó có thị trường Việt Nam. Cổ đông chiến lược Sumitomo Life được đánh giá là nhà đầu tư chiến lược đáp ứng các tiêu chí về năng lực tài chính, uy tín quốc tế và kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, tương đồng về văn hóa, có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ hợp tác kỹ thuật và hỗ trợ cho Bảo Việt, cam kết đầu tư chiến lược lâu dài tại Việt Nam.

Năm 2013 – Hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững, khẳng định sự chuyên nghiệp, thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam

Từ những kết quả đạt được trong năm 2012 và giai đoạn 05 năm sau cổ phần hóa 2007-2012, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty thành viên đã và đang xây dựng những nền tảng bền vững để thực hiện chiến lược kinh doanh 5 năm (2011-2015) của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trên cơ sở đó, trong giai đoạn 2013-2015, Bảo Việt tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả; khẳng định sự chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ hiệu quả, thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế; trở thành một tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực.

Công ty Mẹ

Vốn chủ sở hữu 2012

11.464

Tỷ đồng

Công ty Mẹ

Vốn điều lệ năm 2012

6.805

Tỷ đồng

Công ty Mẹ

Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu
2009-2012

14,7%



Công ty Mẹ

Tốc độ tăng trưởng bình quân LNST 2009-2012

10,2%



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2013

17.828 
Tỷ đồng 11,4%

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2013

1.796
Tỷ đồng

Công ty Mẹ

Tổng doanh thu năm 2013

1.411
Tỷ đồng

Công ty Mẹ

Lợi nhuận sau thuế năm 2013

1.103
Tỷ đồng

Trước nhận định triển vọng kinh tế năm 2013 và giai đoạn tới vẫn còn nhiều khó khăn, để đạt được mục tiêu chiến lược 5 năm, trong năm hoạt động đầu tiên của nhiệm kỳ 2012 – 2017, HĐQT định hướng một số chỉ tiêu chính năm 2013 trình ĐHCĐ như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn dự kiến đạt 17.828 tỷ đồng, tăng trưởng 11,4% so với thực hiện năm 2012;
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn dự kiến đạt 1.383 tỷ đồng.
- Đối với Công ty Mẹ – Tập đoàn Bảo Việt: Tổng doanh thu dự kiến đạt 1.411 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 1.103 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2012.

Để đạt được các mục tiêu chiến lược này, trong năm 2013 và giai đoạn đến năm 2015, HĐQT thống nhất tiếp tục tập trung thực hiện 5 nhóm giải pháp chiến lược tại Tập đoàn và các Công ty con như sau:

Thứ nhất – Tiếp tục phát triển nền tảng bền vững thông qua việc hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tập trung; đầu tư phát triển nguồn nhân lực; phát triển thương hiệu.

Thứ hai - Nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của các hoạt động kinh doanh cốt lõi: bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực kinh doanh nòng cốt trên, Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt sẽ đóng vai trò là hạt nhân điều phối của cả hệ thống Tập đoàn, tạo sự kết nối giữa các Công ty thành viên trong Tập đoàn nhằm phát huy sức mạnh tổng thể và tăng cường lợi thế cạnh tranh của các đơn vị thành viên thông qua việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính trọn gói cho khách hàng; phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, giáo dục, hưu trí và mở rộng thị trường khu vực.

Thứ ba - Xây dựng, hoàn thiện và tiến hành triển khai để án tái cấu trúc Tập đoàn theo đúng lộ trình.

Thứ tư - Chủ động liên kết, hợp tác và tận dụng kinh nghiệm của cổ đông chiến lược qua việc triển khai Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và Chuyển giao năng lực trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống của Bảo Việt và là thế mạnh của cổ đông chiến lược mới để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn.

Thứ năm - Tiếp tục triển khai các chương trình an sinh xã hội, nâng cao trách nhiệm hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương chung của Đảng và Chính phủ và thực hiện xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị thương hiệu của Bảo Việt.

Tôi tin tưởng rằng những kết quả đạt được trong năm 2012 và sau 5 năm thực hiện cổ phần hóa thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt sẽ là động lực để toàn thể lãnh đạo, cán bộ, nhân viên, tư vấn viên Bảo Việt tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, đồng lòng, quyết tâm, năng động, sáng tạo trong công việc để thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2013, tạo đà tăng trưởng nhanh và bền vững, hướng tới hoàn thành chiến lược phát triển 2011 – 2015 của Tập đoàn, duy trì vị trí hàng đầu của Bảo Việt trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam, đáp ứng được sự mong đợi của các nhà đầu tư.

Thành công của Bảo Việt trong suốt chặng đường 47 năm qua chính là thành quả của sự lao động, sáng tạo của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, tư vấn viên Bảo Việt và sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, của cổ đông và các đối tác đã dành cho Bảo Việt. Tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác quý báu và thường xuyên của quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược phát triển đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin mà quý vị cổ đông và quý khách hàng đã và sẽ tiếp tục dành cho Bảo Việt.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin chúc các quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác một năm mới an khang, thịnh vượng và bình an.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Lê Quang Bình



THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

“Năm 2012, Bảo Việt đã triển khai hiệu quả các giải pháp kinh doanh và tiếp tục duy trì phát triển ổn định, vững chắc trong các lĩnh vực hoạt động, dự kiến mức cổ tức là 15%. Bảo Việt tập trung thực hiện xây dựng “Một Bảo Việt - Một nền tảng mới” là cơ sở và nền tảng để tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển và chuyển đổi trong các năm tiếp theo.”

Kính thưa Quý Khách hàng, Đối tác và Quý vị cổ đông,

Năm 2012 là một năm đầy thách thức, khó khăn của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng thấp, tình trạng nợ xấu gia tăng, hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ, hàng tồn kho lớn. Cả năm 2012, tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 5,03%. Trong bối cảnh đó, Bảo Việt vẫn tiếp tục triển khai các giải pháp kinh doanh và thực hiện việc xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định trong tương lai.

TĂNG TRƯỞNG TRONG KHÓ KHĂN

Hoạt động kinh doanh trong bối cảnh kinh tế đầy thách thức nhưng Bảo Việt vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định, vững chắc về doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu hợp nhất năm 2012 toàn Tập đoàn đạt 16.007 tỷ đồng, tăng trưởng 7,6% so với năm 2011. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng 22,4%, đạt 1.862 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.431 tỷ đồng, tăng 19%. Năm 2012, Công ty Mẹ đạt doanh thu 1.393 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế đạt 1.209 tỷ đồng, tăng trưởng 31,7% so với năm 2011; lợi nhuận sau thuế đạt 1.082 tỷ đồng, tăng trưởng 19,7%. Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2012 là 15%, cao hơn so với kế hoạch ĐHĐCĐ đã giao là 12%. Năng lực tài chính của Công ty Mẹ tiếp tục được củng cố, vốn chủ sở hữu được tăng lên mức 11.464 tỷ đồng so với mức 11.228 tỷ đồng năm 2011, tổng tài sản đạt 12.697 tỷ đồng.

Thực hiện chủ trương tại Nghị Quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Tài chính về tiết giảm chi phí, toàn Tập đoàn Bảo Việt đã ký cam kết, triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong toàn hệ thống và hoàn thành mục tiêu tiết giảm chi phí quản lý 145 tỷ đồng, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng lợi nhuận cho Tập đoàn.

Năm 2012, với định hướng đúng đắn và giải pháp kinh doanh phù hợp, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh được ĐHĐCĐ đã giao và về cơ bản đã hoàn thành mục tiêu chiến lược về mức cổ tức dự kiến đến năm 2015 là 14-16%.

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2012

1.862

Tỷ đồng

↑
22,4%

Công ty Mẹ

Lợi nhuận trước thuế năm 2012

1.209

Tỷ đồng

↑
31,7%

Công ty Mẹ

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012

15%

↑
25%

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tiết giảm chi phí năm 2012

145

Tỷ đồng



PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Năm 2012, Bảo Việt tiếp tục duy trì triển khai các định hướng chiến lược 5 năm giai đoạn 2011 – 2015 trong đó tập trung xây dựng “Một Bảo Việt - Một nền tảng mới” và đã đạt được những thành tựu quan trọng tạo nên sự phát triển ổn định, bền vững trong các lĩnh vực:

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trên thị trường với 24% thị phần

Với tốc độ tăng trưởng cao nhất thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo Việt đã đạt được những kết quả khả quan, cụ thể tổng doanh thu đạt 6.398 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2%. Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 10,4%; vượt tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường, duy trì được mức lãi thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Lợi nhuận trước thuế đạt 451 tỷ đồng, tăng 8,6% so với năm 2011. Trong năm 2012, Bảo Việt đã tập trung mở rộng phát triển kênh phân phối bancassurance, phát triển kênh bán hàng on-line, trung tâm dịch vụ khách hàng, tăng các tiện ích cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ. Các phần mềm nghiệp vụ được triển khai đồng bộ từ Trụ sở chính tới các công ty thành viên theo định hướng tập trung hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Doanh thu khai thác mới trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 1.290 tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2012 của Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 7.322 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2011, hoàn thành 104% kế hoạch – đứng vị trí thứ 2 trên thị trường bảo hiểm nhân thọ. Doanh thu khai thác mới quy năm đạt 1.290 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2011, vượt so với mức tăng trưởng bình quân của thị trường. Lợi nhuận trước thuế đạt 694 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch, tăng trưởng 14,5% so với 2011. Việc tập trung vào nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa tập trung, nâng cao trình độ, tính chuyên nghiệp và năng suất của hệ thống phân phối đã giúp Bảo Việt duy trì mức tăng trưởng ổn định trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ những năm gần đây.

Lĩnh vực quản lý quỹ, đầu tư tài sản luôn bám sát diễn biến thị trường với chiến lược đầu tư hiệu quả

Trong lĩnh vực quản lý quỹ và đầu tư tài sản, Bảo Việt tiếp tục duy trì là một trong những đơn vị dẫn đầu thị trường về tổng tài sản quản lý với tổng giá trị đạt 18.070 tỷ đồng. Năm 2012, trên cơ sở đánh giá, nhận định chính xác, có các giải pháp hợp lý với từng kịch bản thị trường, Bảo Việt đã đưa ra chiến lược đầu tư bám sát tình hình thị trường, đạt hiệu quả đầu tư tốt. Bảo Việt đã nghiên cứu để triển khai nhiều sản phẩm đầu tư hấp dẫn trong đó phải kể đến sản phẩm quỹ mở, sẽ sớm được ra mắt trong năm 2013. Doanh thu của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt năm 2012 đạt 51 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 19 tỷ đồng.

Tăng cường quản lý rủi ro đầu tư, bảo toàn vốn trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán suy giảm, Bảo Việt vẫn bảo toàn vốn và lợi nhuận với tổng doanh thu cả năm đạt 209 tỷ đồng, bằng 135,6% kế hoạch. Doanh thu môi giới đạt 49 tỷ đồng, tăng 44,8% so với 2011. Lợi nhuận trước thuế đạt 77 tỷ đồng. Năm 2012, Chứng khoán Bảo Việt tiếp tục lọt vào danh sách TOP 10 công ty có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất trên HOSE & HNX, TOP 2 công ty có thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HNX. Công ty đã tăng cường quản lý rủi ro đầu tư; tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới, tư vấn, tăng cường ứng dụng công nghệ tin học vào hoạt động kinh doanh. Chứng khoán Bảo Việt hai năm liền (2011 & 2012) đạt danh hiệu nhà tư vấn M&A tiêu biểu do Báo Đầu tư trao tặng.

Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng

Trong lĩnh vực ngân hàng, tổng tài sản của Ngân hàng Bảo Việt đạt 13.283 tỷ đồng, tổng huy động đạt 6.265 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 6.748 tỷ đồng, doanh thu thuần đạt 429 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt 121 tỷ đồng. Trong năm 2012, Ngân hàng Bảo Việt đã được Ngân hàng Nhà nước xếp vào Nhóm ngân hàng hoạt động an toàn – hiệu quả, thực hiện chiến lược tăng trưởng thận trọng, vững chắc. Ngân hàng đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu vốn để phát triển theo chiến lược đã đề ra trong giai đoạn tiếp theo.

Duy trì hoạt động kinh doanh ổn định trong bối cảnh thị trường bất động sản đóng băng

Trong bối cảnh thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng, hầu hết các doanh nghiệp bất động sản đều bị thua lỗ, có nhiều doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phá sản, Đầu tư Bảo Việt vẫn duy trì hoạt động ổn định, doanh thu đạt 167 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 12 tỷ đồng.

Bảo hiểm Bảo Việt
Tổng doanh thu năm 2012

6.398
Tỷ đồng  10,2%

Bảo Việt Nhân thọ
Doanh thu khai thác mới năm 2012

1.290
Tỷ đồng  25%

QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
Tổng Tài sản quản lý năm 2012

18.070
Tỷ đồng

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Lợi nhuận trước thuế năm 2012

77
Tỷ đồng

NGÂN HÀNG BẢO VIỆT
Doanh thu thuần năm 2012

429
Tỷ đồng

ĐẦU TƯ BẢO VIỆT
Tổng doanh thu năm 2012

167
Tỷ đồng

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC TẠO ĐÀ CHO TĂNG TRƯỞNG

Năm 2012, bên cạnh việc triển khai các giải pháp kinh doanh, Bảo Việt tiếp tục tập trung xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định, lâu dài với trọng tâm là hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, củng cố cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động kinh doanh, tăng cường kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư, chất lượng dịch vụ khách hàng, qua đó tối ưu hóa giá trị mang lại cho khách hàng và cổ đông. Trong giai đoạn 2011 - 2012, Bảo Việt đã hoàn thành cơ bản việc xây dựng 'Một Bảo Việt - Một nền tảng mới' với các kết quả đáng khích lệ trên mọi lĩnh vực hoạt động.

Nâng cao năng lực tài chính

Tổng tài sản, tổng nguồn vốn chủ sở hữu và lợi nhuận của Bảo Việt luôn đạt được sự tăng trưởng vững chắc. Nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ, Bảo Việt đã tăng cường năng lực tài chính cho các công ty con, cụ thể: hoàn thành tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng Bảo Việt lên 3.000 tỷ đồng và tăng vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt lên 2.000 tỷ đồng. Với chấp thuận chính thức của Bộ Tài chính từ 27/3/2013, Bảo hiểm Bảo Việt trở thành doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường.

Xây dựng mô hình quản trị chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế

Năm 2012, Bảo Việt tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hệ thống các quy định, quy chế, phân tách rõ trách nhiệm giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên, tạo sự chủ động cho các đơn vị trong tổ chức hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo cơ chế quản trị xuyên suốt trong toàn Tập đoàn nhằm xây dựng và phát triển Bảo Việt thành một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm với thương hiệu thống nhất và nền tảng vững chắc về quản trị, công nghệ, nguồn nhân lực và chất lượng phục vụ khách hàng. Từng bước hoàn thiện mô hình Công ty Mẹ - Công ty con, xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế, quy định về quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế.

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tập trung, hiện đại

Bảo Việt đã đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tập trung hiện đại bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng WAN, hệ thống phần mềm và truyền thông theo tiêu chuẩn quốc tế, tạo nền tảng để khai thác dữ liệu khách hàng chung của cả Tập đoàn hướng tới cung cấp dịch vụ tài chính, bảo hiểm trọn gói phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng hệ thống quản lý hiệu quả làm việc, hệ thống lương thưởng theo hiệu quả công việc. Chú trọng công tác đào tạo, triển khai bản đồ học tập nhằm nâng cao năng lực và trình độ cán bộ.

Phát triển thương hiệu

Theo kết quả nghiên cứu đánh giá sức khỏe thương hiệu của công ty nghiên cứu thị trường quốc tế, Bảo Việt là thương hiệu uy tín nhất trong lĩnh vực bảo hiểm. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển thương hiệu Bảo Việt. Năm 2012, Bảo Việt đã tập trung đẩy mạnh hoạt động truyền thông qua các kênh đa dạng, hiện đại hóa hình ảnh thương hiệu.

Phát triển sản phẩm, kênh phân phối mới, nâng cao chất lượng dịch vụ

Triển khai mô hình kinh doanh tập trung, đẩy mạnh bán hàng, đa dạng hoá sản phẩm và kênh phân phối; từng bước đẩy mạnh hợp tác nội bộ và bán chéo sản phẩm, dịch vụ tài chính giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, đưa vào vận hành trung tâm dịch vụ khách hàng.

NĂM 2013 - MỞ RỘNG TẦM NHÌN

Năm 2013, chiến lược của Bảo Việt là “mở rộng tầm nhìn” nhằm tìm kiếm, khai thác và nắm bắt các cơ hội của thị trường, vượt qua thách thức trong điều kiện kinh tế còn khó khăn. Bảo Việt sẽ tập trung phát triển thị trường và mở rộng mạng lưới, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của hệ thống phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Cùng với việc tiếp tục duy trì hợp tác với HSBC, Bảo Việt cũng đẩy mạnh hợp tác với cổ đông chiến lược Sumitomo Life. Là công ty bảo hiểm nhân thọ với hơn 100 năm kinh nghiệm trên thị trường Nhật Bản - thị trường bảo hiểm nhân thọ lớn thứ 2 thế giới, Sumitomo Life cam kết hỗ trợ Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ về phát triển kênh phân phối, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm và quản lý chất lượng.

Năm 2013, Bảo Việt vẫn tiếp tục thực hiện theo chiến lược phát triển đã đề ra trong giai đoạn tiếp theo với trọng tâm là duy trì tăng trưởng bền vững, thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động, trong đó tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

- Mở rộng, phát triển thị trường thông qua nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng dịch vụ tài chính, bảo hiểm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nền kinh tế - xã hội.
- Đẩy mạnh khai thác phân khúc khách hàng cá nhân, phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính kết hợp.
- Đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình theo hướng tập trung hóa trong toàn hệ thống.
- Tăng cường quản lý rủi ro, thực hiện đầu tư an toàn, hiệu quả trong điều kiện thị trường dự báo có nhiều khó khăn, bất ổn.
- Tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Là năm bản lề trong giai đoạn thực hiện chiến lược 5 năm 2011-2015, Bảo Việt quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2013, hoàn thành mục tiêu chiến lược “chuyển đổi mô hình doanh” trên cơ sở tối ưu hóa sức mạnh của toàn Tập đoàn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp và giá trị cho cổ đông.

Thay cho lời kết, tôi trân trọng cảm ơn Quý khách hàng, Quý cổ đông, các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý Nhà nước và toàn thể cán bộ nhân viên trong hệ thống Bảo Việt đã tin tưởng, đồng hành và hỗ trợ chúng tôi trong suốt thời gian qua để có được một Bảo Việt phát triển như ngày hôm nay.

Kính chúc toàn thể Quý vị một năm mới mạnh khỏe, thành công và tràn đầy hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn!

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phúc Lâm

1

Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2012:

Lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.082 tỷ đồng, mức chia cổ tức dự kiến là 15%. Toàn Tập đoàn thực hiện chủ trương tiết giảm chi phí theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ, hoàn thành mục tiêu tiết giảm chi phí 145 tỷ đồng.

2

Công bố Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017 của Tập đoàn Bảo Việt:

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 quyết tâm thực hiện thắng lợi định hướng chiến lược kinh doanh 5 năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2012

3

Sumitomo Life trở thành nhà đầu tư chiến lược của Bảo Việt: Bảo Việt đã phối hợp cùng HSBC lựa chọn thành công Sumitomo Life trở thành nhà đầu tư chiến lược của Bảo Việt thay thế cho HSBC. Sumitomo Life cam kết đồng hành cùng Bảo Việt trong những chặng đường phát triển trong tương lai.

4

Triển khai xây dựng Đề án Tái cơ cấu doanh nghiệp: Bảo Việt đã phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức thành công Hội thảo Tái cấu trúc Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm và đã hoàn thành việc xây dựng Đề án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt trình Bộ Tài chính phê duyệt.

5

Triển khai thí điểm đề án bảo hiểm nông nghiệp, đạt doanh thu 127 tỷ đồng trong năm 2012: Đề án Bảo hiểm nông nghiệp đã được triển khai tại 11 tỉnh thành với sự tham gia của 131.020 lượt hộ nông dân, đạt doanh thu phí bảo hiểm 127 tỷ đồng trong năm 2012.

6

Doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới của Bảo Việt Nhân thọ đạt 1.290 tỷ đồng, tăng trưởng 25%: Kết quả của quá trình chuyển đổi mô hình kinh doanh giúp Bảo Việt Nhân thọ đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới cao nhất trên thị trường.

7

Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng: Được xếp hạng Ngân hàng nhóm 2 với mức tăng trưởng tín dụng 15%, Ngân hàng Bảo Việt liên tục ra mắt nhiều sản phẩm đa dạng và không ngừng tạo ra các giá trị gia tăng cho khách hàng.

8

Tập trung chuyển đổi mô hình kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin: Từng bước chuyển đổi và hoàn thiện mô hình kinh doanh theo hướng tập trung hóa, đưa vào hoạt động phần mềm quản lý hệ thống hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ - InsureJ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.



9

Báo cáo thường niên của Tập đoàn Bảo Việt đạt nhiều giải thưởng lớn trong nước và quốc tế: Giải Đặc biệt trong cuộc bình chọn báo cáo thường niên năm 2012 do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh và báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức; Giải Vàng cho Báo cáo thường niên tốt nhất trong Ngành và Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ LACP tổ chức.

10

Bảo Việt đạt nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá: Tập đoàn Bảo Việt đạt giải thưởng Sản phẩm vàng, dịch vụ vàng; Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng; lọt vào nhóm VN30; BVSC đạt giải thưởng Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm thứ 2 liên tiếp.

11

Xây dựng thành công hệ thống Quản lý an ninh thông tin ISMS và được cấp chứng nhận ISO/IEC 27001:2005: Việc xây dựng hệ thống Quản lý an ninh thông tin giúp thiết lập một hạ tầng thông tin an toàn cho Bảo Việt, đảm bảo hệ thống thông tin luôn bảo mật nhằm giảm thiểu các rủi ro, góp phần nâng cao nhận thức trong vấn đề bảo mật thông tin.

12

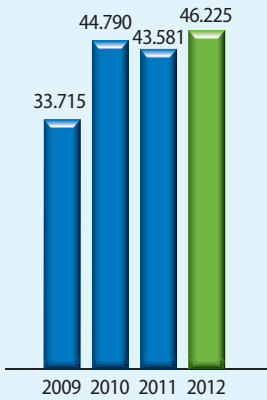
Thể hiện trách nhiệm cộng đồng và nâng cao văn hóa doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững: Bảo Việt thực hiện đầu tư vì sự phát triển của cộng đồng với nhiều hoạt động như xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho thế hệ trẻ..., đồng thời chú trọng nâng cao văn hóa doanh nghiệp với các hoạt động văn hóa, thể thao phong phú.

CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs)

HỢP NHẤT

Đơn vị: Tỷ đồng

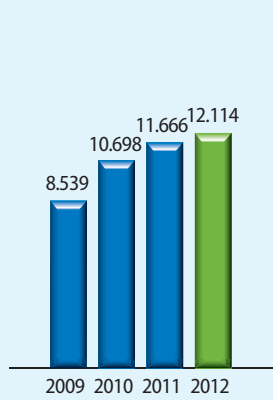
Tổng tài sản



Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

11,1 %

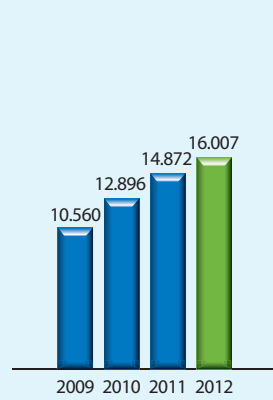
Vốn chủ sở hữu



Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

12,4 %

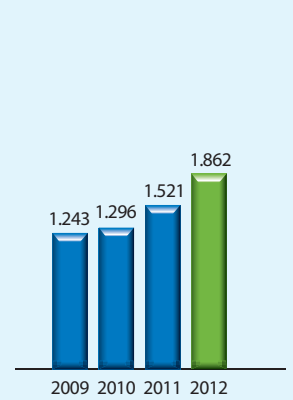
Tổng doanh thu



Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

14,9 %

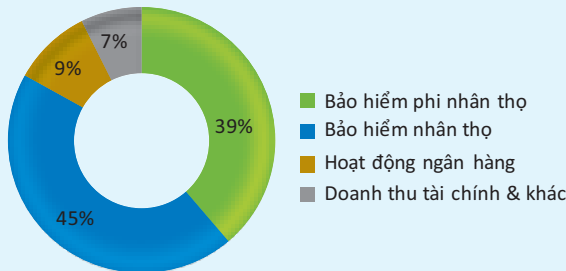
Lợi nhuận trước thuế



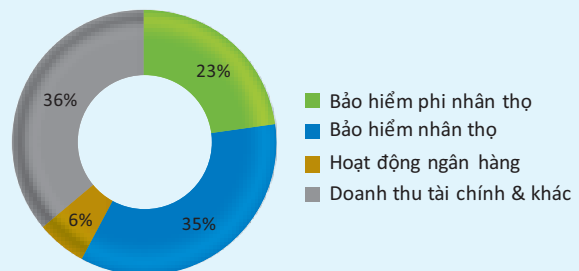
Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

14,4 %

Cơ cấu doanh thu hợp nhất



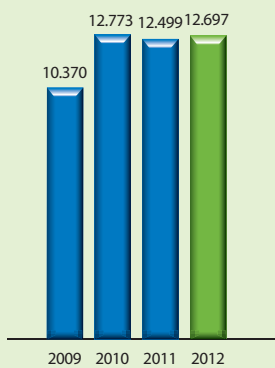
Cơ cấu LNTT hợp nhất



CÔNG TY MẸ

Đơn vị: Tỷ đồng

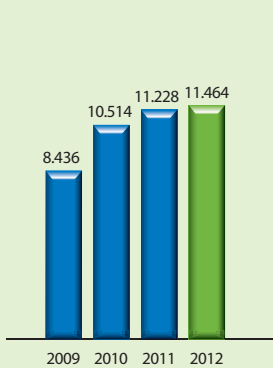
Tổng tài sản



Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

7,0 %

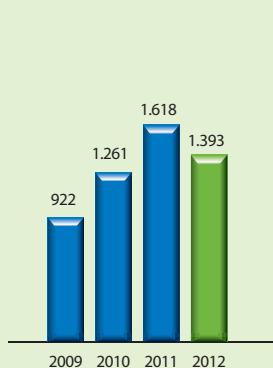
Vốn chủ sở hữu



Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

10,8 %

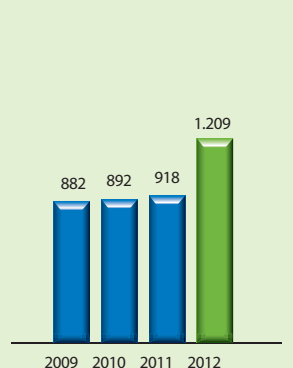
Tổng doanh thu



Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

14,7 %

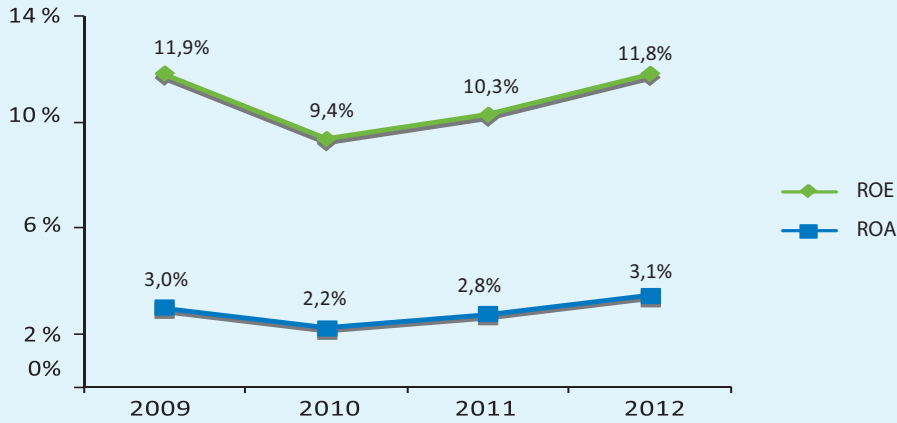
Lợi nhuận trước thuế



Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2012

11,1 %

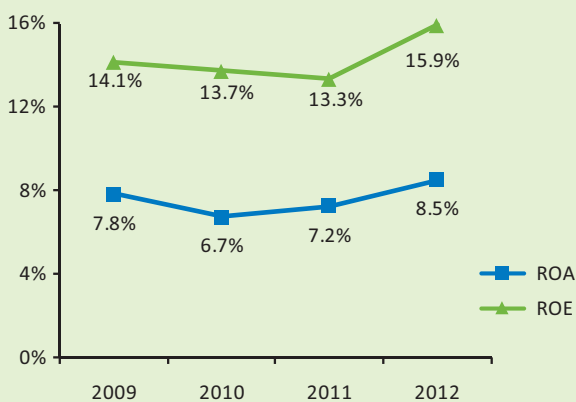
**Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)
LNST/ tổng tài sản (ROA)**



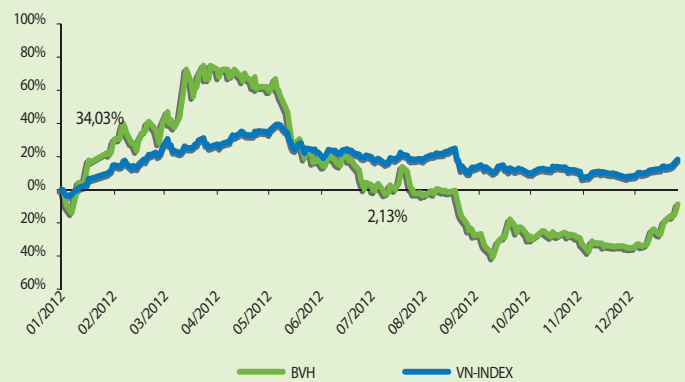
Kết quả hoạt động kinh doanh toàn Tập đoàn năm 2012
Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	Bảo hiểm Bảo Việt	Bảo Việt Nhân thọ	Quản lý Quỹ Bảo Việt	Ngân hàng Bảo Việt	Chứng khoán Bảo Việt	Đầu tư Bảo Việt
Tổng tài sản	46.225	12.697	6.808	20.035	73	13.283	1.535	328
Vốn chủ sở hữu	12.114	11.464	1.919	1.713	51	3.153	1.126	212
Tổng doanh thu	16.007	1.393	6.398	7.322	51	1.523	209	167
Lợi nhuận trước thuế	1.862	1.209	451	694	19	121	77	12
Lợi nhuận sau thuế	1.431	1.082	340	526	15	91	77	9

**Tỷ suất LNST/vốn điều lệ (ROE)
LNST/ tổng tài sản (ROA)**



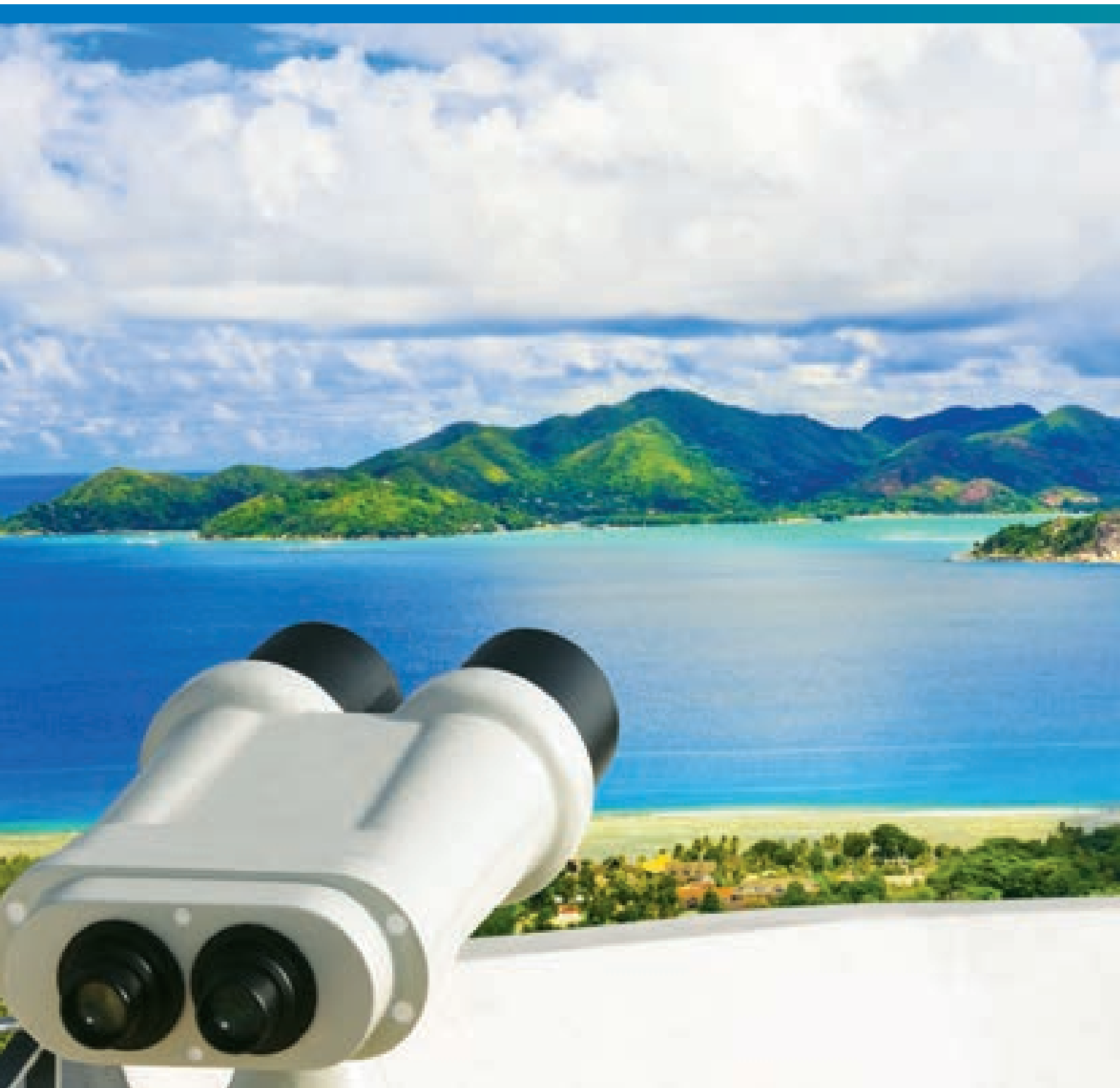
Biến động giá cổ phiếu BVH năm 2012



Nguồn: HOSE

TỔNG QUAN

Khát vọng vươn tới tầm cao mới

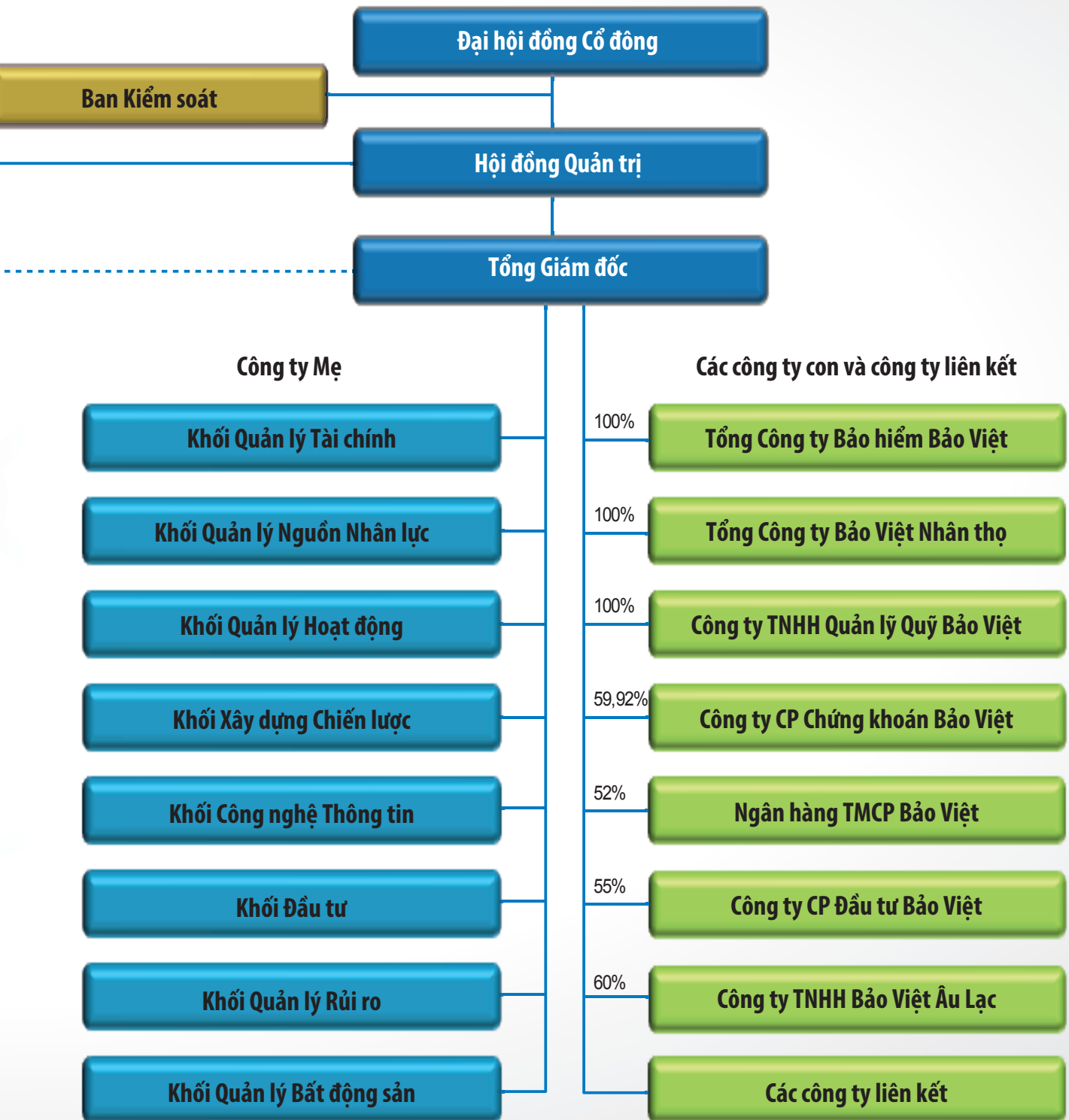


CƠ CẤU QUẢN TRỊ
LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2011 - 2015
47 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT





LĨNH VỰC KINH DOANH

Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/01/2011.

Tập đoàn Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính - bảo hiểm toàn diện, trọn gói, bao gồm: bảo hiểm, ngân hàng, quản lý quỹ, chứng khoán và đầu tư.

BẢO HIỂM

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Giám định tổn thất.
- Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp ...
- Kinh doanh tái bảo hiểm.

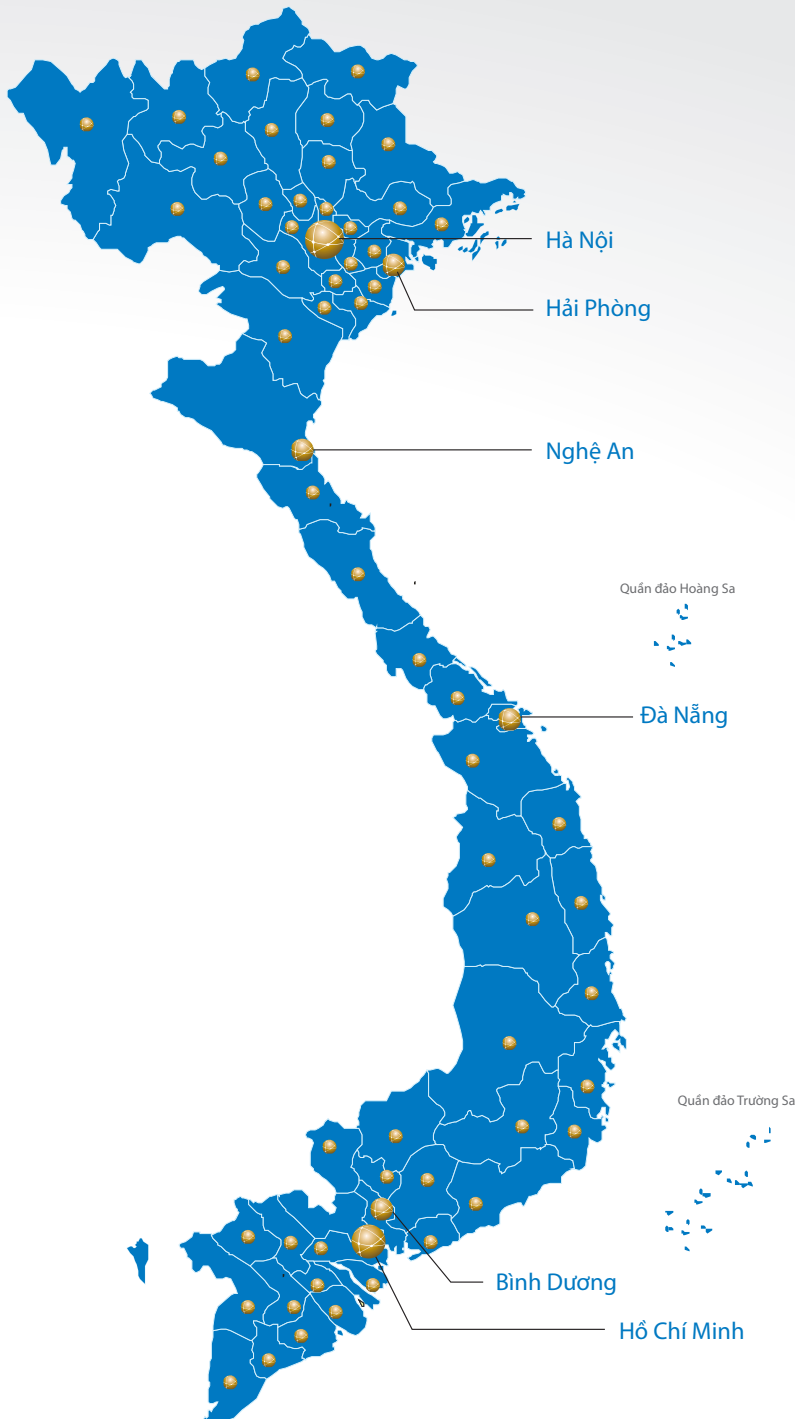
NGÂN HÀNG

- Huy động vốn: nhận tiền gửi; phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn
- Hoạt động tín dụng: cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính ...
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.

ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

- Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Kinh doanh bất động sản.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam. Hiện nay, Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và đầu tư với mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, phục vụ hàng triệu khách hàng.

Mạng lưới: Mạng lưới rộng khắp Việt Nam với 150 chi nhánh tại 63 tỉnh thành, 400 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ, 300 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ và trên 30 chi nhánh, phòng giao dịch cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ.

Khách hàng: Phục vụ mọi đối tượng khách hàng trên khắp các tỉnh thành.

Sản phẩm, dịch vụ: Sản phẩm dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng phong phú, đa dạng với trên 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 50 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các sản phẩm ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ.

Địa bàn kinh doanh trọng điểm: Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn trọng điểm kinh tế của cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương vẫn luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng, chiếm doanh thu lớn (trên 10% trên tổng doanh thu) của Bảo Việt.

Mạng lưới rộng khắp Việt Nam

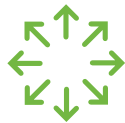
SỨ MỆNH - TÂM NHÌN - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỨ MỆNH



Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

TÂM NHÌN



Tầm nhìn đến 2015 của Bảo Việt là trở thành Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh, từng bước hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Chất lượng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng cao trong các hoạt động và dịch vụ cung cấp.

Dễ tiếp cận - Gần gũi, thân thiện và chuyên nghiệp; quan tâm tới đồng nghiệp và khách hàng.

Tinh thần hợp tác - Hợp tác, gắn bó với đồng nghiệp trong toàn Tập đoàn; xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng và đối tác dựa trên sự hiểu biết lẫn nhau.

Năng động - Luôn hướng về phía trước, phát triển không ngừng; nắm bắt cơ hội và tạo ra những tiêu chuẩn mới; sẵn sàng tiếp nhận ý tưởng và sáng kiến mới.

Tinh thần trách nhiệm - Minh bạch và trung thực; thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng; xây dựng chuẩn mực trong quản trị doanh nghiệp.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Giải pháp thực hiện chiến lược

Tạo nền tảng phát triển bền vững thông qua hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế; phát triển công nghệ thông tin; đầu tư phát triển nguồn nhân lực; phát triển thương hiệu.

Nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của các hoạt động kinh doanh cốt lõi trong đó tập trung duy trì vị thế dẫn đầu, củng cố lợi thế cạnh tranh và phát triển lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ngân hàng, đầu tư, kinh doanh chứng khoán.

Phát huy sức mạnh tổng thể thông qua tăng cường hợp tác nội bộ, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ tài chính trọn gói; phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, giáo dục, hưu trí và mở rộng thị trường khu vực.

Lộ trình thực hiện chiến lược

GIAI ĐOẠN 2011-2012

MỘT BẢO VIỆT - MỘT NỀN TẢNG MỚI

Tập trung xây dựng nền tảng công nghệ thông tin thống nhất, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng chung, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đổi mới quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế, hoàn thiện hệ thống thương hiệu thống nhất, tăng cường năng lực tài chính thông qua tăng vốn, phát triển sản phẩm dịch vụ mới.

GIAI ĐOẠN 2012-2013

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH KINH DOANH

Thực hiện chuyển biến mạnh mẽ trong chất lượng dịch vụ khách hàng, chú trọng khách hàng cá nhân; cung cấp các dịch vụ tài chính kết hợp; phát triển lĩnh vực kinh doanh mới; hoàn thành chuyển đổi quản lý tập trung - dịch vụ tại chỗ.

GIAI ĐOẠN 2013-2015

PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG THỂ

Tạo sự chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả; khẳng định sự chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ mạnh mẽ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế; trở thành một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực.

“MỘT BẢO VIỆT - MỘT NỀN TẢNG MỚI”

Kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn 2011-2012:

Cơ bản hoàn thành và đang từng bước hoàn thiện “Một Bảo Việt - Một nền tảng mới”

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Xây dựng mô hình quản trị từng bước chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế

Từng bước hoàn thiện mô hình Công ty Mẹ - Công ty con, xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế, quy định về quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế. Công ty Mẹ giữ vai trò là chủ sở hữu và điều phối chung các công ty thành viên trong Tập đoàn, từ đó tạo ra tầng trưởng ổn định bền vững cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống là bảo hiểm.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tập trung, hiện đại

Đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tập trung hiện đại bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng WAN, máy chủ, tạo nền tảng khai thác dữ liệu khách hàng chung của cả Tập đoàn hướng tới cung cấp dịch vụ tài chính, bảo hiểm trọn gói, tích hợp phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển quy mô hoạt động kinh doanh.

NGUỒN NHÂN LỰC

Tập trung phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng hệ thống quản lý hiệu quả làm việc, hệ thống lương thưởng theo hiệu quả công việc. Chú trọng công tác đào tạo, triển khai Bản đồ học tập nhằm nâng cao năng lực và trình độ cán bộ một cách có hệ thống, bài bản, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

SẢN PHẨM, KÊNH PHÂN PHỐI

Phát triển sản phẩm, kênh phân phối mới đa dạng, linh hoạt

Triển khai mô hình kinh doanh quản lý tập trung, đẩy mạnh bán hàng, phát triển sản phẩm có tính liên kết, thiết kế linh hoạt và kênh phân phối mới như kênh phân phối ngân hàng – bảo hiểm, bán hàng qua điện thoại, bán hàng trực tuyến, từng bước đẩy mạnh hợp tác nội bộ và bán chéo sản phẩm dịch vụ tài chính giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

THƯƠNG HIỆU

Đổi mới bộ nhận diện thương hiệu thống nhất trong toàn Tập đoàn

Thực hiện đổi mới bộ nhận diện thương hiệu năm 2010 và tăng cường các hoạt động truyền thông, đẩy mạnh thương hiệu trong giai đoạn 2011-2012, tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, cộng đồng.



Định hướng chiến lược đến 2015

Năm 2013 là năm bản lề trong kế hoạch chiến lược 2011-2015, đánh dấu cho sự chuyển mình mạnh mẽ của Bảo Việt.

Trong những năm tới, Bảo Việt sẽ tiếp tục hoàn thiện và củng cố nền tảng Một Bảo Việt, tăng cường phối hợp, liên kết chặt chẽ, đẩy mạnh bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên, phát triển đội ngũ nhân lực được đào tạo bài bản.

Trong từng lĩnh vực ngành nghề, Bảo Việt kiên trì thực hiện các giải pháp chiến lược sau:

Đối với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống bảo hiểm

Tập trung đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ khách hàng; thực hiện áp dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi mô hình theo định hướng quản lý tập trung, dịch vụ tại chỗ; nâng cao năng suất và chất lượng của hệ thống phân phối; phát triển bán chéo sản phẩm giữa hệ thống nhân thọ, phi nhân thọ và dịch vụ tài chính.

Đối với các lĩnh vực dịch vụ tài chính

Cơ cấu lại hoạt động đầu tư và phát triển các nghiệp vụ kinh doanh bền vững, tập trung nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý và kinh doanh đầu tư, tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro đầu tư trong toàn Tập đoàn; rà soát chiến lược kinh doanh để củng cố và nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh của lĩnh vực đầu tư tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực dịch vụ tài chính khác.

Trên nền tảng đã được xây dựng, trong giai đoạn 2013-2015, Bảo Việt sẽ phát triển nhanh hơn, năng động hơn và tự tin hơn để hoàn thành sứ mệnh của mình, tiếp tục giữ vững cam kết của mình để luôn xứng đáng với niềm tin vững chắc của khách hàng.

47 NĂM

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

2012

Công bố Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017; Sumitomo Life trở thành cổ đông chiến lược của Bảo Việt; Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng

Hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu

2011

2010

Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới

Cổ phiếu của Tập đoàn Bảo Việt (mã BVH) chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Thành lập Công ty Đầu tư Bảo Việt

2009

2008

Thành lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

Thực hiện thành công chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và thành lập Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt

2007

Bảo Việt tự hào là doanh nghiệp đầu tiên cung cấp bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ và chứng khoán tại thị trường Việt Nam. Hiện nay, Bảo Việt – thông qua các đơn vị thành viên – đang cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và đầu tư với mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước, phục vụ hàng triệu khách hàng.

NIỀM TIN VỮNG CHẮC, CAM KẾT VỮNG BỀN

2005

Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

Thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam

1999

1996

Lần đầu tiên cung cấp sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam

Phát triển thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

1989

1965

Công ty Bảo hiểm Việt Nam được thành lập ngày 15/01/1965, kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHIỆM KỲ 2012-2017

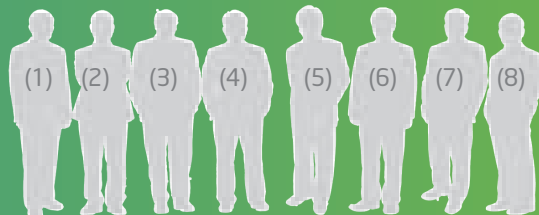


1. ÔNG NGUYỄN ĐỨC TUẤN
2. ÔNG LÊ HẢI PHONG
3. ÔNG CHARLES GREGORY
4. ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH



Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012-2017 được bầu tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 29/11/2012

- 5. ÔNG LÊ QUANG BÌNH
- 6. ÔNG NGUYỄN QUỐC HUY
- 7. ÔNG DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN
- 8. ÔNG TRẦN TRỌNG PHÚC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2012-2017



ÔNG LÊ QUANG BÌNH
Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính – Kế toán, Hà Nội
Các chức vụ đang đảm nhiệm: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
Chức vụ công tác đã qua: Vụ Trưởng Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính (2003-2006)
Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH
Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Ngoại thương Hà Nội; Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính, Đại học Tổng hợp Loughborough, Vương quốc Anh
Các chức vụ đang đảm nhiệm: Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt
Chức vụ công tác đã qua: Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính, Bộ Tài chính
Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Odessa – Liên Xô (cũ); Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Đại học Pacific Western (Hoa Kỳ) tổ chức
Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt (từ 2007); Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
Chức vụ công tác đã qua: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG TRẦN TRỌNG PHÚC
Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Sôphía – Bungaria; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quản trị Kinh doanh TOURO (Hoa Kỳ) tổ chức
Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt (từ 2007); Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;
Chức vụ công tác đã qua: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam
Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Tài chính, Đại học Tổng hợp Humboldt Berlin (Đức); Thạc sỹ Hoạch định chính sách công, Đại học Tổng hợp Carleton, Ottawa, Canada

Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Khối Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc điều hành Công ty Bavina (UK) Ltd. Vương quốc Anh

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG LÊ HẢI PHONG

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội; Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Khối Quản lý Tài chính, Tập đoàn Bảo Việt; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo Việt – Âu Lạc; Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản; Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN QUỐC HUY

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Amostuck

Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần liên hiệp vận chuyển (Gemadeps); Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Điện tử tin học Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG CHARLES GREGORY

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Đại học Manchester, Vương quốc Anh

Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Trưởng Đại diện HSBC Insurance tại Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua: Tổng Giám đốc HSBC Ireland; Tổng Giám đốc HSBC Armenia

Quốc tịch: Anh quốc

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1. ÔNG LÊ HẢI PHONG
2. ÔNG NGUYỄN THANH SƠN
3. ÔNG ABHISHEK SHARMA
4. ÔNG PHAN TIẾN NGUYÊN
5. BÀ THÂN HIẾN ANH



- 6. BÀ NGUYỄN THỊ PHÚC LÂM
- 7. ÔNG HOÀNG VIỆT HÀ
- 8. ÔNG ALAN ROYAL
- 9. ÔNG DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ NGUYỄN THỊ PHÚC LÂM

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội; Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2007-2012; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam; Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG LÊ HẢI PHONG

Giám đốc Khối Quản lý Tài chính

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội; Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Khối Quản lý Tài chính, Tập đoàn Bảo Việt; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc; Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản; Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG PHAN TIẾN NGUYÊN

Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân lực

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bảo hiểm, Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội; Thạc sỹ tài chính, Đại học Greenwich, London, Vương quốc Anh.

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Nguồn nhân lực Tập đoàn Bảo Việt;

Chức vụ công tác đã qua: Trưởng Ban Thư ký HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng Ban Nghiên cứu và Phát triển thị trường kiêm Giám đốc Quản lý chất lượng Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam. Giám đốc điều hành Công ty Bavina (UK) Ltd. Vương quốc Anh.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN THANH SƠN

Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Impac Hoa Kỳ tổ chức

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG; Kế toán trưởng và Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG HOÀNG VIỆT HÀ

Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Kinh tế Xã hội Hà Lan và Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội tổ chức; Tiến sỹ quản lý, Trường Quản trị kinh doanh MGSM, Australia

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt; Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua: Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn Bảo Việt, Trợ lý Tổng Giám đốc; Thư ký HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ THÂN HIẾN ANH

Giám đốc Khối Xây dựng Chiến lược

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; Cử nhân Bảo hiểm, Trường Bảo hiểm quốc gia Paris Pháp; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Birmingham, Vương quốc Anh

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Dự án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Dự án chuyển đổi chiến lược; Giám đốc khối Truyền thông kiêm Giám đốc Dự án Chuyển đổi thương hiệu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI); Giám đốc Phát triển kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ABHISHEK SHARMA

Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại, Đại học Delhi Ấn Độ; Sau đại học về Quản lý, Đại học Calcutta, Ấn Độ

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua: Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Quản lý Rủi ro Dịch vụ cho vay của Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm HSBC Indonesia; Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Quản lý Rủi ro Dịch vụ Tài chính Tập đoàn Điện tử General Electric Ấn Độ

Quốc tịch: Ấn Độ



ÔNG ALAN ROYAL

Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học máy tính, Đại học Friends Hoa Kỳ; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trường Macquarie University, Hoa Kỳ

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua: Phó Giám đốc, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Quốc tế (New York Life International); Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin, Giám đốc Điều hành Công ty Tài chính Manulife Indonesia; Tư vấn viên về hệ thống thông tin quản lý của AIG, Trung Quốc

Quốc tịch: Hoa Kỳ



ÔNG DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN

Giám đốc Khối Đầu tư

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Tài chính, Đại học Tổng hợp Humboldt Berlin (Đức); Thạc sỹ Hoạch định chính sách công, Đại học Tổng hợp Carleton, Ottawa, Canada

Các chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Khối Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc điều hành Công ty Bavina (UK) Ltd. Vương quốc Anh

Quốc tịch: Việt Nam

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

NHIỆM KỲ 2012-2017



1. ÔNG LUI HO YIN DANNY
2. ÔNG ÔNG TIẾN HÙNG
3. ÔNG PHAN KIM BẰNG
4. ÔNG ĐẶNG THÁI QUÝ
5. ÔNG NGUYỄN NGỌC THỤY





ÔNG PHAN KIM BẰNG
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Trưởng Ban Kiểm soát, Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua: Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ; Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Bảo Việt Hà Nội; Trưởng Phòng Quản lý Đại lý Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG LUI HO YIN DANNY
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Kế toán, Đại học Sunderland, Vương quốc Anh; Thạc sỹ Phân tích Tài chính quốc tế - Đại học Newcastle, Vương quốc Anh; Thành viên Hiệp hội Kiểm toán viên công chứng Hồng Kông (CPAs); Thành viên Hiệp hội Kiểm toán viên công chứng Vương quốc Anh (ACCA); Thành viên Hiệp hội Quản lý Bảo hiểm Nhân thọ (LOMA)

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt; Giám sát (công ty liên doanh liên kết) thuộc bảo hiểm HSBC

Chức vụ công tác đã qua: Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Quản lý viên tài chính cấp cao khu vực thuộc Manulife Financial; Giám sát phát triển kinh doanh bảo hiểm HSBC; Giám đốc Kiểm toán thuộc Pricewaterhouse Coopers.

Quốc tịch: Trung Quốc



ÔNG ÔNG TIẾN HÙNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua: Phó trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẶNG THÁI QUÝ
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Trường đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Phó Trưởng phòng Quản lý Tài chính Doanh nghiệp Giao thông - Xây dựng, Cục Tài chính Doanh nghiệp, Bộ Tài chính

Chức vụ công tác đã qua: Chuyên viên Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính; Chuyên viên vụ Giao thông Bưu điện – Tổng cục Quản lý Vốn và Tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN NGỌC THỤY
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Học viện Ngân hàng

Chức vụ công tác đang đảm nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt; Chuyên viên phòng Kiểm tra và Kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Chức vụ công tác đã qua: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam; Cán bộ tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Hải Phòng; Trợ lý tín dụng văn phòng Cộng đồng Châu Âu vùng phía Bắc tại Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012

Khẳng định vị thế dẫn đầu



TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG 2012 VÀ DỰ BÁO 2013
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH



TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG 2012 VÀ DỰ BÁO 2013



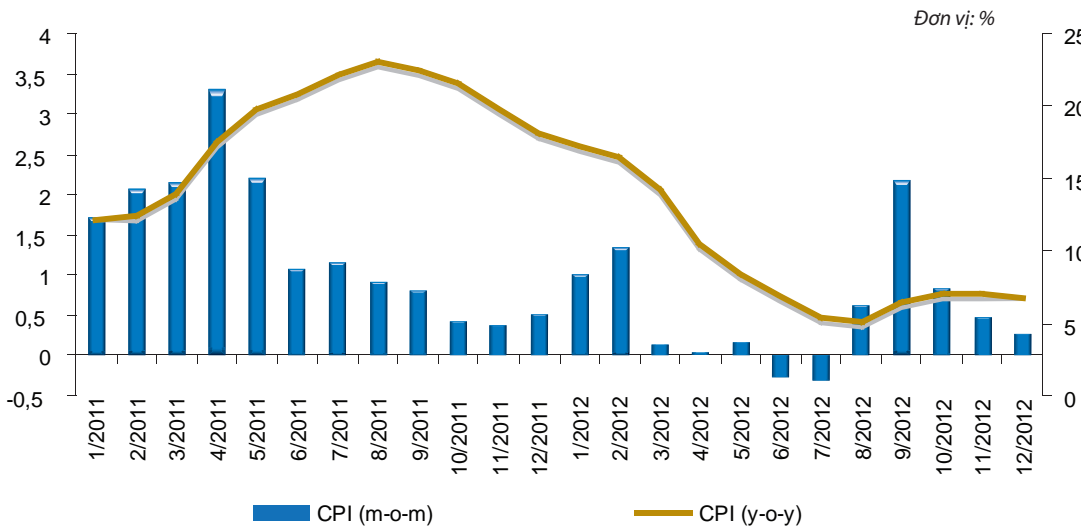
"Năm 2012 là một năm khó khăn đối với kinh tế Việt Nam khi phải đối mặt với không chỉ những thách thức nội tại của nền kinh tế mà cả những thách thức từ bên ngoài do kinh tế thế giới vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng. Mặc dù đạt được nhiều bước tiến tích cực trong điều hành vĩ mô song những thách thức lớn về nợ xấu, tồn kho, hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn, đầu tư tiêu dùng giảm sút đã khiến tăng trưởng GDP năm 2012 chỉ đạt 5,03%."

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2012

Kiểm chế lạm phát là thành tựu quan trọng nhất của kinh tế vĩ mô

Năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng được kiểm chế thành công ở mức 6,81% nhờ các biện pháp chủ động điều hành giá cả thị trường kết hợp với chính sách tài chính-tiền tệ linh hoạt, hiệu quả. Đáng chú ý là CPI năm 2012 chịu tác động chủ yếu của mức tăng giá nhóm dịch vụ y tế và giáo dục, trong khi giá lương thực - thực phẩm tăng thấp. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng theo tháng có xu hướng giảm dần. Lạm phát trong tầm kiểm soát là cơ sở cho việc cắt giảm lãi suất quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước ngay từ những tháng đầu năm. Bên cạnh ổn định tâm lý xã hội, tạo niềm tin về giá trị đồng nội tệ, lạm phát giảm giúp giảm rủi ro tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp, nhất là chi phí bồi thường bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm.

Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hoạt động xuất khẩu tăng khá, góp phần giữ ổn định tỷ giá và tăng dự trữ ngoại hối

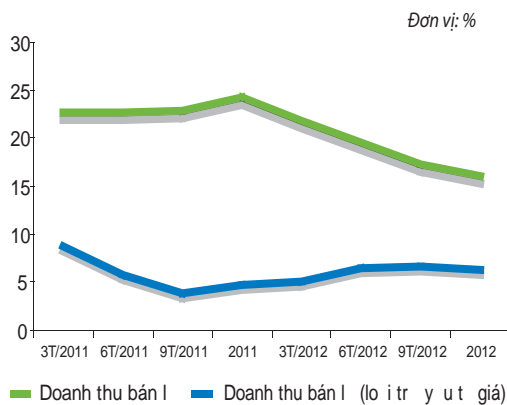
Hoạt động xuất khẩu cũng là điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam 2012. Mặc dù các thị trường xuất khẩu của Việt Nam gặp nhiều khó khăn song kim ngạch xuất khẩu năm 2012 vẫn tăng 18,3%, xuất siêu cả năm đạt 780 triệu USD. Dòng vốn FDI vào Việt Nam cũng duy trì mức khá (11 tỷ USD) trong bối cảnh dòng vốn FDI toàn cầu hạn chế. Cùng với nguồn vốn FDI, FII, ODA, kiều hối duy trì ổn định, thặng dư cán cân thương mại đã góp phần tăng dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và củng cố cân đối kinh tế vĩ mô. Những yếu tố vĩ mô này đã tác động tích cực đến thị trường tài chính - bảo hiểm, nhất là tỷ giá ổn định giúp giảm rủi ro tỷ giá cho hoạt động tái bảo hiểm.

Mặc dù đạt được một số thành tựu song những vấn đề kinh tế nổi cộm của năm 2012 đang gây lo ngại về nền tảng vĩ mô thiếu bền vững.

Tổng cầu suy giảm khiến tăng trưởng đạt thấp hơn mong đợi

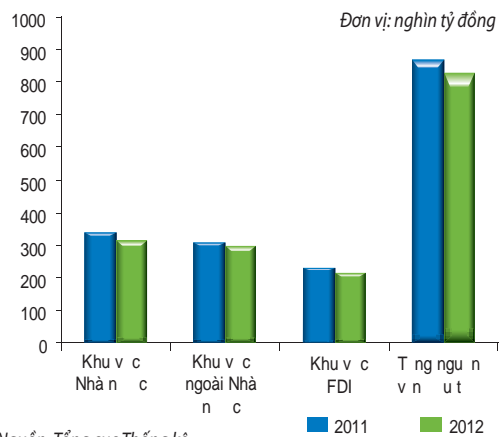
Tổng cầu suy giảm phản ánh không chỉ qua mức tăng thấp của chỉ số giá tiêu dùng mà cả mức tăng thấp tổng mức bán lẻ hàng hóa và giảm đầu tư xã hội. Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng thấp, cả năm chỉ tăng 6,2% (đã loại trừ yếu tố giá), phản ánh sức mua của người dân giảm. Cầu đầu tư sụt giảm đáng kể do đầu tư công bị thắt chặt và đầu tư tư nhân thu hẹp khiến dòng vốn tín dụng không có đầu ra. Trong bối cảnh đó, niềm tin thị trường giảm sút nghiêm trọng khiến thị trường tài chính - ngân hàng chịu nhiều tác động.

Tăng trưởng doanh thu bán lẻ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

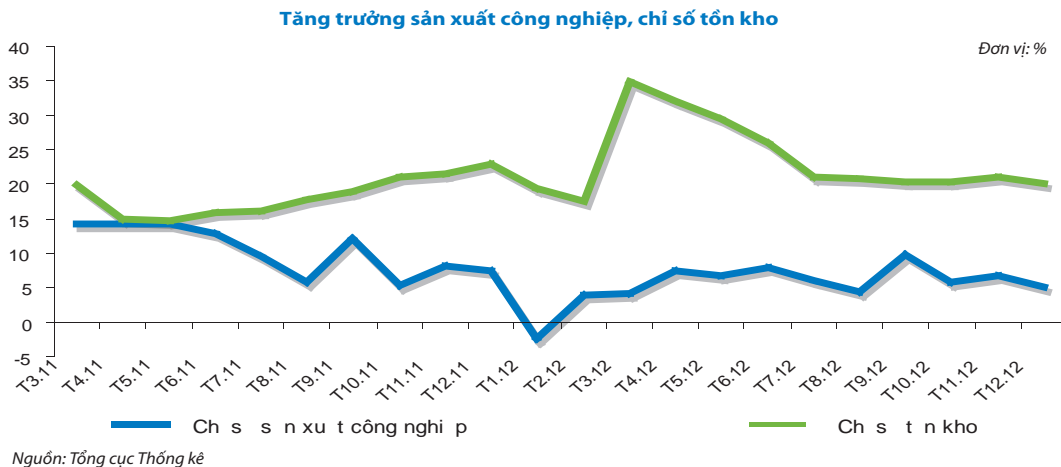
Tỷ trọng đóng góp vốn đầu tư xã hội



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Doanh nghiệp trong nước đối mặt với nhiều khó khăn

Năm 2012, do sức cầu trong nước thấp cộng với khó khăn gia tăng tại các thị trường xuất khẩu đã khiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng thấp trong khi chỉ số hàng tồn kho đến cuối năm vẫn ở mức cao. Nguyên nhân của tình hình khó khăn của doanh nghiệp trong năm 2012 còn phải kể đến mặt bằng lãi suất cho vay cao khiến doanh nghiệp khó tiếp cận vốn. Số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng cao. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng.



Thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng khiến vấn đề nợ xấu trở nên nan giải

Thị trường bất động sản tiếp tục bế tắc đầu ra. Doanh nghiệp bất động sản phải đối mặt với vòng luẩn quẩn hàng tồn kho - nợ ngân hàng. 80% doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán giảm lợi nhuận so với năm 2011. Thị trường bất động sản đóng băng khiến vấn đề nợ xấu ngân hàng càng trở nên nan giải và trở thành một trong những thách thức lớn nhất của nền kinh tế trong năm 2013.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Tăng trưởng kinh tế suy giảm, đầu tư xã hội giảm và nhất là khó khăn của doanh nghiệp đã ảnh hưởng tới thị trường bảo hiểm, khiến tốc độ tăng trưởng của thị trường giảm đáng kể so với năm 2011. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2012 tăng trưởng 12,6% so với năm 2011 so với mức tăng 18,5% năm 2011. Năm 2012, toàn ngành bảo hiểm đầu tư vào nền kinh tế 95.000 tỷ đồng, tăng 10%. Trong bối cảnh đó, hoạt động của Bảo Việt cũng bị tác động, tuy nhiên nhờ những nền tảng bền vững như thương hiệu, uy tín và nhất là nỗ lực đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh nên tốc độ tăng trưởng của Bảo Việt vẫn đạt mức khả quan so với tình hình chung của thị trường, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm chiếm 84% tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Năng lực cạnh tranh được đẩy mạnh theo hướng đa dạng hóa

Bối cảnh kinh tế suy giảm khiến cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm ngày càng khốc liệt. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh thậm chí có xu hướng gia tăng. Nhằm đối phó với tình hình, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đã chú trọng đa dạng hóa năng lực cạnh tranh.

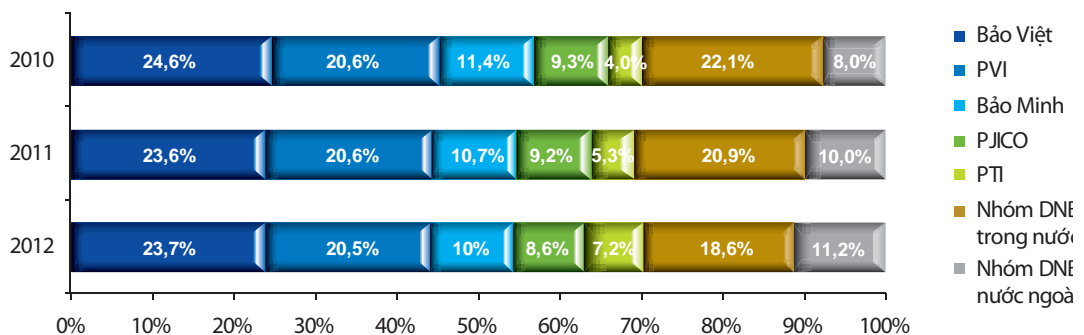
Về cạnh tranh kênh phân phối, kênh khai thác trực tiếp, môi giới, đại lý tiếp tục đóng vai trò chủ đạo. Kênh bancassurance ngày càng được chú trọng khai thác. Một số doanh nghiệp còn đầu tư nâng cấp website nhằm triển khai kênh bán hàng điện tử và telesales. Về cạnh tranh sản phẩm, các doanh nghiệp bảo hiểm chú trọng phát triển, làm mới sản phẩm, tập trung vào phân khúc thị trường bán lẻ. Các doanh nghiệp bảo hiểm còn cạnh tranh thông qua đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, chú trọng công tác bồi thường. Năm 2012 cũng chứng kiến xu hướng các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tập trung củng cố công tác quản trị điều hành, kiểm tra, kiểm soát nội bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo chủ trương tái cơ cấu của Chính phủ.

Trong xu thế chung đó, chiến lược cạnh tranh của Bảo hiểm Bảo Việt là tăng cường lợi thế kênh phân phối nội bộ và đẩy mạnh kênh bancassurance. Về sản phẩm, Bảo Việt tập trung phát triển các sản phẩm cá nhân, đặc biệt là sản phẩm y tế, tai nạn con người, đồng thời thực hiện nhiều hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ và quản lý, nhờ đó vẫn đạt kết quả kinh doanh tích cực.

Tổng doanh thu phí toàn thị trường chỉ đạt ½ mức tăng của năm 2011

Mặc dù các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đã tích cực triển khai nhiều giải pháp nhằm đối phó với tình hình khó khăn song do cầu bảo hiểm giảm mạnh đã khiến tốc độ tăng trưởng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ đạt tương đương ½ mức tăng của năm 2011. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm, năm 2012 tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt 22.757 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2011. Bảo hiểm Bảo Việt duy trì vị trí dẫn đầu với 5.384 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 10,4%.

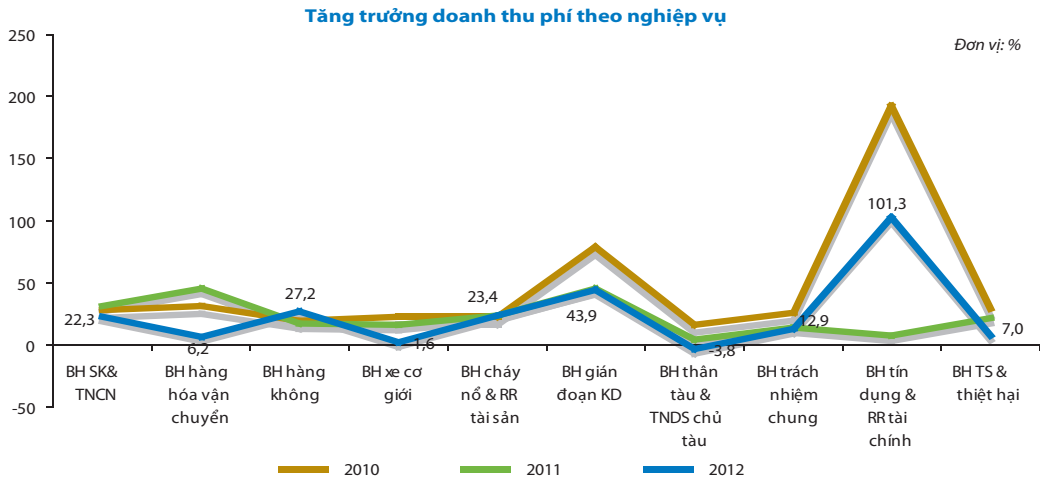
Thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Tăng trưởng các nghiệp vụ chính đều giảm mạnh

Những khó khăn chung của nền kinh tế năm 2012, đầu tư công bị thắt chặt cộng với khó khăn của ngành hàng hải đã khiến tăng trưởng các nghiệp vụ chính của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ giảm mạnh. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm, doanh thu phí nghiệp vụ bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu giảm 3,8%, trong khi nghiệp vụ bảo hiểm tài sản & thiệt hại chỉ tăng 7,0%. Doanh thu phí bảo hiểm xe cơ giới ước chỉ tăng 1,6% do số lượng xe ô tô tiêu thụ trong năm 2012 giảm mạnh, chỉ bằng chưa đầy 85% lượng xe tiêu thụ năm 2011.



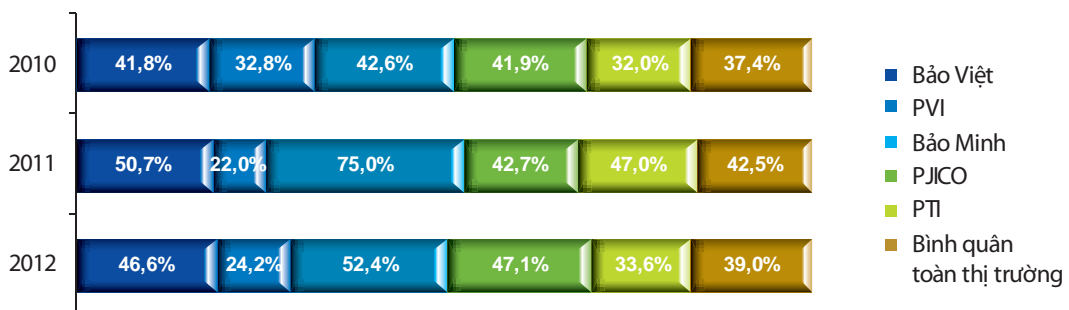
Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Do cầu bảo hiểm khu vực doanh nghiệp giảm đáng kể nên nhiều doanh nghiệp bảo hiểm tập trung đầu tư và phát triển thị trường bảo hiểm bán lẻ. Doanh thu phí các nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người, bảo hiểm tín dụng, bảo hiểm trách nhiệm chung đạt mức tăng trưởng khá trong năm 2012 với mức tăng lần lượt là 22,3%, 101,3% và 12,8%.

Các doanh nghiệp bảo hiểm nỗ lực kiểm soát tỷ lệ bồi thường

Cũng theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm, số tiền thực bồi thường bảo hiểm gốc năm 2012 là 8.874 tỷ đồng, tỷ lệ thực bồi thường bảo hiểm gốc bình quân toàn thị trường gần 39%, giảm đáng kể so với cùng kỳ 2011 là 42,5%. Điều này cho thấy nỗ lực lớn của các doanh nghiệp bảo hiểm trong việc kiểm soát tỷ lệ bồi thường, mặc dù trong năm 2012 đã xảy ra nhiều vụ thiên tai, bão lũ, các tổn thất lớn về cháy nổ, thân tàu, hàng hóa. Mặc dù tỷ lệ bồi thường có xu hướng giảm song tình trạng nợ phí, rủi ro thanh toán và nạn trực lợi bảo hiểm vẫn là vấn đề đáng lo ngại.

Tỷ lệ bồi thường của 5 doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đem lại những kết quả đáng khích lệ

Năm 2012 đánh dấu hơn 1 năm chính thức triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011, mặc dù còn nhiều khó khăn song đã đạt được những kết quả bước đầu. Ngày càng nhiều hộ nông dân nhận thức được vai trò và lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp và tham gia bảo hiểm nông nghiệp. Là doanh nghiệp bảo hiểm đầu ngành, Bảo Việt đã tích cực tham gia và đóng góp quan trọng vào sự thành công ban đầu của chương trình.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Cạnh tranh thị trường thông qua phát triển sản phẩm và tăng cường năng lực phân phối

Trên thị trường bảo hiểm nhân thọ, kinh tế suy giảm tác động đến thu nhập của người dân, làm giảm nhu cầu bảo hiểm khiến các doanh nghiệp bảo hiểm không chỉ gặp khó khăn trong khai thác mới mà duy trì hợp đồng cũng là thách thức lớn.

Xu hướng cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2012 thể hiện rõ nét qua chiến lược tung sản phẩm mới diễn ra tích cực ngay từ đầu năm. Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ liên tục phát triển, làm mới sản phẩm bằng cách tích hợp nhiều tính năng hỗ trợ các chi phí y tế và giáo dục phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng.

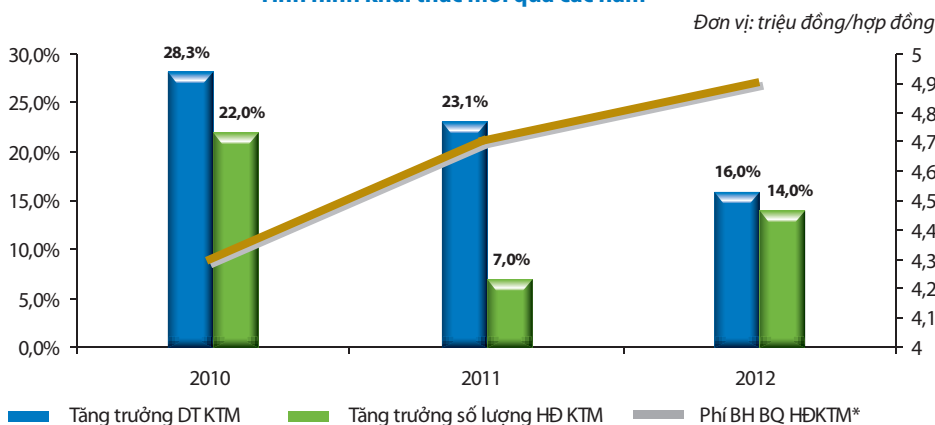
Các doanh nghiệp bảo hiểm cũng chú trọng tăng cường năng lực phân phối, mở rộng mạng lưới hệ thống ra nhiều tỉnh/thành. Là kênh phân phối quan trọng hàng đầu trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, kênh đại lý được các doanh nghiệp bảo hiểm đặc biệt chú trọng khai thác, nhất là đào tạo lực lượng đại lý chuyên nghiệp. Kênh bancassurance cũng chứng minh nhiều tiềm năng trong khai thác bảo hiểm nhân thọ. Các hình thức hợp tác bancassurance ngày càng đa dạng bao gồm cả hình thức phân phối sản phẩm độc quyền qua một ngân hàng.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, năm 2012, Bảo Việt thực hiện chiến lược kinh doanh linh hoạt, kết hợp giữa tăng cường đầu tư phát triển lực lượng đại lý, mở rộng hợp tác nhằm khai thác kênh bán hàng qua ngân hàng với chú trọng công tác phát triển sản phẩm, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Tốc độ tăng trưởng doanh thu khai thác mới giảm đáng kể

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập của người dân bị ảnh hưởng, tốc độ tăng trưởng doanh thu khai thác mới năm 2012 giảm đáng kể so với năm 2011. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm, doanh thu khai thác mới năm 2012 toàn thị trường đạt 5.353 tỷ đồng, chỉ tăng 16,0%, giảm đáng kể so với mức tăng 23,1% của năm 2011.

Tình hình khai thác mới qua các năm

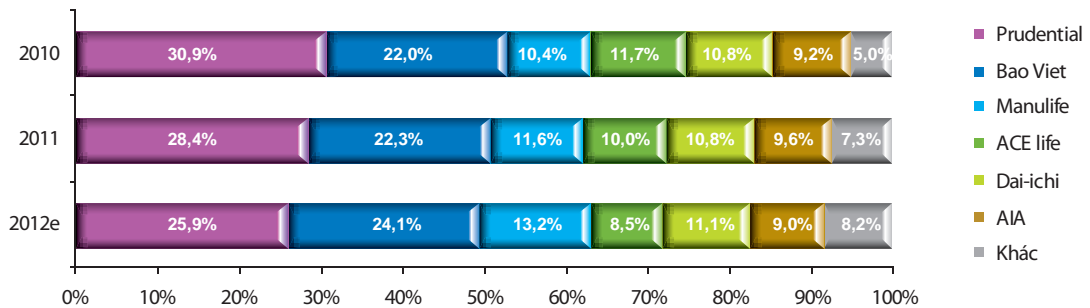


Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam năm 2012

* Cục Quản lý giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính

Mặc dù doanh thu khai thác mới giảm song tốc độ tăng trưởng về số lượng hợp đồng khai thác mới năm 2012 vẫn tăng khoảng 14%, cao hơn tốc độ tăng của năm 2011 là 7%. Cùng với việc tăng trưởng về số lượng hợp đồng, chất lượng khai thác tiếp tục được cải thiện. Theo số liệu của Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm, phí bảo hiểm bình quân hợp đồng khai thác mới tính đến hết 2012 đạt khoảng 4,9 triệu/hợp đồng, so với 4,7 triệu/hợp đồng năm 2011.

Thị phần doanh thu khai thác mới

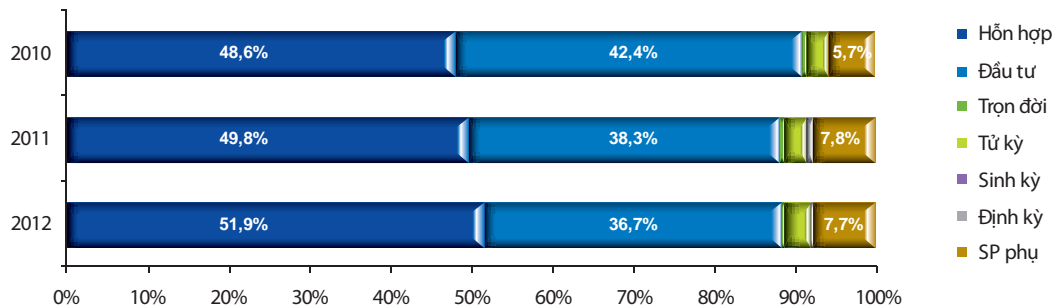


Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Về thị phần doanh thu khai thác mới giai đoạn 2010-2012, thị phần khai thác mới của nhóm 5 doanh nghiệp hàng đầu có xu hướng giảm trong khi nhóm doanh nghiệp còn lại đang giành thêm được thị phần. Điều này phản ánh cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thị trường bảo hiểm nhân thọ nhằm tăng thị phần khai thác mới. Đáng chú ý, thị phần doanh thu khai thác mới của Bảo Việt tiếp tục tăng, và khoảng cách thị phần giữa Bảo Việt và Prudential có xu hướng thu hẹp dần.

Tỷ trọng doanh thu khai thác mới sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư có xu hướng giảm

Tỷ trọng doanh thu khai thác mới theo sản phẩm



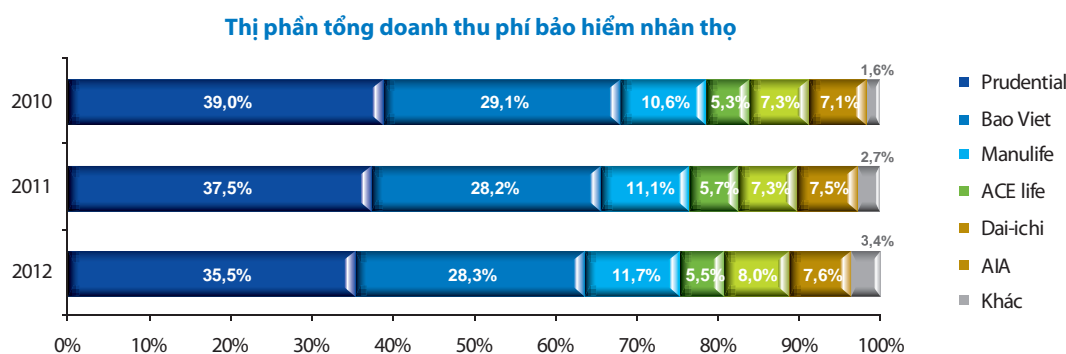
Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Trong bối cảnh rủi ro gia tăng trên thị trường tài chính – bảo hiểm, dòng sản phẩm liên kết đầu tư đang giảm sức hút tương đối do lãi suất có xu hướng giảm. Tỷ trọng doanh thu khai thác mới của sản phẩm đầu tư trong tổng doanh thu khai thác mới có xu hướng giảm. Mặc dù vậy, xét tổng doanh thu phí, sản phẩm bảo hiểm đầu tư vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao. Bảo Việt tiếp tục dẫn đầu về khai thác sản phẩm đầu tư. Năm 2012 thị phần doanh thu phí sản phẩm liên kết đầu tư của Bảo Việt chiếm khoảng 36,4% tổng doanh thu KTM toàn thị trường.

Mức độ tập trung của thị trường bảo hiểm nhân thọ có xu hướng giảm song vẫn ở mức cao

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm, tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ năm 2012 đạt 18.391 tỷ đồng, tăng 14,8% so với mức tăng 16,2% của năm 2011. Xét thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm, Prudential tiếp

tục dẫn đầu thị trường với 35,5% thị phần. Bảo Việt Nhân thọ đứng thứ hai với 28,3% thị phần. Thị phần của 6 doanh nghiệp dẫn đầu thị trường giảm từ 98,1% năm 2011 xuống còn 96,6% năm 2012 và thị phần của các doanh nghiệp còn lại tăng từ 1,9% lên 3,4%. Điều này cho thấy mức độ tập trung của thị trường bảo hiểm nhân thọ đang có xu hướng giảm, song nhìn chung vẫn ở mức cao.



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG

Hệ thống ngân hàng đối mặt nhiều rủi ro, nhất là vấn đề nợ xấu

Năm 2012, ngành ngân hàng đối mặt với rủi ro và nợ xấu gia tăng. Chính sách tín dụng chặt chẽ từ năm 2011 cùng với cầu đầu tư xã hội giảm đã khiến tốc độ tăng trưởng tín dụng giảm mạnh, chỉ tăng 8,91%. Tín dụng tăng thấp trong khi nợ xấu tăng cao đã tác động đến hoạt động của các ngân hàng, làm giảm đáng kể lợi nhuận năm 2012. Thanh khoản ngân hàng mặc dù được cải thiện nhờ sự can thiệp kịp thời, linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước trên thị trường mở và thị trường liên ngân hàng, song nhìn chung chưa thực sự bền vững. Bên cạnh đó, quá trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng cũng gặp không ít khó khăn.

Mặt bằng lãi suất giảm mạnh

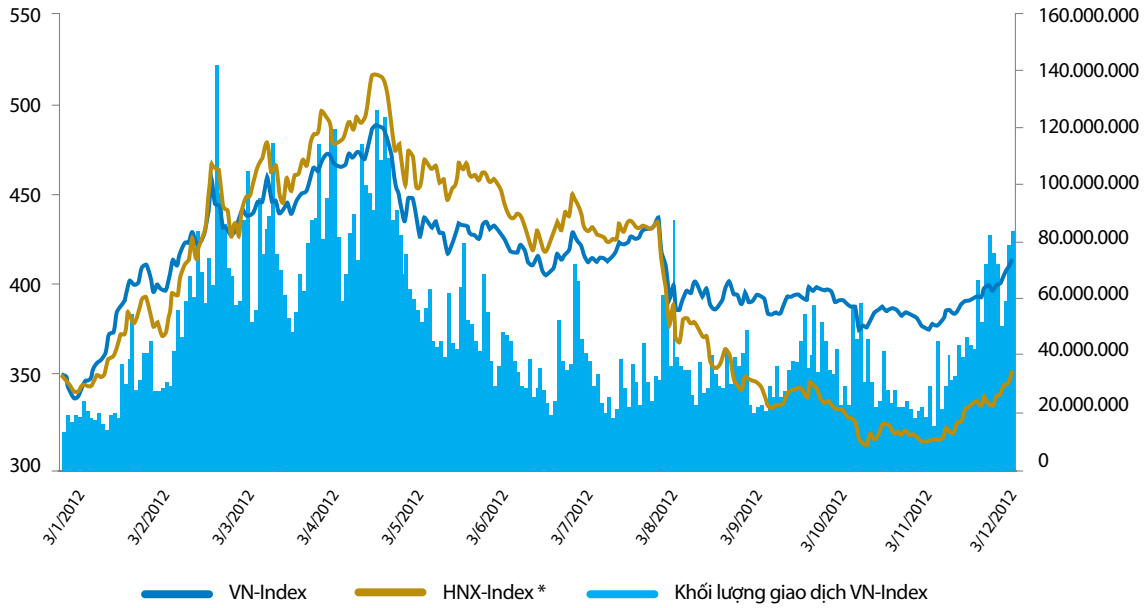
Việc điều chỉnh giảm lãi suất cũng là một điểm nhấn quan trọng trong bức tranh ngân hàng năm 2012. Mặt bằng trần lãi suất huy động dưới 12 tháng được điều chỉnh giảm từ 14%/năm xuống còn 8%/năm cùng với việc điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành khác nhằm mục tiêu hỗ trợ khôi phục tổng cầu, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Mặc dù lãi suất huy động giảm mạnh song lãi suất cho vay hiện nay được đánh giá là vẫn ở mức cao, cản trở nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất sụt giảm đã ảnh hưởng đáng kể tới kết quả hoạt động đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp bảo hiểm.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán diễn biến phức tạp, xu hướng cả năm là sụt giảm với thanh khoản yếu

Thị trường chứng khoán đã có đợt phục hồi nhẹ thời điểm cuối năm 2012, VN-Index tăng 18,2% và HNX-Index tăng 0,05% so với cuối năm 2011. Mặc dù vậy, nhìn chung cả năm 2012 xu hướng trên thị trường là sụt giảm với thanh khoản yếu, lòng tin của nhà đầu tư bị giảm sút. Thị trường chứng khoán diễn biến đầy bất ổn trong năm 2012 đã tác động đáng kể đến hoạt động đầu tư và tăng trích lập dự phòng rủi ro của doanh nghiệp. Điểm đáng chú ý là trong bối cảnh dòng vốn nội trên thị trường hạn chế, hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài và các quỹ ETF trở thành động lực dẫn dắt thị trường.

Diễn biến chỉ số VN-Index và HNX-Index năm 2012



(*) Số điểm đóng cửa của VN-Index ngày 3/1/2012 là mức điểm gốc để tính toán dữ liệu HNX Index năm 2012 nhằm thể hiện mức độ tương quan giữa 2 chỉ số

Nguồn: HNX, HOSE

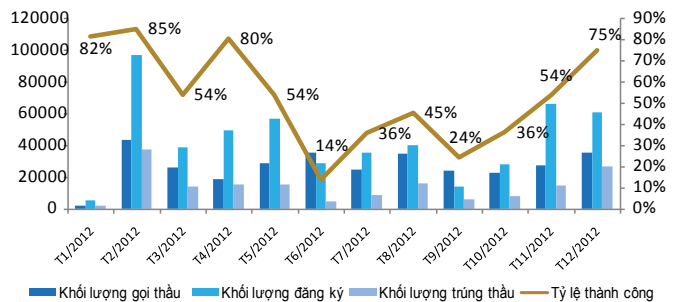
Chủ trương tái cơ cấu được triển khai mạnh mẽ trên thị trường chứng khoán

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu của Chính phủ, năm 2012 chứng kiến xu thế tái cơ cấu và thu hẹp hoạt động trên diện rộng của khối công ty chứng khoán. Năm 2012 cũng là một năm đánh dấu nhiều sự thay đổi nhất về cơ chế cũng như các quy định giao dịch của thị trường chứng khoán. Hành lang pháp lý liên quan đến thị trường chứng khoán cũng được hoàn thiện hơn trong năm 2012.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu trở thành kênh đầu tư hấp dẫn trong năm 2012 trong bối cảnh các kênh đầu tư khác đối mặt với rủi ro gia tăng. Giao dịch trên thị trường cả sơ cấp và thứ cấp tăng mạnh so với năm 2011. Năm 2012 cũng ghi nhận sự thiết lập hành lang pháp lý cho việc phát triển thị trường trái phiếu chuyên nghiệp với sự tham gia quyết liệt của các cơ quan liên quan. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, trái phiếu vẫn là kênh mang lại cơ hội đầu tư an toàn, hiệu quả trong năm 2012.

Diễn biến thị trường trái phiếu sơ cấp





DỰ BÁO KINH TẾ 2013

Năm 2013, kinh tế thế giới dự báo dần phục hồi song vẫn ở mức yếu. Kinh tế Việt Nam được dự báo có cơ hội khởi sắc song khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Mặc dù đã xuất hiện những nhận định tích cực hơn về nền tảng kinh tế vĩ mô của Việt Nam, dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam xoay quanh mức 5,5%.

CƠ HỘI

Kinh tế vĩ mô

Đầu năm 2013, Nghị quyết số 01/NQ-CP xác định trọng tâm các chính sách điều hành vĩ mô là tiếp tục kiểm soát lạm phát, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Tiếp theo đó, Nghị quyết số 02/NQ-CP đưa ra nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho SXKD, xử lý nợ xấu, phá băng thị trường bất động sản. Ngày 19/2/2013, Đề án tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế cũng được chính thức thông qua, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020, trong đó tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu 3 lĩnh vực đầu tư, tài chính-ngân hàng và DNNN. Theo Đề án, chính sách tiền tệ năm 2013 được xác định rõ theo hướng thận trọng, hiệu quả, kết hợp với chính sách tài khóa chặt chẽ, hiệu quả, triệt để tiết kiệm nhằm thực hiện thành công mục tiêu kiểm chế lạm phát.

Chúng tôi cho rằng, với những kết quả đạt được trong năm 2012 và kỳ vọng Chính phủ tiếp tục có các chính sách điều hành hiệu quả, môi trường vĩ mô năm 2013 có cơ sở để ổn định hơn, tăng trưởng GDP ước đạt mức mục tiêu là 5,5%. Đặc biệt, những nỗ lực của Chính phủ trong việc kiểm chế lạm phát đã và đang lấy lại niềm tin xã hội về tiếp tục kiểm chế lạm phát thành công trong năm 2013. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu dự báo tiếp tục duy trì mức tăng khá, cán cân thanh toán tiếp tục được cải thiện, tỷ giá ổn định. Thu hút vốn FDI dự báo tiếp tục khả quan trong năm 2013. Đây là những tín hiệu tốt cho thị trường bảo hiểm, ngân hàng.

Thị trường bảo hiểm

Với triển vọng tích cực hơn của nền kinh tế trong năm 2012 và với những động lực bền vững của thị trường, thị trường bảo hiểm được dự báo tiếp tục tăng trưởng khả quan. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự báo tăng trưởng ở mức 8 -10% nhờ sự hồi phục của cầu tiêu dùng, đầu tư góp phần thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm và tiềm năng phân khúc thị trường bán lẻ. Trong khi đó, thị trường bảo hiểm nhân thọ dự báo tăng trưởng ở mức 10 -12% nhờ những động lực chủ yếu như là yếu tố nền tảng về dân số - xã hội, tăng trưởng kinh tế năm 2013 dự báo khả quan hơn 2012 và chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện được khởi động triển khai.

Ngoài ra, những yếu tố tích cực đối với thị trường bảo hiểm là xu hướng lạm phát ổn định hơn góp phần làm giảm rủi ro tăng chi phí bồi thường bảo hiểm và chi phí hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm. Cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài là xu hướng tất yếu do mở cửa theo cam kết WTO. Bộ Tài chính dự kiến sẽ ban hành các chính sách xoá bỏ hiện tượng khép kín, chia cắt thị trường, hoàn thiện cơ chế, chính sách về cạnh tranh. Tiến trình tái cơ cấu các Tập đoàn kinh tế nhà nước và tái cơ cấu thị trường bảo hiểm được triển khai mạnh mẽ hơn từ năm 2013. Là doanh nghiệp bảo hiểm đầu ngành, có thương hiệu, chất lượng phục vụ và năng lực tài chính tốt, đây là những cơ hội cho Bảo Việt trong cạnh tranh trên các lĩnh vực kinh doanh tài chính – bảo hiểm.

Thị trường ngân hàng

Xử lý nợ xấu và tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2013. Ngân hàng Nhà nước đã và đang quyết liệt triển khai các giải pháp nhằm đạt được sự chuyển biến tích cực trong ổn định lại hoạt động ngân hàng, khơi thông dòng vốn tín dụng. Với nỗ lực xử lý nợ xấu của Chính phủ thông qua kế hoạch giải cứu thị trường bất động sản và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tăng trưởng tín dụng năm 2013 dự báo đạt mục tiêu 12%. Bên cạnh đó, áp lực lạm phát giảm tạo cơ sở cho tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất trong 2013. Tăng trưởng tín dụng trở lại và nhất là hoạt động ngân hàng được củng cố theo hướng lành mạnh kỳ vọng sẽ ảnh hưởng tích cực tới các lĩnh vực hoạt động của Bảo Việt, nhất là hoạt động ngân hàng.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán có cơ hội phục hồi trong năm 2013 nhờ triển vọng kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định và những giải pháp vĩ mô của Chính phủ đang dần lấy lại niềm tin của thị trường, của nhà đầu tư. Dự kiến có nhiều thay đổi tích cực trong chính sách của cơ quan quản lý (ưu đãi thuế, nới room nhà đầu tư nước ngoài, cổ phần hóa doanh nghiệp, sản phẩm phái sinh...), cơ hội hình thành nhiều quỹ mới theo định hướng quỹ mở và quỹ chỉ số. Dòng tiền trên thị trường chủ yếu vẫn là dòng vốn nước ngoài, đóng vai trò động lực của thị trường và dòng vốn ngắn hạn trong nước. Hoạt động M&A và sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài dự báo tiếp tục sôi động. Chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán năm 2013 mang đến cơ hội đầu tư các cổ phiếu tốt ở mức giá hợp lý, và cả cơ hội mới khi xuất hiện sản phẩm mới trên thị trường chứng khoán (quỹ hưu trí, bất động sản, đầu tư trái phiếu...) cho nhà đầu tư, trong đó có các doanh nghiệp bảo hiểm.

Thị trường trái phiếu

Trái phiếu duy trì sức hấp dẫn đối với các nguồn vốn của nền kinh tế, nhất là từ các tổ chức tín dụng trong năm 2013. Dự báo cung – cầu trái phiếu chính phủ năm 2013 lớn hơn năm 2012, lượng trái phiếu chính phủ đáo hạn lớn trong năm 2013. Cầu trái phiếu chính phủ cũng được dự báo lớn hơn cung và xu thế ngược lại đối với trái phiếu doanh nghiệp. Kỳ vọng lạm phát giảm trong năm 2013 kéo theo lãi suất trái phiếu chính phủ có xu hướng giảm nhẹ. Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, dự báo trái phiếu vẫn là kênh mang lại cơ hội đầu tư an toàn, hiệu quả trong năm 2013.

THÁCH THỨC

Kinh tế vĩ mô

Mặc dù bức tranh kinh tế 2013 dự báo có nhiều điểm tích cực hơn 2012 song chúng tôi vẫn giữ quan điểm thận trọng về triển vọng kinh tế trong năm 2013 do khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Quá trình hồi phục của nền kinh tế trong 2013 vẫn ở giai đoạn ban đầu, tổng cầu của nền kinh tế còn yếu, sự hồi phục của doanh nghiệp và gia tăng sức cầu thị trường có thể diễn ra chậm hơn mong đợi, lòng tin xã hội vẫn còn rất mong manh. Việc kiểm chế lạm phát theo mục tiêu 6-6,5% của Chính phủ vẫn là thách thức lớn do áp lực tăng giá vẫn còn (tăng giá điện, biến động tăng giá xăng, dầu, tăng lương tối thiểu từ giữa năm 2013). Trong khi đó, kinh tế thế giới dự báo phục hồi chậm, các thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư chủ yếu của Việt Nam chưa có dấu hiệu phục hồi rõ ràng hoặc tăng trưởng yếu trong 2013 là điều kiện không thuận lợi cho Việt Nam.

Thị trường bảo hiểm

Trước triển vọng phục hồi vẫn còn yếu của kinh tế vĩ mô trong năm 2013, thị trường bảo hiểm dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Cầu của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ khả năng vẫn chịu nhiều tác động bởi sự suy giảm kinh tế, thắt chặt đầu tư công, ngành vận tải khó khăn, đầu tư xã hội giảm. Rủi ro nợ phí bảo hiểm, trực lợi bảo hiểm vẫn là thách thức đối với doanh nghiệp bảo hiểm. Chúng tôi cho rằng, năm 2013 áp lực cạnh tranh gia tăng trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đòi hỏi các doanh nghiệp bảo hiểm tăng cường hơn nữa khai thác lợi thế công nghệ thông tin bên cạnh đa dạng hóa sản phẩm và tăng cường năng lực phân phối.

Trên thị trường bảo hiểm nhân thọ, tăng trưởng kinh tế ở mức khiêm tốn, thu nhập của người dân giảm tiếp tục tác động đến cầu bảo hiểm nhân thọ, dẫn đến áp lực cạnh tranh sản phẩm mới và khai thác kênh phân phối ngày càng quyết liệt. Ngoài ra, chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp bảo hiểm theo Đề án tái cơ cấu thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm đang đặt ra yêu cầu các doanh nghiệp bảo hiểm phải tiếp tục củng cố hoạt động, nâng cao năng lực tài chính, quản trị công ty, quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế trong năm 2013.

Thị trường ngân hàng

Năm 2013, trước những thách thức trong việc tái cơ cấu nền kinh tế nói chung, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nói riêng và nhất là xử lý nợ xấu, ngành ngân hàng dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và rủi ro tiềm ẩn. Việc xử lý nợ xấu trên thực tế phụ thuộc nhiều vào sự hồi phục của thị trường bất động sản và hoạt động của doanh nghiệp. Với những thách thức trong xử lý nợ xấu nên kết quả kinh doanh của các ngân hàng trong năm 2013 tiếp tục chịu ảnh hưởng. Xu hướng lãi suất giảm, nhất là lãi suất cho vay, cũng là thách thức đối với hoạt động ngân hàng, gây sức ép cho các ngân hàng nâng cao hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro.

Thị trường chứng khoán

Tính bất định trên thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng có xu hướng ngày càng tăng. Chúng tôi cho rằng, thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều bất ổn, nhất là trong 6 tháng đầu năm do tâm lý nhà đầu tư vẫn rất mong manh khi triển vọng phục hồi của kinh tế thế giới và trong nước còn yếu. Dòng tiền vào thị trường mang tính ngắn hạn, các tổ chức, định chế tài chính chủ yếu đầu cơ ngắn hạn. Quan trọng hơn, lòng tin thị trường vẫn cần thời gian để hồi phục.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

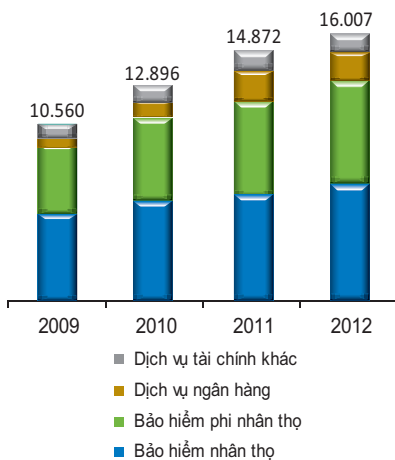


KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, thực hành tiết kiệm, quyết tâm thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Chính vì vậy, năm 2012 Bảo Việt vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định, vững chắc về doanh thu và lợi nhuận. Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng vượt so với mức bình quân chung của thị trường giúp Bảo Việt gia tăng về thị phần. Lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán tăng trưởng ổn định trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn có nhiều khó khăn.

Doanh thu hợp nhất theo hoạt động kinh doanh



KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

Tổng doanh thu

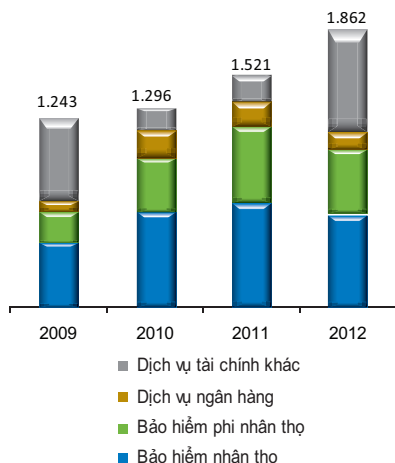
Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2012 đạt 16.007 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2011, tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2009-2012 đạt 14,9%, trong đó:

Tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ đạt 6.398 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2% so với năm 2011, trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc tăng trưởng 10,4%;

Tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đạt 7.322 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2011, trong đó doanh thu khai thác mới quy năm tăng trưởng 25%, vượt mức tăng trưởng bình quân doanh thu khai thác mới toàn thị trường.

Thu nhập từ hoạt động ngân hàng là 1.523 tỷ đồng; tổng doanh thu trong lĩnh vực tài chính & khác là 1.225 tỷ đồng.

LNTT hợp nhất theo hoạt động kinh doanh



Thành công này là do Tập đoàn đã phát huy sức mạnh tổng thể các ngành nghề kinh doanh của mình. Trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, sự nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, nâng suất các hệ thống phân phối và đa dạng hóa sản phẩm đã tạo ra sự tăng trưởng rõ rệt trong năm qua. Hoạt động đầu tư, chứng khoán cũng giữ được mức ổn định trong bối cảnh thị trường chứng khoán chưa ổn định là do Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã tận dụng được thời cơ đầu tư tốt, thanh toán những cổ phiếu không hiệu quả.



Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng đều qua các năm, bình quân tăng trưởng 14,4% trong giai đoạn 2009-2012.

Năm 2012 là một năm khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của mọi doanh nghiệp. Trước tình hình này, Tập đoàn Bảo Việt vẫn có một mức tăng trưởng lợi nhuận tốt. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.862 tỷ đồng, tăng trưởng 22,4% so với năm 2011. Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 7/1/2013 của Chính phủ về việc tiết giảm chi phí và chỉ đạo của Bộ Tài chính, năm 2012 toàn Tập đoàn đã hoàn thành mục tiêu tiết giảm chi phí 145 tỷ đồng, góp phần làm tăng trưởng lợi nhuận đáng kể.

Đóng góp mạnh nhất vào lợi nhuận hợp nhất năm 2012 là lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (35%) và tài chính & khác (36%). Tỷ trọng lợi nhuận từ lĩnh vực tài chính & khác tăng so với năm trước, một phần do lợi nhuận tại Công ty Mẹ tăng trưởng mạnh (186%); mặt khác Công ty Chứng khoán Bảo Việt có một năm 2012 thành công, ghi nhận lãi hơn 77 tỷ đồng.

Quy mô tài sản

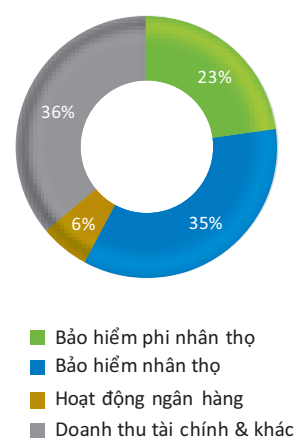
Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn Bảo Việt tăng mạnh qua các năm 2009 - 2012, đặc biệt năm 2010 – kết quả của việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty Mẹ, cũng như sự tăng mạnh của hoạt động repo trái phiếu.

Đến cuối năm 2012, tổng tài sản hợp nhất của Bảo Việt tăng mạnh lên 46.225 tỷ đồng, tăng 2.644 tỷ đồng (6%) so với năm 2011. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 17.778 tỷ đồng, tăng 2.132 tỷ đồng (14%), cho vay khách hàng là 7.043 tỷ đồng, tăng 447 tỷ đồng (7%); tài sản dài hạn là 21.404 tỷ đồng, tăng 65 tỷ đồng (0,3%).

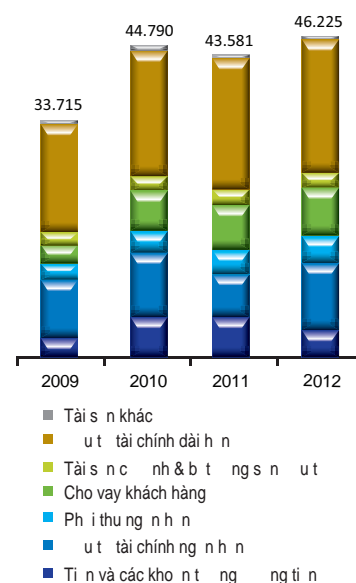
Trong tài sản ngắn hạn, tăng mạnh nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất là các khoản tiền gửi có kỳ hạn: tăng 4.038 tỷ đồng (92%), chủ yếu do chuyển dịch từ tiền và tương đương tiền sang khi lãi suất tiền gửi dài hạn hấp dẫn hơn, cũng như từ đầu tư cổ phiếu và trái phiếu sang khi hai thị trường đầu tư này gặp khó khăn.

Cho vay khách hàng tăng 505 tỷ đồng (8%) so với năm 2011 do tận dụng lợi thế tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Bảo Việt (từ 1.500 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng) và các chính sách marketing nhằm tăng cường thu hút tiết kiệm phát huy hiệu quả.

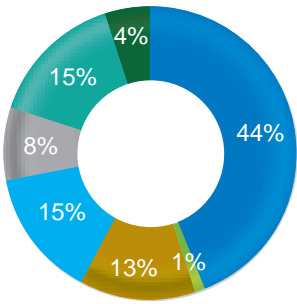
Cơ cấu LNTT hợp nhất



Tổng tài sản hợp nhất

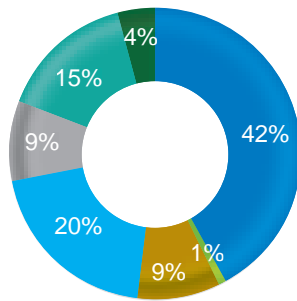


Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2011

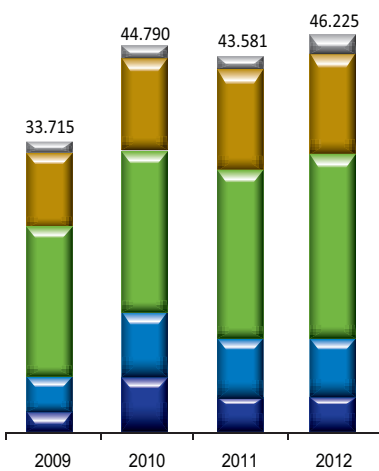


- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Phải thu ngắn hạn
- Cho vay khách hàng
- Tài sản cố định & bất động sản đầu tư
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Tài sản khác

Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2012



Tổng nguồn vốn hợp nhất



- Lợi ích cổ đông thiểu số
- Vốn chủ sở hữu
- Dự phòng nghiệp vụ
- Tiền gửi của khách hàng
- Các khoản nợ

Cơ cấu tài sản

Cơ cấu tài sản toàn Tập đoàn khá ổn định qua các năm. Chiếm tỷ trọng lớn nhất luôn là các khoản đầu tư tài chính dài hạn (trên 40%), tiếp đến là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (15%-20%), cho vay khách hàng (8%-15%), tiền và các khoản tương đương tiền (8%-13%).

Cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn có xu hướng tăng dần qua các năm và đạt 46.225 tỷ đồng năm 2012, tăng 2.644 tỷ đồng so với năm 2011 và tăng 12.510 tỷ đồng so với năm 2009, tương ứng với mức tăng 6% và 37%, chủ yếu là do dự phòng kỹ thuật của hoạt động bảo hiểm tăng, cho thấy các rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt được đo lường đầy đủ thông qua việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo luật định.

Vốn chủ sở hữu được duy trì ở mức 25%-26%, trong khi đó các khoản nợ chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với tổng nguồn vốn (8,3%) và có xu hướng giảm so với năm 2011 và năm 2010 (9,1% và 14,1%).

Chiếm chủ yếu trong các khoản nợ là các khoản phải trả người bán (50% tổng số nợ phải trả), ngoài ra là phải trả người lao động, các khoản thuế phải nộp... Tập đoàn Bảo Việt không có nợ lâu ngày hay nợ xấu. Đặc biệt, Tập đoàn không có các khoản vay nợ ngân hàng, các tổ chức tín dụng bên ngoài.

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu cũng ở mức thấp và giảm dần (32% năm 2012 so với 34% năm 2011). Sự giảm đi của các khoản nợ cũng như tỷ lệ Nợ trên Vốn chủ sở hữu cho thấy năng lực tài chính của Tập đoàn Bảo Việt ngày càng vững mạnh và khả năng thanh toán của Tập đoàn đang ngày càng tốt hơn.

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán hiện thời và hệ số thanh toán nhanh thời điểm 31/12/2012 của hầu hết các đơn vị thuộc Tập đoàn đều đạt được sự ổn định và ở mức cao hơn năm 2011. Điều này cho thấy khả năng tài chính luôn được đảm bảo khi có rủi ro xảy ra cũng như sự chủ động nguồn tiền của Tập đoàn trước các cơ hội đầu tư. Đây cũng là một thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt trong nhiều năm qua.

Khả năng sinh lời

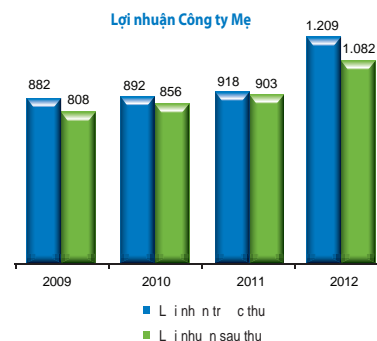
STT	Tỷ suất sinh lời	Hợp nhất			
		2009	2010	2011	2012
1	Lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu	9,6%	7,8%	8,1%	8,9%
2	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	3,0%	2,2%	2,8%	3,1%
3	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	11,9%	9,4%	10,3%	11,8%
4	Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	17,7%	16,0%	17,7%	21,0%

Năm 2012, khả năng sinh lời cao hơn so với năm trước do lợi nhuận hợp nhất tăng trưởng 19%, cao hơn mức tăng trưởng của doanh thu (7,6%), của tài sản (6%) và của vốn chủ sở hữu (3,8%). Kết quả đạt được là do Bảo Việt đã quản lý hiệu quả các tài sản đầu tư, tận dụng thời cơ đầu tư tốt, cũng như kiểm soát chặt chẽ chi phí, phát huy được đầy đủ thế mạnh trong mọi lĩnh vực kinh doanh thuộc Tập đoàn.

KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế Công ty Mẹ đều có sự khởi sắc qua các năm, đặc biệt là năm 2012.

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.209 tỷ đồng đạt 127,4% kế hoạch, tăng trưởng 31,7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.082 tỷ đồng đạt 118,2% kế hoạch, tăng trưởng 19,7% so với cùng kỳ. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 15,9%.



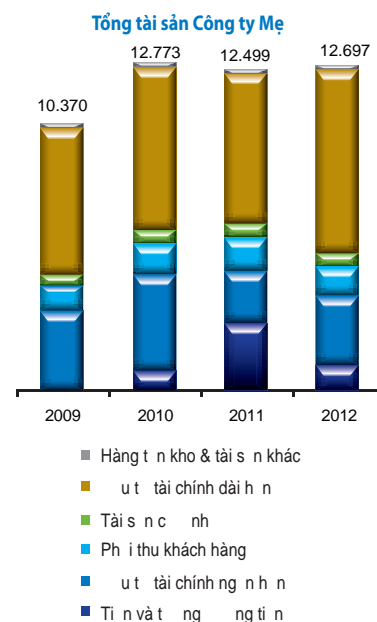
Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tổng tài sản năm 2012 đạt 12.697 tỷ đồng, tăng 199 tỷ đồng (1,6%) so với năm 2011. Tài sản ngắn hạn của Công ty Mẹ là 4.947 tỷ đồng, chiếm 39% tổng tài sản; tài sản dài hạn là 7.750 tỷ đồng, chiếm 61% tổng tài sản. Tổng các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư tài chính dài hạn đạt 10.994 tỷ đồng, chiếm 86,6% tổng tài sản.

Có sự chuyển dịch từ tài sản ngắn hạn (tiền và tương đương tiền) sang tài sản dài hạn do Công ty Mẹ giảm phần đầu tư ngắn hạn để góp thêm vốn vào các công ty thành viên (Ngân hàng Bảo Việt: 780 tỷ đồng, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt: 300 tỷ đồng) làm tăng tương ứng khoản đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào công ty con).

Nguồn vốn chủ sở hữu Công ty Mẹ tại 31/12/2012 đạt 11.464 tỷ đồng, tăng 237 tỷ đồng (2,1%) so với cuối năm 2011 do tăng lợi nhuận chưa phân phối.

Hiệu quả sử dụng tài sản (ROA) có sự tăng trưởng từ 7,2% lên 8,5% năm 2012 do lợi nhuận tăng trưởng tốt.



Cơ cấu nguồn vốn

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt có nguồn vốn chủ sở hữu lớn và ổn định, luôn chiếm trên 80% tổng nguồn vốn và đạt gần 90% tổng nguồn vốn vào năm 2012.

STT	Cơ cấu nguồn vốn	Công ty Mẹ			
		2009	2010	2011	2012
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	18,6%	17,7%	10,2%	9,7%
1.1	Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	18,4%	17,5%	10,0%	9,7%
1.2	Nợ dài hạn/Tổng nguồn vốn	0,2%	0,2%	0,2%	0,0%
2	Nguồn Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	81,4%	82,3%	89,8%	90,3%

Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ luôn ở mức thấp và giảm dần qua các năm, 2 năm 2011-2012 duy trì ở mức 10%. Năm 2012, phần nợ phải trả bên ngoài là 101 tỷ đồng, chỉ chiếm 8% trên tổng nợ phải trả (1.233 tỷ đồng). Nợ dài hạn là Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, năm 2012, theo quy định của Bộ Tài chính, các doanh nghiệp không còn trích Quỹ này.

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt không có nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng bên ngoài.

Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu thanh toán của Công ty Mẹ luôn đạt mức cao. Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh và hiện hành là 4,01 lần năm 2012.

STT	Khả năng thanh toán	Công ty Mẹ			
		2009	2010	2011	2012
1	Khả năng thanh toán hiện hành	2,17	2,60	4,96	4,01
2	Khả năng thanh toán nhanh	2,17	2,60	4,96	4,01

Khả năng sinh lời

STT	Tỷ suất sinh lời	Công ty Mẹ			
		2009	2010	2011	2012
1	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	89,9%	70,6%	58,5%	84,0%
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	95,9%	70,8%	56,3%	87,7%
2	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	7,8%	6,7%	7,2%	8,5%
3	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	9,6%	8,1%	8,0%	9,4%
4	Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	14,1%	13,7%	13,3%	15,9%

Năm 2010, Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ từ 5.730 tỷ đồng lên 6.267 tỷ đồng nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời nhất thời giảm so với năm 2009.

Từ năm 2011, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều có xu hướng tăng dần qua các năm, đặc biệt năm 2012 tăng cao so với năm 2011 chủ yếu do lợi nhuận tăng trưởng mạnh. Lợi nhuận trước thuế tăng 31,7%; lợi nhuận sau thuế tăng 19,7% đạt 1.082 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Với nguyên tắc đầu tư an toàn, hiệu quả, Tập đoàn Bảo Việt đã linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với xu hướng điều chỉnh lãi suất tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp; đẩy mạnh rà soát và hoàn thiện các quy chế, quy trình đầu tư để kiện toàn tổ chức hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư trong Tập đoàn; tăng cường vai trò quản lý hoạt động đầu tư trong toàn Tập đoàn thông qua đẩy mạnh tiếp xúc khảo sát doanh nghiệp, tham gia sâu hơn vào quá trình quản trị dự án đặc biệt là các dự án chiến lược để cải thiện hiệu quả hoạt động và quản trị tại các dự án; tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả cho danh mục đầu tư.

Việc thực hiện các mục tiêu, giải pháp nói trên đã góp phần vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trong hoạt động đầu tư tài chính, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2012 của toàn Tập đoàn.

Cơ cấu danh mục đầu tư của toàn Tập đoàn tại 31/12/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

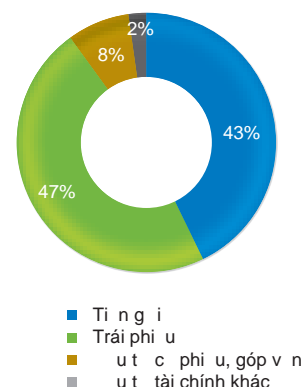
Chỉ tiêu	Tại 31/12/2012		Tại 31/12/2011	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
I. Đầu tư lãi suất cố định	30.581	90%	28.375	88%
1. Tiền gửi	14.529	43%	11.294	35%
2. Trái phiếu	16.052	47%	17.081	53%
II. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	2.721	8%	3.167	10%
III. Đầu tư tài chính khác	732	2%	846	2%
Tổng cộng	34.034	100%	32.388	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã kiểm toán)

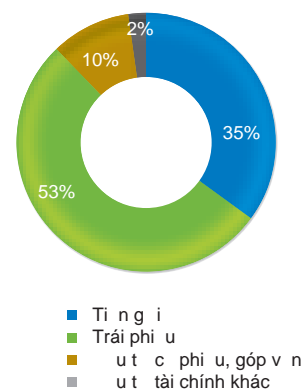
Trong năm 2012, Tập đoàn đã nỗ lực và đạt doanh thu hoạt động tài chính là 3.068 tỷ đồng, lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 2.319 tỷ đồng, tăng 58% so với thực hiện năm 2011. Tại 31/12/2012, tổng nguồn vốn đầu tư đạt 34.034 tỷ đồng, tăng 1.646 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2011. Cụ thể:

- **Đầu tư lãi suất cố định** (tiền gửi, trái phiếu) đạt 30.581 tỷ đồng, chiếm 90% tổng nguồn vốn đầu tư, tăng 2% so với tỷ trọng đầu tư vào lãi suất cố định tại 31/12/2011 do đẩy mạnh cơ cấu, chuyển dịch nguồn vốn sang đầu tư công cụ lãi suất cố định ngay từ đầu năm 2011 để tranh thủ lãi suất cao trong bối cảnh dự báo lãi suất trong năm 2012 sẽ giảm. Trong đó đầu tư tiền gửi và trái phiếu tương ứng là 14.529 tỷ đồng và 16.052 tỷ đồng, chiếm tương ứng là 48% và 52% giá trị danh mục đầu tư lãi suất cố định.
- **Đầu tư cổ phiếu, góp vốn** đạt 2.721 tỷ đồng, chiếm 8% tổng nguồn vốn đầu tư.
- **Đầu tư tài chính khác** đạt 732 tỷ đồng, chiếm 2% tổng nguồn vốn đầu tư.

Cơ cấu đầu tư của toàn Tập đoàn tại 31/12/2012



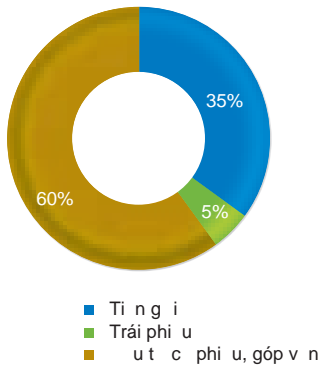
Cơ cấu đầu tư của toàn Tập đoàn tại 31/12/2011



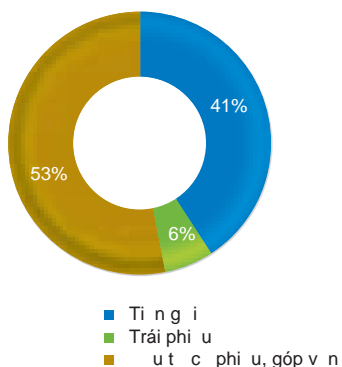
Cơ cấu danh mục đầu tư của Công ty Mẹ tại 31/12/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Cơ cấu đầu tư của Công ty Mẹ tại 31/12/2012



Cơ cấu đầu tư của Công ty Mẹ tại 31/12/2011



Chỉ tiêu	Tại 31/12/2012		Tại 31/12/2011	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
I. Đầu tư lãi suất cố định	4.522	40%	5.170	47%
1. Tiền gửi	3.977	35%	4.536	41%
2. Trái phiếu	545	5%	634	6%
II. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	6.829	60%	5.779	53%
Tổng cộng	11.351	100%	10.949	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2012 đã kiểm toán

Tại 31/12/2012, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 11.351 tỷ đồng, tăng 402 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2011. Cụ thể:

- **Đầu tư lãi suất cố định** đạt 4.522 tỷ đồng, chiếm 40% tổng nguồn vốn đầu tư. Trong đó, đầu tư tiền gửi chiếm 88% và đầu tư trái phiếu chiếm 12% giá trị danh mục đầu tư lãi suất cố định
- **Đầu tư cổ phiếu, góp vốn** tăng từ 53% tại thời điểm 31/12/2011 lên 60% tổng nguồn vốn đầu tư, đạt 6.829 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2012 chủ yếu do Công ty Mẹ bổ sung vốn cho các công ty con theo chiến lược, kế hoạch phát triển đã đề ra (Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt).

Hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn tại Công ty Mẹ

- **Tình hình góp vốn:** Thực hiện chủ trương tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi, năm vừa qua Công ty Mẹ chỉ thực hiện tăng vốn vào các dự án chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt từ năm 2011. Tại 31/12/2012, 90% tỷ trọng danh mục đầu tư dự án tập trung vào các ngành nghề cốt lõi là bảo hiểm, chứng khoán và ngân hàng.
- **Tình hình thu lãi, cổ tức:** Doanh thu lãi, cổ tức từ danh mục đầu tư cổ phiếu góp vốn năm 2012 đạt 687 tỷ đồng, trong đó doanh thu đầu tư từ các dự án chiến lược đạt 653 tỷ đồng, chiếm 95% doanh thu đầu tư danh mục cổ phiếu góp vốn. Các dự án thuộc ngành nghề thế mạnh của Tập đoàn là bảo hiểm đều đạt hiệu quả cao, đóng góp đáng kể vào doanh thu đầu tư của Công ty Mẹ (Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt Tokio - Marine, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam...).

Các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2012

STT	Tên dự án	Năm bắt đầu góp vốn	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	2005	1.800	100,00%
2	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	2004	1.500	100,00%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	2006	50	100,00%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	1999	695	59,92%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	2008	1.560	52,00%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	2009	110	55,00%
7	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo Việt - Âu Lạc	2009	36	60,00%
8	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt-Tokio Marine	1996	153	51,00%
9	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	1995	64	18,93%
10	Quỹ đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVF1)	2006	94	9,42%
11	Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	2007	225	4,98%
12	Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Quốc tế VIGEB A	2001	15	8,33%
13	Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	2005	58	8,57%
14	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1993	39	0,61%
15	Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Sài Gòn Hạ Long	1998	10	10,00%
16	Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước Giải khát Sài Gòn	2008	35	0,08%
17	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	2007	60	2,14%
18	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2008	109	0,07%
19	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	2007	144	5,04%
20	Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	2007	63	9,69%
21	Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	2005	9	15,00%
Tổng cộng			6.829	

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012

Năm 2012 là năm bản lề trong việc thực hiện chiến lược “Một Bảo Việt - Một nền tảng mới”, Bảo Việt đã tập trung xây dựng nền tảng công nghệ thông tin thống nhất, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đổi mới quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế, hoàn thiện hệ thống thương hiệu thống nhất, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, tăng cường năng lực tài chính cho các đơn vị thành viên trong toàn Tập đoàn và đạt được những thành tựu quan trọng như sau:

Phối hợp với HSBC lựa chọn thành công cổ đông chiến lược Sumitomo Life

Năm 2012, Bảo Việt đã phối hợp cùng HSBC xây dựng tiêu chí lựa chọn cổ đông chiến lược, thẩm định và đàm phán thỏa thuận hợp tác hỗ trợ kỹ thuật với cổ đông chiến lược. Ngày 20/12/2012, Sumitomo Life đã chính thức được lựa chọn để thay thế cho HSBC đồng hành cùng Bảo Việt trong giai đoạn phát triển tiếp theo. Việc thoái vốn của HSBC tại Bảo Việt nằm trong chiến lược phát triển toàn cầu của HSBC là tập trung vốn và nguồn lực vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là ngân hàng. Với vị trí là tập đoàn bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tại Nhật Bản về thị phần doanh thu phí và tổng tài sản với lịch sử trên 100 năm phát triển, Sumitomo Life có thế mạnh về phát triển kênh phân phối, sản phẩm mới, hệ thống công nghệ thông tin và quản lý chất lượng. Sumitomo Life là đối tác đáp ứng tốt các tiêu chí về ổn định tài chính, uy tín quốc tế và năng lực kinh doanh bảo hiểm, không có sự cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam, phù hợp về văn hóa, năng lực cũng như công nghệ để cung cấp dịch vụ hợp tác kỹ thuật và hỗ trợ cho Bảo Việt.

Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh tập trung hóa

Năm 2012, Bảo Việt tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng với việc ra mắt Trung tâm chăm sóc khách hàng nhằm giải đáp và phục vụ khách hàng 24/7 trong cả hai lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ thông qua một đầu số dịch vụ duy nhất. Việc triển khai đưa các Trung tâm dịch vụ khách hàng đi vào hoạt động đã mở ra những cơ hội quan trọng để phát triển các kênh bán hàng khác trong giai đoạn tiếp theo như kênh bán hàng qua điện thoại, bán hàng trực tuyến. Bảo Việt đã phát triển nhiều sản phẩm mới, triển khai dịch vụ kết hợp đầu tư - môi giới và thanh toán, tăng cường sự phối hợp trong các hoạt động cung cấp các sản phẩm dịch vụ kết hợp như bancassurance giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong toàn Tập đoàn.

Hoàn thành xây dựng Đề án Tái cơ cấu trình Bộ Tài chính

Trong năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung triển khai xây dựng và hoàn thành Đề án tái cơ cấu Tập đoàn theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Tài chính. Đến nay, Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thiện và đang trình Bộ Tài chính thẩm định, xem xét. Tập đoàn Bảo Việt sẽ triển khai thực hiện đề án sau khi được Bộ Tài chính phê duyệt, đánh dấu mốc quan trọng trong giai đoạn phát triển tiếp theo của Bảo Việt.

Hoàn thành tăng vốn cho Ngân hàng Bảo Việt lên 3.000 tỷ đồng

Ngày 27/12/2012, Ngân hàng Bảo Việt chính thức thông báo đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng. Với nguồn vốn được tăng thêm cũng như tiềm lực tài chính vững mạnh từ Tập đoàn Bảo Việt, Ngân hàng Bảo Việt sẽ đẩy mạnh đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển mở rộng mạng lưới, kênh phân phối, phát triển dịch vụ tiện ích của ngân hàng trực tuyến, chú trọng những sản phẩm liên kết ngân hàng – bảo hiểm, vốn được coi là thế mạnh của ngân hàng.

Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại theo định hướng tập trung hóa

Năm 2012 là năm Bảo Việt tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin tập trung. Hệ thống Công nghệ thông tin của Tập đoàn đã được thực hiện đánh giá và cấp chứng chỉ ISO: 27001 về Hệ thống Quản lý An toàn Thông tin. Với việc xây dựng được hệ thống ISMS cho Khối Công nghệ Thông tin đạt chuẩn ISO: 27001, Tập đoàn Bảo Việt đã có được hệ thống thông tin đảm bảo an toàn với tính bảo mật cao, giúp hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn cũng như tăng

cường sự tin cậy và nâng cao hình ảnh của Bảo Việt với các đối tác, khách hàng, tạo tiền đề cho việc mở rộng quan hệ quốc tế.

Tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư phát triển nguồn nhân lực và tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo

Bảo Việt tiếp tục triển khai đánh giá, rà soát và kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy theo hướng quản lý tập trung, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cán bộ được chú trọng đẩy mạnh. Chương trình đào tạo theo Bản đồ học tập được tập trung triển khai trong năm 2012 với 24 chương trình và gần 50 khóa đào tạo cho hơn 1.000 lượt cán bộ tại Trụ sở chính Tập đoàn. Các đơn vị thành viên cũng chủ động tổ chức đào tạo chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành và kỹ năng làm việc cho hơn 2.000 lượt cán bộ và hơn 10.000 đại lý.

Tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ, nâng cao hiệu quả kinh doanh

Năm 2012, trước những biến động của thị trường với nhiều rủi ro tiềm ẩn, Bảo Việt tăng cường kiểm soát rủi ro, kiểm toán nội bộ trong toàn hệ thống và đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng giúp Tập đoàn quản lý tốt các rủi ro, bảo toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

Công tác phối hợp giữa Hội đồng Quản lý rủi ro và Ủy ban ALCO đã đạt hiệu quả cao hơn, hoạt động quản lý rủi ro đầu tư được kiểm soát chặt chẽ hơn thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất với các rủi ro phát sinh; rủi ro thị trường về cổ phiếu và lãi suất cũng đã được bổ sung thêm trong các báo cáo rủi ro đầu tư hàng tháng. Rủi ro liên quan đến hoạt động của hệ thống ngân hàng được tăng cường theo dõi và đánh giá, rủi ro bảo hiểm tiếp tục được quản lý hiệu quả.

Hoạt động kiểm toán nội bộ đã có nhiều bước chuyển biến lớn, Tập đoàn đã kiện toàn và nâng cấp cơ cấu tổ chức qua đó nâng cao cả về số lượng và chất lượng công tác kiểm toán. Việc thực hiện kiểm toán đã góp phần nâng cao hiệu quả trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp tại đơn vị.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tuân thủ theo nguyên tắc hiệu quả và an toàn. Năm 2012, Quy chế đầu tư đã được sửa đổi và ban hành nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động đầu tư, quản lý vốn góp và người đại diện vốn của Tập đoàn tại các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn. Rủi ro đầu tư, đặc biệt là rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống được chú trọng kiểm soát và quản lý chặt chẽ. Công tác nghiên cứu, phân tích cơ hội đầu tư cũng được tăng cường và phối hợp giữa các đơn vị trong Tập đoàn góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công tác truyền thông, phát triển thương hiệu

Hoạt động truyền thông được đẩy mạnh thực hiện thông qua việc tăng cường triển khai truyền thông qua hệ thống truyền hình, báo chí đối với các sự kiện của Bảo Việt, góp phần nâng cao giá trị thương hiệu của Bảo Việt. Công tác truyền thông nội bộ được phát triển là cầu nối thông tin cập nhật tin tức, sự kiện của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Công tác truyền thông về sản phẩm, dịch vụ mới ngày càng phát huy hiệu quả thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Hình ảnh thương hiệu của Bảo Việt cũng được đồng bộ và hiện đại hóa từ sản phẩm, quầy giao dịch đến hình ảnh cán bộ, biển hiệu tòa nhà góp phần tạo ra hình ảnh thương hiệu về Một Bảo Việt chuyên nghiệp, năng động.



MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

Với mục tiêu phát triển chiến lược trong giai đoạn 2013 - 2014 là “Chuyển đổi mô hình kinh doanh”, năm 2013, toàn Tập đoàn sẽ tập trung thực hiện các giải pháp nhằm phát triển thị trường, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và chuyển đổi mô hình kinh doanh với những mục tiêu tài chính và giải pháp cụ thể sau:

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH CỦA TOÀN TẬP ĐOÀN NĂM 2013

Năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 17.828 tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm 2012, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.796 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.383 tỷ đồng. Tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt 1.411 tỷ đồng, tăng 1,4% so với thực hiện năm 2012; lợi nhuận trước thuế của Công ty Mẹ đạt 1.160 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.103 tỷ đồng, tăng trưởng 2% so với thực hiện năm 2012. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ Công ty Mẹ đạt 16,2%. Với tỷ suất lợi nhuận trên, Tập đoàn Bảo Việt dự kiến chia cổ tức cho các cổ đông ở mức 15%.

Tăng cường và đẩy mạnh hợp tác với đối tác chiến lược, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Đẩy mạnh hợp tác với cổ đông chiến lược Sumitomo Life trong các lĩnh vực phát triển kênh phân phối, phát triển hệ thống công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phát triển sản phẩm mới, tăng cường quản lý chất lượng, trong đó tập trung nâng cao chất lượng kênh đại lý, chất lượng dịch vụ thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng và quản lý rủi ro. Các lĩnh vực này sẽ hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả hỗ trợ sang các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tài chính khác của Tập đoàn Bảo Việt.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, phát triển kênh phân phối

Đầu tư phát triển kênh phân phối bancassurance; phát triển kênh phân phối mới telesale, call center; thương mại điện tử; không ngừng mở rộng và củng cố các kênh bán hàng truyền thống như môi giới, đại lý, đẩy mạnh dịch vụ khách hàng ngày càng chuyên nghiệp hơn. Đẩy mạnh phối hợp trong nội bộ Tập đoàn và Bộ Tài chính nhằm xây dựng Đề án tổng thể về cải cách chương trình hu trí tại Việt Nam, phát triển Quỹ chỉ số, các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp.

Tập trung phát triển thị trường và mở rộng mạng lưới

Tập trung nguồn lực củng cố phát triển các địa bàn trọng điểm đặc biệt tại các thành phố lớn. Năm 2013, Ngân hàng Bảo Việt cũng sẽ tập trung mở rộng mạng lưới để phát triển dịch vụ, tăng cường huy động và hoạt động cho vay, chú trọng vào các sản phẩm bán lẻ và bán chéo nhằm tận dụng được ưu thế Tập đoàn.

Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng tập trung

Tiếp tục đẩy nhanh áp dụng chuyển đổi mô hình kinh doanh từ phân tán sang tập trung, tận dụng được hiệu quả nền tảng công nghệ thông tin đã xây dựng trong những năm gần đây. Áp dụng mô hình kinh doanh lấy công nghệ thông tin làm trung tâm nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh và dịch vụ cung cấp.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Chất lượng dịch vụ khách hàng đã được Bảo Việt chú trọng cải thiện liên tục trong những năm gần đây. Việc ra đời của Trung tâm chăm sóc khách hàng, telesales, call center đã đáp ứng được một phần nhu cầu của khách hàng. Năm 2013 mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng thông qua: rút ngắn quá trình cấp đơn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, phát triển trung tâm call-center để có thể tiến hành chăm sóc khách hàng, giải quyết thắc mắc kịp thời và bán hàng hiệu quả hơn.

Quản triệt thực hiện tăng cường tiết kiệm, tiết giảm chi phí

Bảo Việt tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí quản lý toàn Tập đoàn, phấn đấu đạt mục tiêu tiết giảm bằng hoặc lớn hơn năm 2012. Trên cơ sở tăng cường công tác truyền thông nội bộ về nâng cao ý thức tiết kiệm tại trụ sở làm việc, đồng thời khuyến khích người lao động có sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động; tăng cường các biện pháp để phòng, hạn chế tổn thất; tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn lực, hiệu quả kinh doanh của Bảo Việt sẽ được nâng cao, góp phần hoàn thành mục tiêu kinh doanh năm 2013 đã đề ra.

Đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm

Trên nền tảng công nghệ thông tin đã dần được hoàn thiện và đi vào hoạt động ổn định, hỗ trợ được các công ty thành viên trên mọi lĩnh vực, năm 2013 là năm tiếp tục củng cố giữ vững sự ổn định đó để làm bước đệm cho sự phát triển vững chắc của Bảo Việt cho những giai đoạn tiếp theo.

Triển khai Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn

Trên cơ sở Đề án được Bộ Tài chính phê duyệt, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung triển khai các dự án thuộc Đề án với mục tiêu kiên trì định hướng trở thành Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, từng bước vươn ra thị trường khu vực và thế giới. Việc triển khai Đề án sẽ được thực hiện xuyên suốt trong toàn Tập đoàn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường thực hiện xuyên suốt, thống nhất các chế độ chính sách, phương thức quản trị nguồn nhân lực trong toàn Tập đoàn; Mở rộng diện áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả làm việc và trả lương theo hiệu quả công việc; Tăng cường công tác tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Hoạt động đầu tư an toàn và hiệu quả

Hoạt động đầu tư trong toàn hệ thống cần tiếp tục bám sát mục tiêu chiến lược đã đề ra cho giai đoạn 2011-2015 là an toàn và hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông và khách hàng. Bảo Việt sẽ phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai một số sản phẩm đầu tư mới phù hợp xu hướng thị trường và đón đầu cơ hội phục hồi của nền kinh tế. Bên cạnh đó, nghiên cứu cơ hội đầu tư sang các thị trường khu vực, từng bước tiếp cận và phát triển hoạt động đầu tư tài chính ra quốc tế.

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT



ÔNG TRẦN TRỌNG PHÚC

Tổng Giám đốc

“Bảo hiểm Bảo Việt khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ về thị phần và doanh thu phí bảo hiểm gốc với mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung của thị trường”

TỔNG QUAN VỀ BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Là doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên trên thị trường (từ 15/01/1965), Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt là công ty con được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn. Năm 2011, vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt tại Bảo hiểm Bảo Việt là 1.500 tỷ đồng; tăng lên 1.800 tỷ đồng vào cuối năm 2012 và tăng lên thành 2.000 tỷ đồng đầu năm 2013. Ngày 27/03/2013, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh cho Bảo hiểm Bảo Việt, theo đó vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.000 tỷ đồng, trở thành doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường.

Với gần 50 năm hình thành và phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt tự hào là nhà bảo hiểm tiên phong trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại thị trường Việt Nam với nhiều giải thưởng danh giá được Nhà nước trao tặng, đồng thời luôn giữ vững vị trí dẫn đầu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ về thị phần và doanh thu.

Với hệ thống mạng lưới gồm 67 công ty thành viên và gần 300 phòng phục vụ khách hàng trên toàn quốc, hơn 3.000 cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tiềm lực tài chính vững mạnh, năng lực quản lý – kinh doanh và giải quyết khiếu nại tốt, Bảo hiểm Bảo Việt có thể đáp ứng mọi yêu cầu bảo hiểm, bồi thường của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời và chuyên nghiệp.

Bảo hiểm Bảo Việt đặt mục tiêu trong kinh doanh là không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; phát triển các sản phẩm bảo hiểm cá nhân và sản phẩm bảo hiểm liên kết ngân hàng (bancassurance) với những tính năng ưu việt; tăng cường chất lượng quản lý rủi ro doanh nghiệp; triển khai các phần mềm tiên tiến để phục vụ công tác quản lý - kinh doanh.

www.baoviet.com.vn/baohiem

BAN ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT



- (1) ÔNG TRẦN TRỌNG PHÚC - TỔNG GIÁM ĐỐC
- (2) ÔNG NGUYỄN KIM PHÚ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
- (3) ÔNG NGUYỄN QUANG PHI - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
- (4) ÔNG TẠ VĂN CÂN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
- (5) ÔNG NGUYỄN XUÂN THỦY - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2012

Tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc cao hơn bình quân chung của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường bảo hiểm Việt Nam đang trải qua nhiều biến động và thách thức, Bảo hiểm Bảo Việt vẫn đạt mức tăng trưởng về doanh thu bảo hiểm gốc cao hơn mức tăng trưởng chung của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường và vị thế ngày càng vững mạnh của một thương hiệu lâu đời.

Tăng trưởng doanh thu
phí bảo hiểm gốc

10,4%

Thể hiện vai trò đi đầu tại các thị trường trọng điểm và luôn dẫn đầu về tăng trưởng trong các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân

Những đơn vị thành viên có trụ sở tại các địa bàn kinh tế trọng điểm của cả nước như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bình Dương và Nghệ An chiếm tỷ trọng doanh thu lớn trên tổng doanh thu của Bảo hiểm Bảo Việt, khẳng định vị thế quan trọng và tiên phong trong hoạt động khai thác/ kinh doanh và chăm sóc khách hàng. Tiếp tục giữ vai trò chủ đạo – dẫn đầu về tăng trưởng ở các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm y tế và tai nạn con người, bảo hiểm hàng không.

SỐ 1

thị trường về nghiệp vụ
xe cơ giới và con người

Triển khai đề án thí điểm Bảo hiểm nông nghiệp

Chương trình Thí điểm Bảo hiểm Nông nghiệp đã được Bảo hiểm Bảo Việt triển khai quyết liệt và được đánh giá cao, với doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 127 tỷ đồng, góp phần đảm bảo an sinh xã hội theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

127

tỷ đồng

Doanh thu
bảo hiểm nông nghiệp

Hướng tới thị trường bán lẻ bằng sản phẩm ưu việt và dịch vụ nâng cao

Bảo hiểm Bảo Việt tập trung phát triển các sản phẩm cá nhân, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm: y tế, sức khỏe, xe cơ giới. Hoạt động phân phối sản phẩm của Bảo hiểm Bảo Việt được phát huy ngày một hiệu quả thông qua các kênh khai thác chéo với Bảo Việt Nhân thọ, kênh phân phối trực tiếp, môi giới bảo hiểm, bancassurance. Trong đó năm 2012, kênh đại lý đạt doanh thu tăng trưởng gần 13% so với năm 2011; doanh thu từ hoạt động bancassurance đạt 140 tỷ đồng, tăng trưởng gần 40% so với năm trước. Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ, từng bước hoàn thiện hoạt động của Trung tâm dịch vụ khách hàng, mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng và chất lượng tư vấn sản phẩm.

Đẩy mạnh dịch vụ
khách hàng

Tăng cường quản trị để tạo nền tảng cho doanh nghiệp phát triển bền vững

Công tác quản lý rủi ro của Bảo hiểm Bảo Việt đã dần được hoàn thiện hơn do áp dụng mô hình quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược HSBC. Cùng với việc chú trọng phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong những năm qua (InsureJ, Sun Account, Lotus Note, quản lý hình ảnh...), Bảo hiểm Bảo Việt đang nghiên cứu triển khai kênh bán hàng điện tử, telesales,... Tất cả các biện pháp đó đã và đang góp phần quan trọng giúp Bảo hiểm Bảo Việt triển khai mô hình quản lý tập trung.

Công nghệ thông tin là
nền tảng cho chuyển đổi
mô hình kinh doanh

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
Tổng doanh thu

6.739

tỷ đồng



Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
Lợi nhuận trước thuế

497

tỷ đồng



Giữ vững vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

Bảo hiểm Bảo Việt đặt mục tiêu giữ vững thị phần trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ở mức 24-25%, dẫn đầu trong phân phối các sản phẩm cho cá nhân và doanh nghiệp.

Tăng trưởng bền vững và ổn định

Mục tiêu năm 2013 cho các chỉ tiêu kinh doanh chính: tổng doanh thu 6.739 tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm 2012; Lợi nhuận trước thuế 497 tỷ đồng, tăng 10,1% so với năm 2012. Bảo hiểm Bảo Việt đặt mục tiêu tăng trưởng ở tất cả các nghiệp vụ, đồng thời tăng cường công tác đánh giá và quản lý rủi ro để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phát triển thế mạnh trên mảng sản phẩm cá nhân và dịch vụ khách hàng

Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ là mục tiêu mà Bảo hiểm Bảo Việt hướng tới, đặc biệt trong phân khúc các sản phẩm y tế và tai nạn con người, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới. Đồng thời, với việc đẩy mạnh triển khai bán hàng qua kênh telesales và trung tâm dịch vụ khách hàng, lợi thế và kinh nghiệm của doanh nghiệp sẽ được phát huy tối đa nhất. Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục triển khai áp dụng các phần mềm trọng điểm phục vụ cho mô hình tập trung trong quản lý kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp.

Tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro

Trong hoạt động kiểm soát rủi ro và cấp đơn bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt đã ứng dụng mô hình quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế. Tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro bảo hiểm và rủi ro đầu tư, đồng thời thực hiện tiết giảm chi phí quản lý để đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận.

Tăng cường tiềm lực tài chính

Bảo hiểm Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng trở thành doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có vốn điều lệ lớn nhất thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.



THÔNG TIN TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.606	3.561
Tiền	493	115
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.007	1.478
Các khoản phải thu	2.052	1.910
Hàng tồn kho	13	12
Tài sản ngắn hạn khác	41	45
TÀI SẢN DÀI HẠN	3.202	2.670
Tài sản cố định	763	694
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.359	1.851
Tài sản dài hạn khác	80	125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.808	6.231
NỢ PHẢI TRẢ	4.889	4.685
Nợ ngắn hạn	1.164	1.212
Nợ dài hạn	1	5
Dự phòng nghiệp vụ	3.724	3.468
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.919	1.546
Vốn đầu tư của Công ty Mẹ	1.800	1.500
Quỹ dự trữ bắt buộc	63	46
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	56	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.808	6.231

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011 (trình bày lại)
Tổng doanh thu	6.398	5.806
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	5.958	5.313
Doanh thu hoạt động tài chính	434	487
Doanh thu khác	6	6
Phí tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ	(1.707)	(1.488)
Doanh thu thuần	4.691	4.318
Tổng chi phí	(4.239)	(3.902)
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(2.833)	(2.504)
Chi phí hoạt động tài chính	(95)	(204)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.309)	(1.193)
Chi phí khác	(2)	(1)
Lợi nhuận trước thuế	451	416
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(111)	(102)
Lợi nhuận sau thuế	340	314

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ



ÔNG NGUYỄN ĐỨC TUẤN
Tổng Giám đốc

“2012 là một năm đánh dấu tăng trưởng rực rỡ về doanh thu và lợi nhuận của Bảo Việt Nhân thọ: Tổng doanh thu khai thác mới đạt 1.290 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2011 - ghi nhận những nỗ lực không ngừng đổi mới - sáng tạo - năng động của toàn hệ thống”

TỔNG QUAN VỀ BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ, là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ Việt Nam đầu tiên trên thị trường từ năm 1996.

Là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu Việt Nam với thị phần doanh thu phí bảo hiểm cao, Bảo Việt Nhân thọ kinh doanh các loại hình bảo hiểm nhân thọ, nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người, quản lý quỹ và tiến hành các hoạt động đầu tư.

Bảo Việt Nhân thọ có hệ thống mạng lưới với 60 công ty thành viên và hơn 300 điểm phục vụ khách hàng trên toàn quốc, đội ngũ 1.500 cán bộ và gần 30.000 đại lý chuyên nghiệp. Trong hơn 16 năm qua (1996-2012), Bảo Việt Nhân thọ tự hào đã hoạch định và bảo vệ cho hơn 5 triệu khách hàng với tổng số tiền bảo hiểm hơn 100 nghìn tỷ đồng, tổ chức hơn 10.000 hội nghị tri ân khách hàng và hoàn thành chi trả số tiền bảo hiểm với tổng số tiền lên tới hơn 13,8 nghìn tỷ đồng cho 1,2 triệu khách hàng đáo hạn và hơn 105 nghìn khách hàng giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Bảo Việt Nhân thọ không ngừng hoàn thiện sản phẩm và chất lượng dịch vụ để đảm bảo kế hoạch tài chính lâu dài, ổn định cho các gia đình Việt Nam.

www.baoviet.com.vn/nhantho



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

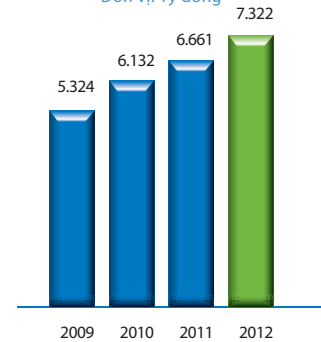
Năm 2012, Bảo Việt Nhân thọ đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu khai thác mới tăng trưởng vượt hơn so với tốc độ tăng trưởng của thị trường. Trong điều kiện khó khăn và đầy thách thức của năm 2012, Bảo Việt Nhân thọ vẫn giữ vững vị trí hàng đầu trên thị trường bảo hiểm nhân thọ với 24,1% thị phần.

- Tổng doanh thu đạt 7.322 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2011. Lợi nhuận trước thuế đạt 694 tỷ đồng, tăng trưởng 14,5% so với năm 2011.
- Doanh thu khai thác mới quy năm đạt 1.290 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2011 và có tốc độ tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung của thị trường.
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 5.202 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2011.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 35,1%.
- Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm: sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp chiếm 62% doanh thu hoạt động bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung ngày càng phát huy thế mạnh là dòng sản phẩm đáp ứng được đa dạng nhu cầu tiết kiệm, bảo vệ, đầu tư của khách hàng, chiếm 33% doanh thu hoạt động bảo hiểm, các sản phẩm bảo hiểm tử kỳ, sinh kỳ và sản phẩm hỗ trợ tiếp tục đóng góp đáng kể vào tăng trưởng doanh thu của Bảo Việt Nhân thọ
- Số lượng đại lý trên toàn hệ thống tăng từ 24.000 năm 2011 lên 30.000 trong năm 2012, tốc độ tăng trưởng đảm bảo nhu cầu phát triển và mở rộng thị trường.

Những thành công trên là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của một tập thể chuyên nghiệp và giàu nhiệt huyết, hướng đến xây dựng một Bảo Việt Nhân thọ vươn xa và bền vững.

Tổng doanh thu

Đơn vị: Tỷ đồng

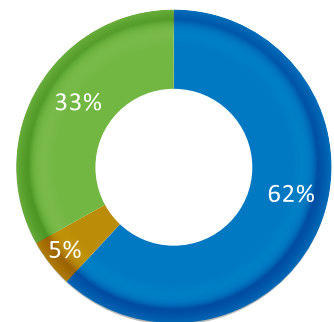


Doanh thu khai thác mới

1.290

tỷ đồng
tăng 25%

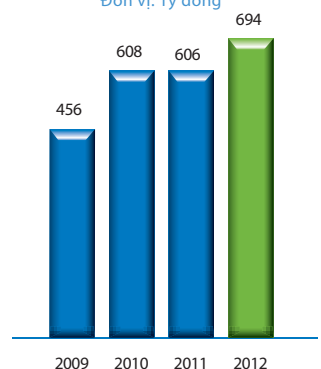
Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm năm 2012



- Bảo hiểm hỗn hợp
- Bảo hiểm liên kết chung
- Khác

Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: Tỷ đồng



BAN ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ



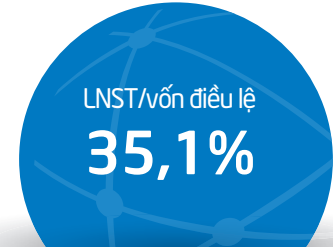
- (1) ÔNG NGUYỄN QUANG TÂM - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
- (2) ÔNG NGUYỄN ĐỨC TUẤN - TỔNG GIÁM ĐỐC
- (3) ÔNG NGUYỄN THÀNH QUANG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
- (4) BÀ NGUYỄN THỊ LÂM HỒNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2012

Chuyên nghiệp hóa hoạt động đào tạo, huấn luyện cán bộ và tư vấn viên

Công tác đào tạo cán bộ và tư vấn viên luôn được quan tâm sâu sát và đã có nhiều bước tiến mới nhờ chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, tăng cường về số lượng, chất lượng và đẩy mạnh kèm cặp huấn luyện sau đào tạo. Đội ngũ tư vấn viên đông đảo của Bảo Việt Nhân thọ được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp, mang đến cho khách hàng những giải pháp tài chính phù hợp với chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao.



Chủ động, linh hoạt trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Nhằm mang tới cho khách hàng các giải pháp tài chính hiệu quả và bảo vệ cao nhất, Bảo Việt Nhân thọ không ngừng đa dạng hóa và đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của các khách hàng. Năm 2012, Bảo Việt Nhân thọ đã cho ra mắt 3 sản phẩm mới:

An Tâm Toàn Mỹ - sản phẩm bổ trợ chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho phụ nữ.

An Tâm Sống Khỏe - sản phẩm bổ trợ các bệnh lý nghiêm trọng.

An Phát Bảo Gia - sản phẩm bảo vệ toàn diện cho cả 3 thế hệ trong gia đình chỉ với 1 hợp đồng bảo hiểm duy nhất, phong phú với các quyền lợi sẵn có và tự nguyện.

Hiện tại, Bảo Việt Nhân thọ đã và đang cung cấp cho khách hàng giỏ sản phẩm đa dạng với gần 50 sản phẩm các loại nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu bảo vệ, đầu tư tài chính của người dân Việt Nam. Đặc biệt, Bảo Việt Nhân thọ tự hào đã triển khai sản phẩm liên kết chung - dòng sản phẩm hấp dẫn nhất trên thị trường với tỷ lệ lãi suất cao và quyền lợi bảo hiểm linh hoạt.



Chất lượng dịch vụ khách hàng ngày càng được chú trọng

Chất lượng dịch vụ khách hàng được đặt lên hàng đầu với việc thành lập tổng đài chăm sóc khách hàng (Call Center) 1900558899. Call Center đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/2012 và thực hiện các cuộc gọi chúc mừng, tư vấn cho khách hàng. Sự ra đời của Call Center là bước khởi đầu cho các hoạt động dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp hóa nhằm mang lại cho dịch vụ khách hàng của Bảo Việt Nhân thọ một diện mạo mới và vươn tầm quốc tế.



Mô hình tập trung mang đến hiệu quả trong kinh doanh

Mô hình tập trung hóa được triển khai đã mang đến hiệu quả rõ rệt trong công tác quản trị doanh nghiệp, năng suất cán bộ cũng như kết quả kinh doanh của Bảo Việt Nhân thọ. Trong vòng 2 năm, các công tác hỗ trợ như phát hành hợp đồng, kế toán hợp đồng, hỗ trợ đại lý đã được chuyển về Trụ sở chính của Tổng Công ty để tập trung xử lý. Năng suất lao động tăng cao, phân phối lao động hợp lý và hiệu quả mang lại thể hiện rõ ràng nhất trong kết quả kinh doanh giai đoạn 2010 – 2011 – 2012 của Tổng Công ty.





ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Tổng doanh thu

7.737

tỷ đồng



Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Tăng trưởng doanh thu khai thác mới

10%



Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Lợi nhuận trước thuế

690

tỷ đồng



Bên cạnh các khó khăn thách thức, thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam vẫn được đánh giá là một thị trường tiềm năng với dân số đông và tỉ lệ tham gia bảo hiểm còn thấp (5% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ). Vì vậy, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục lạc quan và tin tưởng sự chuyển biến mạnh mẽ trong tăng trưởng doanh thu và chất lượng hoạt động, với các mục tiêu kinh doanh của năm 2013:

- Tổng doanh thu đạt 7.737 tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2012
- Doanh thu khai thác mới tăng trưởng 10%
- Lợi nhuận trước thuế đạt 690 tỷ đồng

Bên cạnh chiến lược kinh doanh, trong năm 2013, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý, tổ chức theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế, bao gồm:

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đội ngũ tư vấn viên

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tận dụng tối đa ứng dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân. Nâng cao năng lực của hệ thống tư vấn viên bảo hiểm nhằm nâng cao chất lượng tư vấn tài chính cho khách hàng thông qua nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo tư vấn viên. Đẩy mạnh tuyển dụng, phát triển và đào tạo đội ngũ cán bộ phát triển kinh doanh, tư vấn viên, trưởng ban, trưởng nhóm. Tăng cường tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn và phát triển kênh bán hàng chủ yếu tại thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam.

Phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm để mang lại các giá trị gia tăng và quyền lợi tối ưu cho khách hàng. Chú trọng công tác phát triển sản phẩm phù hợp với điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường, tận dụng hơn nữa sức mạnh và ưu thế của Tập đoàn trong phát triển đa ngành. Đầu tư phát triển hệ thống phân phối đa kênh như kênh truyền thống (tư vấn viên), kênh đang phát triển (bancassurance, môi giới, telesales, website).

Nỗ lực để tiếp tục tăng trưởng mạnh trong doanh thu khai thác mới

Năm 2013 sẽ là năm Bảo Việt Nhân thọ triển khai đầy mạnh phối hợp với đối tác chiến lược để tăng cường năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ. Tập trung đẩy mạnh khai thác mới, phấn đấu tốc độ tăng trưởng doanh thu khai thác mới đạt mức 10%.

Tiếp tục củng cố mô hình quản trị hiện đại theo hướng tập trung hóa dựa trên nền tảng của công nghệ thông tin

Củng cố mô hình theo hướng tập trung và chuyên môn hóa, tận dụng tối đa những ưu điểm của mô hình tập trung để dẫn tiệm cận với mô hình quản trị quốc tế. Hoàn thiện việc triển khai các phần mềm trọng điểm phục vụ cho mô hình quản lý tập trung được ngày một hiệu quả hơn.

THÔNG TIN TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.340	1.809
Tiền và các khoản tương đương tiền	676	519
Các khoản đầu tư ngắn hạn	1.415	97
Các khoản phải thu	1.212	1.148
Hàng tồn kho	12	14
Tài sản ngắn hạn khác	24	32
TÀI SẢN DÀI HẠN	16.695	17.993
Tài sản cố định	576	502
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.083	17.411
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	58
Tài sản dài hạn khác	29	22
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	20.035	19.802
NỢ PHẢI TRẢ	18.321	18.229
Nợ ngắn hạn	934	1.963
Nợ dài hạn	66	59
Dự phòng nghiệp vụ	17.322	16.207
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.713	1.574
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.500	1.500
Lợi nhuận để lại và các quỹ	213	74
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	20.035	19.802

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011 (trình bày lại)
Tổng doanh thu	7.322	6.661
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	5.202	4.488
Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.108	2.167
Doanh thu từ hoạt động khác	13	6
Tổng chi phí	(6.628)	(6.054)
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	(5.030)	(4.053)
Chi phí từ hoạt động tài chính	(608)	(1.186)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(990)	(814)
Chi phí khác	(0,1)	(0,3)
Lợi nhuận trước thuế	694	606
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(161)	(140)
Lợi nhuận sau thuế	526	460

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT



ÔNG BÙI TUẤN TRUNG
Tổng Giám đốc

“Trong điều kiện khó khăn, công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý tài sản đầu tư an toàn và hiệu quả. Năm 2012 là dấu mốc quan trọng khi Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã cơ bản hoàn thành các nền tảng phát triển theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển dài hạn theo chiến lược của Công ty”



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Được thành lập từ năm 2005, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ. Đi cùng với sự biến đổi không ngừng của thị trường tài chính trong suốt những năm qua, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã và đang không ngừng phát triển, khẳng định vị thế là một trong những nhà đầu tư chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam.

Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 18.070 tỷ đồng.

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt cung cấp các dịch vụ đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế như: quản lý danh mục đầu tư, lập và quản lý quỹ đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán cho các công ty có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường. Với uy tín, kinh nghiệm và sự am hiểu sâu sắc thị trường Việt Nam, chúng tôi cam kết mang đến lợi ích cao nhất cho các Nhà đầu tư.

Hiện nay, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đang quản lý 6 danh mục và 1 quỹ thành viên (BVF1).

<http://www.baoviet.com.vn/quanlyquy>



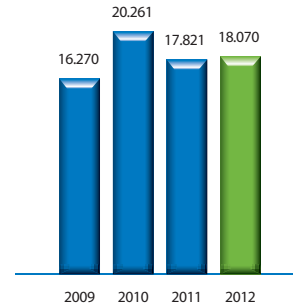
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012, nhiều quy định mới liên quan đến hoạt động của các công ty quản lý quỹ đã được ban hành, sửa đổi để tạo điều kiện cho việc mở rộng hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm nhưng phần lớn các công ty quản lý quỹ vẫn chưa tạo được bước đột phá. Tổng tài sản quản lý của ngành Quản lý quỹ sụt giảm khoảng 23% so với năm 2011. Sau hơn một năm Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quy định về quỹ mở, chỉ có hai quỹ mới được cấp phép chào bán trên thị trường.

Trước tình hình đó, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là một trong số ít những công ty quản lý quỹ vẫn duy trì kết quả hoạt động ổn định, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 18.070 tỷ đồng. Tổng doanh thu đạt 51 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 15 tỷ đồng, tăng 23,4% so với năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 29,3%, vượt 38,8% so với kế hoạch đề ra. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản đạt 20,2%.

Tổng tài sản quản lý
Đơn vị: Tỷ đồng



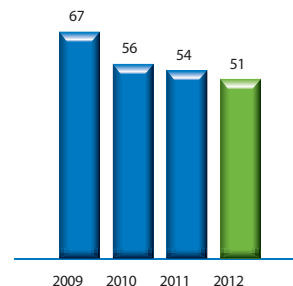
Tổng tài sản quản lý
18.070
tỷ đồng

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012

Chủ động, linh hoạt trong chính sách và hoạt động quản lý rủi ro

Chủ động tăng cường quản lý rủi ro, giảm tỷ trọng tài sản rủi ro cao, tăng tỷ trọng tài sản an toàn và thanh khoản tốt. Công tác quản lý rủi ro đã có những bước tiến đáng kể, đáp ứng tính "đi trước" mọi hoạt động, tạo ra sự minh bạch và hỗ trợ đắc lực cho công tác điều hành. Quy chế, chính sách đánh giá hoạt động cũng cơ bản hoàn thành, hiện đang trong giai đoạn cập nhật dữ liệu thị trường để có những chỉ tiêu đánh giá mang tính khả thi cao nhất.

Tổng doanh thu
Đơn vị: Tỷ đồng



Đảm bảo gia tăng lợi ích khách hàng trong hoạt động đầu tư lãi suất cố định

Trong hoạt động đầu tư lãi suất cố định, Công ty Quản lý Quỹ đã đưa ra được những dự báo phù hợp với diễn biến thị trường, dòng tiền của danh mục, yêu cầu đầu tư cụ thể của từng khách hàng và bám sát kế hoạch đề ra. Các khoản đầu tư mới đều được thực hiện trên cơ sở lãi suất đàm phán tốt nhất, đồng thời vẫn đảm bảo hạn mức tín dụng, quản lý rủi ro đã thống nhất với khách hàng.

LNST/vốn điều lệ
29,3%

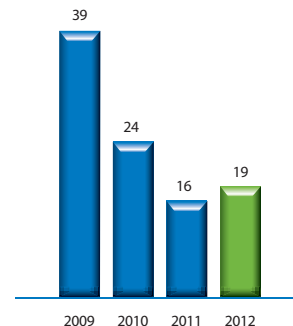
Tái cơ cấu và liên tục rà soát danh mục đầu tư

Trong hoạt động đầu tư cổ phiếu, với việc dự báo chính xác xu thế thị trường, Công ty đã xây dựng chiến lược đầu tư giảm tỷ trọng cổ phiếu, tập trung thanh toán, không giải ngân mới nhằm tăng tính thanh khoản cho danh mục.

Nỗ lực nghiên cứu, triển khai thử nghiệm sản phẩm mới để cung cấp cho khách hàng

Công tác nghiên cứu sản phẩm mới được triển khai bài bản và thận trọng nhằm chuẩn bị đầy đủ các tiến đề, sẵn sàng cho việc ra mắt sản phẩm mới trong năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế
Đơn vị: Tỷ đồng



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013

Bước sang năm 2013, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam bước sang thời kỳ hồi phục với những nỗ lực của Chính phủ nhằm ổn định vĩ mô, tạo nền tảng cho sự phát triển trong tương lai, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Tiếp tục quản lý hiệu quả các danh mục ủy thác để giữ vững niềm tin của khách hàng và uy tín của công ty

Công ty sẽ tích cực triển khai các giải pháp để mang lại hiệu quả tốt nhất cho các danh mục khách hàng ủy thác trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu đầu tư của khách hàng.

Tăng trưởng tổng tài sản ở mức hợp lý, khai thác khách hàng mới và triển khai quỹ mới thành công

Dự kiến năm 2013 Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ phát triển quỹ mở và một số sản phẩm mới để phục vụ đối tượng khách hàng đa dạng hơn, thu hút khách hàng trong nội bộ cũng như ngoài thị trường. Mức tăng trưởng tổng tài sản hợp lý từ 3-5% đảm bảo quản lý tài sản hiệu quả, mang lại lợi ích cho khách hàng và nhà đầu tư.

Đầu tư vào nền tảng công nghệ thông tin để tăng trưởng dịch vụ

Nâng cao sức cạnh tranh, kinh nghiệm đầu tư, nâng cao uy tín thương hiệu bằng cách tiếp tục đầu tư nền tảng để phát triển lâu dài: hệ thống công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực cạnh tranh.

Tăng cường kiểm soát rủi ro và đảm bảo hiệu quả đầu tư

Tăng cường hoạt động quản lý rủi ro cho danh mục khách hàng, tăng hiệu quả đầu tư bằng cơ chế quản lý để tiếp tục kiểm soát tốt rủi ro đầu tư và rủi ro hoạt động.



THÔNG TIN TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	72	77
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	5
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	57	59
Các khoản phải thu ngắn hạn	7	11
Tài sản lưu động khác	2	2
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	1	1
Tài sản cố định	1	1
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	73	78
NỢ PHẢI TRẢ	22	17
Nợ ngắn hạn	22	17
Nợ dài hạn	-	0
VỐN CHỦ SỞ HỮU	51	61
Vốn điều lệ	50	50
Lợi nhuận chưa phân phối	1	11
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	73	78

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011 (trình bày lại)
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	42	42
Chi phí hoạt động kinh doanh	(0,1)	(0,1)
Doanh thu hoạt động tài chính	9	11
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(33)	(37)
Lợi nhuận trước thuế	19	16
Lợi nhuận sau thuế	15	12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

"Với phương châm "Chung tay vượt khó, tạo đà phát triển", Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan năm 2012, giữ vững vị trí là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam luôn mang đến sự hài lòng nhất cho khách hàng và cổ đông"



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)

Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Trải qua hơn 13 năm hình thành và phát triển, với vai trò công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, không ngừng củng cố hoạt động, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, hoàn thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong lĩnh vực tư vấn, với đội ngũ chuyên gia được đào tạo bài bản và giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường Việt Nam, trong nhiều năm liên tiếp BVSC được vinh danh với các giải thưởng "Công ty tư vấn tốt nhất" do Tạp chí Finance Asia bình chọn, giải thưởng "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu" tại các diễn đàn M&A thường niên. Các thương vụ M&A do BVSC tư vấn cũng được bình chọn là những thương vụ tiêu biểu nhất trên thị trường.

<http://www.baoviet.com.vn/chungkhoan>



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Công ty Chứng khoán Bảo Việt đã nỗ lực từng bước vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2012.

- Tổng tài sản của BVSC tại thời điểm 31/12/2012 là 1.535 tỷ đồng, tăng 13% so với thời điểm 31/12/2011. Tổng doanh thu năm 2012 đạt 209 tỷ đồng, tương đương 136% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế là 77 tỷ đồng, đạt 530% so với chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Doanh thu môi giới cả năm đạt 48,8 tỷ đồng bằng 144,8% so với cùng kỳ năm trước và doanh thu từ hoạt động dịch vụ tài chính đạt 96,6 tỷ đồng, bằng 204,1% so với năm 2011. Hoạt động môi giới trái phiếu nắm vị trí thứ 2 trên sàn HNX trong năm 2012 với tỷ lệ 15,16%.
- Thị phần chung tại 03 sàn HSX, HNX và Upcom đạt 3,22%, tăng trưởng 12% so với thị phần chung năm 2011.
- Hệ số an toàn tài chính, hệ số vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2012 của BVSC là 453% gần gấp 3 lần so với chỉ tiêu vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012

Bên cạnh kết quả kinh doanh có lãi, BVSC cũng đạt được những tiến bộ vượt bậc trong công tác quản trị doanh nghiệp, cụ thể:

Phần mềm mới (FLEX) được đưa vào triển khai với các tính năng ưu việt giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và hoàn thiện công tác quản trị rủi ro

Ngày 16/04/2012, công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng phần mềm FLEX với nhiều tính năng linh hoạt, thông minh mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng. Phần mềm FLEX mới cho phép nhà đầu tư tự động tính toán sức mua, giúp cho nhà đầu tư có thể chủ động hoàn toàn trong việc quản lý các hoạt động đầu tư của mình một cách hiệu quả. Đặc biệt hơn nữa, hệ thống mới cho phép Nhà đầu tư ký quỹ, đặt lệnh tự động mà không cần thông qua chuyên viên môi giới, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty, nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc cũng như chất lượng môi giới.

Thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tăng trưởng 12% so với 2011, giữ vị trí TOP 2 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất tại HNX

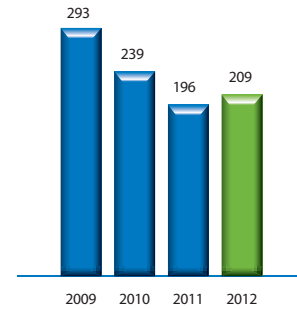
Nhờ triển khai và đưa vào sử dụng giải pháp công nghệ mới, hoạt động môi giới của công ty tiến từng bước vững chắc. Riêng thị phần giao dịch trái phiếu đứng thứ 2 trên sàn HNX, được UBCKNN trao tặng Giấy khen vì thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp năm 2012.

BVSC đạt giải “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu” trong 2 năm liên tiếp 2011, 2012 do Tạp chí Đầu tư Chứng khoán phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bình chọn.

Hệ số vốn khả dụng (k) đạt mức 453%, luôn cao hơn so với yêu cầu của UBCKNN

Với kết quả hoạt động tốt, năng lực tài chính của Công ty liên tục được cải thiện, hệ số vốn khả dụng của BVSC tại thời điểm 31/12/2012 đạt mức 453%, cao gần gấp 3 lần so với yêu cầu của UBCKNN và được xếp vào nhóm các công ty chứng khoán có năng lực tài chính tốt, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khá nhiều các công ty chứng khoán rơi vào tình trạng cảnh báo về tỷ lệ an toàn tài chính. Trong năm 2012 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã chọn lọc đưa cổ phiếu BVS nằm trong rổ cổ phiếu để xây dựng bộ chỉ số chứng khoán HNX30-IDX.

Tổng doanh thu
Đơn vị: Tỷ đồng



12%

Tăng trưởng về thị phần môi giới cổ phiếu và CCQ so với 2011

TOP 2

công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất tại HNX

Hệ số vốn khả dụng đạt

453%



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013

Đối với các công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, diễn biến của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, các định hướng chính sách mà Chính phủ thực thi trong năm 2013 sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường và là thách thức đối với các công ty khi triển khai hoạt động kinh doanh.

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2013, trên quan điểm thận trọng và ưu tiên mục tiêu bảo toàn vốn trước cổ đông, BVSC sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp kinh doanh để tiếp tục phấn đấu hoàn thành mục tiêu đề ra.

Nâng cao năng lực phục vụ khách hàng qua hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại

Trong năm 2013, BVSC sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực triển khai phân hệ Home Trading của dự án Core Securities, đồng thời tiếp tục triển khai dự án Database và Webportal nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ tốt hơn nhu cầu giao dịch của khách hàng, cũng như nâng cao hình ảnh của công ty trên thị trường.

Chú trọng đặc biệt tới công tác phát triển nguồn nhân lực

Đẩy mạnh phát triển các chính sách đào tạo để nâng cao trình độ cho cán bộ nhân viên và khả năng phát triển khách hàng cho các nhân viên kinh doanh. Đặc biệt công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng mềm như kỹ năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc và phục vụ khách hàng, phát triển năng lực nội bộ tham chiếu trên cơ sở bản đồ học tập chung của Tập đoàn Bảo Việt.

Tập trung tối đa nguồn lực tài chính của Công ty để cung cấp các dịch vụ tiện ích cho khách hàng và các công tác hỗ trợ khác

BVSC sẽ phối hợp với các ngân hàng và tổ chức tín dụng tìm kiếm nguồn tài chính nhằm cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ. Ngoài ra, công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất triển khai các sản phẩm dịch vụ tiện ích đi kèm nhằm thu hút khách hàng giao dịch mới, với mục tiêu nâng cao thị phần giao dịch trên cả 2 sàn HSX, HNX.



THÔNG TIN TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	1.245	997
Tiền và các khoản tương đương tiền	599	539
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	423	410
Các khoản phải thu ngắn hạn	220	45
Tài sản ngắn hạn khác	4	3
TÀI SẢN DÀI HẠN	289	361
Tài sản cố định	13	18
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	257	329
Tài sản dài hạn khác	19	14
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.535	1.358
NỢ PHẢI TRẢ	409	310
Nợ ngắn hạn	409	310
Nợ dài hạn	-	0
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.126	1.048
Vốn điều lệ đã góp	722	722
Thặng dư vốn cổ phần	610	610
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	(207)	(284)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.535	1.358

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu	209	196
Chi phí hoạt động kinh doanh	(90)	(256)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(41)	(40)
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	77	(100)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	77	(100)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT



ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN

Tổng Giám đốc

“Ngân hàng Bảo Việt đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới, phát triển hoạt động kinh doanh trong tương lai”



TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢO VIỆT

Ngân hàng Bảo Việt với các cổ đồng sáng lập là Tập đoàn Bảo Việt, Tổng Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk) và Công ty Cổ phần Tập đoàn CMC cùng một số cổ đồng là các tổ chức có uy tín khác trong nước được thành lập và đi vào hoạt động năm 2009.

Năm 2012, mặc dù thị trường ngân hàng gặp rất nhiều khó khăn, bất ổn nhưng Ngân hàng Bảo Việt vẫn hoạt động an toàn, đảm bảo thanh khoản, kiểm soát chất lượng tín dụng, từng bước ổn định mô hình tổ chức và nhân sự chủ chốt... Ngân hàng Bảo Việt đã được Ngân hàng Nhà nước xếp vào nhóm ngân hàng hoạt động an toàn - hiệu quả. Ngân hàng luôn thực hiện chiến lược tăng trưởng thận trọng, vững chắc và đảm bảo chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

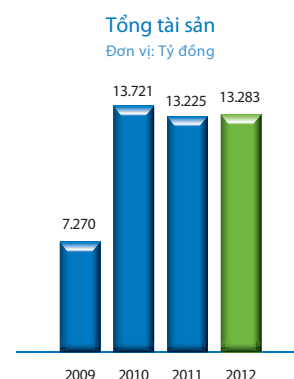
Cũng trong năm 2012, Ngân hàng Bảo Việt đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

<http://www.baoviet.com.vn/nganhang>

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Đứng trước khó khăn thách thức của nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là ngành ngân hàng trong năm qua, Ngân hàng Bảo Việt vẫn duy trì hoạt động ổn định và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới trên nền tảng các sản phẩm của ngân hàng điện tử và bancassurance để tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường, giữ vững được thanh khoản cho ngân hàng cũng như đạt được những kết quả kinh doanh khá ấn tượng, cụ thể như sau:

- Tổng huy động đạt 6.265 tỷ đồng, tổng cho vay khách hàng đạt 6.748 tỷ đồng
- Doanh thu từ hoạt động bancassurance đạt 21 tỷ đồng
- Tổng tài sản đạt 13.283 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 121 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế đạt 91 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản đạt 0,73%
- Hệ số an toàn vốn đạt 42,46%



THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012

Để đạt được những thành quả trên, Ngân hàng Bảo Việt đã triển khai triệt để những giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, cụ thể:

Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng

Ngân hàng Bảo Việt đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu vốn để phát triển theo chiến lược đã đề ra trong giai đoạn tiếp theo.

Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ

Phát triển sản phẩm, dịch vụ đồng thời áp dụng các chính sách phù hợp, thu hút được sự chú ý của khách hàng, góp phần giới thiệu rộng rãi thương hiệu Ngân hàng Bảo Việt đến với người tiêu dùng. Đưa vào vận hành các sản phẩm mới nhằm thực hiện tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tiếp tục đưa vào sử dụng các sản phẩm mới của hệ thống ngân hàng điện tử tạo điều kiện cho khách hàng giao dịch thuận tiện và nhanh nhất.

Tăng cường quản trị nội bộ ngân hàng

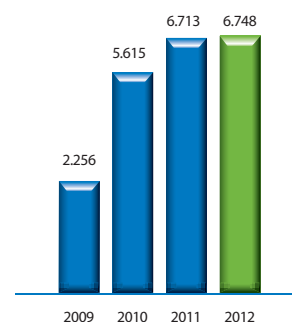
Với phương châm hoạt động "An toàn – hiệu quả để phát triển", Ngân hàng Bảo Việt đã chú trọng kiện toàn bộ máy nhân sự cao cấp, thực hiện mô hình quản lý tập trung một cách triệt để đồng thời đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, tập trung xử lý nợ xấu hiệu quả.

Đẩy mạnh và phát triển bancassurance

Ngân hàng Bảo Việt đã cùng Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ phát triển các sản phẩm kết hợp ngân hàng-bảo hiểm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và đã đạt được mức tăng trưởng khả quan qua các năm.



Cho vay khách hàng
Đơn vị: Tỷ đồng



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013

Năm 2013 được dự đoán tiếp tục là một năm khó khăn với nền kinh tế trong đó có ngành ngân hàng. Với phương châm hoạt động “An toàn – hiệu quả để phát triển”, Ngân hàng Bảo Việt sẽ tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- **Kiện toàn mô hình tổ chức:** Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức để vận hành hiệu quả; xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, sáng tạo và trẻ trung; hoàn thiện chính sách lương, phúc lợi và đãi ngộ dựa trên hiệu quả công việc của nhân viên; xây dựng và hướng tới văn hóa quản trị theo hiệu quả công việc.
- **Hoạt động kinh doanh:** Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng tín dụng, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị vận hành đáp ứng mục tiêu tăng trưởng tín dụng bền vững và hiệu quả.
- **Chú trọng phát triển sản phẩm:** Duy trì và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ chất lượng, nâng cao ứng dụng tiện ích của ngân hàng hiện đại để gia tăng giá trị cho cổ đông, khách hàng và xã hội; đẩy mạnh liên kết giữa Ngân hàng bán lẻ và Ngân hàng doanh nghiệp, tăng cường hợp tác giữa Ngân hàng Bảo Việt với các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Bảo Việt để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ liên kết toàn diện đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng và lợi ích cho từng thành viên trong hệ thống Bảo Việt.
- **Cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng:** Chú trọng vào các hoạt động nhằm mang lại sự hài lòng cho khách hàng và giúp cho Ngân hàng tăng cường được năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- **Đẩy mạnh các hoạt động hướng tới cộng đồng xã hội:** Tiếp tục các hoạt động hướng đến cộng đồng xã hội với những hành động thiết thực, có ý nghĩa bằng sự chung tay góp sức của cả ngân hàng cũng như trong mỗi cán bộ nhân viên.



THÔNG TIN TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	109	107
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	278	224
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	4.280	3.259
Chứng khoán kinh doanh	95	543
Cho vay khách hàng	6.611	6.633
Chứng khoán đầu tư	1.536	2.091
Tài sản cố định	67	84
Tài sản có khác	307	284
TỔNG TÀI SẢN	13.283	13.225
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	0	859
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.535	3.573
Tiền gửi của khách hàng	6.265	7.030
Các khoản nợ khác	329	92
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	10.130	11.554
Vốn điều lệ	3.000	1.500
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	153	171
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.153	1.671
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	13.283	13.225

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.515	1.684
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1.118)	(1.317)
THU NHẬP LÃI THUẦN	397	367
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	15	18
Chi phí hoạt động dịch vụ	(7)	(10)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	8	8
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	0	4
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	24	57
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	429	437
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(249)	(240)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	179	197
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(58)	(43)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	121	154
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	91	116

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT



ÔNG BÙI THANH NGUYỄN
Tổng Giám đốc

“Công ty Đầu tư Bảo Việt đã chuẩn bị các nền móng vững chắc tạo đà cho phát triển và chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, tư vấn và kinh doanh bất động sản để đón bắt xu thế mới của thị trường”



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Công ty Đầu tư Bảo Việt được thành lập nhằm chuyên nghiệp hóa các hoạt động đầu tư, quản lý bất động sản của Tập đoàn Bảo Việt.

Nguồn lực tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt hiện nay đủ khả năng triển khai thực hiện các dự án lớn ở tất cả các lĩnh vực đầu tư với quy mô vốn lên tới hàng chục ngàn tỷ đồng. Công ty thực hiện kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản; lập dự án đầu tư và xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường...

<http://www.baoviet.com.vn/dautu>

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

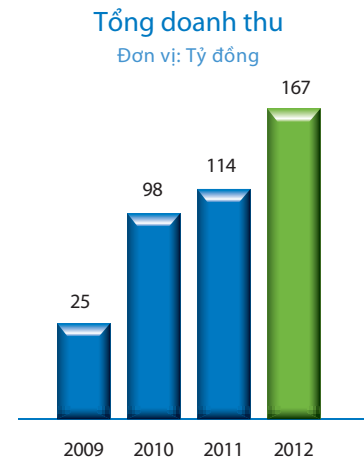
Trong năm 2012, Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và đã đạt được một số thành tựu trong kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 167 tỷ đồng; trong đó doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp là 81 tỷ đồng, doanh thu từ dịch vụ quản lý tòa nhà là 34 tỷ đồng, doanh thu hoạt động thương mại đạt 38 tỷ đồng, doanh thu tài chính và các doanh thu khác đạt 15 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 12 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 9 tỷ đồng.

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012

Năm 2012, Công ty Đầu tư Bảo Việt đã từng bước nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực Quản lý tòa nhà, đầu tư, thi công xây lắp, trong đó có những thành tựu đáng kể như:

- Tập trung phát triển lĩnh vực Quản lý Bất động sản, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản lý, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Từng bước triển khai các dự án Bất động sản trọng điểm, điều chỉnh sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường.
- Thực hiện thi công xây lắp các công trình trên khắp cả nước.
- Kiện toàn bộ máy hoạt động, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.



Lợi nhuận trước thuế

12
tỷ đồng

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2013

Công ty Đầu tư Bảo Việt đặt mục tiêu trong năm 2013 sẽ tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi của Công ty với nhóm giải pháp sau:

- Tập trung đẩy mạnh cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản với mục tiêu chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm cung cấp dịch vụ quản lý tốt nhất để không chỉ cung cấp cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên mà sẽ từng bước sẽ mở rộng thị trường bên ngoài.
- Tập trung đầu tư những dự án trọng điểm, điều chỉnh sản phẩm phù hợp với khả năng tiêu thụ của thị trường;
- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao khả năng quản lý nguồn nhân lực và chất lượng nhân lực phục vụ mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	322	233
Tiền và các khoản tương đương tiền	29	46
Các khoản phải thu ngắn hạn	194	83
Hàng tồn kho	98	102
Tài sản ngắn hạn khác	0.4	2
TÀI SẢN DÀI HẠN	6	73
Tài sản cố định	5	7
Tài sản dài hạn khác	1	1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	65
TỔNG TÀI SẢN	328	306
NỢ PHẢI TRẢ	116	87
Nợ ngắn hạn	115	87
Nợ dài hạn	0	0
VỐN CHỦ SỞ HỮU	212	219
Vốn điều lệ đã góp	200	200
Lợi nhuận chưa phân phối và các Quỹ	10	19
TỔNG NGUỒN VỐN	328	306

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng	153	87
Giá vốn hàng bán	(145)	(81)
Doanh thu hoạt động tài chính	15	27
Chi phí tài chính	(1)	(2)
Chi phí bán hàng	(2)	(1)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(8)	(9)
Lợi nhuận trước thuế	12	21
Lợi nhuận sau thuế	9	16

MỞ RỘNG TẦM NHÌN

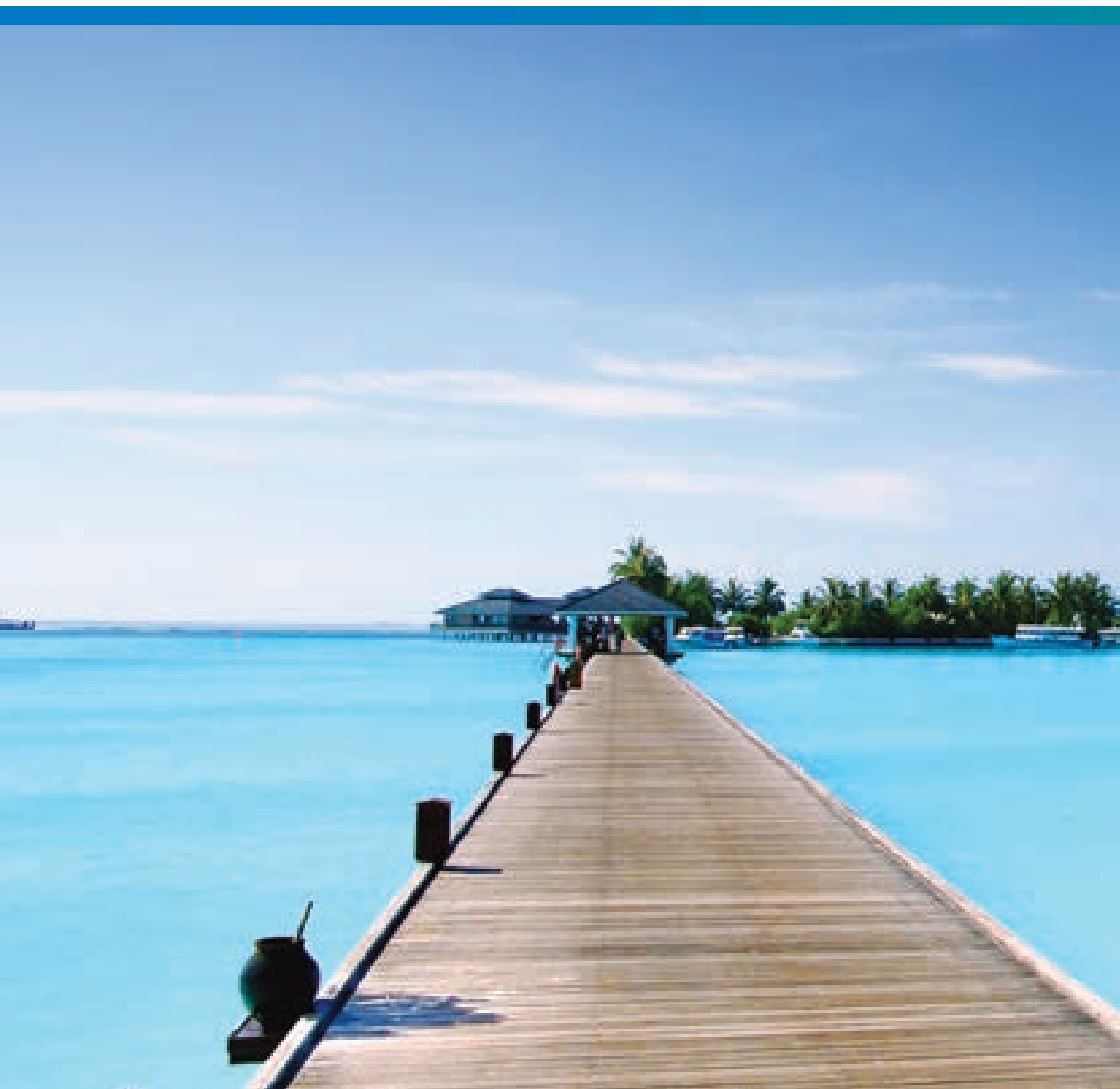
EXPANDING YOUR VISION



ECO
Think green

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nâng tầm giá trị



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT
BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
QUẢN LÝ RỦI RO
KIỂM TOÁN NỘI BỘ



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Năm 2012, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012; thực hiện công tác nhân sự và phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2017; kiện toàn nhân sự các Ủy ban thuộc HĐQT nhằm củng cố chức năng tham mưu đối với HĐQT trong công tác quản trị doanh nghiệp"



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. HĐQT thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Trong năm 2012, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn và Quy chế hoạt động của HĐQT với số lượng thành viên HĐQT là 08 (tám) thành viên. Bên cạnh đó, HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế báo cáo theo quy định của Công ty niêm yết về công tác kiểm toán và báo cáo định kỳ kết quả kiểm toán và quản trị theo quy định. Các báo cáo đều được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập do ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012 (đã kết thúc nhiệm kỳ vào ngày 29/11/2012)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Thành viên HĐQT
3	Ông Trần Hữu Tiến	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT
5	Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT
6	Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT
8	Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012

(do ĐHĐCĐ bất thường năm 2012 của Tập đoàn Bảo Việt bầu vào ngày 29/11/2012)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT
5	Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT
8	Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT

Về cơ cấu HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, các thành viên HĐQT không điều hành khác bao gồm: Ông Trần Trọng Phúc, Ông Nguyễn Đức Tuấn, Ông Charles Gregory và Ông Nguyễn Quốc Huy. Các thành viên nói trên là đại diện của 03 cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt là Bộ Tài chính, HSBC và SCIC. Ông Nguyễn Quốc Huy (đại diện của SCIC) là thành viên HĐQT độc lập do SCIC là cổ đông sở hữu 3,26% vốn điều lệ (theo quy định của pháp luật, SCIC không phải là cổ đông lớn do sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2012

Theo Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2012, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, theo đó HĐQT đã tổ chức 07 (bảy) phiên họp trong đó có 04 (bốn) phiên họp định kỳ hàng quý và 03 (ba) phiên họp bất thường. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng những quy định tại Điều lệ của Tập đoàn và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012 (từ ngày 01/01/2012 đến ngày 28/11/2012)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	5	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012, Tổng Giám đốc Tập đoàn	5	100%	
3	Ông Trần Hữu Tiến	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012	5	100%	
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	5	100%	
5	Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT	4	80%	Do bận công tác, và đã ủy quyền cho ông Lê Quang Bình tham dự
6	Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT	5	100%	
7	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	5	100%	
8	Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT	5	100%	

Các cuộc họp HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017 (từ ngày 29/11/2012 đến ngày 31/12/2012)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	2	100%	
2	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	2	100%	
3	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	2	100%	
4	Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT	2	100%	
5	Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT	2	100%	
6	Ông Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT	1	50%	Do bận công tác và đã ủy quyền cho ông Lê Quang Bình tham dự
7	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	2	100%	
8	Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT	2	100%	

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh giai đoạn 05 năm 2011 – 2015; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2012; thực hiện công tác nhân sự và phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017; kiện toàn nhân sự các Ủy ban thuộc HĐQT nhằm củng cố chức năng tham mưu đối với HĐQT trong công tác quản trị doanh nghiệp. Ngoài các phiên họp HĐQT trên, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết gần 100 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về đầu tư xây dựng công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực, hoạt động đầu tư...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT; ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng lòng của các thành viên Hội đồng Quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2012/NQ-HĐQT	10/01/2012	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 và định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2012; Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2012.
2	02/2012/NQ-HĐQT	11/02/2012	Kế hoạch tiết giảm chi phí đối với Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ.
3	03/2012/NQ-HĐQT	11/02/2012	Kế hoạch tiết giảm chi phí đối với các Công ty thành viên do Tập đoàn nắm giữ cổ phần chi phối.
4	04/2012/NQ-HĐQT	14/03/2012	Chủ trương tham gia đầu tư vào dự án xây dựng Tháp Tài chính Bảo Việt – SCIC.
5	05/2012/NQ-HĐQT	05/04/2012	Bổ sung ngân sách của Dự án InsureJ.
6	06/2012/NQ-HĐQT	13/04/2012	Kết quả kinh doanh năm 2011, kế hoạch kinh doanh 2012; Nội dung các báo cáo trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012.
7	07/2012/NQ-HĐQT	13/04/2012	Kết quả kinh doanh năm 2011 và kế hoạch kinh doanh năm 2012; Phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để lại cho các Công ty Con Tập đoàn đầu tư 100% vốn năm 2011.
8	08/2012/NQ-HĐQT	25/05/2012	Tập đoàn Bảo Việt góp tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
9	09/2012/NQ-HĐQT	02/8/2012	Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 và mục tiêu kinh doanh đến cuối năm 2012; Báo cáo tình hình tiết giảm chi phí trong 6 tháng đầu năm 2012 và các giải pháp thực hiện tiết giảm chi phí trong năm 2012; Tình hình thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2012 và kế hoạch kiểm toán nội bộ Quý III/2012.
10	10/2012/NQ-HĐQT	15/10/2012	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2012 của Tập đoàn Bảo Việt; Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ I (2007-2012) tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2012 – 2017) được Đại hội đồng Cổ đông bầu và tiếp quản công việc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt; Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Phúc Lâm tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt; Bổ nhiệm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro và Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin.
11	11/2012/NQ-HĐQT	15/10/2012	Kéo dài thời hạn thực hiện Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và HSBC Insurance Asia-Pacific Holdings Limited.
12	12/2012/NQ-HĐQT	26/11/2012	Kết quả kinh doanh 10 tháng đầu năm 2012 và định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013.
13	13/2012/NQ-HĐQT	29/11/2012	Bầu Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017.
14	14/2012/NQ-HĐQT	29/11/2012	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt.
15	15/2012/NQ-HĐQT	05/12/2012	Nhân sự các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2017; Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 -2017.
16	16/2012/NQ-HĐQT	05/12/2012	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2013.
17	17/2012/NQ-HĐQT	19/12/2012	Chủ trương ký các thỏa thuận, phê duyệt nội dung dự thảo các Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực.
18	18/2012/NQ-HĐQT	28/12/2012	Tập đoàn Bảo Việt góp tăng vốn điều lệ Ngân hàng TMCP Bảo Việt lên 3.000 tỷ đồng.



MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

HDQT đã duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Tập đoàn

Trong năm 2012, giữa Ban Kiểm soát với HDQT Tập đoàn đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Tập đoàn, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các Quy chế nội bộ. Ban Kiểm soát thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát hoạt động của HDQT trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, theo đó trong năm 2012 Ban Kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT và không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của HDQT; các hoạt động của các thành viên HDQT đảm bảo tính hợp pháp, không có hành vi vi phạm pháp luật, hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn. Sự phối hợp tốt giữa Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, hướng tới bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tập đoàn và cổ đông.

HDQT thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

Trong năm 2012, HDQT tiếp tục thực hiện chức năng quản lý Tập đoàn thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HDQT và thực hiện điều hành Tập đoàn thông qua Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được mời tham dự và báo cáo tại các cuộc họp của HDQT, đồng thời được thông báo đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HDQT để đảm bảo Ban Điều hành thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn được giao và các chỉ đạo của HDQT trong từng thời điểm. Nhìn chung, HDQT đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HDQT

Trong năm 2012, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, cụ thể:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012 đã được ĐHCĐ và HDQT phê duyệt.
- Hoàn thiện việc xây dựng các nền tảng phát triển bền vững theo định hướng chiến lược kinh doanh 2011 – 2015.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HDQT.
- Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HDQT phê duyệt.

Trong năm 2012, HDQT chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HDQT đối với Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt và không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Tập đoàn của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2013

ĐHĐCĐ bất thường năm 2012 của Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức vào tháng 11/2012 đã bầu HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2012 – 2017 bao gồm 8 thành viên HĐQT và 5 thành viên BKS. Nhân sự HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2012 - 2017 đảm bảo sự ổn định, kế thừa và góp phần nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo mô hình Tập đoàn, đồng thời đảm bảo tuân thủ yêu cầu của Công ty Cổ phần đại chúng niêm yết có đối tác chiến lược nước ngoài với việc tăng số thành viên chuyên trách, không tham gia điều hành ở các Công ty Con để tăng cường tính độc lập trong các quyết định của HĐQT, tiếp tục nâng cao năng lực các Ủy ban tư vấn thuộc HĐQT.



Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2012 của Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức vào tháng 11/2012 đã bầu HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017

Năm 2013 được xác định là năm bản lề trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh 2011 – 2015 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt. Với vị trí quan trọng này, trong năm 2013, HĐQT định hướng tiếp tục tập trung duy trì tăng trưởng bền vững, tạo sự chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả; nâng cao tính chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ mạnh mẽ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam của Bảo Việt. Với định hướng này, HĐQT đã đưa ra các nhóm giải pháp để Ban Điều hành thực hiện trong năm 2013, đồng thời HĐQT chỉ đạo tập trung công tác dự báo, thường xuyên theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế và hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Với những nền tảng mới đã được xây dựng trong giai đoạn 05 (năm) sau cổ phần hóa, trong giai đoạn 2012 - 2017, HĐQT sẽ tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong các lĩnh vực liên quan tới chỉ đạo chiến lược; xây dựng và hoàn thiện các cơ chế quản trị nội bộ, giám sát rủi ro; quy hoạch phát triển nhân sự cao cấp. Nhìn lại một năm qua, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, xây dựng những nền tảng quan trọng để thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2011 – 2015.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



ÔNG PHAN KIM BẰNG
Trưởng Ban Kiểm soát

“Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt được Đại hội đồng Cổ đông Tập đoàn bầu ra và hoạt động tuân thủ theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 29/11/2005, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan. Ban Kiểm soát đã ban hành bằng văn bản Quy chế hoạt động cụ thể với nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật và những thông lệ quản trị tốt nhất”



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Năm 2012 là năm chuyển giao nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát (BKS) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Pháp luật. Thành phần Ban Kiểm soát tại các thời điểm cụ thể trong năm như sau:

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2007-2012 kết thúc nhiệm kỳ ngày 29/11/2012

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Thực	Trưởng Ban Kiểm soát	04 tháng 10 năm 2007	29 tháng 11 năm 2012
Ông Trần Minh Thái	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	29 tháng 11 năm 2012
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	29 tháng 11 năm 2012
Ông Lê Văn Chí	Thành viên	04 tháng 10 năm 2007	16 tháng 04 năm 2012
Ông Christopher Edwards	Thành viên	17 tháng 04 năm 2010	01 tháng 04 năm 2012
Ông Lui Ho Yin Danny	Thành viên	26 tháng 04 năm 2012	29 tháng 11 năm 2012

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 29/11/2012

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	29 tháng 11 năm 2012
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	29 tháng 11 năm 2012
Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	29 tháng 11 năm 2012
Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	29 tháng 11 năm 2012
Ông Lui Ho Yin Danny	Thành viên	29 tháng 11 năm 2012

Ban Kiểm soát tại thời điểm hiện tại có 5 thành viên được Đại hội đồng Cổ đông bất thường Tập đoàn Bảo Việt tổ chức ngày 29/11/2012 bầu với nhiệm kỳ hoạt động 5 năm (2012-2017). Các thành viên Ban Kiểm soát đều đáp ứng đủ tư cách và có đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ của mình.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012

Ban Kiểm soát là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức của Tập đoàn Bảo Việt, là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng Cổ đông thực hiện nghĩa vụ giám sát việc quản trị, điều hành Tập đoàn của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và mọi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt; Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình hoạt động, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Ban Kiểm soát đã ban hành và tuân thủ triệt để “Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát” ban hành kèm theo quyết định số 915/2008/QĐ-BKS ngày 14/10/2008.

Trong năm 2012, với thẩm quyền của mình, kết quả việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đạt được một số nội dung cơ bản như sau:

- **Thực hiện giám sát** việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường của Tập đoàn Bảo Việt, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các quy định quản lý nội bộ trong quản trị và điều hành thông qua việc tham dự các phiên họp định kỳ hàng quý của Hội đồng Quản trị và các phiên họp giao ban định kỳ hàng tháng của Tổng Giám đốc; tiếp cận các tài liệu, báo cáo, thông tin do Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cung cấp.
- **Đề xuất việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập:** Ban Kiểm soát làm đầu mối cùng các Công ty Con, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát lập thư chào, nhận và xem xét hồ sơ đề xuất cung cấp dịch vụ kiểm toán nhằm thống nhất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo danh sách đã được ĐHĐCĐ thông qua. Thống nhất các nội dung, phạm vi, tiến độ và mức phí kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính trong năm tài chính 2012 và các năm tiếp theo 2013, 2014 của Tập đoàn Bảo Việt, các Công ty con theo đúng quy định của Pháp luật.
- **Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh:** Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán làm việc với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán và các vấn đề phát sinh liên quan đến kiểm toán độc lập, thực hiện việc giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét và kiểm toán các BCTC trong năm 2012 theo Hợp đồng Cung cấp Dịch vụ Kiểm toán đã được ký kết với Công ty TNHH Ernst & Young Vietnam (E&Y); Tổ chức xem xét, thẩm tra các BCTC bán niên, các BCTC quý và BCTC năm 2012 của Tập đoàn được soát xét/kiểm toán bởi E&Y; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Tổng Giám đốc Tập đoàn và HĐQT. Ban Kiểm soát không có bất cứ sự phản đối nào về các số liệu đã được thể hiện trong các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2012 của TĐBV.
- **Giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro** thông qua việc xem xét, thảo luận các báo cáo kiểm toán nội bộ do bộ phận kiểm toán nội bộ cung cấp.
- **Bầu Trưởng Ban Kiểm soát** và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2012-2017

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: Văn phòng Hội đồng Quản trị, Ban Thư ký Tập đoàn và Ủy ban Kiểm toán để nắm bắt kịp thời các thông tin về công tác quản trị của Hội đồng Quản trị, sự chỉ đạo điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc. Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, xin ý kiến các thành viên Ban Kiểm soát, duy trì đều đặn các cuộc họp nhằm thảo luận thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách nhiệm vụ của mình.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên quan đến hoạt động năm 2012

Phiên họp	Số thành viên dự	Nội dung
Lần thứ 1 Ngày 03/07/2012	3/4 Mở rộng các Kế toán trưởng/Trưởng Ban Kiểm soát các Công ty Con, Công ty liên kết.	Xem xét hồ sơ mời và các đề xuất cung cấp dịch vụ kiểm toán nhằm thống nhất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán và soát xét các Báo cáo Tài chính của Tập đoàn và các Công ty Con; Bàn bạc thống nhất việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, mức phí kiểm toán.
Lần thứ 2 Ngày 14/11/2012	3/4	Thông qua báo cáo đánh giá hoạt động BKS nhiệm kỳ 2007-2012 trình ĐHĐCĐ bất thường tổ chức ngày 29/11/2012; Các nội dung khác phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ.
Lần thứ 3 Ngày 29/11/2012	4/5	Bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2012-2017.
Lần thứ 4 Ngày 29/11/2012	4/5	Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017; Thông qua chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013; Thông qua các công việc trọng tâm cần thực hiện trong quý I/2013.
Lần thứ 5 Ngày 05/04/2013	4/5	Thông qua báo cáo giám sát tình hình hoạt động, kết quả giám sát hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành; Thông qua báo cáo hoạt động BKS giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ 2012-2013, và chương trình hoạt động BKS giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ 2013-2014.

(*) Các thành viên Ban kiểm soát không tham gia dự họp đều có ý kiến bằng văn bản gửi tới cuộc họp

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2012, Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Tập đoàn của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý; giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã duy trì được quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Tập đoàn, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ.

**ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2013**

Năm 2013, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường giám sát hoạt động quản trị, hoạt động của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro...hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực và mức độ cẩn trọng trong hoạt động quản trị, quản lý, điều hành kinh doanh.

Ban Kiểm soát hoàn toàn tin tưởng vào năng lực quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành sẽ lãnh đạo Tập đoàn thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch năm 2013 và chiến lược kinh doanh 2011-2015 mà ĐHĐCĐ đã thông qua.



Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2012 của Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức vào tháng 11/2012 đã bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

“Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu là Tập đoàn Bảo Việt tại các công ty con thông qua hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn về chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm tra kiểm soát và cơ chế bổ nhiệm và báo cáo của người đại diện vốn của Tập đoàn tại các công ty con do Tập đoàn đầu tư vốn”



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Bảo Việt thực hiện cổ phần hóa thành công và bắt đầu hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ tháng 10/2007 theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con. Quan hệ giữa Công ty Mẹ (Tập đoàn Bảo Việt) với các Công ty Con, các công ty Liên kết được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan. Theo đó, Công ty Mẹ “Tập đoàn Bảo Việt” là công ty cổ phần có chức năng đầu tư vốn vào các Công ty Con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực nông cốt khác theo quy định của pháp luật.

Từ ngày 01/07/2008, mô hình quản trị doanh nghiệp mới đã được áp dụng tại Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt

Theo đó mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị (bao gồm các Ủy ban chức năng giúp việc); Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng giúp việc. Cơ cấu tổ chức của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Tập đoàn quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Khối thông qua Giám đốc phụ trách Khối.

Mô hình tại các Công ty Con do Tập đoàn đầu tư 100% vốn và sở hữu cổ phần chi phối

Các Công ty Con do Tập đoàn đầu tư 100% vốn kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, quản lý quỹ được tổ chức theo mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Hội đồng Thành viên là đại diện cho chủ sở hữu - Tập đoàn Bảo Việt - tại các Công ty Con. Các Công ty Con là Công ty cổ phần trong các lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, đầu tư được tổ chức theo mô hình do HĐQT Tập đoàn Bảo Việt cử đại diện vốn nắm quyền sở hữu chi phối. Sự chi phối sở hữu giúp Tập đoàn Bảo Việt có thể quyết định các vấn đề chiến lược, đầu tư và nhân sự cao cấp tại các Công ty này nhằm phối hợp hoạt động của Công ty trong mô hình Tập đoàn chung.



Bộ máy điều hành của các Công ty Con: song song với quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi mô hình kinh doanh từ phân tán sang tập trung, bộ máy điều hành tại Công ty Con cũng đang được từng bước đổi mới theo hướng thành lập các Khối chức năng nhằm tăng cường sự chủ động của các Giám đốc Khối trong chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh tại các Công ty Con và các công ty, chi nhánh, đơn vị thành viên. Việc chuyên môn hóa theo Khối đang đem lại nhiều kết quả quan trọng trong nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ khách hàng tại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt. Bộ máy điều hành của các Công ty Con đang dần từng bước kiện toàn phù hợp với trình độ và năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ và quá trình áp dụng công nghệ tin học và quản lý tại các đơn vị.

Mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của HĐQT đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu là Tập đoàn Bảo Việt tại các Công ty Con thông qua hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn về chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm tra kiểm soát và cơ chế bổ nhiệm và báo cáo của người đại diện vốn của Tập đoàn tại các Công ty Con do Tập đoàn đầu tư vốn. Công ty Mẹ đã thực hiện quyền chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại các Công ty Con qua hoạt động của Những người đại diện vốn nhằm chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, phối hợp hoạt động kinh doanh, chuyên môn hóa trong toàn Tập đoàn.



BÁO CÁO CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN

Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ
Tài sản Có (ALCO)

Hội đồng Quản lý Rủi ro (RMC)

Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế, HĐQT đã thành lập các Ủy ban, Hội đồng chức năng giúp việc để có thể thực hiện công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư. Trong năm 2012, HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2017 đã tiếp tục kiện toàn và củng cố nhân sự của các Ủy ban nhằm phát huy vai trò quan trọng của Ủy ban trong tham mưu cho HĐQT thực hiện kiểm tra, kiểm soát, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chiến lược phát triển và chính sách đầu tư.

ỦY BAN KIỂM TOÁN



ÔNG NGUYỄN QUỐC HUY

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán nhiệm kỳ 2007 – 2012 gồm 05 thành viên, do ông Nguyễn Quốc Huy – thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, là Chủ nhiệm Ủy ban. Tháng 12/2012, HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 tiếp tục cử ông Nguyễn Quốc Huy giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán nhiệm kỳ 2012-2017.

Chức năng chính của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ, đảm bảo mọi hoạt động trong Tập đoàn và các Công ty Con được tuân thủ nghiêm ngặt. UBKT chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt trước khi trình HĐQT; kiểm tra, giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ và sự hợp tác giữa Ban Kiểm toán nội bộ với tổ chức kiểm toán độc lập; và các hoạt động khác được quy định tại Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban.

Trong năm 2012, dưới sự chỉ đạo của UBKT, Bộ phận Kiểm toán nội bộ Tập đoàn đã thực hiện 31 cuộc kiểm toán, đưa ra các phát hiện và khuyến nghị kịp thời, thuyết phục, khả thi nhằm hỗ trợ các đơn vị được kiểm toán triển khai thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý, tính tuân thủ.

Tháng 8/2012, nhằm tăng cường hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, HĐQT đã ra quyết định kiện toàn tổ chức bộ máy Kiểm toán nội bộ Tập đoàn với việc thành lập các Ban: Ban Kiểm toán hoạt động Bảo hiểm Phi Nhân thọ; Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm Nhân thọ; và Ban Kiểm toán hoạt động Đầu tư. Đây là một bước quan trọng hướng tới việc thực hiện kiểm toán toàn bộ các hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện chủ trương của HĐQT trong việc tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát trên toàn Tập đoàn, đồng thời đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động kinh doanh.

Để tiếp tục tăng cường vai trò của hoạt động kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 đã thống nhất số lượng thành viên Ủy ban Kiểm toán nhiệm kỳ 2012-2017 là 4 thành viên gồm các ông/bà:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban
2	Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên Thường trực Ủy ban
3	Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT – Ủy viên Ủy ban
4	Lê Văn Bình	Giám đốc Kiểm toán nội bộ - Ủy viên Ủy ban

Với nền tảng kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và kiểm toán nội bộ, trong năm 2013 và trong nhiệm kỳ 2012 - 2017, Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo hoạt động kiểm toán nội bộ trong các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, đặc biệt là mở rộng hoạt động kiểm toán đầu tư, tăng cường số cuộc kiểm toán tại các đơn vị, nhằm đảm bảo mọi hoạt động trong Tập đoàn và các Công ty Con được tuân thủ nghiêm ngặt.



ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM



ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH

Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm nhiệm kỳ 2007 – 2012 gồm 03 thành viên, do ông Trần Hữu Tiến – thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp Bộ Tài chính – là Chủ nhiệm Ủy ban. Tháng 12/2012, HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 đã cử ông Nguyễn Ngọc Anh - Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 - giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm nhiệm kỳ 2012-2017.

Chức năng chính của Ủy ban là tư vấn và tham mưu cho HĐQT Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, kiến nghị HĐQT xem xét phê duyệt những vấn đề cơ bản trong mô hình quản trị doanh nghiệp, công tác quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con do Tập đoàn đầu tư 100% vốn; xây dựng và thực hiện các chính sách quản lý liên quan đến công tác tổ chức cán bộ của Tập đoàn.

Trong năm 2012, Ủy ban đã tiến hành nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các đề xuất của Công ty Mẹ và Công ty Con liên quan đến lĩnh vực quản trị, nhân sự và các quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian đảm nhiệm chức vụ cũng như các chế độ đãi ngộ, lương thưởng đối với các chức danh lãnh đạo/quản lý cấp cao của Tập đoàn và các Công ty Con Tập đoàn đầu tư 100% vốn, phối hợp chỉ đạo thực hiện quy hoạch người đại diện vốn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư chi phối của Tập đoàn.

Để kiện toàn hoạt động của Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017 đã nâng số thành viên của Ủy ban từ 03 lên 05 thành viên bao gồm các ông/bà:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban
2	Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT – Ủy viên Ủy ban
3	Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT – Giám đốc Đầu tư - Ủy viên Ủy ban
4	Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc Tập đoàn - Ủy viên Ủy ban
5	Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực – Ủy viên Ủy ban

Ông Nguyễn Ngọc Anh – Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách được giao giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm. Với nhân sự được củng cố, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tham mưu để HĐQT phát triển, hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp và các chính sách về nhân sự trên toàn Tập đoàn.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư nhiệm kỳ 2007 - 2012 gồm 03 thành viên do ông Dương Đức Chuyển - thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, Giám đốc Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt - là Chủ nhiệm Ủy ban từ ngày 12/05/2011 theo Nghị quyết của HĐQT. Tháng 12/2012, HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 đã cử ông Nguyễn Ngọc Anh - Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 - giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư nhiệm kỳ 2012-2017.

Chức năng chính của Ủy ban là tư vấn và tham mưu cho HĐQT Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh, chiến lược đầu tư, và nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Kể từ khi thành lập, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư - với vai trò là Ủy ban chức năng tư vấn cho HĐQT - đã tham gia tích cực trong việc chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển của toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011 - 2015 (đã được ĐHCĐ thường niên 2011 Tập đoàn Bảo Việt thông qua), tham gia ý kiến về các Quy định, quy chế về hoạt động đầu tư trong toàn Tập đoàn, tham gia vào Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO), Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC), và phát huy vai trò của mình trong việc thẩm định các dự án đầu tư của Tập đoàn để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Với vai trò quan trọng này, HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2017 đã tăng cường nhân sự Ủy ban Chiến lược và Đầu tư lên 05 thành viên bao gồm các ông/bà:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT - Chủ nhiệm Ủy ban
2	Nguyễn Trung Thực	Ủy viên thường trực Ủy ban
3	Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT - Giám đốc Tài chính - Ủy viên Ủy ban
4	Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc Tập đoàn - Ủy viên Ủy ban
5	Thân Hiến Anh	Giám đốc Chiến lược - Ủy viên Ủy ban

Đây đều là những cá nhân có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư, hứa hẹn sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đầu tư trên toàn Tập đoàn, hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả trong đầu tư.

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO (RMC)



ÔNG ABHISHEK SHARMA

Chủ tịch Hội đồng Quản lý Rủi ro

Chủ tịch Hội đồng Quản lý Rủi ro là Ông Abhishek Sharma - Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt - Chuyên gia HSBC. Năm 2012, Hội đồng Quản lý Rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và đơn vị thành viên đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để thảo luận các nội dung liên quan, đưa ra các định hướng để Lãnh đạo Tập đoàn và các đơn vị thành viên phân công nhiệm vụ cụ thể về quản lý rủi ro cho các bộ phận chuyên môn ở từng đơn vị, đồng thời rà soát tiến độ kế hoạch hành động đã được phê duyệt.

Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) Tập đoàn Bảo Việt có trách nhiệm xây dựng và triển khai khung pháp lý quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con, phối hợp và giám sát các hoạt động quản lý rủi ro tại các công ty con nhằm đáp ứng yêu cầu của các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Năm 2012, Hội đồng Quản lý Rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và đơn vị thành viên đã hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra, bao gồm việc nâng cao trình độ và kỹ năng quản lý rủi ro toàn Tập đoàn; xây dựng và triển khai hệ thống, chính sách và quy trình quản lý rủi ro; góp phần hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế và đảm bảo sự tăng trưởng bền vững.

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)



BÀ NGUYỄN THỊ PHÚC LÂM

Chủ nhiệm Ủy ban ALCO

Ủy ban ALCO gồm 14 thành viên, do Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm – Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt làm Chủ nhiệm Ủy ban.

Nhiệm vụ chính của Ủy ban ALCO bao gồm quản lý rủi ro ảnh hưởng tới cân đối giữa tài sản có và tài sản nợ trên bảng tổng kết tài sản của toàn Tập đoàn, đánh giá các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và các rủi ro có liên quan khác nhằm đưa ra những khuyến nghị cho các Khối, Ban trong Tập đoàn cũng như các đơn vị thành viên, tạo ra một cơ chế quản trị rủi ro tài chính xuyên suốt tại Tập đoàn và các công ty thành viên.

Trong năm 2012, Ủy ban ALCO đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng Quý. Tại các cuộc họp, Ủy ban đã tiến hành đánh giá các tác động của kinh tế vĩ mô đến các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn và các công ty thành viên, rà soát danh mục đầu tư, đánh giá các rủi ro liên quan tới các biến động trên tài sản nợ và tài sản có nhằm đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho toàn Tập đoàn.

Những bước tiến cơ bản trong hoạt động của Ủy ban ALCO

- Cải tiến chất lượng các cuộc họp ALCO trong việc tập trung vào những vấn đề cần lưu ý và cần ưu tiên tại các đơn vị thành viên.
- Có mối liên hệ chặt chẽ giữa việc phân tích khác biệt số liệu giữa Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS), từ đó đem lại các góc nhìn tổng thể và đa chiều về các Tài sản Nợ - Tài sản Có.
- Có mối quan hệ chặt chẽ trong trao đổi thông tin và chia sẻ ý kiến giữa Ủy ban ALCO và các Ủy ban, bộ phận khác như Quản lý Rủi ro (RMC), Đầu tư, Actuary... Tạo sự liên kết và trao đổi thông tin giữa các Ủy ban của Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.



THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Tổng Quỹ thù lao của HĐQT và BKS được phê duyệt trong năm 2012

Tổng quỹ thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát của Tập đoàn năm 2012 do Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012 của Tập đoàn phê duyệt theo tỷ lệ phần trăm (%) trên lợi nhuận thực hiện sau thuế của Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

- Thù lao đối với HĐQT: 0,15% lợi nhuận thực hiện sau thuế;
- Thù lao đối với Ban Kiểm soát: 0,04% lợi nhuận thực hiện sau thuế;

Nguyên tắc chi trả

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên tuân thủ theo định mức quy định tại Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt.

Tại thời điểm 31/12/2012, Tập đoàn Bảo Việt có 06 thành viên HĐQT không chuyên trách và 04 thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách.

Thù lao chi trả trong năm 2012

Căn cứ vào định mức thù lao nêu trên, và dựa trên số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát thực tế tại từng thời điểm trong năm 2012, tình hình chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2012 cụ thể như sau:

Bảng chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2012

STT	Nội dung	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	LNST thực hiện năm 2012 (Tỷ đồng)	Kế hoạch LN ST do ĐHĐCĐ thông qua (Tỷ đồng)	Quý Thù lao HĐQT và BKS năm 2012		
					Thực hiện năm 2012 (đồng)	Đã chi trả (bao gồm thuế TNCN) (đồng)	Chưa sử dụng (đồng)
1	Thù lao của HĐQT	0,15%	1.082	915	1.622.557.500	1.130.615.914	491.941.586
2	Thù lao của BKS	0,04%	1.082	915	432.682.000	294.305.555	138.376.445
Cộng		0,19%			2.055.239.500	1.424.921.469	630.318.031

Phần thù lao chưa sử dụng **630.318.031 đồng** được để lại để bổ sung vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính 2012 của Tập đoàn Bảo Việt.

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2012

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Kiểm điều hành	Nhiệm kỳ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Lê Quang Bình	✓		Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	Hưởng lương
2	Nguyễn Ngọc Anh	✓		Nhiệm kỳ 2012-2017	Hưởng lương
3	Nguyễn Thị Phúc Lâm		✓	Nhiệm kỳ 2007-2012	10.000.000
4	Dương Đức Chuyên		✓	Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	10.000.000
5	Lê Hải Phong		✓	Nhiệm kỳ 2012-2017	10.000.000
6	Trần Hữu Tiến			Nhiệm kỳ 2007-2012	10.000.000
7	Trần Trọng Phúc		✓	Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	10.000.000
8	Nguyễn Đức Tuấn		✓	Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	10.000.000
9	Nguyễn Quốc Huy			Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	10.000.000
10	Charles Gregory			Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	10.000.000

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2012

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Kiểm điều hành	Nhiệm kỳ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Phan Kim Bằng	✓		Nhiệm kỳ 2012-2017	Hưởng lương
2	Nguyễn Trung Thực	✓		Nhiệm kỳ 2007-2012	Hưởng lương
3	Trần Minh Thái		✓	Nhiệm kỳ 2007-2012	5.000.000
4	Nguyễn Ngọc Thụy		✓	Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	5.000.000
5	Lui Ho Yin Danny			Nhiệm kỳ 2007-2012, 2012-2017	5.000.000
6	Lê Văn Chí			Nhiệm kỳ 2007-2012	5.000.000
7	Christopher Edwards			Nhiệm kỳ 2007-2012	5.000.000
8	Ông Tiến Hùng		✓	Nhiệm kỳ 2012-2017	5.000.000
9	Đặng Thái Quý			Nhiệm kỳ 2012-2017	5.000.000

Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh của bộ máy điều hành tại Công ty Mẹ/Công ty Con thì hưởng lương theo chế độ tiền lương của Tập đoàn Bảo Việt/Công ty Con.

Bảng thống kê thù lao đã chi qua các năm từ 2009 đến 2012

STT	Nội dung	2012		2011		2010		2009	
		Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)
1	Thù lao của HĐQT	1.130,6	0,104	979,9	0,108	816,7	0,096	390,6	0,048
2	Thù lao của Ban Kiểm soát	294,3	0,027	275,0	0,030	275,0	0,032	110,0	0,014
Cộng		1.424,9		1.254,9		1.091,7		500,6	

Chế độ tiền thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Ngoài chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát như trên, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát cũng nhận được tiền thưởng được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2012 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Các khoản thù lao cho HĐQT, BKS và Lương của HĐQT, Tổng Giám đốc được trình bày trong thuyết minh số 20.1 và thuyết minh số 26 của Báo cáo tài chính riêng năm 2012.

Chế độ tiền lương, thưởng của Ban Điều hành

Mức tiền lương, tiền thưởng của Ban Điều hành được thực hiện theo chính sách tiền lương, thưởng của Tập đoàn Bảo Việt và được trình bày trong nội dung báo cáo về Phát triển nguồn nhân lực của Báo cáo thường niên. Chính sách lương, thưởng của Tập đoàn Bảo Việt được xây dựng phù hợp để thu hút, giữ và khích lệ thành viên HĐQT, Ban Điều hành để điều hành hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt thành công.

Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh của bộ máy điều hành thì hưởng lương theo chế độ tiền lương của Tập đoàn Bảo Việt.

Các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Để phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn, HĐQT, BKS được thực hiện các chế độ chi phí, đãi ngộ khác được quy định chi tiết trong Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát. Cụ thể:

Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn: Chế độ ô tô đưa đón hàng ngày được áp dụng đối với Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn. Ngoài ra, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.

Chế độ sử dụng điện thoại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Trưởng Ban Kiểm soát được Tập đoàn trang bị 01 số máy điện thoại di động và 01 số máy điện thoại cố định tại nhà riêng và được chi trả theo chi phí thực tế phát sinh (bao gồm chi phí lắp đặt, bảo dưỡng và hoạt động của các số điện thoại này).

Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương của công ty mẹ trong Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo Nghị định 141/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2007.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các thành viên Ban Kiểm soát được tham gia bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

Chế độ Khám sức khỏe định kỳ: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các thành viên Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

Chế độ công tác phí áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Ban Kiểm soát:

- Chi phí đi lại: vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường không, đường sắt, đường thủy và đường bộ và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.
- Chi phí thuê phòng nghỉ khách sạn (trong và ngoài nước): khách sạn 4 hoặc 5 sao, theo chi phí phát sinh thực tế.
- Công tác phí khoán: ngoài các khoản chi phí nêu trên, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các thành viên Ban Kiểm soát đi công tác được hưởng công tác phí khoán để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức như sau:

Ở Việt Nam:

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát: 500.000 đồng/người/ngày;
- Thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: 250.000 đồng/người/ngày.

Ở nước ngoài: áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tùy thuộc vào quốc gia đến.

Đối với các thành viên Ban Điều hành, các chế độ đãi ngộ được thực hiện theo Quy định về chi tiêu nội bộ của Tập đoàn, quy định cụ thể về chế độ sử dụng điện thoại và công tác phí.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt không có các giao dịch cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân của cổ đông nội bộ bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu cá nhân		
		Tại 31/12/2011	Thay đổi trong kỳ báo cáo	Tại 31/12/2012 (1)
Thành viên Hội đồng Quản trị				
Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	2.823	-	2.823
Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	-
Nguyễn Thị Phúc Lâm	Thành viên HĐQT (đến ngày 29/11/2012) - Tổng Giám đốc	13.575	-	13.575
Trần Hữu Tiến	Thành viên HĐQT (đến ngày 29/11/2012)	-	-	-
Charles Bernard Gregory	Thành viên HĐQT	-	-	-
Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	3.200	-	3.200
Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT	2.063	-	2.063
Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT	1.737	-	1.737
Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT	1.194	-	1.194
Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	-	-	-
Thành viên Ban Kiểm soát				
Nguyễn Trung Thực	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 29/11/2012)	3.149	-	3.149
Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 29/11/2012)	-	-	500
Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên Ban Kiểm soát	318	-	318
Ông Tiến Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-
Đặng Thái Quý	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-
Trần Minh Thái	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 29/11/2012)	1.086	-	1.086
Lui Ho Yin Danny	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-
Giám đốc Khối, Người được ủy quyền CBTT, Kế toán trưởng				
Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT - Giám đốc Khối Quản lý Tài chính - Người được ủy quyền CBTT	1.194	-	1.194
Hoàng Việt Hà	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	3.212	-	3.212
Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân lực	-	-	-
Alan Hugh Royal	Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin	-	-	-
Abhishek Sharma	Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro	-	-	-
Thân Hiến Anh	Giám đốc Khối Xây dựng Chiến lược	-	-	-
Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản	-	-	-
Nguyễn Thanh Hải	Kế toán trưởng	1.300	-	1.300

Sự thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 của các nhân sự chủ chốt nêu trên chủ yếu do việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát khi hết nhiệm kỳ (2007-2012) dẫn đến sự thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ của các thành viên được cổ đông lớn (Bộ Tài chính) cử làm người đại diện sở hữu phần vốn đầu tư tại Tập đoàn Bảo Việt.

Số cổ phần đại diện sở hữu			Tổng số cổ phần sở hữu tại 31/12/2012 (1) + (2)	Tỷ lệ/Vốn điều lệ	Ghi chú
Tại 31/12/2011	Thay đổi trong kỳ báo cáo	Tại 31/12/2012 (2)			
146.509.800	66.470.863	212.980.663	212.983.486	31,299%	
-	157.529.137	157.529.137	157.529.137	23,150%	Đại diện theo ủy quyền phần vốn Nhà nước đầu tư tại Tập đoàn Bảo Việt theo Quyết định số 3027/QĐ-BTC ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính
126.000.000	(126.000.000)	-	13.575	0,0000199%	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 29/11/2012
126.000.000	(126.000.000)	-	-	0,000%	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 29/11/2012
122.509.091	-	122.509.091	122.509.091	18,004%	
28.000.000	-	28.000.000	28.003.200	4,115%	
28.000.000	-	28.000.000	28.002.063	4,115%	
28.000.000	-	28.000.000	28.001.737	4,115%	
-	28.000.000	28.000.000	28.001.194	4,115%	Đại diện theo ủy quyền phần vốn Nhà nước đầu tư tại Tập đoàn Bảo Việt theo Quyết định số 3027/QĐ-BTC ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính
22.154.400	-	22.154.400	22.154.400	3,256%	
-	-	-	3.149	0,00000463%	Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 29/11/2012
-	-	-	500	0,00000073%	Số cổ phiếu này sở hữu sau ngày 01/01/2012 nhưng trước ngày được bầu vào Ban Kiểm soát (29/11/2012)
-	-	-	318	0,00000047%	
-	-	-	-	0,000%	
-	-	-	-	0,000%	
-	-	-	1.086	0,00000160%	Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 29/11/2012
-	-	-	-	0,000%	
-	-	-	1.194	0,00000175%	
-	-	-	3.212	0,00000472%	
-	-	-	0	0,000%	
-	-	-	0	0,000%	
-	-	-	0	0,000%	
-	-	-	0	0,000%	
-	-	-	0	0,000%	
-	-	-	1.300	0,00000191%	


CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
1	Bộ Tài chính	Chủ sở hữu	Cổ tức đã trả	579.011.760.000
2	HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited	Chủ sở hữu	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	51.864.398.720
			Cổ tức đã trả	147.010.909.200
3	Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Chủ sở hữu	Cổ tức đã trả	26.585.280.000
4	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	Liên doanh	Cổ tức đã nhận	38.086.720.039
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB (VIGEB)	Công ty liên kết	Cổ tức đã nhận	18.900.000.000
6	Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty Con	Lợi nhuận chuyển về	358.950.031.460
			Doanh thu cho thuê nhà	11.324.313.287
			Lợi nhuận năm 2012 phải chuyển về Công ty Mẹ	243.165.000.000
	Bảo Việt Nhân thọ	Công ty Con	Lợi nhuận chuyển về	454.203.205.581
7			Doanh thu cho thuê nhà	8.171.559.818
			Lợi nhuận năm 2012 phải chuyển về Công ty Mẹ	359.752.000.000
	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)	Công ty Con	Lợi nhuận chuyển về	16.640.528.155
8			Doanh thu cho thuê nhà	2.404.871.560
			Lợi nhuận năm 2012 phải chuyển về Công ty Mẹ	12.459.000.000
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)	Công ty Con	Doanh thu cho thuê nhà	13.778.505.942
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (BVInvest)	Công ty Con	Chi phí quản lý tòa nhà	24.319.582.265
			Doanh thu cho thuê nhà	1.108.511.874
11	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Baoviet Bank)	Công ty Con	Doanh thu cho thuê nhà	21.398.801.671
			Doanh thu lãi tiền gửi	163.813.777.759


THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán, và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng thay thế Quyết định 12/2007/QĐ-BTC và có hiệu lực từ 17/9/2012.

Các thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2007 – 2012 và thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017 người Việt Nam đã tham gia đầy đủ các chương trình về quản trị công ty và có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

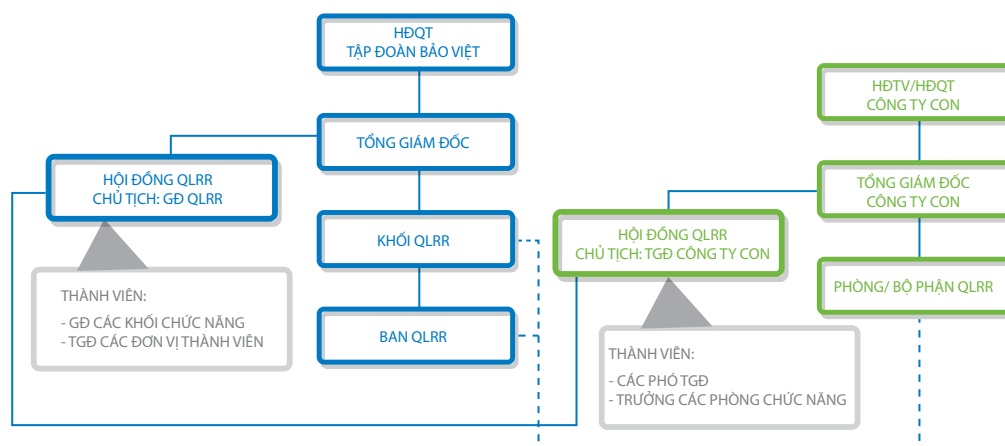
Các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2007 – 2012 người Việt Nam đã có chứng chỉ về quản trị công ty niêm yết. Các thành viên BKS nhiệm kỳ 2012 - 2017 mới được bầu tại ĐHĐCĐ bất thường tháng 11/2012 sẽ tham gia các chương trình về quản trị công ty theo quy định.

QUẢN LÝ RỦI RO

“Năm 2012, công tác quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt đã có nhiều bước tiến quan trọng và hiệu quả hơn trên cơ sở nền tảng đã đạt được. Thông qua việc rà soát và trao đổi tại các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Rủi ro, các loại rủi ro được nhận diện, phân tích, đánh giá và kiểm soát một cách có hệ thống theo quy trình chuẩn, có sự trao đổi thông tin chặt chẽ trong hoạt động kiểm soát rủi ro giữa các Ủy ban với các Khối, Ban tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty Con”

Hội đồng Quản lý Rủi ro (RMC) Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức họp định kỳ hàng quý trên cơ sở hợp nhất các báo cáo của RMC các Công ty Con, để rà soát các rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và đề xuất các biện pháp cụ thể giảm thiểu những rủi ro này. Thông qua việc rà soát và trao đổi tại RMC, các loại rủi ro được nhận diện, phân tích, đánh giá và kiểm soát một cách có hệ thống theo quy trình chuẩn. Có sự trao đổi thông tin chặt chẽ trong hoạt động kiểm soát rủi ro giữa các Ủy ban với các Khối, Ban tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty Con. Quản lý rủi ro không chỉ là trách nhiệm của Ban Điều hành mà còn là trách nhiệm của từng bộ phận và mỗi cá nhân, do đó, việc truyền thông và nâng cao kỹ năng về quản lý rủi ro cũng là một vấn đề quan trọng được xem xét tại các cuộc họp RMC.

Cơ cấu tổ chức Quản lý Rủi ro - Tập đoàn Bảo Việt



Các rủi ro chính được đánh giá và báo cáo thông qua Bảng đánh giá rủi ro để Hội đồng Quản lý Rủi ro xem xét và thảo luận, đưa ra các hành động thích hợp đối với từng loại rủi ro. Bảng đánh giá rủi ro được thiết lập và áp dụng trên phạm vi toàn Tập đoàn, để đánh giá mức độ ảnh hưởng hiện tại và xu hướng biến động trong tương lai của các rủi ro liên quan đến mỗi loại hình kinh doanh. Bảng đánh giá rủi ro đưa ra các tiêu chí đánh giá cụ thể với ba cấp độ (cao, trung bình, thấp). Những rủi ro được Tập đoàn chú trọng quản lý bao gồm: rủi ro bảo hiểm, rủi ro tài chính (rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng) và rủi ro hoạt động.

Bảng minh họa dưới đây thể hiện việc đánh giá rủi ro tại các thời điểm khác nhau:

Bảng đánh giá rủi ro

STT	Loại rủi ro	Mức độ RR/ Xu hướng		Nhận diện	Tiêu chí đánh giá
		(kỳ trước)	(kỳ này)		
1	Rủi ro tín dụng	(*)			
	Đầu tư (Tiền gửi & Trái phiếu)	↔	↓	Rủi ro phát sinh từ việc các đối tác trả chậm/thiếu các khoản tiền gửi/cho vay.	Tăng lượng tiền gửi quá hạn và/hoặc lãi tiền gửi không trả đúng theo thời hạn đã cam kết Trái phiếu không được thanh toán đúng ngày đáo hạn (đối với danh mục trái phiếu giữ đến ngày đáo hạn) Thay đổi tiêu cực trong đánh giá xếp hạng của các tổ chức tài chính.
	Tín dụng (bảo hiểm)	↔	↔	Rủi ro phát sinh từ tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm hoặc sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ.	Tăng giá trị các khoản bồi thường (thu hồi từ các nhà nhận tái bảo hiểm) bị quá hạn. Tăng các khoản nợ phí bảo hiểm Đánh giá tín nhiệm của các doanh nghiệp tái bảo hiểm khác thay đổi tiêu cực.
	Cho vay	↑	↑	Rủi ro từ việc chậm trả các khoản vay và lãi vay.	Tăng các khoản vay quá hạn Thay đổi lớn trong điều kiện tài chính của bên đi vay (xây ra với số lượng lớn các bên đi vay). Cho vay margin: Giá trị cầm cố thấp hơn giá trị khoản vay chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục.
2	Rủi ro bảo hiểm	↓	↔	Rủi ro từ việc tăng đột biến các khoản bồi thường chưa được tính tới khi tính toán phí bảo hiểm để giao kết hợp đồng bảo hiểm.	Xu hướng tăng các khoản bồi thường so với tỷ lệ bồi thường trong quá khứ (trung bình ít nhất 3 năm gần nhất) Các khoản bồi thường lớn trên 1 triệu USD trong quý vừa qua.
3	Rủi ro thanh khoản	↔	↓	Rủi ro thiếu tài sản thanh khoản để đáp ứng nhu cầu thanh toán hiện tại.	Tỷ lệ cho vay/dư nợ tín dụng > 100% (không tính khoản tiền gửi liên ngân hàng) Chênh lệch lớn trong kế hoạch dòng tiền 12 tháng tới.
4	Rủi ro thị trường			Rủi ro biến động giá trị tài sản/các khoản đầu tư	
	Cổ phiếu	↑	↑	Biến động giá trị cổ phiếu (bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) đến kết quả kinh doanh (lãi/lỗ).	Tăng dự phòng Tăng VaR trên mức chấp nhận của Tập đoàn. Tăng các khoản lỗ trong các phương pháp phân tích kịch bản Stress -testing.
	Tỷ giá hối đoái	↔	↔	Biến động ngoại tệ ảnh hưởng đến tài sản và kết quả kinh doanh.	Biến động lớn về tỷ giá Tăng danh mục chịu rủi ro tỷ giá
	Lãi suất	↑	↑	Biến động lãi suất tác động đến kết quả đầu tư.	Giảm giá trái phiếu (dành cho danh mục trái phiếu kinh doanh).
5	Rủi ro hoạt động			Rủi ro từ việc áp dụng sai các quy trình, quy chế; hệ thống và cơ sở hạ tầng bị lỗi; thiếu nhân lực phù hợp.	
	Báo cáo và kiểm soát tài chính	↔	↔	Cung cấp các thông tin tài chính chậm so với quy định của các cơ quan chức năng hoặc các bên liên quan. Mắc lỗi khi báo cáo thông tin tài chính, có thể dẫn đến việc ra quyết định sai hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng.	Báo cáo các thông tin tài chính chậm trễ so với quy định Mắc lỗi khi báo cáo thông tin tài chính
	Pháp chế và tuân thủ	↔	↓	Bị xử phạt do không tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Không tuân thủ các quy định nội bộ tạo ra một môi trường quản lý lỏng lẻo hoặc dẫn đến tổn thất cho doanh nghiệp.	Nhận được cảnh báo từ các cơ quan chức năng Nhận được báo cáo/thông tin vi phạm từ bộ phận kiểm soát nội bộ hoặc các nguồn khác
	Con người	↓	↓	Ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh do thiếu hụt về kỹ năng làm việc/nhân sự.	Số nhân viên nghỉ việc tăng (so với mức trung bình trong quá khứ) Tăng số vị trí chưa tuyển dụng được
	Hệ thống và thông tin	↓	↔	Hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp do hệ thống không đáp ứng đủ các yêu cầu của công việc.	Các chức năng của hệ thống không đáp ứng đủ các yêu cầu hiện tại của công việc hoặc nhu cầu phát triển trong tương lai. Hệ thống bị treo (trên mức quy định của Tập đoàn)
	Quy trình và quy chế	↔	↓	Rủi ro từ việc áp dụng sai các quy trình, quy chế.	Các vấn đề tồn tại/lỗi trong các quy trình nghiệp vụ bị phát hiện qua việc kiểm tra chất lượng, kiểm soát nội bộ, khiếu nại của khách hàng hoặc các nguồn thông tin khác
6	Rủi ro danh tiếng	↔	↔	Rủi ro thiệt hại do giảm danh tiếng của tổ chức trong nhận thức của các cổ đông lớn, các nhà quản lý chính sách, nhận thức của khách hàng và người lao động.	Các sự kiện tạo ra hình ảnh tiêu cực cho tổ chức

Chú thích:
(*) Hướng dẫn sử dụng ký hiệu:

■	mức độ rủi ro cao	↑	xu hướng rủi ro tăng lên
■	mức độ rủi ro trung bình	↔	xu hướng rủi ro ổn định
■	mức độ rủi ro thấp	↓	xu hướng rủi ro giảm

Tập đoàn Bảo Việt kinh doanh đa ngành dịch vụ tài chính: Bảo hiểm - Ngân hàng - Đầu tư tài chính, do vậy hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro tài chính

Rủi ro hoạt động



QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện được bảo hiểm.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai Công ty Con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ).

Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh, đảm bảo các phạm vi và mức độ này nằm trong hạn mức rủi ro của Tập đoàn.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình, thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đưa ra nguyên tắc định phí, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá, giám sát rủi ro bảo hiểm đối với từng loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp phân tích kịch bản stress-testing. Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và nguồn dự phòng cho từng hợp đồng bảo hiểm.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các dữ liệu và giả định cơ bản được sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn, bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở định phí được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 đang được sử dụng.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở định phí được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các bệnh nguy hiểm và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, cụ thể là 5,3% đối với sản phẩm tham gia chia lãi và 2,05% với sản phẩm không chia lãi.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, nhằm chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính và mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái

bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng, kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Do vậy, các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro này, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành mới được phép tiến hành giao dịch.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Bảo Việt

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro, Bảo Việt Bảo Việt đã xây dựng và áp dụng đầy đủ các chính sách và quy trình đánh giá rủi ro cho hoạt động khai thác bảo hiểm, chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), giám định tổn thất và giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, Bảo Việt Bảo Việt chú trọng quản lý các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trực lợi cao. Bảo Việt Bảo Việt tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Tổng Công ty.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2012, Bảo Việt Bảo Việt đã xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên thực tế tổn thất và kinh nghiệm dự báo, xu hướng của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật.

Bảo Việt Bảo Việt cũng áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo hai cấp. Những vụ tổn thất lớn, tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Hội sở chính của Tổng công ty.

Bảo Việt Bảo Việt đã hoàn thành triển khai giai đoạn đầu phần mềm InsureJ, thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm dịch vụ khách hàng để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, hoàn thiện quy trình khai thác bảo hiểm và đặc biệt là quy trình tiếp nhận thông báo tai nạn, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong bối cảnh môi trường tài chính trong nước và thế giới chứa đựng nhiều thách thức và bất ổn như hiện nay, quản lý rủi ro tài chính đóng vai trò quyết định đến hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con luôn đề cao việc xác định những rủi ro có thể tác động đến mỗi loại tài sản đầu tư, phân tích và đánh giá các tác động của từng loại rủi ro đó nhằm đưa ra quyết định quản lý phù hợp.

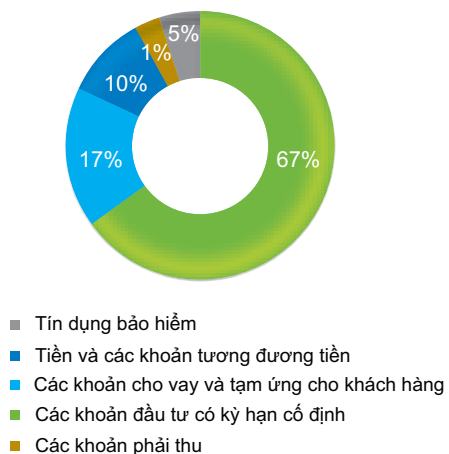
Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các Công ty Con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt đã xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý đối với những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do thay đổi bất lợi về khả năng trả nợ theo các điều khoản hợp đồng của bên vay hoặc đối tác.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu là Bảo Việt Bảo Việt); hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác); hoạt động cho vay của Ngân hàng Bảo Việt và hoạt động kinh doanh khác (chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng). Tập đoàn đã ban hành chính sách tín dụng phù hợp, trong đó quy định các hạn mức để quản lý chất lượng tín dụng cũng như hạn chế rủi ro tích tụ.

Danh mục tài sản chịu rủi ro tín dụng năm 2012



Tín dụng bảo hiểm

Mặc dù điều kiện, điều khoản quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu tuân thủ chặt chẽ quy trình gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín nhiệm thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục cần thiết. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng theo quy định.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này bằng cách chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà nhận tái bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá nội bộ, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên bảng điểm phân tích tín dụng chi tiết. Hội đồng Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Bảo Việt được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ 06 tháng một lần. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo có các hành động kịp thời khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng Quản lý Rủi ro Tập đoàn Bảo Việt cũng rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Tập đoàn Bảo Việt đầu tư cả trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng Quản trị. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp là khả năng

thanh toán của tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán trái tức và gốc trái phiếu. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con sẽ tiến hành xử lý tài sản đảm bảo.

Trái phiếu chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu chính phủ chiếm 78% tổng danh mục đầu tư trái phiếu. Do vậy, hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.



Tín dụng ngân hàng

Đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng, Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Baoviet Bank) thực hiện đánh giá tín dụng trước khi cấp tín dụng cho khách hàng và thường xuyên quản lý, tái thẩm định việc cấp tín dụng. Rủi ro tín dụng cũng được quản lý thông qua việc thẩm định và nắm giữ tài sản đảm bảo và các khoản bảo lãnh. Hoạt động giám sát tín dụng của Baoviet Bank được thực hiện hàng ngày nhằm cung cấp các thông tin chính xác và kịp thời về rủi ro tập trung và đưa ra cảnh báo sớm về sự suy giảm trong chất lượng tín dụng.

Các chính sách về quản lý rủi ro tín dụng đang áp dụng tại Baoviet Bank bao gồm: Chính sách đa dạng hóa tín dụng (các giới hạn tín dụng theo ngành hàng, khu vực, loại tiền, kỳ hạn, sản phẩm tín dụng...); thẩm quyền phê duyệt; Quy trình, thủ tục cấp tín dụng; Hệ thống xếp hạng tín dụng; Chính sách về tài sản bảo đảm; phân loại và kiểm soát nợ xấu; kiểm tra và giám sát khoản vay.

Việc thẩm định tài sản đảm bảo cũng được hoàn thiện theo cơ chế tập trung, theo đó Hội sở chính Baoviet Bank đưa ra phương pháp và cơ sở định giá thống nhất trong toàn hệ thống và thực hiện cơ chế giám sát, quản lý đối với công tác định giá tài sản đảm bảo của các đơn vị kinh doanh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Đây là nghiệp vụ được triển khai từ tháng 4/2012 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC). Công ty đã triển khai chính sách đánh giá tín nhiệm và phân loại khách hàng để quản lý rủi ro. Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ.

Rủi ro tín dụng được quản lý qua việc duy trì tỷ lệ ký quỹ và xác định rõ các điều kiện xử lý tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi công ty đối mặt với việc khách hàng bị giảm hoặc mất độ tín nhiệm mà không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tắt toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình thấp.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn Bảo Việt có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Chúng tôi thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và áp dụng các biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản; duy trì một mức thanh khoản hợp lý để bảo đảm thực hiện được đầy đủ các cam kết tài chính của Tập đoàn trong điều kiện kinh doanh bình thường. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem

xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) Tập đoàn Bảo Việt. Ủy ban này sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định một loạt các hành động phù hợp.

Trong lĩnh vực ngân hàng, để đảm bảo khả năng thanh khoản, BaoViet Bank chủ trương đa dạng nguồn vốn huy động, kiểm soát tỷ lệ huy động từ nhóm khách hàng có tiền gửi lớn; duy trì một lượng tài sản Có có khả năng thanh khoản cao để có thể đáp ứng mọi nghĩa vụ thanh toán tại bất cứ thời điểm nào và thực hiện đo lường, kiểm soát trạng thái mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền ra và dòng tiền vào (Gap thanh khoản); đo lường, kiểm soát các chỉ số thanh khoản chính và các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc đo lường, kiểm soát, giám sát và báo cáo rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do những yếu tố chính như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư tiền gửi và trái phiếu có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp với các khoản phải trả trong tương lai. Danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động lãi suất giảm cũng tác động đến các dòng tiền đáo hạn để tái đầu tư vào danh mục tiền gửi và trái phiếu. Chúng tôi thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các sản phẩm bảo hiểm truyền thống và có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro lãi suất của Baoviet Bank chủ yếu xuất phát từ hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn. Ngân hàng quản lý quy mô, cơ cấu tài sản trong và ngoài bảng cân đối cũng như có chính sách điều hành lãi suất linh hoạt để bảo đảm ngăn ngừa, hạn chế mức độ rủi ro mà Ngân hàng phải đối mặt.

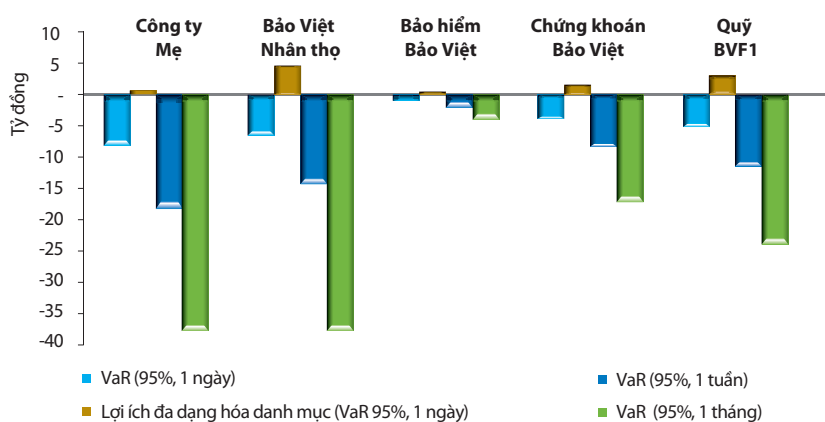
Baoviet Bank đã xây dựng các kịch bản, tình huống giả định về biến động lãi suất trên thị trường (bao gồm cả trong điều kiện bất thường, xảy ra khủng hoảng) nhằm mô phỏng biến động giá trị danh mục tài sản có – tài sản nợ để xác định mức độ ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá trị tài sản đó của Ngân hàng theo các kịch bản, tình huống đó.

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể có thay đổi bất lợi nếu điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp xấu đi. Do vậy, Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro này bằng việc lựa chọn thận trọng ngành nghề và lĩnh vực để đầu tư. Danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.



Biểu đồ VaR của danh mục đầu tư cổ phiếu năm 2012



Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro (“VaR”) để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con cũng sử dụng phương pháp phân tích kịch bản “stress-testing” để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích cho thấy, khi có sự biến động đối với mỗi biến số chính, các biến còn lại không đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế. Mỗi tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. Đơn vị chịu tác động lớn nhất của rủi ro ngoại tệ là Bảo hiểm Bảo Việt và Baoviet Bank, mặc dù tổng giá trị ngoại tệ không đáng kể.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Mặc dù được thanh toán theo hình thức bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch nhưng với xu hướng đồng Việt Nam ngày càng mất giá, Bảo hiểm Bảo Việt có nguy cơ gia tăng công nợ theo đà tăng của tỷ giá. Tuy nhiên, Bảo hiểm Bảo Việt có giải pháp giảm tác động của rủi ro tỷ giá bằng một số giải pháp như xây dựng dự báo thu chi ngoại tệ và nỗ lực tích lũy nguồn ngoại tệ.

Đối với Baoviet Bank, rủi ro tỷ giá ngoại tệ chủ yếu xuất phát từ hoạt động đầu tư, kinh doanh ngoại tệ, hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn bằng ngoại tệ. Baoviet Bank từng bước quản lý rủi ro tỷ giá và xây dựng các kịch bản, tình huống giả định về biến động tỷ giá trên thị trường (bao gồm cả trong điều kiện bất thường, xảy ra khủng hoảng) để xác định mức độ tác động của nó đến kết quả kinh doanh (lãi/lỗ). Baoviet Bank đã thiết lập các hạn mức để quản lý như trạng thái ngoại tệ, hạn mức lỗ tối đa đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Các hạn mức này do Ủy ban ALCO phê duyệt từng thời kỳ phù hợp với diễn biến tỷ giá trên thị trường và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động được định nghĩa là rủi ro gây ra tổn thất do sự thiếu hụt hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống hoặc các sự kiện khách quan bên ngoài.

Rủi ro hoạt động luôn hiện hữu trong tất cả các giao dịch và hoạt động của doanh nghiệp. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con đã thiết lập kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro này. Các sự kiện rủi ro hoạt động được phân tích kỹ nguyên nhân cũng như tác động của các tổn thất, sau đó được đưa vào cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp để hoàn thiện việc quản lý rủi ro hoạt động trong tương lai.

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con ngày càng mở rộng và đa dạng. Do vậy, việc đánh giá và quản lý những rủi ro hoạt động theo một cấu trúc rõ ràng và hệ thống ngày càng trở nên quan trọng.



Tập đoàn Bảo Việt nhận Chứng chỉ cho Hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2005 ngày 5/4/2013

Các loại rủi ro hoạt động chủ yếu bao gồm: rủi ro liên quan đến Báo cáo và Kiểm soát tài chính; Pháp chế và Tuân thủ; Con người; Quy trình và Quy chế; Hệ thống và Thông tin; Tính liên tục của hoạt động kinh doanh và được mô tả như sau:

TT	Nhóm rủi ro hoạt động	Phân loại chi tiết
1	Báo cáo & Kiểm soát tài chính	Sai sót trong báo cáo thông tin quản lý Chậm trễ trong báo cáo thông tin quản lý Sai sót trong các báo cáo tài chính/báo cáo với cơ quan chức năng Chậm trễ phát hành báo cáo tài chính/báo cáo với cơ quan chức năng Sai sót trong việc kê khai/Thực hiện nghĩa vụ thuế
2	Pháp chế & Tuân thủ	Không tuân thủ theo các quy định của pháp luật Lỗi trong các báo cáo khác không phải là báo cáo tài chính với cơ quan chức năng Lưu trữ hồ sơ/ dữ liệu Rủi ro quyền phi hợp đồng Rủi ro pháp lý Kiện tụng bởi người lao động hiện tại/đã từng làm việc tại Bảo Việt Quản lý nhà thầu/công ty quản lý bên ngoài - Rủi ro về hợp đồng Quản lý nhà thầu/công ty quản lý bên ngoài - Rủi ro liên quan đến tranh chấp
3	Con người	Thiếu hụt nhân sự chủ chốt Thiếu hụt nguồn nhân lực - Số cán bộ thôi việc tăng Thiếu hụt nguồn nhân lực - Vị trí trống Kỹ năng làm việc không phù hợp
4	Quy trình & Quy chế	Sai sót trong việc thanh toán/chi trả Gian lận nội bộ - Đối với các hành động không cho phép Gian lận nội bộ - Trộm cắp Gian lận/Trộm cắp do bên ngoài Quản lý không hiệu quả của bên thứ ba
5	Hệ thống & Thông tin	Phân quyền truy cập hệ thống không phù hợp Mất hoặc rò rỉ thông tin Sai lệch hoặc mất dữ liệu do hệ thống Hệ thống không phù hợp Hệ thống bị gián đoạn
6	Tính liên tục của hoạt động kinh doanh	Các sự cố lớn - ảnh hưởng đến văn phòng/trụ sở làm việc Các sự cố lớn - ảnh hưởng đến khả năng làm việc của cán bộ, nhân viên

Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con đã tăng cường quản lý tập trung về công nghệ thông tin, tăng cường các biện pháp an ninh bảo mật, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.

Năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng, đánh giá và áp dụng Tiêu chuẩn ISO 27001-2005. Đây là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS - Information Security Management System) do Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO) phát triển và ban hành vào tháng 10 năm 2005. Tiêu chuẩn cung cấp một mô hình để thiết lập, áp dụng, vận hành, giám sát, xem xét, duy trì, cải tiến Hệ thống ISMS.

Việc áp dụng những quy định yêu cầu đối với hệ thống an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001-2005 giúp Ban lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt thực hiện việc giám sát, quản lý hệ thống thông tin, tăng cường an ninh bảo mật, giảm thiểu rủi ro cho hệ thống thông tin nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

Như vậy, trong năm 2012 công tác quản lý rủi ro đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng trên cơ sở nền tảng đã đạt được. Quản trị rủi ro qua Hội đồng Quản lý Rủi ro và Ủy ban ALCO được chú trọng và hiệu quả hơn. Rủi ro bảo hiểm tiếp tục được quản lý hiệu quả. Trong khi rủi ro đầu tư được kiểm soát chặt chẽ hơn qua các báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất với Ban Điều hành về các rủi ro phát sinh. Rủi ro thị trường về cổ phiếu và lãi suất cũng đã được báo cáo hàng tháng. Lĩnh vực rủi ro hoạt động đã nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ các cấp lãnh đạo đến toàn thể nhân viên, nhận thức về quản lý rủi ro trong toàn Tập đoàn cũng đã được nâng cao.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ



ÔNG LÊ VĂN BÌNH

Giám đốc Kiểm toán nội bộ

“Các phát hiện cùng các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ đã góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp tại các đơn vị được kiểm toán”



HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Môi trường kiểm soát: Tại Tập đoàn Bảo Việt, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát tính đầy đủ và tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, Ban Điều hành chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn. Tất cả nhân viên, lãnh đạo tại tất cả các cấp bậc đều có trách nhiệm với việc quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

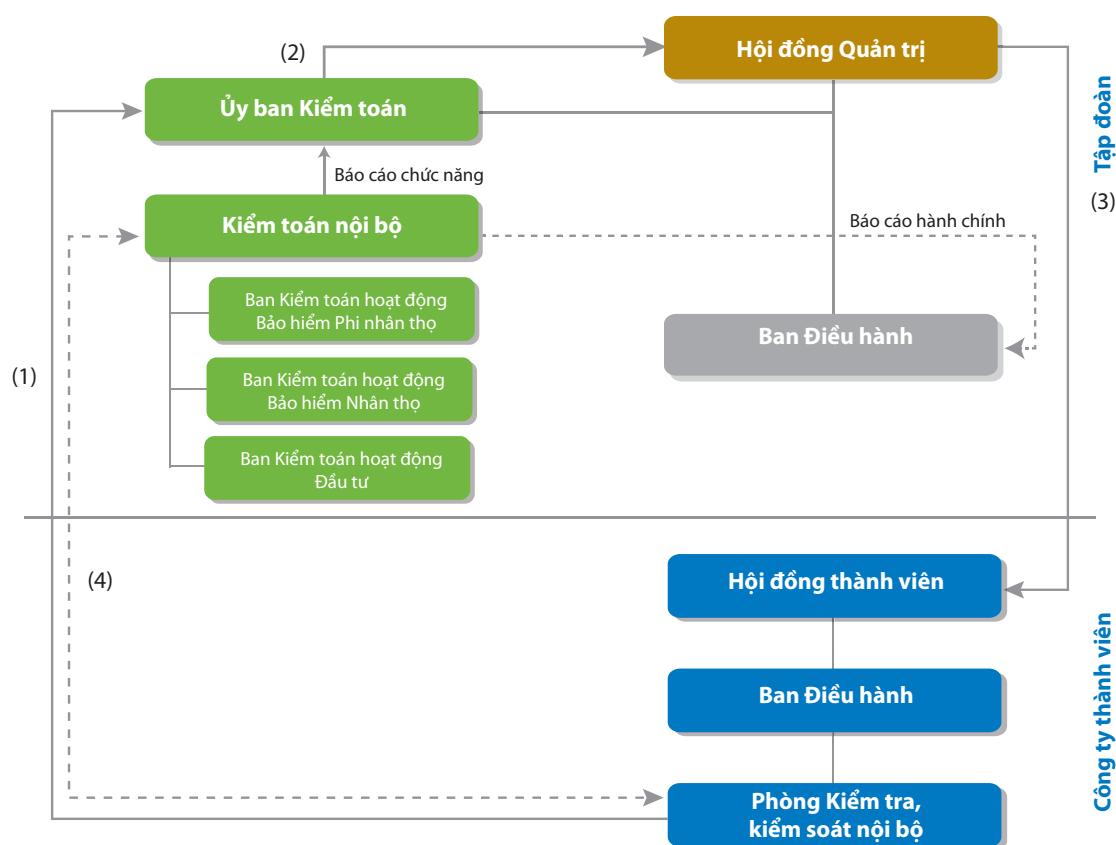
Nhận diện và giám sát rủi ro: Quy chế quản lý rủi ro thống nhất và xuyên suốt toàn Tập đoàn đã được xây dựng và vận hành một cách hiệu quả nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm rủi ro bảo hiểm, rủi ro đầu tư (rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản), rủi ro hoạt động, và các rủi ro khác. Trong Quy chế quản lý rủi ro có quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm quản lý rủi ro của các cấp (Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các bộ phận liên quan); cách thức nhận biết các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con; cơ chế phối hợp và giám sát các hoạt động quản lý rủi ro tại các Công ty Con theo các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Các vấn đề liên quan đến rủi ro được phân tích, đánh giá và xử lý thấu đáo tại các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng Quản lý rủi ro.

Hoạt động kiểm soát: Các biện pháp kiểm soát được thiết kế và vận hành tại tất cả các cấp (Tập đoàn, Tổng/ Công ty thành viên, phòng ban, hoạt động...) để đảm bảo xử lý được các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị. Các biện pháp kiểm soát này bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban Điều hành cấp cao, của từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs; phân tách trách nhiệm...

Thông tin và truyền đạt: Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt duy trì một cơ chế trao đổi thông tin cởi mở, đảm bảo các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan. Các thông tin do Tập đoàn Bảo Việt cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan báo chí được Ban Điều hành ủy quyền cho Giám đốc Tài chính – Người được ủy quyền Công bố thông tin và Giám đốc Hoạt động – Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt. Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông – Thương hiệu.

Giám sát: Tại Tập đoàn Bảo Việt, cơ chế giám sát hoạt động kiểm soát nội bộ được xây dựng và vận hành xuyên suốt thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng Quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn và của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Tổng/ Công ty thành viên, từ đó có các giải pháp chung để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Tất cả các bộ phận kiểm toán, kiểm tra cho dù thuộc Công ty Mẹ hay thuộc các Tổng/Công ty thành viên đều nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên và Ban Điều hành để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Cơ chế giám sát và phối hợp



(1): Định kỳ hàng quý, phòng Kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc các công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn thực hiện báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong quý của phòng và tình hình thực hiện khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ của các đơn vị đã được kiểm toán bởi Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt lên Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt.

(2): Ủy ban Kiểm toán theo dõi, đánh giá và báo cáo Hội đồng Quản trị.

(3): Hội đồng Quản trị Tập đoàn chỉ đạo Hội đồng thành viên của các công ty thành viên trong trường hợp cần thiết.

(4): Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và phòng Kiểm tra, kiểm soát nội bộ của các công ty thành viên 100% vốn duy trì cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin thường xuyên (về kế hoạch kiểm toán/ kiểm tra, kết quả kiểm toán/ kiểm tra, kết quả thực hiện khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ, chế độ/ chính sách/ quy định/ quy trình trong hoạt động quản lý/ kinh doanh...). Định kỳ 6 tháng/lần, Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và các phòng Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tổ chức họp để trao đổi trực tiếp về các vấn đề liên quan.



HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

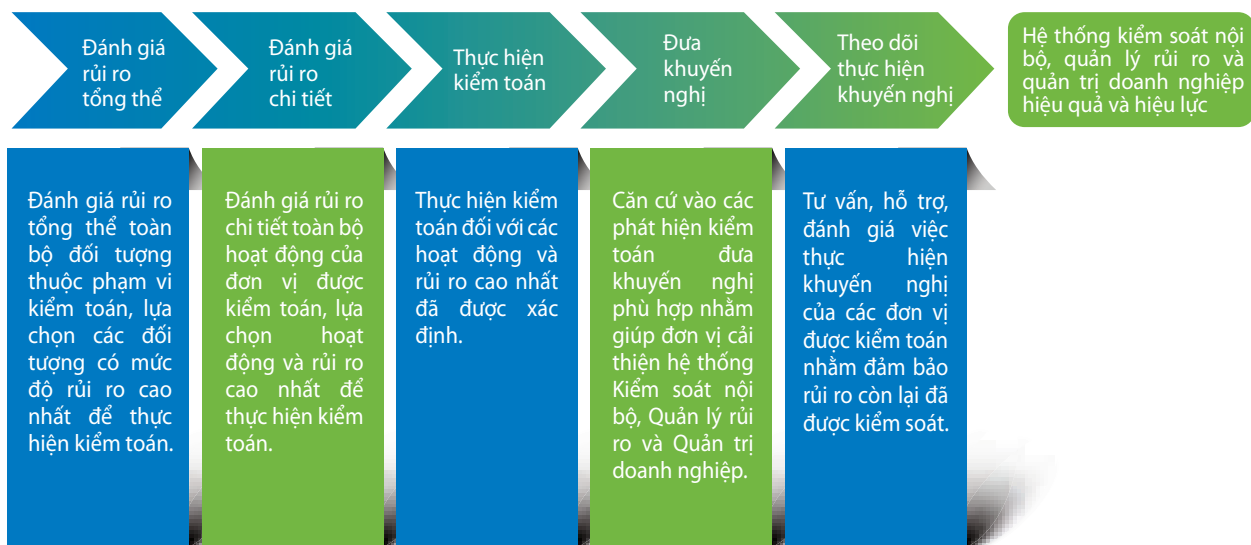
Chức năng, nhiệm vụ

Hoạt động kiểm toán nội bộ cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn (bao gồm Công ty Mẹ và các Công ty Con được Tập đoàn đầu tư 100% vốn) cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Phương pháp tiếp cận

Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để tiến hành hoạt động kiểm toán nội bộ và phương pháp ORCA để đánh giá rủi ro (ORCA: Objectives – các mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên, Risks – các rủi ro đe dọa việc đạt được các mục tiêu kinh doanh, Controls – các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro trên, Alignment – tính thống nhất giữa các mục tiêu kinh doanh, rủi ro và biện pháp kiểm soát).

Phương pháp tiếp cận của Kiểm toán nội bộ



Kết quả hoạt động năm 2012

Kiện toàn tổ chức bộ máy

Năm 2012 là năm có thay đổi lớn đối với cơ cấu tổ chức của Kiểm toán nội bộ với việc Hội đồng Quản trị ra quyết định số 1016/2012/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 8 năm 2012 v/v Kiện toàn tổ chức bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Theo đó, “Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt” được đổi tên thành “Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt”, đồng thời thành lập 03 Ban và 01 Nhóm trực thuộc bao gồm:

- Ban Kiểm toán hoạt động Bảo hiểm Phi nhân thọ: chịu trách nhiệm thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính (ngoại trừ hoạt động đầu tư) và các công ty thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Ban Kiểm toán hoạt động Bảo hiểm Nhân thọ: chịu trách nhiệm thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính (ngoại trừ hoạt động đầu tư) và các công ty thành viên của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

- Ban Kiểm toán hoạt động Đầu tư: chịu trách nhiệm thực hiện kiểm toán tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (về hoạt động đầu tư).
- Nhóm Dịch vụ hỗ trợ: chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện tốt nhất nhiệm vụ theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.

Với cơ cấu tổ chức mới, nguồn nhân lực của Kiểm toán nội bộ cũng được tăng cường với việc bổ nhiệm Giám đốc KTNB, các Phó Giám đốc KTNB, và tuyển dụng các kiểm toán viên cho Ban Kiểm toán hoạt động Đầu tư mới được thành lập.

Hoạt động kiểm toán

- Tăng cường hoạt động kiểm toán nội bộ tại các công ty thành viên với 18 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 11 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thuộc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và 02 cuộc kiểm toán trong lĩnh vực đầu tư tiền gửi tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Đem lại giá trị gia tăng cho các công ty thành viên: các phát hiện cùng các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ đã góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp tại các đơn vị được kiểm toán, nhất là trong một số lĩnh vực sau: quản lý ngân quỹ, quản lý hóa đơn - ấn chỉ, quản lý công nợ và các khoản phải thu, đánh giá rủi ro trước khi nhận bảo hiểm, giám định – xác minh – giải quyết bồi thường, tuyển dụng – đào tạo đại lý...
- Nâng cao hiệu quả của công tác bảo mật thông tin kiểm toán thông qua việc đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu tập trung.
- Rút ngắn thời gian kiểm toán và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm toán thông qua việc tiếp tục hoàn thiện Quy trình Kiểm toán nội bộ.

Định hướng hoạt động 2013

- Hoàn thành kế hoạch kiểm toán thực địa được Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng Quản trị giao, bao gồm 20 cuộc kiểm toán tại các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 14 cuộc kiểm toán tại các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và các cuộc kiểm toán về đầu tư tại Công ty Quản lý Quỹ và Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt.
- Thí điểm triển khai kế hoạch kiểm toán hoạt động và kiểm toán theo chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.
- Hoàn thiện tổ chức bộ máy với việc bổ nhiệm các chức danh quản lý của các Ban Kiểm toán trực thuộc.
- Xây dựng cơ chế nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ.
- Cập nhật các chuẩn mực, thông lệ quốc tế mới trong việc hành nghề kiểm toán nội bộ; thực hiện đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Kiểm toán viên, Trợ lý Kiểm toán viên.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thực hiện sứ mệnh



THÔNG TIN CỔ PHIẾU
THÔNG ĐIỆP CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC
QUAN HỆ CỔ ĐÔNG
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



THÔNG TIN CỔ PHIẾU



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ	6.804.714.340.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	680.471.434 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	680.471.434 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng/1 cổ phiếu

Tính tại ngày 31.12.2012



THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU BVH GIAO DỊCH NĂM 2012

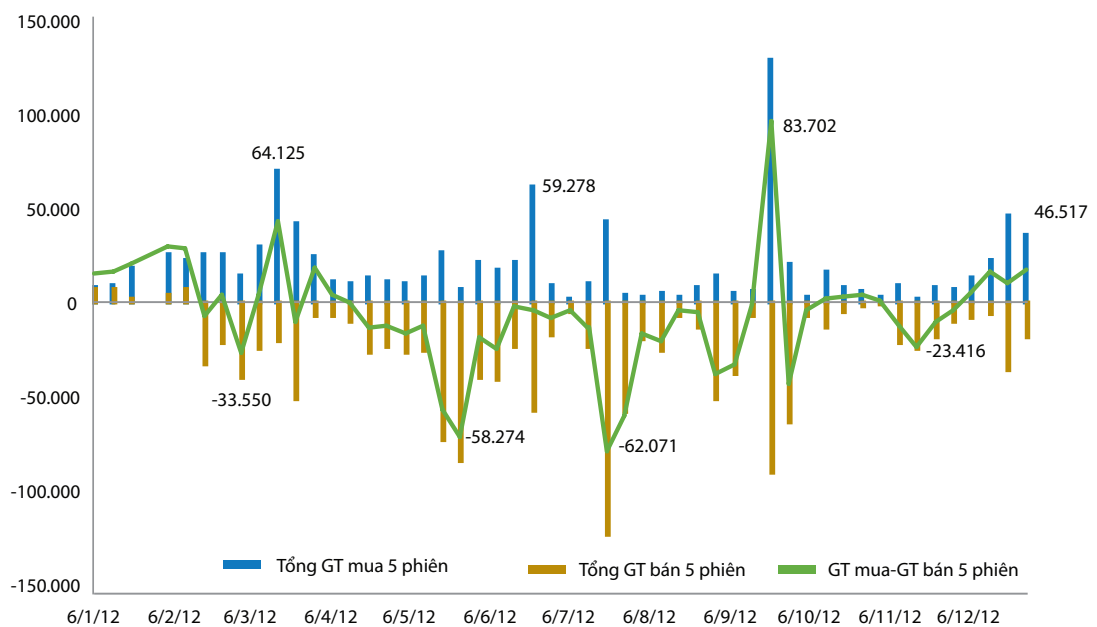
Tổng số phiên	250
Tổng khối lượng khớp lệnh	71.177.090
Tổng giá trị khớp lệnh (VNĐ)	2.857.533.947.000
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày	555.114
Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (21/09/2012)	2.948.320
Khối lượng giao dịch thấp nhất 52 tuần (09/04/2012)	12.679



BIẾN ĐỘNG CỦA CỔ PHIẾU BVH SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Năm 2012 cổ phiếu BVH luôn thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước, thanh khoản luôn duy trì ở mức cao với khối lượng giao dịch bình quân/ngày đạt trên 500.000 cổ phiếu và khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần đạt 2.948.320 cổ phiếu (tại ngày 21/09/2012).

Thống kê giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



Nguồn: HOSE

Năm 2012, cổ phiếu BVH có biên độ tăng giảm mạnh hơn khá nhiều so với diễn biến của thị trường chung. Trong khoảng 4 tháng đầu năm 2012, giá cổ phiếu BVH diễn biến tích cực do tác động từ sự hồi phục của thị trường và đạt đỉnh trung hạn tại mức xấp xỉ 73.300 đồng/cổ phiếu vào ngày 26/03/2012. Sau thời điểm này, cùng với xu hướng giảm của thị trường chung, cổ phiếu BVH rơi vào một nhịp giảm điểm mạnh về mức 25.000 đồng/cổ phiếu ngày 11/09/2012.

Kể từ đầu tháng 12/2012, cổ phiếu BVH quay trở lại xu hướng phục hồi và có sự bứt phá về biên độ tăng điểm do diễn biến tích cực của thị trường, đạt mức 38.400 đồng/cổ phiếu tại ngày 28/12/2012 và 56.000 đồng/cổ phiếu tại ngày 02/04/2013.

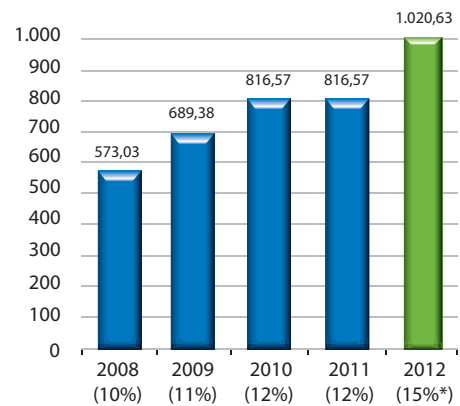


LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC

Cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Thời gian thực hiện
2012	15%*	Năm 2013 (dự kiến)
2011	12%	Từ ngày 02/07/2012
2010	12%	Từ ngày 04/07/2011
2009	11%	Từ ngày 10/06/2010
2008	10%	Từ ngày 20/05/2009

Cổ tức bằng tiền mặt qua các năm



(*) Tỷ lệ cổ tức dự kiến 2012

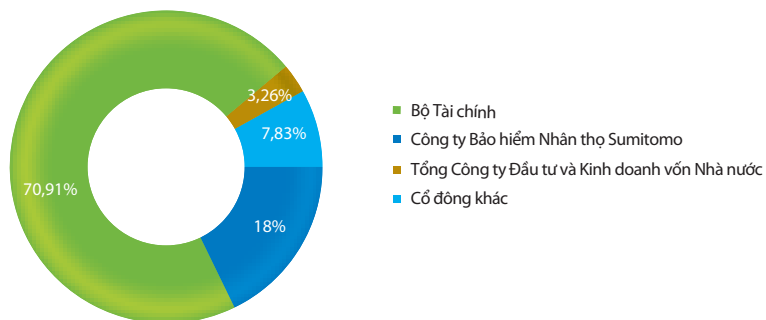


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Ngày 20/12/2012 đã diễn ra Lễ ký kết hợp đồng và công bố nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt. Theo đó, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) sẽ trở thành nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt sau khi hoàn tất việc mua lại 18% cổ phần của Tập đoàn Bảo hiểm HSBC (Châu Á- Thái Bình Dương) (HSBC) tại Tập đoàn Bảo Việt.

Theo thông tin đã công bố ngày 26/03/2013, HSBC và Sumitomo Life đã thực hiện thành công giao dịch chuyển quyền sở hữu 122.509.091 cổ phiếu BVH, tương đương 18% cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt. Như vậy, Sumitomo Life đã trở thành nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 26/03/2013.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/03/2013



(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2013 để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2013, Trung tâm LKCK VN)

Cơ cấu sở hữu theo khu vực địa lý

Sở hữu theo địa lý	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Việt Nam	6.564	94,72%	512.672.321	75,49%
• Cá nhân	6.511	93,95%	7.629.209	1,15%
• Tổ chức	53	0,77%	505.847.572	74,34%
Nước ngoài	366	5,28%	166.799.113	24,51%
• Cá nhân	289	4,17%	922.402	0,14%
• Tổ chức	77	1,11%	165.876.711	24,37%
TỔNG CỘNG	6.930	100%	680.471.434	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2013 để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2013, Trung tâm LKCK VN)

Cơ cấu sở hữu theo số cổ phần

Sở hữu theo số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1 - 999	5.074	73,22%	1.100.493	0,16%
1.000 - 10.000	1.642	23,69%	4.146.971	0,61%
10.001 - 1.000.000	202	2,91%	14.466.831	2,13%
1.000.000 trở lên	12	0,17%	660.757.139	97,10%
TỔNG CỘNG	6.930	100%	680.471.434	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2013 để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2013, Trung tâm LKCK VN)

Danh sách 20 cổ đông lớn nhất

STT	TOP 20 cổ đông lớn nhất	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên VĐL
1	Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
2	Sumitomo Life Insurance Company	122.509.091	18,00%
3	Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	22.154.400	3,26%
4	Market Vectors ETF Trust Market Vectors Vietnam	13.414.056	1,97%
5	Deutsche Bank AG London	5.964.030	0,88%
6	Smallcap World Fund Inc.	4.137.486	0,61%
7	New World Fund Inc.	2.931.430	0,43%
8	Citigroup Global Markets Ltd.	2.873.728	0,42%
9	J.P.Morgan Whitefriars Inc.	2.036.140	0,30%
10	Pure Heart Value Investment Fund	1.156.850	0,17%
11	KITMC Worldwide Vietnam Rsp Balance Fund	1.070.128	0,16%
12	Amundi Vietnam Opportunities Fund	882.610	0,13%
13	Lion Global Vietnam Fund	771.420	0,11%
14	Royal Bank of Scotland PLC	728.344	0,11%
15	Eaton Vance Structured Emerging Markets Fund	676.500	0,10%
16	Aizawa Securities Co., Ltd.	600.650	0,09%
17	Government of Singapore	532.650	0,08%
18	Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund 1	496.135	0,07%
19	Vietnam Enterprise Ltd.	480.040	0,07%
20	American Funds Insurance Series Global Small Capitalization Fund	462.777	0,07%
	TỔNG CỘNG	665.925.488	97,86%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/03/2013 để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2013, Trung tâm LKCK VN)

THÔNGIỆP CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC



ÔNG YOSHIO SATO

Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Năm thành lập: Tháng 5 năm 1907

Trụ sở chính: Tokyo/Osaka, Nhật Bản

Số lượng nhân viên và đội ngũ bán hàng

11.497 nhân viên, 31.456 đại lý bán hàng

Mạng lưới

Tại Nhật Bản:

71 chi nhánh, 1.567 văn phòng giao dịch

Trên toàn cầu:

1 công ty con tại Mỹ, 1 công ty liên kết tại Trung Quốc, VPĐD tại NewYork, London, Bắc Kinh và Hà Nội

Tổng tài sản: 292 tỷ USD

Tổng tài sản ròng: 10,8 tỷ USD

Tổng doanh thu phí bảo hiểm: 31,5 tỷ USD

Số lượng hợp đồng: 11,1 triệu hợp đồng

Xếp hạng tín nhiệm: Moody's A2; S&P A-

Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) được thành lập từ năm 1907 và là Công ty Bảo hiểm Nhân thọ hàng đầu tại Nhật Bản về thị phần doanh thu phí và tổng tài sản.

Sumitomo Life có hệ thống phân phối rộng khắp nước Nhật, đất nước có thị trường bảo hiểm nhân thọ lớn thứ 2 thế giới, với 71 chi nhánh, 1.567 văn phòng giao dịch, 11.497 nhân viên và 31.456 đại lý bán hàng. Ngoài kênh đại lý bán hàng truyền thống, Sumitomo Life còn là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu về phát triển kênh bancassurance với quan hệ hợp tác với hơn 300 ngân hàng và các tổ chức tài chính.

Thế mạnh của chúng tôi là năng lực phát triển sản phẩm, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, năng lực quản lý rủi ro và khả năng phát triển đội ngũ đại lý có trình độ và hiệu quả hoạt động cao, khả năng phát triển đa dạng các kênh phân phối đặc biệt là kênh bancassurance. Những thế mạnh trong các lĩnh vực trên đã giúp Sumitomo Life củng cố tiềm lực tài chính vững mạnh, uy tín và năng lực kinh doanh bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm Nhật Bản.

Trong chiến lược phát triển ra thị trường quốc tế, chúng tôi luôn coi Việt Nam là một trong những thị trường quan trọng nhất và đã tích cực triển khai tìm hiểu thị trường Việt Nam từ năm 2007.

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Sumitomo Life đã vinh dự trở thành cổ đông chiến lược chính thức của Tập đoàn Bảo Việt. Đây là cột mốc lịch sử có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh doanh ra nước ngoài của Sumitomo Life. Với lợi thế của mình, chúng tôi tin tưởng rằng Sumitomo Life là nhà đầu tư chiến lược phù hợp với Bảo Việt về năng lực tài chính, uy tín trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, phù hợp về văn hóa, năng lực để cung cấp dịch vụ hợp tác kỹ thuật và hỗ trợ cho Bảo Việt và mong muốn đầu tư chiến lược và cam kết lâu dài tại Việt Nam.

Bốn lĩnh vực chúng tôi cam kết sẽ hỗ trợ Bảo Việt bao gồm: (1) chiến lược phát triển kênh phân phối, (2) phát triển hệ thống Công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, (3) phát triển sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm pension plan, chăm sóc sức khỏe, y tế, là những lĩnh vực nhiều tiềm năng của Việt Nam, (4) quản lý chất lượng, trong đó tập trung nâng cao chất lượng kênh đại lý, chất lượng dịch vụ thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng và quản lý rủi ro.

Trên cơ sở Thỏa thuận về Hợp tác hỗ trợ kỹ thuật đã ký kết giữa Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life ngày 20/12/2012, Sumitomo Life và Tập đoàn Bảo Việt cùng với sự hỗ trợ của HSBC đang trong quá trình chuẩn bị xây dựng kế hoạch triển khai dự án Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực. Chúng tôi sẽ nỗ lực hết sức để hỗ trợ Bảo Việt phát triển hơn nữa trên nền tảng đã xây dựng được trong quá trình hợp tác với HSBC.

Với cam kết và nỗ lực từ cả hai phía, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng mối quan hệ hợp tác giữa Sumitomo Life và Tập đoàn Bảo Việt sẽ ngày càng tốt đẹp và phát triển bền vững.



ÔNG LẠI VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước

Năm 2012, mặc dù nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động, hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều tập đoàn, tổng công ty gặp khó khăn thì Tập đoàn Bảo Việt vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định, vững chắc về doanh thu và lợi nhuận.

Trên cơ sở những bước tiến đã đạt được, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) và Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành rà soát và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, nội dung trọng tâm trong Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược toàn diện đã ký kết.

Với vai trò là nhà đầu tư chiến lược, năm 2012 SCIC đã hợp tác với Tập đoàn Bảo Việt trong việc triển khai dự án xây dựng Tháp tài chính Bảo Việt – SCIC, tăng cường phối hợp với Bảo Việt nhằm nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, từ đó góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời nâng cao hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp.

SCIC tin tưởng rằng hai bên sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu theo đúng định hướng chiến lược đã đề ra.



ÔNG CHARLES BERNARD GREGORY

Tổng Giám đốc
HSBC Insurance (Asia-Pacific) tại Việt Nam

Đầu tiên tôi xin hoan nghênh Tập đoàn Bảo Việt về những thành công đã đạt được trong năm 2012. Chúng tôi vui mừng chứng kiến những tiến bộ không ngừng của Bảo Việt trong quá trình áp dụng mô hình kinh doanh mới, mô hình đã được chất lọc kỹ lưỡng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tôi phải nhắc tới quyết định bán khoản đầu tư của HSBC tại Tập đoàn Bảo Việt cho Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo Life như đã công bố vào ngày 20/12/2012. Đây không phải là quyết định dễ dàng. Quyết định này nằm trong chiến lược kinh doanh toàn cầu của HSBC, theo đó HSBC sẽ tập trung nguồn lực phát triển ngân hàng, ngành nghề kinh doanh cốt lõi. Chúng tôi luôn đánh giá cao mối quan hệ đối tác với Tập đoàn Bảo Việt và Bộ Tài chính, và mình chứng cho mối quan hệ hợp tác này là giao dịch này đã diễn ra thuận lợi cho tới ngày công bố thông tin chính thức.

HSBC rất tự hào về những thành công mà Bảo Việt đã đạt được trong suốt 5 năm hợp tác về những đóng góp của HSBC đối với Tập đoàn Bảo Việt, với ngành bảo hiểm Việt Nam và với nền kinh tế Việt Nam nói chung.

HSBC và Tập đoàn Bảo Việt đã cùng nhau xây dựng một nền tảng vững chắc để tạo dựng một vị thế vững vàng cho Bảo Việt trong tương lai. Chúng tôi tin rằng mối quan hệ đối tác mới sẽ đưa Bảo Việt phát triển xa hơn, củng cố hơn nữa vai trò của một Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam và tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong một thị trường đầy biến động.

HSBC vẫn giữ vững cam kết trở thành ngân hàng nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam. Việt Nam vẫn nằm trong ưu tiên chiến lược của HSBC tại Châu Á và chúng tôi cam kết sẽ phát triển hoạt động kinh doanh ngân hàng tại đây.

Nhân dịp này, tôi xin gửi lời cảm ơn tới Ban lãnh đạo của Tập đoàn Bảo Việt đã hỗ trợ chúng tôi trong giao dịch với Sumitomo Life, chúng tôi tin rằng giao dịch này đã đem lại lợi ích cho Tập đoàn Bảo Việt, Sumitomo Life, HSBC và Việt Nam.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



“Nâng cao chất lượng quan hệ nhà đầu tư là một phần quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của chúng tôi hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông”

Là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc định hướng cho mình một triết lý quan hệ nhà đầu tư rõ ràng, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động liên quan, Tập đoàn Bảo Việt xác định sứ mệnh của mình là đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư, bao gồm đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản và hiệu quả đầu tư cho cổ đông; đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư.

Bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông

Năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã kiện toàn các quy trình, tài liệu hướng dẫn để tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện đầy đủ quyền các quyền và lợi ích của cổ đông, bao gồm:

Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường năm 2012: thông qua việc bố trí thời gian và địa điểm trung tâm thuận tiện cho giao thông (Khách sạn Melia, Trung tâm Hội nghị Quốc tế); đăng thông báo về ngày chốt danh sách và thông báo mời họp trên 03 kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành toàn quốc và trên website, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.

Tích cực hỗ trợ và giải quyết yêu cầu của cổ đông: xây dựng quy trình để giải quyết nhanh và chính xác các yêu cầu dịch vụ cổ đông như chuyển nhượng cổ phần, điều chỉnh thông tin cổ đông, lưu ký chứng khoán

phát hành thêm, cấp lại sổ cổ đông. Tăng cường năng lực của đội ngũ quan hệ nhà đầu tư thông qua việc tổ chức khóa đào tạo chuyên đề về quan hệ cổ đông giúp nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quan hệ nhà đầu tư và tối đa hóa các lợi ích mang lại cho cổ đông.

Tổ chức tiếp đón và trực tiếp giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm: tiếp đón trên 50 nhà đầu tư tổ chức, quỹ đầu tư lớn, chuyên gia phân tích tại trụ sở Bảo Việt. Thực hiện các bài phỏng vấn trên các tạp chí chuyên ngành lớn trong khu vực như AMBest, tham gia diễn đàn và hệ thống hội thảo tại các thị trường quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Đảm bảo việc nhận cổ tức đều đặn cho cổ đông: sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản, thủ tục đơn giản.

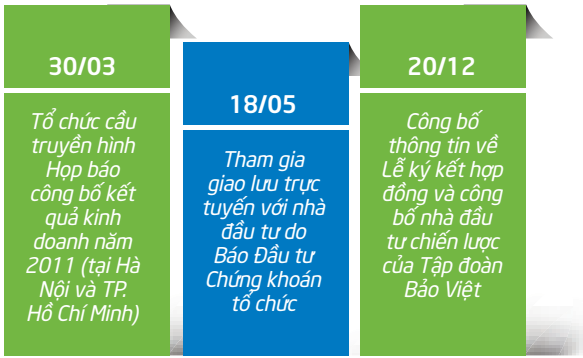
Đảm bảo công bố thông tin minh bạch

Để tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng thông tin công bố ra thị trường, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành rà soát và cập nhật Quy chế công bố thông tin nội bộ theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 để đảm bảo tuân thủ công bố thông tin theo quy định hiện hành.

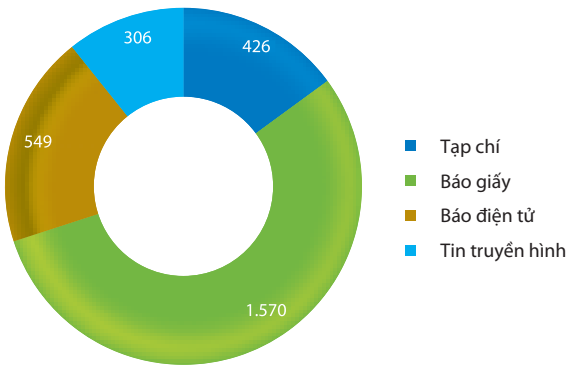
Tăng cường truyền thông chủ động: Ngoài việc thực hiện đầy đủ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định, Tập đoàn Bảo Việt còn xây dựng Biểu đồ tuân thủ công bố thông tin nội bộ nhằm mục đích hệ thống hóa các chính sách áp dụng tại Tập đoàn Bảo Việt liên quan tới công tác công bố thông tin theo quy định và bổ sung các thông tin mà pháp luật không yêu cầu, bao gồm các thông tin do Tập đoàn Bảo Việt đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích và quyết định của nhà đầu tư để chủ động công bố kịp thời ra thị trường.



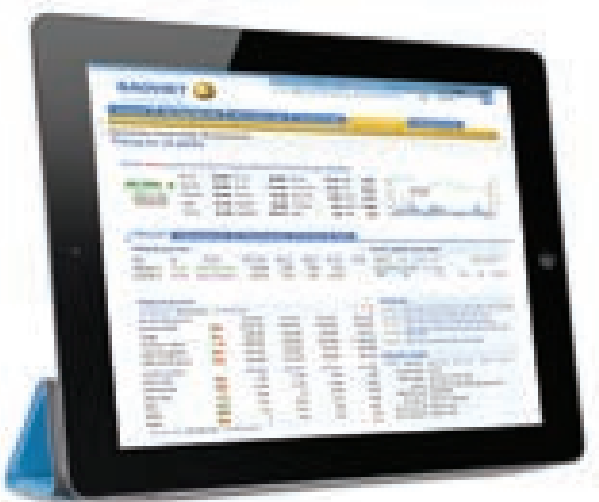
Một số sự kiện tiêu biểu



Số lượng tin bài trên các kênh truyền thông năm 2012



Nguồn: Mediabanc, 2012



Việc phát triển chuyên mục quan hệ cổ đông trên website được Báo Việt đẩy mạnh nhằm xây dựng một kênh giao tiếp với đồng đảo nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư cá nhân.

Chủ động truyền thông các thông tin tài chính và phi tài chính:

- Đẩy mạnh truyền thông về hoạt động của Báo Việt: thực hiện các bài viết, chuyên đề chuyên sâu, hội thảo, phỏng vấn với 426 bài viết trên tạp chí, 1.570 tin bài trên báo in, 549 tin bài trên báo điện tử và 306 tin qua kênh truyền hình;
- Tổ chức cầu truyền hình hợp báo công bố kết quả kinh doanh tại hai đầu cầu Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phát hành thông cáo báo chí định kỳ tại các thời điểm công bố kết quả kinh doanh với các phân tích, thuyết minh về các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu lợi nhuận.

Việc truyền thông chủ động đã phát huy hiệu quả, giúp giữ thanh khoản của cổ phiếu BVH luôn ở mức cao, đáp ứng nhu cầu thông tin của cổ đông và công chúng quan tâm, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư tiềm năng.

Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng kênh công bố thông tin: Báo Việt đã phát triển chuyên mục Quan hệ cổ đông tại địa chỉ www.baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong với nhiều thông tin hữu ích. Đồng thời, bổ sung chuyên mục thông tin cổ phiếu BVH nhằm cung cấp cho nhà đầu tư cái nhìn toàn diện về cổ phiếu BVH, bao gồm:

- Dữ liệu giao dịch được cập nhật tức thời (real-time) trong thời gian thị trường mở cửa;
- Biến động giá trong từng phiên, đồ thị minh họa, thống kê giao dịch, khối lượng dư mua – dư bán;
- Chỉ tiêu tài chính EPS, ROA, ROE, P/E được tính toán và cập nhật trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm công bố báo cáo tài chính.

Cùng với việc công bố các báo cáo tài chính theo cả Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS) định kỳ hàng quý, bán niên và cả năm, sự kiện Báo cáo thường niên năm 2011 đạt giải đặc biệt Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên trong nước và giải Vàng cho Báo cáo thường niên xuất sắc trong ngành, lọt vào Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ (LACP) bình chọn đã phần nào chứng minh những nỗ lực của Tập đoàn Báo Việt trong tiến trình minh bạch hóa thông tin.

Đảm bảo việc đối xử bình đẳng với cổ đông

Tập đoàn Bảo Việt đã nghiêm túc thực thi chính sách đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết (cổ đông ở nước ngoài có thể biểu quyết thông qua ủy quyền).



Hoạt động quan hệ nhà đầu tư 2013

Theo lộ trình đã đề ra trong Chiến lược quan hệ nhà đầu tư 5 năm (2011-2015), năm 2013 là năm bản lề để hoạt động quan hệ nhà đầu tư của Bảo Việt có sự chuyển biến rõ rệt theo hướng chủ động hơn, năng động hơn.

Trên cơ sở đánh giá và hiểu được kỳ vọng của các đối tượng nhà đầu tư khác nhau, Bảo Việt sẽ triển khai các chương trình phù hợp:

- Đối với nhà đầu tư cá nhân: Bảo Việt tăng tần suất tham gia các buổi hội thảo, giao lưu trực tuyến với nhà đầu tư để trực tiếp giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm, giúp nhà đầu tư có thể tiếp cận với lãnh đạo cao cấp của Bảo Việt.
- Đối với nhà đầu tư tổ chức, chuyên gia phân tích: do các nhà đầu tư thuộc nhóm này thường trực tiếp đến gặp Bảo Việt để đối thoại trực tiếp với Ban lãnh đạo. Bảo Việt đã cải tiến quy trình tổ chức cuộc họp và tài liệu trình chiếu nhằm đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu thông tin của nhà đầu tư.
- Định kỳ tổ chức hội nghị nhà đầu tư thường niên: hội nghị dành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và đại diện các chủ thể tham gia thị trường để tăng cường trao đổi thông tin hai chiều giúp Bảo Việt lắng nghe và tiếp nhận phản hồi từ thị trường để nâng cao chất lượng công tác quan hệ nhà đầu tư.

GIAI ĐOẠN 3 2013-2015

Phát huy hiệu quả nguồn lực để nâng cao lợi ích cho cổ đông; tăng sức hấp dẫn của cổ phiếu Bảo Việt và từng bước vươn ra thị trường khu vực

GIAI ĐOẠN 2 2012-2013

Đẩy mạnh triển khai các chương trình quan hệ nhà đầu tư chủ động, tạo ra kênh truyền thông hai chiều hiệu quả giữa nhà đầu tư và Tập đoàn

GIAI ĐOẠN 1 2011-2012

Tập trung xây dựng nền tảng cơ sở cho hoạt động quan hệ nhà đầu tư và công khai - minh bạch hóa thông tin

Người công bố thông tin: Ông Lê Hải Phong – Giám đốc Khối Quản lý Tài chính

Người phát ngôn: Ông Hoàng Việt Hà - Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

Email bộ phận Quan hệ nhà đầu tư: investorbvh@baoviet.com.vn

Điện thoại: 04 3928 9999 (Máy lẻ: 337) Fax: 04 3928 9609

Website: www.baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

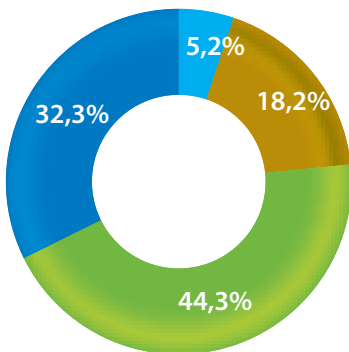


ÔNG PHAN TIẾN NGUYÊN

Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân lực

“Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của Bảo Việt. Đặc biệt, tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong một số lĩnh vực then chốt, tạo môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện”

Cơ cấu lao động theo độ tuổi



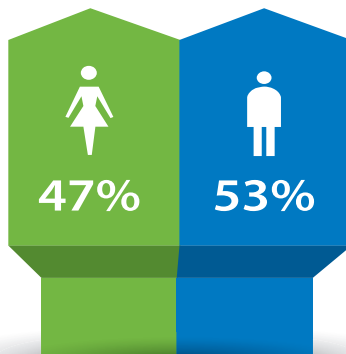
- Dưới 25 tuổi
- Từ 25 - 30 tuổi
- Từ 31 - 40 tuổi
- Trên 40

Thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực là một hoạt động cần có sự đầu tư dài hạn với cam kết cao. Kể từ khi tiến hành cổ phần hóa, được sự hỗ trợ của đối tác chiến lược nước ngoài, hoạt động quản trị nguồn nhân lực của Bảo Việt đã được nâng cao một cách toàn diện. Các chính sách lương thưởng, đào tạo, quản lý nhân tài, quản lý hiệu quả làm việc được xây dựng theo thông lệ quốc tế, đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên năng động, chuyên nghiệp, luôn hướng đến sự thay đổi để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của một Tập đoàn hàng đầu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm.

Chính sách và giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Xác định con người là nhân tố quan trọng tạo nên sự phát triển, Bảo Việt đã chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của mình thông qua các chính sách và giải pháp chủ yếu sau đây:

Cơ cấu lao động theo giới tính





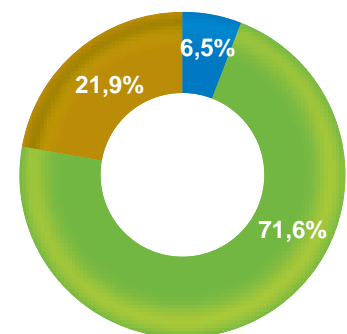
Chính sách lương thưởng

Chính sách lương thưởng của Bảo Việt được xây dựng dựa trên: (1) Giá trị công việc; (2) Hiệu quả làm việc của cá nhân nhằm đảm bảo sự công bằng; (3) Hướng tới cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường mục tiêu, giúp nhân viên tập trung phát triển sự nghiệp, luôn sáng tạo, nỗ lực tạo ra và chia sẻ những giá trị mới.

Để đo lường giá trị công việc, Bảo Việt tiến hành đánh giá, xác định độ lớn tương đối của các công việc, từ đó xây dựng hệ thống bậc công việc với sự giao thoa giữa các bậc đảm bảo có sự phát triển, thăng tiến, tạo dựng một bộ khung về phát triển nghề nghiệp, làm nền tảng xây dựng và phát triển hệ thống lương thưởng có cấu trúc công bằng và cạnh tranh.

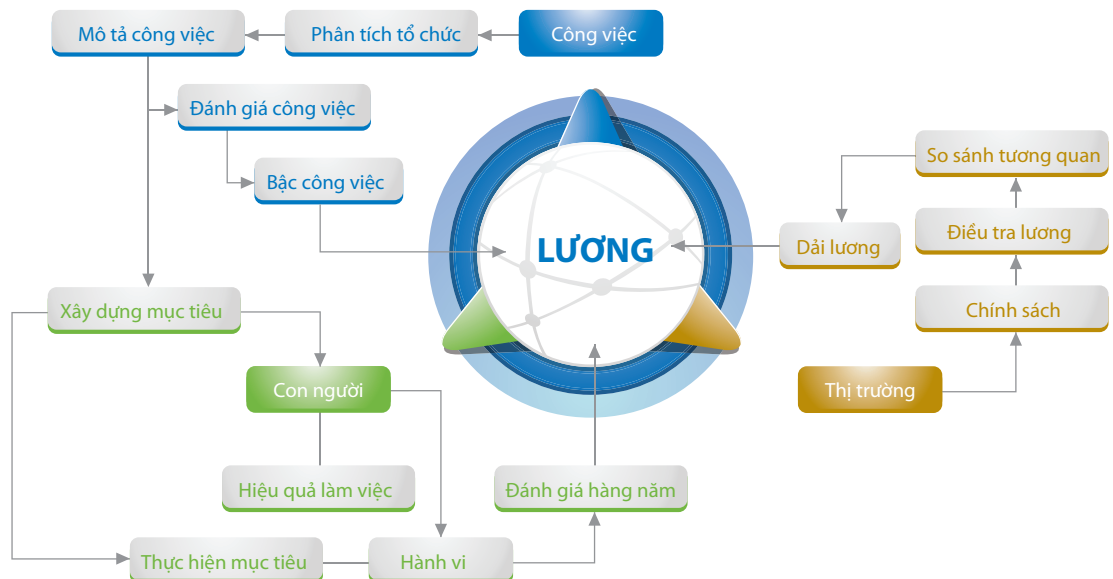
Bảo Việt đã triển khai hệ thống quản lý hiệu quả làm việc, tiến hành hai kỳ đánh giá giữa năm và cuối năm trên thang đánh giá hiệu quả làm việc 5 mức và áp dụng phương pháp hiệu chỉnh để đánh giá hiệu quả làm việc và hành vi của cá nhân, đảm bảo rõ ràng, hợp lý và công bằng, giúp cá nhân và người quản lý xác định mức độ phù hợp của mục tiêu, các điều kiện và nguồn lực hỗ trợ cần thiết để đạt mục tiêu, đồng thời là căn cứ để tiến hành điều chỉnh lương hàng năm, trả lương theo hiệu quả làm việc và khen thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho mỗi cá nhân.

Cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo



- Trên đại học
- Đại học
- Trình độ khác

Mô hình về chính sách lương thưởng

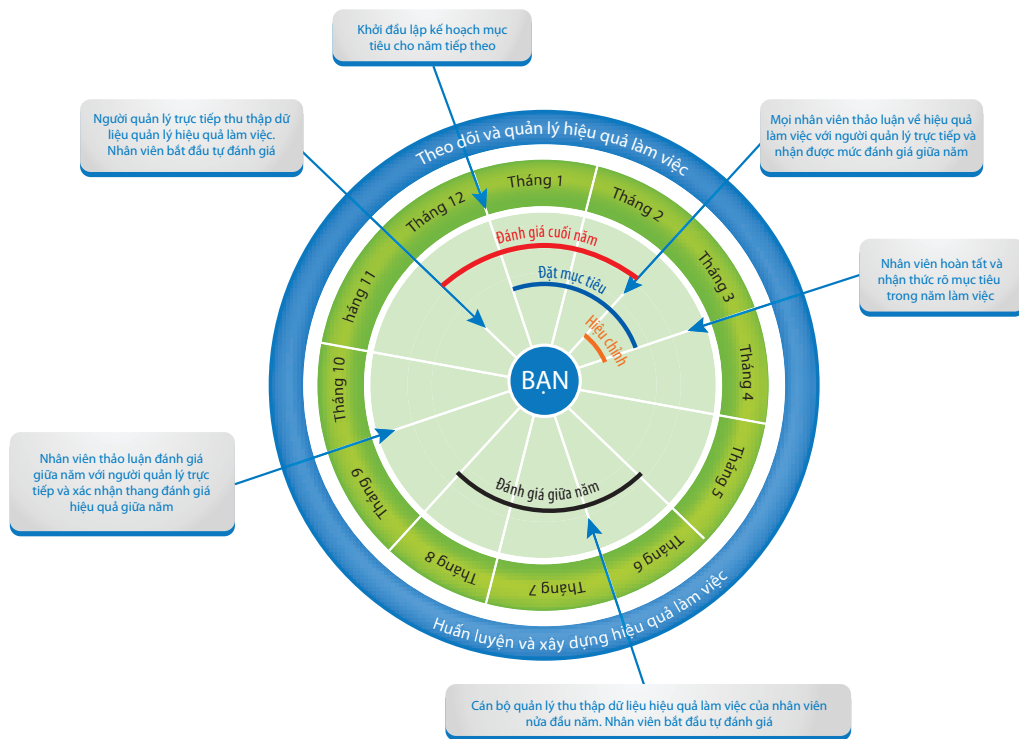


Trên cơ sở xác định tính cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường mục tiêu, Bảo Việt xây dựng một hệ thống dải lương mang tính động, có mức tối thiểu và mức tối đa, cân đối về hai phía so với mức trung bình là điểm giữa của thị trường mục tiêu. Hệ thống dải lương được điều chỉnh hàng năm dựa trên kết quả điều tra, khảo sát về lương thưởng trên thị trường lao động, phù hợp với chiến lược định vị tiền lương và chính sách lương thưởng của Bảo Việt trên thị trường mục tiêu.



Mô hình về quy trình quản lý hiệu quả làm việc

► **Khởi đầu lập kế hoạch về hiệu quả hoạt động** ► **Kết thúc đánh giá hiệu quả làm việc**



Ngoài lương, thưởng, phụ cấp, Bảo Việt còn thực hiện các chế độ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên như bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm sinh mạng, bảo hiểm cho người thân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ... tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngày hội doanh nghiệp... đáp ứng các nhu cầu đời sống tinh thần của người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe, tạo sự hứng thú, say mê trong công việc.

Chính sách thăng tiến

Bảo Việt luôn có các chính sách và tạo điều kiện về cơ hội, môi trường để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân trong một môi trường chuyên nghiệp, bình đẳng, thân thiện.

Bên cạnh đó, Bảo Việt rất quan tâm trú trọng công tác bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ kế nhiệm các cấp, tạo nguồn cán bộ lâu dài, ổn định và chủ động bổ sung, tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo khi cần thiết.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Việc tuyển dụng tại Bảo Việt được thực hiện hàng năm dựa trên nhu cầu công việc. Tất cả các ứng viên đều có cơ hội ngang nhau khi tham gia vào hoạt động tuyển dụng, đảm bảo sự công bằng, khách quan.

Bảo Việt luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí và nhóm bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo bản đồ học tập chung và Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



“Văn hóa doanh nghiệp vững mạnh sẽ góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả kinh doanh, bởi lẽ nó là động lực củng cố sự gắn kết và cống hiến của đội ngũ lao động đối với doanh nghiệp”

Văn hóa Bảo Việt được xây dựng dựa trên các giá trị cốt lõi của thương hiệu Bảo Việt, hướng tới chuẩn mực chuyên nghiệp và hiện đại mà mỗi cán bộ Bảo Việt là một đại sứ thương hiệu để thể hiện các giá trị đó qua công việc và hành động mỗi ngày.



Nâng cao chất lượng, hướng tới chuẩn mực

Bảo Việt không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp sản phẩm đa dạng mang lại nhiều sự lựa chọn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng dựa trên nền tảng truyền thống và uy tín thương hiệu của mình. Bảo Việt cũng luôn đề cao hiệu quả công việc, khích lệ sự sáng tạo và luôn tạo điều kiện để cán bộ nhân viên phát huy thế mạnh của mình.

Phong cách gần gũi, thân thiện, chuyên nghiệp



Bảo Việt quan tâm chia sẻ và thấu hiểu nhu cầu đa dạng của khách hàng dựa trên sự thông hiểu thị trường, mạng lưới phân phối trải rộng toàn quốc. Sự gần gũi, chuyên nghiệp, am tường nghiệp vụ của cán bộ nhân viên luôn mang lại cho khách hàng, đồng nghiệp sự tin tưởng. Chính bởi sự gần gũi trong giao tiếp, sự dễ dàng trong tiếp cận, thương hiệu Bảo Việt đã tạo dựng được uy tín, vị thế vững chắc trong tâm trí công chúng, để lại dấu ấn trong hàng triệu trái tim khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ của mình.

Tinh thần hợp tác, tôn trọng khách hàng



Bảo Việt phát huy tinh thần hợp tác giữa cán bộ nhằm tạo ra sức mạnh của tập thể của toàn hệ thống Bảo Việt. Tinh thần hợp tác còn thể hiện ở sự hợp tác và tôn trọng quyền lợi của khách hàng, thực hiện phương châm “Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển”.



Chinh phục đỉnh Fansipan hàng năm là một hoạt động nhằm khuyến khích tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt qua thử thách để chinh phục các đỉnh cao mới trong công việc và sự nghiệp của cán bộ.

Năng động sáng tạo, nuôi dưỡng khát vọng

Đội ngũ cán bộ nhân viên của Bảo Việt luôn thể hiện sự năng động, sáng tạo, sẵn sàng tiếp thu cái mới, vượt qua thử thách để chinh phục đỉnh cao, luôn đột phá và dẫn dắt thị trường bằng các sản phẩm và dịch vụ mới. Đây là một giá trị văn hóa quan trọng mà Bảo Việt đã và đang xây dựng đáp ứng yêu cầu năng động phát triển hội nhập.

Tinh thần trách nhiệm, chia sẻ cộng đồng

Sứ mệnh của Bảo Việt là bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài của khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng. Là doanh nghiệp kinh doanh đa lĩnh vực dịch vụ tài chính, dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư, tinh thần trách nhiệm luôn được Bảo Việt đề cao, luôn luôn nỗ lực nhằm đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, bền vững. Chính trách nhiệm với công việc, trách nhiệm với khách hàng, cổ đông, đối tác và với cộng đồng xã hội đã góp phần tạo nên uy tín và sự tôn trọng dành cho thương hiệu Bảo Việt.



Với bề dày về truyền thống, Bảo Việt đã kế thừa các giá trị truyền thống và xây dựng văn hóa doanh nghiệp của mình nhằm xây dựng doanh nghiệp ngày càng vững mạnh, mang lại giá trị đích thực cho người lao động, khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng, thực hiện thành công sứ mệnh của mình cũng như khẳng định uy tín của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.



Thiệt hại do thiên tai
gây ra năm 2012

7.000
Tỷ đồng



THÁCH THỨC CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

Thách thức cho phát triển bền vững

Là 1 trong 10 nước trên thế giới chịu tác động nhiều nhất từ biến đổi khí hậu, Việt Nam đang xảy ra liên tiếp các trận thiên tai như lũ lụt, hạn hán, động đất gây thiệt hại lớn về người và của, ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người dân với tỷ lệ người mắc bệnh hiểm nghèo ngày càng cao, làm tăng các rủi ro về thương tật, tử vong. Trong khi đó, nhận thức của người dân về giảm thiểu các thiệt hại thông qua bảo hiểm còn thấp.

Tốc độ phát triển kinh tế nhanh tại các đô thị khiến cho sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn; thu nhập của người Việt Nam nằm trong nhóm thấp nhất trên thế giới và hiện còn có hơn một nửa các nhóm dân tộc thiểu số vẫn đang sống dưới chuẩn nghèo, trẻ em các tỉnh vùng cao ít có cơ hội đến trường; tỷ lệ hộ nghèo gia tăng tại các đô thị.

Trách nhiệm của doanh nghiệp

Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính - bảo hiểm cho hàng triệu người dân Việt Nam, Bảo Việt xác định doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường. Nếu không kết hợp các mục tiêu trên cùng cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, Bảo Việt khó có thể phát triển bền vững do sẽ phải gánh chịu hậu quả từ bất ổn và mất cân đối về kinh tế, xã hội và tàn phá môi trường.

Thiệt hại về kinh tế
do thiên tai gây ra chiếm

1,0% - 1,5%
GDP/năm

Tỷ lệ
người lao động thu nhập
thấp dưới 2 USD/ngày

18,2%
Dân số

Tỷ lệ
trẻ em Việt Nam sống
dưới mức chuẩn nghèo

29,6%



ÔNG HOÀNG VIỆT HÀ

Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động

“Báo cáo phát triển bền vững thể hiện sự nhìn nhận và trách nhiệm của Bảo Việt trước những thách thức đối với các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. Chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, do vậy, cần gắn kết mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan”

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nội dung báo cáo

Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của Bảo Việt đối với các vấn đề về phát triển bền vững. Là một phần trong nội dung của Báo cáo thường niên, báo cáo này nhằm góp phần cung cấp thông tin về hoạt động của Bảo Việt tới nhà đầu tư, khách hàng và các đối tượng quan tâm khác một cách toàn diện và minh bạch hơn. Cách tiếp cận với vấn đề bền vững của Bảo Việt xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Thông qua các cuộc gặp gỡ trao đổi với nhà đầu tư, cơ quan báo chí, thực hiện dự án nghiên cứu khảo sát khách hàng và cán bộ nhân viên... Bảo Việt ghi nhận những ý kiến đóng góp đối với hoạt động kinh doanh, các vấn đề về bền vững và phản ánh trong nội dung của Báo cáo này.

Báo cáo được thực hiện căn cứ trên bộ chỉ số Global Reporting Initiative (GRI) và hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của Công ty tài chính Quốc tế IFC nhằm đảm bảo đề cập đầy đủ các khía cạnh về tác động kinh tế - xã hội - môi trường. Một số chỉ tiêu và nội dung theo tiêu chuẩn GRI đã được đề cập trong các phần trên của Báo cáo thường niên nên sẽ không nhắc lại trong phần này, ví dụ như các nội dung liên quan tới kết quả tài chính, hồ sơ tổ chức, cơ cấu quản trị, quản trị rủi ro, quyền lợi cổ đông, khách hàng. Báo cáo phát triển bền vững 2012 truyền thông tới cổ đông và các bên liên quan của Bảo Việt các vấn đề sau:

1. Mô hình phát triển bền vững của Bảo Việt

2. Gắn kết với các bên hữu quan

3. Gắn kết mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường

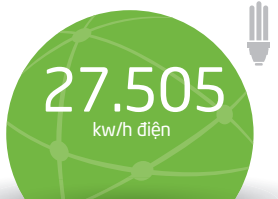
4. Các chỉ tiêu đánh giá

Nội dung chi tiết về hoạt động phát triển bền vững có thể xem tại website Bảo Việt: <http://baoviet.com.vn/Tin-tuc-su-kien/>

Phạm vi và kỳ báo cáo

Các số liệu tài chính trong nội dung “Tăng trưởng kinh tế” được trích từ số liệu hợp nhất của Báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Bảo Việt. Các hoạt động xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động chính thực hiện tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2012 (01/01/2012 - 31/12/2012) của Bảo Việt, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Bảo Việt trong những năm tới. Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững nằm trong phạm vi hệ thống kiểm soát chung của Tập đoàn, bao gồm sự tham gia của kiểm toán nội bộ.

 CON SỐ VÀ SỰ KIỆN



Tham dự 'Hội thảo quốc tế doanh nghiệp xã hội'



Ông Hoàng Việt Hà, Giám đốc Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt trình bày quan điểm về phát triển bền vững của doanh nghiệp tại 'Hội thảo quốc tế doanh nghiệp xã hội' - chủ đề 'Doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội' do Trung tâm Phụ nữ và Phát triển phối hợp với Liên đoàn Phụ nữ về Thương mại và Công nghiệp Singapore tổ chức. Hội thảo là diễn đàn để các đại biểu quốc tế và khu vực kết nối, chia sẻ những ý tưởng, sáng kiến mang tính bền vững cho các doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Giải thưởng 'Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng'



Giải thưởng do Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức. Giải thưởng lần này là sự ghi nhận những nỗ lực của Bảo Việt và là nguồn khích lệ để Bảo Việt tiếp tục thực hiện các hoạt động trách nhiệm cộng đồng vì mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Thực hiện sứ mệnh 'Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.'

"Là một trong những Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong các vấn đề bảo vệ môi trường, bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng. Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của Bảo Việt"

Chúng tôi tin rằng việc thực hiện sứ mệnh của Bảo Việt cũng đồng nghĩa với việc bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan như nhà đầu tư, khách hàng, cán bộ nhân viên, chính phủ, cộng đồng... qua đó đảm bảo sự phát triển bền vững cho Bảo Việt.

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế thể hiện ở tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua nộp thuế. Mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường. Việc kết hợp các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường nhằm cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan thông qua hoạt động trong hiện tại và tương lai, nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Mô hình phát triển bền vững của Bảo Việt

Đóng góp cho xã hội

Thông qua các sản phẩm bảo hiểm tài chính, Bảo Việt góp phần đảm bảo sự bình an cho khách hàng trước các rủi ro sức khỏe và tài sản, tổn thất từ thiên tai, tai nạn, chia sẻ gánh nặng tài chính và đem đến cơ hội đầu tư, tích lũy cho khách hàng.

Xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, công bằng với người lao động, bình đẳng giới; người lao động được đánh giá và trả lương phù hợp theo kết quả và hiệu quả công việc, gắn kết lợi ích của người lao động với lợi ích của doanh nghiệp.

Tích cực đóng góp cho cộng đồng thông qua các hoạt động thiết thực, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân tại các khu vực khó khăn, thiếu thốn, góp phần giảm bớt khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

Gắn kết thực hiện ba mục tiêu chiến lược

Tăng trưởng kinh tế

Đạt sự tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận thông qua kết hợp thực hiện mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh.

Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông về cổ tức và giá trị cổ phiếu

Nộp thuế cho Ngân sách quốc gia và góp phần phát triển kinh tế địa phương.

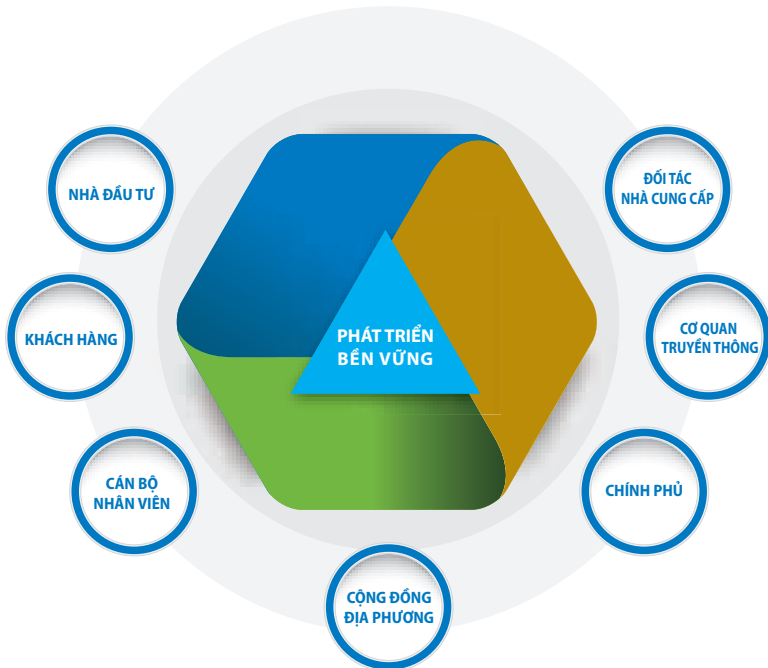
Bảo vệ môi trường

Tích cực giảm thiểu tác động của hoạt động kinh doanh tới môi trường.

Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

Gắn kết cán bộ Bảo Việt trong các hành động cụ thể vì môi trường, qua đó nâng cao ý thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, góp phần nâng cao ý thức của cả xã hội đối với môi trường.

GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN



Bảo Việt luôn cân nhắc đảm bảo lợi ích cũng như các tác động qua lại của các bên liên quan, từ đó xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài cho các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Việc điều tra, khảo sát và lắng nghe ý kiến từ các bên liên quan giúp Bảo Việt hiểu được mối quan tâm và kì vọng của họ, từ đó phản ánh trong hoạt động kinh doanh cũng như cập nhật những vấn đề trọng yếu trong các tài liệu truyền thông.

Các hoạt động chính trong năm 2012



Thực hiện đầy đủ các quyền lợi của nhà đầu tư như tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, chi trả cổ tức, công bố thông tin...

Bộ phận chuyên trách về quan hệ cổ đông được đào tạo và bố trí đầy đủ nguồn lực để phục vụ nhu cầu quyền lợi liên quan đến cổ đông.

Tổ chức đón tiếp, giới thiệu, cập nhật thông tin với các nhà đầu tư tổ chức; tham gia Hội nghị đầu tư trong nước và quốc tế.

Chủ động công bố và minh bạch thông tin qua các phương tiện truyền thông, chương trình họp báo, website và ấn phẩm của Bảo Việt.



Định kỳ triển khai nghiên cứu và khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng.

Trung tâm chăm sóc khách hàng của Bảo Việt hoạt động 24/7, giải đáp thắc mắc và ghi nhận phản hồi của khách hàng đối với hoạt động của công ty. Hệ thống website cung cấp thông tin phản hồi và là kênh phản hồi trực tuyến cho khách hàng.



Định kỳ thực hiện Khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ nhân viên.

Tạo điều kiện để người lao động tham gia vào các quyết định của doanh nghiệp như: tổ chức Hội nghị người lao động, Hội nghị Tổng kết kinh doanh, Hội nghị Công đoàn với sự tham gia của toàn thể cán bộ nhân viên.

Tổ chức truyền thông nội bộ thông qua phát hành bản tin điện tử hàng tuần, bản tin nội bộ, website nội bộ để truyền thông hoạt động của doanh nghiệp.



ĐỐI TÁC
NHÀ CUNG CẤP

Thực hiện đấu thầu công khai, lựa chọn đối tác uy tín, có hệ thống tài chính minh bạch, công khai; không vướng mắc các vấn đề về tuân thủ pháp luật, môi trường, xã hội và đạo đức kinh doanh.

Tổ chức các buổi trao đổi nhằm trao đổi và chia sẻ những kinh nghiệm hoạt động.



CỘNG ĐỒNG
ĐỊA PHƯƠNG

Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng các điều kiện cơ sở vật chất cơ bản, giúp người dân tại các tỉnh khó khăn nhất trên cả nước.

Phối hợp với các trường học, bệnh viện, và các trung tâm nhân đạo để giúp đỡ, tạo cơ hội cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.



CHÍNH PHỦ

Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ và Ban ngành Trung ương tổ chức để đóng góp ý kiến.

Trao đổi thông tin dưới tư cách là thành viên của nhiều tổ chức, Hiệp hội: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Diễn đàn kinh tế thế giới; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Hiệp hội an toàn thông tin Việt Nam VNISA ...



CƠ QUAN
TRUYỀN THÔNG

Định kỳ tổ chức Họp báo công bố kết quả kinh doanh bán niên và cả năm.

Tiếp xúc và trả lời phỏng vấn của các cơ quan báo chí tại các sự kiện, diễn đàn... mà Bảo Việt tham gia.



GẮN KẾT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

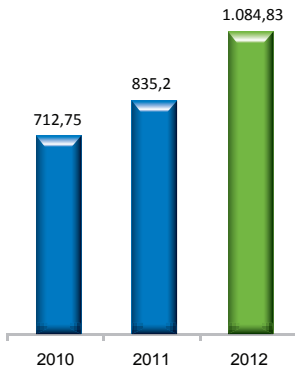
Tăng trưởng kinh tế

Hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng kinh tế mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn

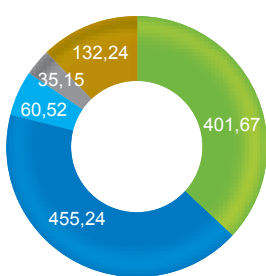
Năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt phát triển vững chắc và ổn định mặc dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng trưởng 22,4%, doanh thu hợp nhất tăng trưởng 7,6% so với cùng kỳ. Hoạt động bảo hiểm tăng trưởng vượt so với tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường. Kết quả kinh doanh cụ thể được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo thường niên 2012.

Việc thực hiện tốt mục tiêu kinh tế đã giúp Bảo Việt đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2012 vượt mức dự kiến, đạt 15%; trả lương đầy đủ và đúng hạn cho cán bộ nhân viên, quan tâm nâng cao điều kiện làm việc và sức khỏe, tinh thần của cán bộ; thực hiện đầy đủ các cam kết thanh toán cho nhà cung cấp; đóng góp thuế và các khoản phí khác vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

Đóng góp NSNN 2010 - 2012
Đơn vị: Tỷ đồng

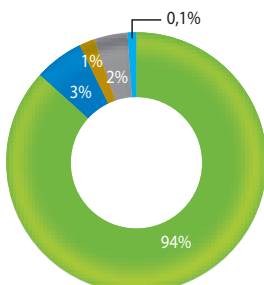


Đóng góp NSNN năm 2012
Đơn vị: Tỷ đồng



- Thuế nhà đất
- Các loại thuế khác
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế giá trị gia tăng

Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 (dự kiến)



- Lợi nhuận để lại
- An sinh xã hội
- Quỹ khen thưởng phúc lợi
- Chi trả cổ tức
- Khác

Quản lý rủi ro nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững

Là doanh nghiệp cung cấp sản phẩm tài chính – bảo hiểm, quản trị rủi ro là hoạt động tất yếu để đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển. Bảo Việt tập trung vào việc nhận diện, hiểu rõ và đối phó với những rủi ro có thể gặp phải nhằm đảm bảo tăng trưởng và phát triển bền vững.

Bảo Việt bảo đảm các mục tiêu chiến lược phát triển bền vững thông qua việc cân đối và xem xét thực hiện mục tiêu tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận với thực hiện mục tiêu xã hội và môi trường. Các vấn đề liên quan tới rủi ro chiến lược và danh tiếng được xem xét định kỳ bởi Ủy ban Quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt. Nội dung quản trị rủi ro của Bảo Việt được báo cáo chi tiết trong chuyên mục Quản trị rủi ro của Báo cáo thường niên 2012.

Phát triển cộng đồng

Bảo đảm sự bình an và thịnh vượng cho hàng triệu khách hàng

“Chìa khóa của thành công là xây dựng các mối quan hệ bền vững với khách hàng chứ không chỉ dừng lại ở việc bán được sản phẩm”

Bất kể do nguyên nhân gì, khi rủi ro xảy ra thường đem lại cho con người những khó khăn trong cuộc sống như mất việc hoặc giảm thu nhập, phá hoại nhiều tài sản, làm ngưng trệ sản xuất và kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân gây ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội nói chung. Là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ tài chính - bảo hiểm, Bảo Việt đảm bảo sự bình an cho hàng triệu khách hàng khi gặp các rủi ro về sức khỏe, tài sản của bản thân, gia đình và doanh nghiệp.

Phát triển các sản phẩm, dịch vụ cho cộng đồng

Bảo Việt rất chú trọng phát triển các sản phẩm dịch vụ cho cộng đồng. Với kinh nghiệm và mạng lưới rộng lớn, Bảo Việt có khả năng cung cấp các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho khách hàng có thu nhập thấp tham gia bảo hiểm nhằm giảm bớt khó khăn tài chính khi gặp rủi ro về sức khỏe và tài sản với các hoạt động tiêu biểu như:

- Hàng năm, Bảo Việt nhận bảo hiểm cho khoảng gần 8 triệu học sinh/sinh viên trên toàn quốc với mức phí bảo hiểm trên dưới 60.000 đồng/người/năm (tương đương khoảng 3 USD); Điều này giúp các em và gia đình an tâm, được hỗ trợ một phần tài chính khi không may gặp rủi ro về tai nạn, ốm đau, bệnh tật khi tham gia các hoạt động trong và ngoài trường học.
- Bảo hiểm cho gần 3 triệu xe máy và ô tô trên toàn quốc, giúp người bị nạn được bồi thường nhanh chóng, kịp thời. Bên cạnh đó, Bảo Việt còn tích cực tham gia các hoạt động truyền truyền về ý thức an toàn giao thông, tuân thủ pháp luật về giao thông; tích cực phối hợp cùng các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình hạn chế tai nạn trên các trục lộ, điểm đen giao thông.
- Bảo Việt là doanh nghiệp dẫn đầu trong triển khai bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam. Thực hiện chương trình triển khai thí điểm về bảo hiểm nông nghiệp của Chính phủ, Bảo Việt đã nhận bảo hiểm cho 125.000 hộ nông dân nghèo và cận nghèo tại một số địa phương, giúp họ tiếp cận được với các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp gồm: cây lúa, vật nuôi và thủy sản.
- Với đặc thù Việt Nam là một nước nông nghiệp và thường xuyên xảy ra thiên tai, việc đảm bảo an toàn sản xuất lúa gạo cho người nông dân nghèo là đặc biệt quan trọng trong công tác đảm bảo an sinh xã hội. Ý thức được vấn đề này, Bảo Việt đã triển khai cung cấp dịch vụ bảo hiểm cây lúa cho 94.000 lượt hộ nông dân nghèo và cận nghèo với 21.000 hecta lúa, tổng giá trị được bảo hiểm là gần 700 tỷ đồng. Đây là nỗ lực quan trọng của Bảo Việt trong việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm vi mô phục vụ cộng đồng.

“Với trên 70% dân số làm nông nghiệp, đất trồng trọt và đất rừng chiếm 60% tổng diện tích lãnh thổ, tổng giá trị nông nghiệp chiếm 20% GDP, nông nghiệp - nông thôn - nông dân chiếm địa vị quan trọng trong nền kinh tế xã hội. Tuy nhiên, thiên tai, dịch bệnh hàng năm đã gây thiệt hại cho người nông dân với khối tài sản ước tính 1,5% GDP”



Với kinh nghiệm cung cấp các sản phẩm bảo hiểm lâu đời trên thị trường Việt Nam, trình độ chuyên môn cao và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, đặc biệt là với người nông dân nghèo, Bảo Việt đã và đang đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp.

Bảo Việt tham gia bảo hiểm nông nghiệp với quan điểm không vì lợi nhuận mà xác định đây là một nhiệm vụ chính trị, thực hiện theo tinh thần doanh nhân với nông dân và tinh thần doanh nghiệp nhà nước với chủ trương của Chính phủ. Triển khai loại hình bảo hiểm mang tính nhân văn sâu sắc này, Bảo Việt mong muốn cùng chia sẻ, giảm bớt các thiệt hại khi đối mặt với rủi ro, và đảm bảo thu nhập cho người nông dân.

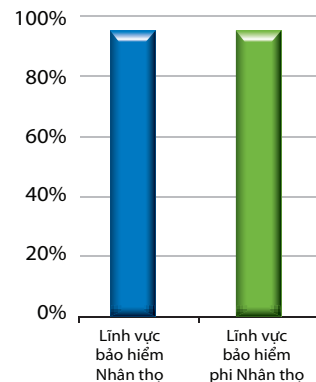
- Bảo Việt bảo hiểm cho gần 5 triệu lượt khách hàng trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Thông qua các sản phẩm đa dạng cho nhiều nhóm đối tượng khách hàng như An sinh giáo dục, An phát bảo gia, An tâm sống khỏe, An tâm hạnh phúc... Bảo Việt đã góp phần bảo đảm bình an cho cá nhân, trẻ em và gia đình, góp phần vào phát triển xã hội và tạo điều kiện để người dân tiếp cận và sử dụng các sản phẩm tài chính đa dạng trên toàn quốc.
- Nâng cao nhận thức về sản phẩm: Hiện tại, tỷ lệ doanh thu phí bảo hiểm so với GDP chỉ đạt dưới 2%, điều này thể hiện nhận thức của người dân về bảo hiểm còn rất hạn chế, giảm đáng kể cơ hội của người dân trong tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm. Bảo Việt đi tiên phong trong việc phổ biến, truyền thông kiến thức về sản phẩm và các lợi ích từ bảo hiểm.
- Trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, quản lý quỹ, Bảo Việt cũng cung cấp dịch vụ bán chéo, kết hợp như bancassurance, dịch vụ thanh toán, quản lý quỹ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách tốt nhất, đem lại sự hài lòng và gắn bó của khách hàng với doanh nghiệp.

Cải tiến phục vụ, tiếp cận khách hàng

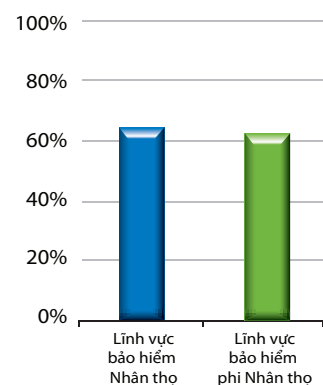
Năm 2012, Bảo Việt triển khai trung tâm dịch vụ khách hàng Call Center 1900 558899, nhằm tạo điều kiện cho khách hàng liên hệ giải đáp thắc mắc, nâng cao chất lượng phục vụ và rút ngắn thời gian giải quyết khiếu nại. Mạng lưới 150 chi nhánh trên toàn quốc và hệ thống 41 ngàn tư vấn viên bảo hiểm giúp Bảo Việt tiếp cận và phục vụ khách hàng dễ dàng, thuận lợi hơn.

Bảo Việt định kỳ triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ, mức độ yêu thích, sản phẩm thông qua các công ty nghiên cứu thị trường. Kết quả đánh giá năm 2012 cho thấy Bảo Việt là thương hiệu đứng đầu về mức độ nhận diện các công ty bảo hiểm trong tâm trí khách hàng, đạt 96%. Mức độ hài lòng của khách hàng Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm đạt 65%, đặc biệt mức độ hài lòng của khách hàng doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 78% - theo tiêu chuẩn đánh giá trong ngành Tài chính - Bảo hiểm khu vực Châu Á. Kết quả dự án sẽ giúp Bảo Việt tiếp tục khai thác các ưu điểm được khách hàng ghi nhận nhằm nâng tỷ lệ hài lòng tiệm cận dần với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới.

Mức độ nhận diện thương hiệu



Mức độ hài lòng của khách hàng



Xây dựng môi trường lao động hấp dẫn, bảo vệ quyền lợi người lao động

“Đối xử công bằng với người lao động từ khâu tuyển dụng; đào tạo, phát triển và tạo cơ hội thăng tiến đồng đều cho các cán bộ có năng lực không phân biệt giới tính, khu vực, tôn giáo”

Vấn đề bình đẳng giới

Với số lượng 2.604 cán bộ nữ, chiếm 44,36% lao động, Bảo Việt luôn đảm bảo công bằng cho cán bộ nữ trong mọi hoạt động của doanh nghiệp; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo.

Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ của Bảo Việt giữ vai trò quan trọng trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách trong doanh nghiệp; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: nghỉ phép, nghỉ thai sản, nghỉ theo chế độ và tham gia mua bảo hiểm thân thể, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ, tham gia sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Tỷ lệ cán bộ nữ tại Bảo Việt	44,36%
Tỷ lệ cán bộ nữ được tuyển dụng năm 2012	44,36%
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ vị trí lãnh đạo từ cấp Ban/Phòng trở lên	15,25%
Tỷ lệ cán bộ nữ có trình độ từ Đại học trở lên	45,1%
Số lượt cán bộ nữ tham gia đào tạo theo Bản đồ học tập năm 2012	828 lượt, chiếm 44,3%

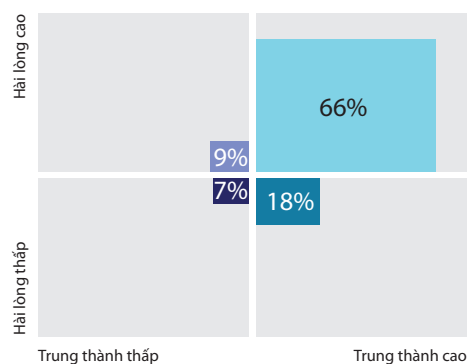
Sức khỏe của các nữ cán bộ cũng là vấn đề được Bảo Việt quan tâm, chúng tôi luôn khuyến khích, vận động chị em tham gia khám sức khỏe định kỳ và đầu tư kinh phí khám cao hơn từ 15 - 20% so với cán bộ nam (vì có thêm các khoản mục khám dành riêng cho phụ nữ). Năm 2012, đã có trên 96,93% cán bộ nữ tham gia chương trình khám sức khỏe của Bảo Việt.

Gắn kết người lao động vào các quyết định quan trọng của doanh nghiệp

Tại Bảo Việt, chúng tôi tạo điều kiện để người lao động tham gia vào công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp. Hàng năm, Bảo Việt tổ chức Hội nghị người lao động nhằm cập nhật tình hình hoạt động, những thay đổi trong tổ chức cũng như kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn trong năm tiếp theo. Bảo Việt cũng thực hiện thảo luận công khai, lấy ý kiến cán bộ trong Thỏa ước lao động tập thể để lắng nghe nguyện vọng của cán bộ nhân viên, từ đó tiếp tục nâng cao chất lượng và môi trường làm việc cho người lao động.

Kết quả khảo sát của Dự án nghiên cứu thị trường năm 2012 cho thấy mức độ hài lòng của cán bộ nhân viên Bảo Việt đạt 75%. Chúng tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường phát triển cá nhân và gắn kết người lao động thông qua nhiều hình thức khác nhau, nhằm nâng tỷ lệ hài lòng và gắn kết với doanh nghiệp của người lao động tăng dần theo các năm.

Biểu đồ đánh giá sự hài lòng của cán bộ - nhân viên



Chăm lo sức khỏe cho cán bộ

Bảo Việt luôn quan tâm đến bảo vệ sức khỏe cho người lao động thông qua việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ; mua bảo hiểm sức khỏe (Health Care) và bảo hiểm sinh mạng (An Nghiệp Thành Công) cho cán bộ nhân viên, đồng thời hỗ trợ thêm cán bộ qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân.

Chúng tôi cũng khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia vào các phong trào thể dục thể thao thông qua các lớp học, các câu lạc bộ hay hội thao của Bảo Việt nhằm rèn luyện sức khỏe cũng như tăng cường tinh đoàn kết, gắn bó giữa các cán bộ trong hệ thống. Điển hình như Hội thao quần chúng lần thứ 2 nhân kỷ niệm 47 năm thành lập đã thu hút sự tham gia của hơn 500 cán bộ trên địa bàn Hà Nội. Các phong trào đá bóng, bóng bàn, cầu lông, tennis cũng được tổ chức thường xuyên tại Bảo Việt.

Ghi nhận nỗ lực, đóng góp của cán bộ nhân viên

Các chính sách khuyến khích, khen thưởng và ghi nhận thành tích đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực và tinh thần phấn khởi, lạc quan cho cán bộ và tư vấn viên trong hệ thống. Trong năm 2012, đã có 377 cá nhân được trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Bộ Tài chính, cấp Chính phủ và cấp Chủ tịch nước. Ngoài ra còn nhiều hình thức thi đua khen thưởng các cấp được tổ chức liên tục tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Số lượng cá nhân thuộc các đơn vị trong toàn Tập đoàn Bảo Việt được nhận quyết định khen thưởng trong năm 2012

Danh hiệu	Số lượng
Cá nhân được Bộ Tài chính tặng bằng khen	236
Cá nhân được trao tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua Ngành Tài chính	100
Cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen	35
Cá nhân được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba	4
Cá nhân được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì	2
Tổng cộng	377

Phát triển cộng đồng chính là phát triển bền vững cho doanh nghiệp

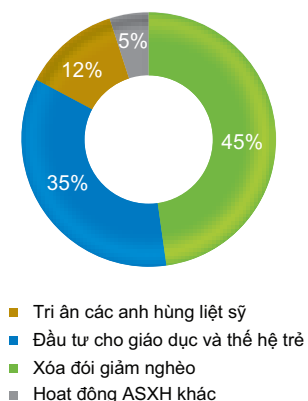
"Hiện có tới 18,2% dân số, tương đương 16,1 triệu người Việt Nam, có thu nhập dưới 2 đô la/ngày. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng. Việc tiếp cận các dịch vụ y tế tại các khu vực miền núi đặc biệt khó khăn. Trẻ em, tương lai của đất nước cần được tạo điều kiện bình đẳng để học tập và có cuộc sống tốt đẹp hơn"

Tính đến năm 2012, Bảo Việt đã dành hơn 80 tỷ đồng cho hoạt động cộng đồng, trong đó công tác xóa đói giảm nghèo và đầu tư cho thế hệ trẻ được chú trọng đầu tư về ngân sách và nguồn lực với mong muốn cùng chung sức đẩy nhanh tốc độ xóa nghèo, cũng như vun đắp ước mơ tới trường của các em vùng sâu vùng xa.

Trọng tâm hoạt động xã hội của Bảo Việt gồm có:

- Xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào các tỉnh khó khăn;
- Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ;
- Tri ân các anh hùng liệt sỹ; và các hoạt động khác

Tỷ lệ thực hiện các hoạt động ASXH năm 2012



Xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào các tỉnh khó khăn

“Chúng tôi tin rằng người dân được hỗ trợ các điều kiện sống căn bản sẽ giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn”

Trong khi tốc độ đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh ở khu vực miền xuôi thì tại các tỉnh vùng cao, điều kiện sống vẫn còn nhiều khó khăn và thiếu thốn. Bảo Việt đã triển khai thực hiện chương trình 30A của Chính phủ tại huyện Quế Phong (Nghệ An), huyện Pắc Nặm (Bắc Kạn) và tình nguyện đến với những vùng miền nghèo nhất trên cả nước để hỗ trợ, xây dựng cơ sở vật chất cho người dân.

Phát triển cơ sở y tế

Tính đến nay, Bảo Việt đã xây dựng 8 trạm y tế tại 2 huyện Pắc Nặm (Bắc Kạn) và Quế Phong (Nghệ An) với tổng kinh phí 20,5 tỷ đồng.

Năm 2012, Bảo Việt đã hỗ trợ huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An xây dựng thêm 1 trạm y tế và 2 nhà bán trú dân nuôi, từng bước đem lại điều kiện sống tốt hơn cho người dân huyện nghèo.



Dỡ bỏ nhà tạm, nhà dột nát

Bảo Việt đã hỗ trợ các tỉnh Quế Phong, Nghệ An và Sơn Hòa, Phú Yên 5,6 tỷ đồng để dỡ bỏ nhà tạm, nhà dột nát và xây 914 nhà mới.

Trong năm 2012, Bảo Việt phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã Cà Lúi, Sơn Hòa, Phú Yên kiểm tra thực tế từng hộ gia đình, trao đổi chủ trương hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm, nhà dột nát và thực hiện chọn nhà thầu, thiết kế, xây dựng nhà mới cho 4 hộ gia đình khó khăn nhất tại các xã Ma Nhe, Ma Lăng, Ma Thìn của xã Cà Lúi.



Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ

“Kiến thức mang lại cơ hội thành công cũng như thúc đẩy nền kinh tế phát triển”

Xây dựng các trường học tại các khu vực kinh tế khó khăn

Bảo Việt đã xây dựng 7 trường tiểu học, mầm non và bán trú tại các tỉnh Bắc Kạn, Nghệ An, Kiên Giang, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Nam Định với tổng kinh phí 21,9 tỷ đồng.

Năm 2012, Bảo Việt đã xây dựng thêm 1 trường mầm non xã Nghiễn Loan II (Pắc Nặm) nhằm giúp các em học sinh học tập tại cơ sở khang trang, sạch đẹp hơn; Triển khai xây dựng 11 ký túc xá tại các trường tiểu học cho trẻ em dân tộc có chỗ ở ổn định để duy trì học tập.



Chương trình học bổng ‘An Sinh Giáo Dục’ 9 năm - 9 tỷ đồng

Khởi động từ năm 2005, Bảo Việt Nhân thọ phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam triển khai chương trình.

Chương trình học bổng An Sinh Giáo Dục nhằm khuyến khích và hỗ trợ trẻ em nghèo, trẻ em khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam, con thương binh liệt sỹ có thành tích học tập tốt. Tính đến nay, chương trình đã giúp đỡ hơn 6.000 em trên cả nước với tổng trị giá học bổng hơn 9 tỷ đồng trong 9 năm.



Dự án Thư viện lưu động

Với tổng trị giá hơn 1,5 tỉ đồng, sau 3 năm triển khai, dự án đã cung cấp 136 thư viện lưu động cho 136 trường trên 8 quận, huyện tại Đà Nẵng, ước tính mang lại cơ hội đọc sách cho 58.000 em học sinh.

Trong năm 2012 - năm thứ 3, dự án tổ chức tập huấn cho giáo viên và học sinh các trường thuộc huyện Hòa Vang (Đà Nẵng) với sự tham gia của giáo viên và sinh viên tình nguyện quốc tế đến từ các nước Mỹ, Nhật Bản, Thái Lan, Singapore khiến buổi tập huấn trở nên đa dạng, phong phú với nhiều các hoạt động khác nhau.

Thông qua dự án, Bảo Việt không chỉ mong muốn nâng cao tri thức cho các em thông qua nguồn sách truyện đa dạng từ thư viện, mà còn muốn các em chủ động tiếp cận với kho tri thức phong phú ấy.



Chương trình 'Khăn áo ấm mùa đông cho trẻ em cấp sách tới trường'

Bảo Việt thường xuyên đến với trẻ em vùng cao Tây Bắc, nhằm chia sẻ, động viên các em cố gắng học tập vì một ngày mai tươi sáng hơn.

Năm 2012, Bảo Việt với nòng cốt là lực lượng thanh niên đã tổ chức thường xuyên các hoạt động để huy động sự đóng góp, tặng quà, phát thuốc, khám chữa bệnh miễn phí, ủng hộ quần áo, khăn, sách vở và quà tặng trực tiếp từ cán bộ Bảo Việt. Một số hoạt động tiêu biểu như thăm học sinh tại các trường Tả Phời, Trung tâm bảo trợ xã hội tại tỉnh Lào Cai, tháng thanh niên tình nguyện tại Pác Nặm, Bắc Kạn.



Chương trình 'Kết nối yêu thương'

'Kết nối yêu thương' là một chuỗi các hoạt động xã hội thường niên của Bảo Việt với sự tham gia của đồng đảo các cán bộ nhân viên trong hệ thống. Trong năm 2012 Bảo Việt đã triển khai:

- Thăm và tặng quà cho 150 cháu nhỏ bị ung thư tại Viện Huyết học truyền máu
- Thăm và tặng quà cho 80 cháu nhỏ khoa Nhi, bệnh viện Bạch Mai
- Thăm và hỗ trợ 2 cháu mổ tim bẩm sinh ở Đan Phượng, Hà Nội
- Thăm và tặng quà cho 75 cháu nhỏ Viện Bông Trung ương ...



Các chương trình khác trong năm

Mỗi năm Bảo Việt cũng dành tặng hàng nghìn suất quà trao tặng cho hơn 4.000 trẻ em khó khăn trên cả nước trong các dịp Tết Nguyên Đán, Tết Thiếu Nhi, Tết Trung Thu



Tri ân các anh hùng liệt sĩ

"Lịch sử hào hùng của dân tộc sẽ mãi là niềm tự hào của các thế hệ Việt Nam, chúng tôi luôn biết ơn và ghi nhận sự hi sinh của các mẹ, các anh đã góp phần tạo nên Tổ quốc Việt Nam ngày hôm nay"

Uống nước nhớ nguồn

Tập đoàn Bảo Việt đã phối hợp cùng UBND thị xã Quảng Trị xây dựng trường mầm non Thành cổ Khu vực Ba Bến, tỉnh Quảng Trị.

Toàn thể cán bộ nhân viên Bảo Việt đã đóng góp ít nhất 1 ngày lương, góp phần hoàn thành giai đoạn 1 của công trình xây dựng khu hành lễ Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9. Đây là một trong hai nghĩa trang liệt sĩ quốc gia lớn nhất của cả nước nằm trên mảnh đất Quảng Trị, hiện là nơi yên nghỉ của hơn 10.000 liệt sĩ.

**Các hoạt động tri ân khác**

Trong năm 2012, Bảo Việt cũng đã tổ chức gặp mặt và tặng quà cán bộ là con thương binh, con liệt sĩ, bản thân là thương binh trong toàn Tập đoàn; tặng quà các trung tâm bảo trợ xã hội, các trung tâm điều dưỡng thương binh, khám sức khỏe miễn phí và tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình chính sách; đóng góp xây dựng Khu tưởng niệm Liệt sĩ sông Thạch Hãn, Quảng Trị; thăm và tặng quà các chiến sỹ đảo Trường Sa; tham gia ủng hộ Quỹ 'Đền ơn đáp nghĩa'.

**Bảo vệ môi trường - Hành động nhỏ cho thay đổi lớn**

"Chúng tôi tin rằng nếu mỗi người có ý thức hơn về bảo vệ môi trường thì sẽ tạo nên những thay đổi lớn cho toàn xã hội và cả thế hệ tương lai"

Thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2012 ước tính hơn 7.000 tỷ đồng. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường là nguyên nhân gây ra ngày càng nhiều rủi ro thiên tai. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, hành động bảo vệ môi trường của Bảo Việt được thực hiện thông qua việc (1) tiết kiệm năng lượng tiêu thụ tại trụ sở chính và các công ty, chi nhánh trong toàn hệ thống; (2) triển khai các hoạt động đóng góp và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; (3) ứng dụng công nghệ tin học nhằm số hóa giao dịch hoạt động, góp phần bảo vệ môi trường.

Thực hành tiết kiệm

Bảo Việt phát động chương trình học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong lao động. Năm 2012 Bảo Việt đã tiết giảm được 145 tỷ đồng chi phí so với kế hoạch. Nội dung cắt giảm chi phí trên tập trung vào các chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm cắt giảm chi phí tiêu thụ điện năng, xăng dầu, giấy, văn phòng phẩm và các chi phí khác. Kết quả tiết giảm được báo cáo gồm:

Nội dung tiết giảm	Đơn vị	Số lượng
Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	698
Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	927
Tiết kiệm điện	Kw/h	27.505
Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	1.490
Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	110.854
Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	496

Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông giảm thiểu sử dụng giấy và phương tiện vận chuyển.

Bảo Việt đã tập trung ứng dụng kỹ thuật thông tin hiện đại như cầu truyền hình, điện thoại, video để tổ chức các cuộc họp trên toàn quốc nhằm giảm thiểu thời gian đi lại cũng như tần suất sử dụng các phương tiện máy bay, tàu xe nhằm góp phần giảm lượng thải khí CO₂ ra môi trường.

Hệ thống trao đổi thông tin điện tử (Hệ thống Lotus Notes) đã được nâng cấp, mở rộng từ Tập đoàn, tới các Công ty Con và chi nhánh toàn quốc trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ đã góp phần quan trọng giảm thiểu lượng giấy tờ in ấn, nâng cao hiệu suất lao động.

Bảo Việt cũng phát hành bản tin và tạp chí điện tử và giảm 30% số lượng bản tin và tạp chí giấy để góp phần bảo vệ môi trường.

Các hoạt động vì môi trường: BaovietGoGreen

BaovietGoGreen là một chuỗi các hành động cụ thể nhằm giáo dục, gắn kết sự tham gia trực tiếp của cán bộ đối với các hoạt động vì môi trường. Với khẩu hiệu 'Hành động nhỏ cho thay đổi lớn', Tập đoàn đã phát động và triển khai hiệu quả các chương trình như hưởng ứng tham gia Giờ Trái đất; chương trình tiết kiệm điện và hạn chế sử dụng năng lượng; tham gia vệ sinh môi trường tại các địa điểm công cộng như vườn hoa, bệnh viện, bến xe. Các hoạt động trên đang ngày càng trở thành hoạt động trọng tâm của Đoàn thanh niên và cán bộ Bảo Việt.

Định hướng hoạt động

Với hơn 47 năm hoạt động, Bảo Việt tự hào về những đóng góp của chúng tôi đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam. Song song với mục tiêu tăng trưởng ổn định, bền vững góp phần gia tăng lợi ích cho các cổ đông, Bảo Việt sẽ tiếp tục đầu tư cho các hoạt động vì cộng đồng và đặt trọng tâm nhiều hơn vào các vấn đề môi trường.

Bảo Việt phát động chương trình noi gương Chủ tịch Hồ Chí Minh

Mỗi cán bộ, Đảng viên và người lao động Bảo Việt cùng nỗ lực phấn đấu theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ



Bác Hồ là tấm gương sáng về lối sống giản dị, tiết kiệm, "không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương, hình thức"



Thời giờ và sức lao động cũng cần tiết kiệm như của cải



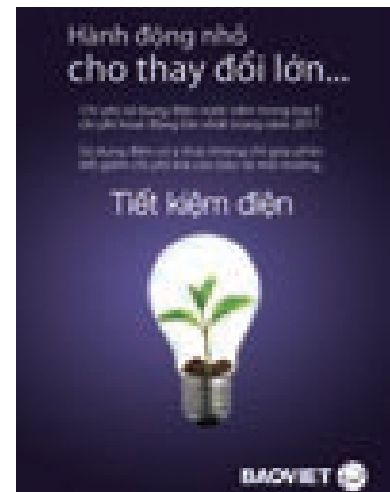
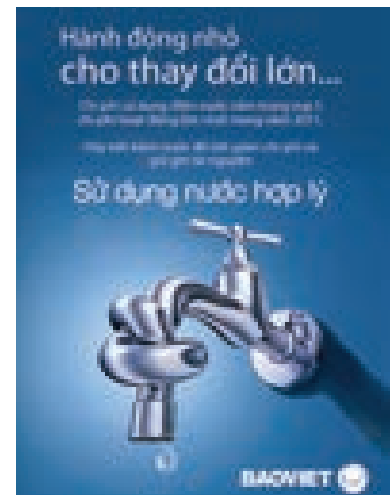
CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

Một số chỉ tiêu cơ bản

Chỉ tiêu	Năm 2012
Số lượng chi nhánh, văn phòng giao dịch	150
Tổng số lượng cán bộ nhân viên	5.869 người
Tổng số lượng đại lý/tư vấn viên	41.000 người
Kinh tế	
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	16.007 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	1.862 tỷ đồng
Tổng thuế nộp Ngân sách Nhà nước	1.085 tỷ đồng
Chi trả cổ tức năm 2011*	817 tỷ đồng
Tổng các khoản chi trả cho người lao động (bao gồm cả tiền lương và khoản an sinh khác)*	1.095 tỷ đồng
Xã hội	
Cán bộ nhân viên	
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ vai trò quản lý	15,25%
Cơ cấu theo độ tuổi lao động	
• Dưới 25	5,2%
• 25 - dưới 30	18,2%
• 31 - 40	44,3%
• Trên 40	32,3%
• Tỷ lệ cán bộ nữ	44,36%
Quỹ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế *	3,2 tỷ đồng
Đầu tư cho hoạt động cộng đồng	
• Tổng chi phí thực hiện	26,2 tỷ đồng
• Xóa đói giảm nghèo	12,7 tỷ đồng
• Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ	9,3 tỷ đồng
• Tri ân các anh hùng liệt sỹ	3 tỷ đồng
• Hoạt động ASXH khác	1,2 tỷ đồng
Môi trường	
Tiết kiệm nguyên, vật liệu	698 triệu đồng
Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	927 triệu đồng
Tiết kiệm điện	27.505 Kw/h
Tiết kiệm xăng, dầu	1.490 lít

* Số liệu của Công ty Mẹ

Chương trình 'Hành động nhỏ cho thay đổi lớn' nhận được sự ủng hộ của đông đảo cán bộ nhân viên Bảo Việt, góp phần tiết kiệm 145 tỷ đồng chi phí trong năm 2012.



Bảng tuân thủ theo tiêu chuẩn Global Reporting Initiative - GRI (tóm tắt)

Nội dung Báo cáo phát triển bền vững áp dụng bộ tiêu chí của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative) nhằm đánh giá một cách toàn diện các khía cạnh phát triển bền vững của doanh nghiệp dựa trên 3 yếu tố kinh tế - xã hội – môi trường. Đây được coi là bộ tiêu chí rõ ràng và đầy đủ nhất từ trước đến nay.

STT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung
1	Chiến lược và phân tích	Trình bày tại 'Tổng quan' và 'Hoạt động kinh doanh 2012'
2	Hồ sơ tổ chức	Trình bày tại 'Tổng quan'
3	Thông số báo cáo	Trình bày tại 'Báo cáo phát triển bền vững' Đây là báo cáo đầu tiên được công bố rộng rãi của Bảo Việt liên quan đến phát triển bền vững
5	Quản trị, cam kết và sự tham gia	Quản trị: Đã trình bày tại các nội dung 'Cơ cấu quản trị Tập đoàn Bảo Việt', 'Quan hệ cổ đông', 'Quản trị nguồn nhân lực' Cam kết với sáng kiến bên ngoài: Chúng tôi không để cập rõ ràng về các nguyên tắc phòng ngừa. Bảo Việt áp dụng quản trị rủi ro trong mối liên hệ với phát triển bền vững. Xem thêm nội dung 'Quản trị rủi ro nhằm tăng trưởng bền vững' trong 'Báo cáo phát triển bền vững'
6	Các chỉ số hoạt động	Hoạt động kinh tế: Các giá trị kinh tế được tạo ra và phân bổ: Trình bày tại nội dung 'Gắn kết mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường' Các tác động về tài chính cũng như các yếu tố rủi ro và cơ hội khác đối với hoạt động của tổ chức bị gây ra bởi biến đổi khí hậu: Trình bày tại 'Thách thức cho phát triển bền vững' Phạm vi trách nhiệm của tổ chức với quỹ hưu trí: Hàng tháng, Bảo Việt đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 16% trên mức lương cơ bản của nhân viên Các ảnh hưởng kinh tế gián tiếp: Sự phát triển và tác động của hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ lợi ích chung của cộng đồng: Trình bày tại 'Phát triển cộng đồng chính là phát triển bền vững cho doanh nghiệp'.
7	Chỉ số môi trường	Vật liệu: Bảo Việt không gặp các vấn đề về nguyên nhiên liệu Nước và năng lượng: Trình bày tại 'Bảo vệ môi trường - Hành động nhỏ cho thay đổi lớn' Sản phẩm và dịch vụ: Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính, bảo hiểm sử dụng chủ yếu là các tài liệu (hợp đồng, tờ rơi...) giới thiệu cho khách hàng với các trụ sở, chi nhánh đặt tại thành phố chính hoặc khu vực trung tâm do đó không gặp các vấn đề về đa dạng sinh học, khí thải, nước thải, chất thải cũng như tái chế bao bì sản phẩm. Tuần thủ: Bảo Việt không gặp các vấn đề với xử phạt vi phạm môi trường
8	Chỉ số xã hội	Việc làm: Trình bày tại 'Một số chỉ tiêu cơ bản' Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động: 100% cán bộ nhân viên được tham gia góp ý kiến xây dựng và được áp dụng Thỏa ước lao động tập thể Các thông báo liên quan đến những thay đổi lớn trong vận hành được truyền thông qua hệ thống truyền thông nội bộ của Bảo Việt bao gồm: thư điện tử, bản tin hàng tuần, bản tin nội bộ... Giáo dục và đào tạo: Trình bày trong phần 'Quản trị nguồn nhân lực'; 'Bảo vệ môi trường - Hành động nhỏ cho thay đổi lớn'; 'Một số chỉ tiêu cơ bản' Vấn đề nhân quyền: Bảo Việt đưa các vấn đề chính sách, quy trình liên quan đến khía cạnh quyền con người trong khóa học 'Bảo Việt hội nhập' dành cho toàn bộ cán bộ mới. Các nội dung khác xem thêm tại 'Xây dựng môi trường lao động hấp dẫn, bảo vệ quyền lợi người lao động' Vấn đề xã hội: Trình bày tại nội dung 'Phát triển cộng đồng chính là phát triển bền vững cho doanh nghiệp'. Bảo Việt không gặp các vướng mắc liên quan đến xử phạt hành chính và phi hành chính do không tuân thủ pháp luật và quy định Trách nhiệm sản phẩm: Bảo Việt không gặp các vấn đề về nguyên vật liệu. Chúng tôi tuân thủ quy định pháp luật về việc công bố thông tin sản phẩm tới khách hàng trên các tài liệu Marketing, thông qua hệ thống mạng lưới phân phối và các quy định về trong hoạt động quảng cáo, khuyến mại



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS)

Chuẩn mực - Minh bạch - Tin cậy

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	168 - 171
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	172
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	173
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	174 - 177
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	178 - 180
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	181 - 182
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	183 - 269
Thông tin bổ sung về kết quả triển khai bảo hiểm nông nghiệp thí điểm năm 2012	270

THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007 và theo các đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29 tháng 10 năm 2009, lần 2 ngày 18 tháng 01 năm 2010, lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010, và lần 4 ngày 14 tháng 01 năm 2011.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 4 ngày 14 tháng 01 năm 2011 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản.
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam.
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm - Tổng Giám đốc

Tập đoàn có các công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo hiểm Bảo Việt”)	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”)	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc (“Bảo Việt - Âu Lạc”)	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Baoviet Bank”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (“BVInvest”)	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt (“PMU”)	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

- Ngày 29 tháng 11 năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 và thông qua kết quả Bầu cử Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2012 – 2017, đồng thời phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Ngày 20 tháng 12 năm 2012, tại Lễ ký kết hợp đồng và công bố nhà đầu tư chiến lược của Tập đoàn, Tập đoàn Bảo hiểm HSBC Châu Á – Thái Bình Dương (HSBC) đã ký kết thỏa thuận bán toàn bộ 18% cổ phần tại Tập đoàn Bảo Việt cho Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life). Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life đã ký Thỏa thuận Hỗ trợ Kỹ thuật và Chuyển giao Năng lực, theo đó Sumitomo Life với vai trò là nhà đầu tư chiến lược sẽ hợp tác cùng Tập đoàn Bảo Việt để tiếp tục triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển kinh doanh đã đề ra.
- Trong năm 2012, Tập đoàn đã chuyển số tiền 780 tỷ đồng Việt Nam trong tổng số 1.500 tỷ vốn góp thêm bởi các chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt từ mức 1.500 tỷ đồng lên mức 3.000 tỷ đồng. Ngày 27 tháng 12 năm 2012, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0103126572 đăng ký thay đổi lần thứ 3 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt, theo đó vốn điều lệ mới của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt là 3.000 tỷ đồng Việt Nam, đáp ứng yêu cầu về vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định tại Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.
- Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tập đoàn đã ra quyết định tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ 1.500 tỷ đồng lên thành 2.000 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt. Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã chuyển 300 tỷ đồng cho Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và chuyển tiếp 200 tỷ đồng vào ngày 28 tháng 02 năm 2013 để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt lên 2.000 tỷ đồng theo lộ trình tăng vốn đề ra. Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đang làm các thủ tục để được Bộ Tài chính phê duyệt chính thức và cấp giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Trần Hữu Tiến	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 09 năm 2009
Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2011
Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2011
Ông Lê Hải Phong	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Nguyễn Trung Thực	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007 miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Trần Minh Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007 miễn nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Lê Văn Chí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007 miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2012
Ông Christopher Edwards	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2010 miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2012
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2007
Ông Lui Ho Yin Danny	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2012
Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012

BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Ban Điều hành trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2007
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính; kiêm Giám đốc Bất động sản	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2008 Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2011 miễn nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2012
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2008
Ông Dương Đức Chuyển	Giám đốc Đầu tư; kiêm Giám đốc Chiến lược	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010 Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2008 miễn nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2012
Ông Alan Royal	Giám đốc Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2008
Ông Hoàng Việt Hà	Giám đốc Hoạt động	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2011
Ông Abhishek Sharma	Giám đốc Quản lý Rủi ro	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2012
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Bất động sản	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2012
Bà Thân Hiền Anh	Giám đốc Chiến lược	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2012

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Ông Lê Hải Phong - Giám đốc Tài chính Tập đoàn đã được Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm ủy quyền ký các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo Giấy ủy quyền số 317/2013/TĐBV-TKTH ngày 18 tháng 03 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2013



Ernst & Young Vietnam Limited
 14th Floor, Delta Business Center
 360 Kim Mã Street, Ba Đình District
 Hanoi, S.R of Vietnam
 Tel: + 84 4 3833 5100
 Fax: + 84 4 3833 5090
 www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 6078027010004103 -HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
 Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được trình bày từ trang 174 đến trang 369 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Vũ Tấn Hoàng Văn
 Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Linh
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 672/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.778.444.201.197	15.646.291.187.169
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	4.077.977.824.233	5.479.823.264.414
111	1. Tiền		1.945.622.912.658	706.845.847.624
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.132.354.911.575	4.772.977.416.790
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	9.327.381.495.268	6.355.870.421.224
121	1. Đầu tư ngắn hạn		10.414.796.247.039	7.589.621.158.904
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.087.414.751.771)	(1.233.750.737.680)
130	III. Các khoản phải thu	6	4.168.099.088.601	3.601.198.988.313
131	1. Phải thu về hoạt động bảo hiểm		2.074.300.750.625	1.883.664.341.342
132	2. Trả trước cho người bán		51.489.130.241	58.694.312.636
133	3. Tạm ứng		37.800.374.779	30.890.483.699
137	4. Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		2.064.848.319.861	1.641.134.781.108
138	5. Các khoản phải thu khác		80.506.720.647	91.237.837.604
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(140.846.207.552)	(104.422.768.076)
140	IV. Hàng tồn kho	7	125.424.309.750	129.608.522.838
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		79.561.483.345	79.789.990.380
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		78.219.073.858	66.485.172.573
155	2. Tài sản thiếu chờ xử lý		164.690.507	153.240.507
152	3. Thuế GTGT được khấu trừ		1.942.748	4.458.773.716
154	4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		415.602.249	7.885.701.446
156	5. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		30.000.000	264.963.000
158	6. Tài sản ngắn hạn khác		730.173.983	542.139.138
160	B. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG	8	7.042.879.686.335	6.596.062.750.804
161	1. Cho vay và ứng trước cho khách hàng		7.181.296.896.386	6.676.233.013.411
169	2. Dự phòng rủi ro tín dụng		(138.417.210.051)	(80.170.262.607)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
200	C. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.403.882.267.523	21.338.953.730.753
220	I. Tài sản cố định		1.985.583.550.142	2.077.760.301.108
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	960.799.622.487	897.065.791.661
222	Nguyên giá		1.751.548.457.078	1.603.090.679.286
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(790.748.834.591)	(706.024.887.625)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	785.457.387.925	810.095.983.982
228	Nguyên giá		974.047.474.075	949.202.185.111
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(188.590.086.150)	(139.106.201.129)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	239.326.539.730	370.598.525.465
240	II. Bất động sản đầu tư	12	23.448.947.000	23.448.947.000
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.2	19.282.761.991.644	19.130.063.138.265
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		366.365.372.992	373.783.823.698
258	2. Đầu tư dài hạn khác		19.469.322.932.199	19.194.165.643.746
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(552.926.313.547)	(437.886.329.179)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		112.087.778.737	107.681.344.380
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	40.935.483.284	59.278.302.318
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.2	37.572.956.615	13.955.800.374
267	3. Tài sản ký quỹ dài hạn		26.406.721.414	28.246.657.871
268	4. Tài sản dài hạn khác		7.172.617.424	6.200.583.817
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.225.206.155.055	43.581.307.668.726

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		32.045.837.112.707	30.600.121.303.842
310	I. Nợ ngắn hạn		3.812.091.377.204	3.897.017.157.734
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	923.705.262.994	862.076.552.375
312	2. Phải trả thương mại	16.1	1.888.571.689.158	2.133.872.709.472
313	3. Người mua trả tiền trước	16.2	4.522.746.642	7.399.113.413
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	103.686.164.689	102.401.564.740
315	5. Phải trả người lao động		298.578.500.742	268.554.314.117
316	6. Chi phí phải trả		24.652.065.124	62.356.742.817
317	7. Doanh thu chưa thực hiện		47.483.118.430	57.673.171.349
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	445.597.835.967	333.656.373.975
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	75.293.993.458	69.026.615.476
320	II. Tiền gửi của khách hàng	21	7.148.473.125.999	6.949.493.427.792
321	1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng	21.1	2.636.138.607.863	3.572.928.705.159
322	2. Tiền gửi của khách hàng	21.2	4.512.334.518.136	3.376.564.722.633
330	III. Nợ dài hạn		39.192.814.605	78.761.469.271
333	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn		39.192.814.605	32.497.502.176
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.2	-	1.007.051.923
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	20	-	45.256.915.172
340	IV. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	22	21.046.079.794.899	19.674.849.249.045
341	1. Dự phòng phí chưa được hưởng		2.044.049.829.410	2.730.916.914.012
342	2. Dự phòng toán học		16.144.557.359.748	14.205.740.351.460
343	3. Dự phòng bồi thường		1.558.099.012.989	1.409.062.738.303
344	4. Dự phòng dao động lớn		140.727.302.811	253.629.412.392
345	5. Dự phòng chia lãi		1.123.018.043.453	1.046.811.596.357
346	6. Dự phòng đảm bảo cân đối		35.628.246.488	28.688.236.521
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.113.876.041.877	11.665.524.425.266
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	12.113.876.041.877	11.665.524.425.266
411	1. Vốn chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
415	3. Quỹ chênh lệch tỷ giá		16.075.608.000	16.075.608.000
416	4. Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		162.698.505.129	119.375.561.070
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		20.372.157.338	16.808.794.107
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		29.808.118.286	24.323.877.509
419	7. Quỹ khác		103.568.802.818	103.568.802.818
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.792.306.129.109	1.396.325.060.565
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	24	2.065.493.000.471	1.315.661.939.618
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.225.206.155.055	43.581.307.668.726

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

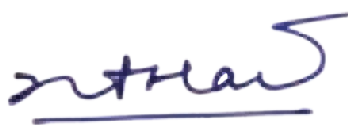
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VNĐ)	332.335.039.485	170.838.258.192
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	4.792.072.856	4.792.072.856
3. Ngoại tệ (USD)	2.373.145	465.488
4. Chứng khoán lưu ký (VNĐ)	17.155.622.420.000	14.101.655.450.000
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VNĐ)	2.927.807.560.000	3.269.107.560.000
6. Cam kết trong nghiệp vụ L/C (VNĐ)	9.794.658.592	65.836.555.555
7. Bảo lãnh khác (VNĐ)	144.260.754.820	74.479.974.707
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VNĐ)	7.422.138	57.438.246
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VNĐ)	20.116.407.002	21.916.407.002
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VNĐ)	3.021.304.520	3.160.691.801



Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
01	Thu phí bảo hiểm gốc	25.1	10.593.014.184.645	9.371.727.329.830
02	Thu phí nhận tái bảo hiểm	25.2	324.578.137.216	229.276.836.116
03	Các khoản giảm trừ doanh thu	25.3	(1.501.748.076.327)	(1.266.999.208.654)
04	Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm		(1.434.243.708.247)	(1.204.651.228.144)
05	Giảm phí		(7.979.725.534)	(5.719.805.314)
06	Hoàn phí		(59.524.642.546)	(56.628.175.196)
08	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học		(1.251.949.923.686)	(540.779.091.763)
09	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		233.185.227.477	192.558.555.611
10	Thu nhập khác		17.042.548.860	14.226.006.537
11	Thu khác nhận tái bảo hiểm		375.911.524	1.589.989.565
12	Thu khác nhượng tái bảo hiểm		6.665.993.519	7.291.624.526
13	Thu hoạt động khác		10.000.643.817	5.344.392.446
14	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01+02+03+08+09+10)		8.414.122.098.185	8.000.010.427.677
15	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	26.1	(6.003.194.937.115)	(5.775.318.939.129)
16	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	26.2	(148.001.677.644)	(76.879.277.648)
17	Các khoản giảm trừ chi phí		526.541.089.376	715.681.689.712
18	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	26.3	512.995.603.382	706.230.478.084
19	Thu đòi người thứ ba		12.262.322.625	6.566.995.399
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		1.283.163.369	2.884.216.229
21	Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21 = 15+16+17)		(5.624.655.525.383)	(5.136.516.527.065)
22	Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn		261.000.000.000	188.000.000.000
23	(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường		18.232.587.305	(17.388.894.575)
24	Trích dự phòng dao động lớn		(148.097.890.419)	(134.617.208.461)
25	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.331.261.852.972)	(1.144.025.558.217)
26	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc		(1.243.322.203.860)	(1.064.890.075.807)
27	- Chi hoa hồng		(1.092.774.193.612)	(946.866.369.843)
28	- Chi để phòng hạn chế tổn thất		(67.873.257.653)	(61.179.519.986)
29	- Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác		(82.674.752.595)	(56.844.185.978)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
30	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(72.969.818.599)	(50.891.994.259)
31	Chi nhượng tái bảo hiểm		(14.969.830.513)	(28.243.488.151)
33	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (33 = 21+22+23+24+25)		(6.824.782.681.469)	(6.244.548.188.318)
34	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (34 = 14+33)		1.589.339.416.716	1.755.462.239.359
34.1	Thu nhập từ hoạt động ngân hàng		1.523.279.562.209	1.719.142.928.520
34.2	Chi phí của hoạt động ngân hàng		(907.620.184.648)	(1.071.658.433.646)
35	Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	27	615.659.377.561	647.484.494.874
35.1	Doanh thu hoạt động khác		200.394.721.098	131.884.680.502
35.2	Chi phí hoạt động khác		(195.047.750.032)	(152.925.916.031)
36	Thu nhập thuần/(lỗ thuần) từ các hoạt động khác	28	5.346.971.066	(21.041.235.529)
37	Chi phí bán hàng		(330.887.098.697)	(240.472.050.406)
38	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(2.441.607.022.254)	(2.136.162.930.704)
38.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(1.947.460.725.860)	(1.701.537.862.286)
38.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		(227.127.126.926)	(216.857.833.374)
38.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		(267.019.169.468)	(217.767.235.044)
39.1	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (39.1 = 34+37+38.1). Trong đó:		(689.008.407.841)	(186.547.673.333)
	- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ		(809.916.681.369)	(328.418.341.971)
	- Lãi thuần từ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ		120.908.273.528	141.870.668.638
39.2	Lợi nhuận thuần hoạt động ngân hàng (39.2=35+38.2)		388.532.250.635	430.626.661.500
39.3	Lỗ thuần từ các hoạt động khác (39.3=36+38.3)		(261.672.198.402)	(238.808.470.573)
40	Doanh thu hoạt động tài chính	30.1	3.067.529.848.446	3.195.632.529.483
41	Chi phí hoạt động tài chính	30.2	(748.084.396.312)	(1.728.055.659.999)
42	Lợi nhuận hoạt động tài chính (42 = 40+41)		2.319.445.452.134	1.467.576.869.484
43	Thu nhập hoạt động khác		57.539.041.189	13.518.573.826
44	Chi phí hoạt động khác		(2.700.108.267)	(26.332.595.075)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

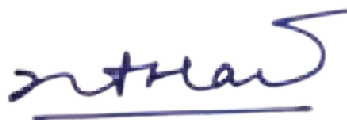
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
45	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (45 = 43+44)	31	54.838.932.922	(12.814.021.249)
46	Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh		49.568.269.333	60.664.500.392
47	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (47 = 39.1+39.2+39.3+42+45+46)		1.861.704.298.781	1.520.697.866.221
48	Dự phòng bảo đảm cân đối		(6.940.009.967)	(6.062.818.336)
49	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.1	(448.194.863.779)	(320.575.293.975)
50	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	17.2	24.624.208.165	8.893.512.085
51	LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (51 = 47+48+49)		1.431.193.633.200	1.202.953.265.995
52	Phân chia lợi ích cổ đông thiểu số		82.924.754.770	1.569.698.412
53	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU, TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (53 = 51-52)		1.348.268.878.430	1.201.383.567.583
54	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.981	1.766



Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi		12.457.680.958.628	13.902.800.060.531
02	Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ		(8.368.151.577.665)	(10.135.849.080.892)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(1.068.313.662.691)	(936.091.568.255)
04	Tiền chi trả lãi vay		(16.605.387.892)	(29.918.104.709)
05	Tiền đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(455.240.598.927)	(318.202.027.498)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.153.119.365.366	3.944.979.558.577
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.796.048.602.263)	(4.610.469.445.115)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.906.440.494.556	1.817.249.392.639
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(97.488.528.824)	(245.096.750.508)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		208.610.761	4.329.056.451
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(14.191.212.522.421)	(14.454.071.507.609)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		12.216.319.794.524	13.687.793.771.947
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.350.213.053.444)	(2.457.439.473.566)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.652.042.816.841	2.371.929.256.663
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		199.251.338.835	193.222.697.537
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.571.091.543.728)	(899.332.949.085)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

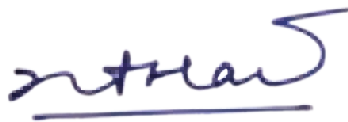
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		720.000.000.000	-
33	Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn		85.195.778.594	5.847.902.825
36	Tiền trả cổ tức		(816.565.720.800)	(816.321.876.360)
38	Tiền chi khác từ hoạt động tài chính		(1.725.118.460.639)	(471.989.769.154)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.736.488.402.845)	(1.282.463.742.689)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.401.139.452.017)	(364.547.299.135)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5	5.479.823.264.414	5.844.707.147.758
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		(705.988.164)	(336.584.209)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	4.077.977.824.233	5.479.823.264.414



Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007 và theo các đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29 tháng 10 năm 2009, lần 2 ngày 18 tháng 01 năm 2010, lần 3 ngày 10 tháng 05 năm 2010, và lần 4 ngày 14 tháng 01 năm 2011.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 4 ngày 14 tháng 01 năm 2011 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản.
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam.
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm. Chức danh: Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông sáng lập	627.173.291	92,17%
- Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
- HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	122.509.091	18,00%
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,26%
Các cổ đông khác	53.298.143	7,83%
Tổng cộng	680.471.434	100%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi tiết của các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”) được trình bày dưới đây:

Các công ty con

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo hiểm Bảo Việt”)	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”)	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm.	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc (“Bảo Việt - Âu Lạc”)	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Baoviet Bank”)	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (“BVInvest”)	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Ngày 11 tháng 06 năm 2010, Bộ Tài chính đã cho phép bổ sung vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt lên thành 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam theo giấy phép sửa đổi số 45/GPĐC3/KDBH. Ngày 08 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính đã có công văn số 2174/BTC-QLBH chấp thuận về nguyên tắc cho phép Bảo hiểm Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã chuyển 300.000.000.000 đồng và ngày 28 tháng 02 năm 2013 và đã chuyển thêm 200.000.000.000 đồng cho Bảo hiểm Bảo Việt để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2.000.000.000.000 đồng. Bảo hiểm Bảo Việt đang làm các thủ tục để được Bộ Tài chính phê duyệt chính thức và cấp giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 2.000.000.000.000 đồng Việt Nam.
- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn Bảo Việt được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Vốn điều lệ của Bảo Việt Nhân thọ là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam.
- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của BVF là 50.000.000.000 đồng Việt Nam.
- BVSC được thành lập ngày 01 tháng 10 năm 1999 theo Giấy phép thành lập 4640/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 11 năm 1999. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Bắc Ninh. Vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 đồng Việt Nam.
- Baoviet Bank được thành lập vào ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103126572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2012. Vốn điều lệ của Baoviet Bank là 3.000.000.000.000 đồng Việt Nam.
- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ ban đầu của BVInvest là 100.000.000.000 đồng Việt Nam. BVInvest có hai lần thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh: lần đầu vào ngày 19 tháng 01 năm 2009 và lần thứ hai là thay đổi vốn điều lệ vào ngày 01 tháng 11 năm 2011. Theo đó, vốn điều lệ của BVInvest tăng lên là 300.000.000.000 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, các cổ đông của Công ty đã thực hiện góp bổ sung 100.000.000.000 đồng trên tổng số vốn góp cam kết bổ sung là 200.000.000.000 đồng (tỷ lệ sở hữu của các cổ đông của Công ty sau khi phát hành thêm cổ phần không thay đổi).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

	Số vốn góp VNĐ	% trên vốn điều lệ	Số vốn đã góp VNĐ
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	165.000.000.000	55	110.000.000.000
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	120.000.000.000	40	80.000.000.000
- Bảo Việt Nhân thọ	60.000.000.000	20	40.000.000.000
- Bảo hiểm Bảo Việt	60.000.000.000	20	40.000.000.000
	285.000.000.000	95	190.000.000.000

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”)

BVF1 được thành lập tại Việt Nam ngày 19 tháng 07 năm 2006 dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Vào ngày 27 tháng 07 năm 2011, BVF1 nhận được thông báo chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 19 tháng 07 năm 2014. Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho cổ đông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000.000 đồng Việt Nam theo công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ.

Quỹ được quản lý bởi BVF là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Vào ngày 18 tháng 10 năm 2012, Đại hội thành viên đã thông qua phương án giải thể Quỹ và được Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận bằng Công văn số 17/UBCK-QLQ ngày 09 tháng 01 năm 2013. Theo đó, Công ty Quản lý Quỹ đang tiến hành giải thể Quỹ theo phương án thanh lý tài sản và kế hoạch thực hiện chi trả đã được Đại hội thành viên thông qua theo Nghị Quyết số 02.2012/BVF1-NQĐH ngày 18 tháng 10 năm 2012. Thời gian thực hiện giải thể Quỹ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Quý Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”) (tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VNĐ	% trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	94.190.239.694	9,42
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	821.659.537.741	82,16
- Bảo Việt Nhân thọ	601.214.295.907	60,12
- Bảo hiểm Bảo Việt	220.445.241.834	22,04
	915.849.777.435	91,58

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ bản Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp. Tuy nhiên, do Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con có các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và có tham khảo đến Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ Tập đoàn, các công ty con và BVF1 (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty Mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty Mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Các báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty Mẹ Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Ngoài ra, Tập đoàn còn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng quý.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt cam kết đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

4.1.1 Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về dự phòng trợ cấp mất việc làm

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo quy định của Thông tư này, riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp, doanh nghiệp không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng.

Theo đó, Tập đoàn và các công ty con đã ngừng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hạch toán toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm tại ngày lập báo cáo tài chính vào thu nhập khác cho năm tài chính 2012. Xem Thuyết minh số 20.

4.1.2. Thay đổi chính sách ghi nhận và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tiền gửi tại Công ty tài chính công nghiệp tàu thủy (VFC) và Công ty cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ALCII)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư của Tập đoàn được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Tuy nhiên, dựa trên đánh giá tình hình tài chính của ALCII, VFC và lịch sử quá hạn trả gốc và lãi của hai Công ty này, Tập đoàn đã dừng ghi nhận các khoản dự thu quá hạn tính theo lãi suất phạt (150%) và thực hiện điều chỉnh giảm trên số dư đầu kỳ của Báo cáo Tài chính năm 2012. Tất cả các khoản lãi quá hạn này được hạch toán theo dõi ngoại bảng.

Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách dự phòng đến số đầu kỳ của báo cáo tài chính năm 2012 xin xem Thuyết minh số 37.

4.1.3 Thay đổi cơ sở tính dự phòng phí chưa được hưởng của Bảo Việt Nhân thọ theo Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012

Trong năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm. Thông tư này thay thế Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007. Theo đó, dự phòng phí chưa được hưởng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, thay vì áp dụng cho tất cả các hợp đồng còn hiệu lực như quy định trong Thông tư 156 trước đây, chỉ áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một (01) năm trở xuống. Thay đổi này có hiệu lực từ năm tài chính 2012.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm đất đai, chi phí phát triển đất, nhà ở và căn hộ liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng của BVIInvest và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần thể hiện giá bán ước tính trừ các chi phí dự tính để có thể hoàn thành, chi phí marketing và chi phí bán hàng ước tính sau khi đã lập dự phòng (nếu có).

BVIInvest áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với hàng tồn kho là đất đai, chi phí phát triển đất, nhà ở và căn hộ, giá trị hàng tồn kho được xác định như sau:

- Quyền sử dụng đất, phí sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp tới các hoạt động phát triển nhà đất;
- Các chi phí liên quan tới việc xây dựng khu căn hộ và nhà ở.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của BVIInvest dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.6 Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản cho vay sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Ngày 23 tháng 04 năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN về việc Phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo đó, Baoviet Bank, công ty con của Tập đoàn Bảo Việt, đã tiến hành điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ đối với một số khoản vay của các khách hàng được Ngân hàng đánh giá là hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ, đồng thời giữ nguyên các nhóm nợ cho các khoản vay này như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ.

Dự phòng cụ thể

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Dự phòng chung

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Baoviet Bank phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Baoviet Bank thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Tập đoàn thực tế hạch toán cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày ở Thuyết minh số 8.1 và 8.2.

4.7 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

4.10 Khấu hao

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
Phần mềm tin học	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn hạn theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2009.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Nhà cửa	06 - 25 năm
Tài sản khác	05 - 10 năm

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay (ngoài chi phí lãi trong hoạt động ngân hàng) bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.13 Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khoản cổ tức/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.1.

4.14 Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm việc ghi nhận phần sở hữu Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trên tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức được nhận từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát mà Tập đoàn đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.1.

4.15 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.
- Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính theo công thức quy định trong Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại ngày lập báo cáo tài chính} \times \left[\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính} \right]$$

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác là giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam;
- Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dừng dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái tức đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các khoản đầu tư tiền gửi tại ALCII và VFC, cũng do đánh giá tình hình thực tế tại ALCII và VFC, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần lãi dự thu trong hạn theo hợp đồng và dừng ghi nhận và trích lập dự phòng đối với phần lãi phạt quá hạn.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của} \\ \text{các bên tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{thực có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong phần đầu tư dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Tập đoàn thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng tạm ứng này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong năm.

4.17 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn (“hợp đồng repo”)

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ vào doanh thu trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại theo phương pháp đường thẳng.

4.18 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 17% trên mức lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán;

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Lợi ích nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

- *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Mặc dù các nghĩa vụ quy định tại Điều 42 và Điều 17 Bộ Luật Lao động như nêu trên là bắt buộc, việc chấp hành các quy định này còn phụ thuộc vào các quy định chi tiết của Bộ Tài chính tại các thông tư hướng dẫn. Theo quy định tại Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 06 năm 1999 và sau đó là Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003, các công ty được hạch toán dự phòng trợ cấp thôi việc trên cơ sở từ 1-3% quỹ lương cơ bản và tổng số dư dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây được trích lập từ 10% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 64/1999/TT-BTC sẽ được chuyển sang dự phòng trợ cấp thôi việc như quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC.

Trong năm 2012, Tập đoàn và các công ty con đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hạch toán toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2012 vào thu nhập khác trong năm theo quy định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.20 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC ("Thông tư 125") ngày 30 tháng 07 năm 2012, Thông tư số 156/2007/TT-BTC ("Thông tư 156") ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Thông tư số 86/2009/TT-BTC ("Thông tư 86") ngày 28 tháng 04 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

<i>Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ</i>	<i>Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ</i>
Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường	
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phí nhân thọ được trình bày dưới đây:

4.20.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

- *Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho tất cả các sản phẩm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.
- Dự phòng toán học cho những sản phẩm của bảo hiểm liên kết chung được Tập đoàn tính toán theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 96/2007/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 và theo Thông tư 125 ngày 30 tháng 07 năm 2012 và theo các nguyên tắc và công thức tính toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Phương pháp và cơ sở để xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đối với sản phẩm liên kết chung của Tập đoàn đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.
- *Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày ra báo cáo.
- *Dự phòng bồi thường* cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết.
- *Dự phòng bồi thường* cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.
- *Dự phòng chia lãi* là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỉ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.
- *Dự phòng bảo đảm cân đối*: Mức trích lập hàng năm là 1% từ lợi nhuận trước thuế cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

4.20.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí giữ lại;
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.20.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

- Đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn dài hơn một năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp từng ngày theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm theo quy định tại Thông tư 156, Thông tư 86 và Thông tư 125 của Bộ Tài chính; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) xác định theo quy định tại Thông tư 156 và Thông tư 125.

Từ năm 2011, Bảo hiểm Bảo Việt đã thống kê được đầy đủ dữ liệu của 03 năm và đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn số 1018/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2012 để chuyển sang sử dụng công thức tính dự phòng như nêu trong Thông tư số 156:

$$\text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại của năm tài chính} = \frac{\text{Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm TC hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước}}$$

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.20.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được dự chi mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại và dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ của Ban Điều hành Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt sử dụng dự phòng dao động lớn để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại Bảo hiểm Bảo Việt.

4.20.3 Quy định về trích lập dự phòng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam – Chuẩn mực về hợp đồng bảo hiểm (VAS 19)

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán (“CMKT”) mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối là không cần thiết do dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán”. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn và Bảo Việt nhân thọ trích lập dự phòng đảm bảo cân đối trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn của Bảo hiểm Bảo Việt hiện tại là 3,5% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm theo Công văn số 1018/BTC-QLBH ngày 19 tháng 01 năm 2012 và tỷ lệ trích lập dự phòng đảm bảo cân đối của Bảo Việt Nhân thọ là 1% lợi nhuận trước thuế hàng năm.

4.21 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài chính.

Hoạt động chứng khoán

BVSC, công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC ban hành ngày 24 tháng 04 năm 2007 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ đầu tư phát triển	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Quỹ dự trữ bắt buộc (tiếp theo)

Hoạt động chứng khoán (tiếp theo)

Năm 2012, BVSC không thực hiện tiến hành trích lập các quỹ nêu trên do lợi nhuận năm 2012 chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của BVSC.

Hoạt động Ngân hàng

Theo Nghị định 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20 tháng 07 năm 2012, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	10%	25% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tín dụng tự quyết định.

Baoviet Bank thực hiện trích lập các quỹ dự trữ cho năm 2012 dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 156 và Thông tư 125. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi bên mua bảo hiểm đã chấp nhận và đóng phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm đóng một lần được ghi nhận là doanh thu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Người mua trả tiền trước" và được thể hiện ở mục "Phải trả khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia chỉ định của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 156; Thông tư 86 và Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Tập đoàn mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Tập đoàn phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Thu nhập lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dự thu sử dụng lãi suất danh nghĩa. Việc ghi nhận lãi cho vay tạm ngừng khi khoản vay bị suy giảm khả năng thu hồi, là khi các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo quy định theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước. Lãi dự thu của các khoản nợ đó được chuyển ra và tiếp tục theo dõi ở các tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Tập đoàn thực nhận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thường hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v. được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại thông tư 244/2009/TT-BTC, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng công ty bảo hiểm chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về Luật kinh doanh Bảo hiểm.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 155/2007/TT/BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự chi.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án như cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung, quỹ đất bắt buộc dành cho các mục tiêu vui chơi giải trí.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bản kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

4.25 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.27 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.28 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.29 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.30 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

4.31 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt hoạt động trên các lĩnh vực: ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ do vậy trên một số thông tin liên quan đến các khoản mục như là chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư... cũng được trình bày ngoại bảng cân đối kế toán theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các công ty này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	146.203.039.415	146.097.375.257
Tiền gửi ngân hàng	1.651.252.310.173	457.202.612.632
Tiền đang chuyển	148.167.563.070	103.545.859.735
Các khoản tương đương tiền (*)	2.132.354.911.575	4.772.977.416.790
Tổng	4.077.977.824.233	5.479.823.264.414

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba tháng với lãi suất bằng đồng Việt Nam dao động từ 8%/năm đến 9%/năm và lãi suất bằng đồng đô la Mỹ là 2%/năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại) VNĐ
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	630.179.996.116	636.542.949.831
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	113.687.464.465	94.048.282.980
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	1.293.724.300.108	1.135.554.842.904
Phải thu khác	346.638.012	491.460.431
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	36.362.351.924	17.026.805.196
	2.074.300.750.625	1.883.664.341.342
Trả trước cho người bán	51.489.130.241	58.694.312.636
Tạm ứng	37.800.374.779	30.890.483.699
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	11.865.661.007	7.578.567.100
Lãi tiền gửi ngân hàng	654.913.150.716	427.422.291.976
Phải thu lãi trái phiếu	855.685.386.977	860.712.045.034
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	190.351.336.238	706.691.186
Tạm ứng phí tự động	50.987.433.340	9.467.884.285
Phải thu lãi cho vay khách hàng	72.982.657.826	52.203.202.972
Phải thu lãi từ hợp đồng tạm ứng từ giá trị giải ước	223.242.905.493	263.298.042.384
Phải thu đầu tư khác	4.819.788.264	19.746.056.171
	2.064.848.319.861	1.641.134.781.108
Phải thu khác	80.506.720.647	91.237.837.604
Tổng cộng các khoản phải thu	4.308.945.296.153	3.705.621.756.389
Dự phòng phải thu khó đòi	(140.846.207.552)	(104.422.768.076)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	4.168.099.088.601	3.601.198.988.313

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Ấn chỉ	15.554.836.810	14.867.890.884
Vật liệu, văn phòng phẩm	10.204.014.813	10.653.992.048
Thiết bị, dụng cụ	1.151.015.876	1.727.849.271
Chi phí sản xuất dở dang(*)	98.514.442.251	102.358.790.635
Tổng cộng hàng tồn kho	125.424.309.750	129.608.522.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	125.424.309.750	129.608.522.838

(*) Đây là chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi hoàn thành và chuyển vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Cho vay thương mại	6.748.196.896.386	6.480.233.013.411
Trong đó:		
- Nợ ngắn hạn	2.595.278.387.565	2.601.213.048.182
- Nợ trung hạn	1.161.408.717.125	1.407.054.511.033
- Nợ dài hạn	2.991.509.791.696	2.471.965.454.196
Cho vay các Tổ chức Tín dụng	433.100.000.000	196.000.000.000
	7.181.296.896.386	6.676.233.013.411
Dự phòng rủi ro tín dụng	(138.417.210.051)	(80.170.262.607)
Giá trị thuần các khoản cho vay và ứng trước khách hàng	7.042.879.686.335	6.596.062.750.804

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 Lãi suất (%/năm)
Cho vay thương mại bằng VNĐ	6,4 – 24,0
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	4,49 – 9,1

8.1 Phân tích chất lượng các khoản cho vay thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.083.114.648.862	5.779.188.759.017
Nợ cần chú ý	1.264.098.893.141	394.445.544.896
Nợ dưới tiêu chuẩn	188.057.179.548	115.716.968.324
Nợ nghi ngờ	36.838.757.775	167.355.835.306
Nợ có khả năng mất vốn	176.087.417.060	23.525.905.868
	6.748.196.896.386	6.480.233.013.411

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

8.2 Dự phòng rủi ro tín dụng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể VNĐ	Dự phòng chung VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	30.322.682.534	49.847.580.073	80.170.262.607
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đã trích trong năm	62.430.782.816	510.750.000	62.941.532.816
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	(4.694.585.372)	(4.694.585.372)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	92.753.465.350	45.663.744.701	138.417.210.051

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2012	814.831.132.736	79.893.711.735	324.981.602.384	382.275.158.380	1.109.074.051	1.603.090.679.286
Tăng trong năm	109.811.907.728	10.666.082.823	25.777.275.866	56.062.773.153	1.433.936.695	203.751.976.265
- Mua sắm	52.905.100.508	8.412.288.475	24.158.968.866	50.563.071.487	73.154.818	136.112.584.154
- Xây dựng mới	56.906.807.220	2.253.794.348	1.618.307.000	5.499.701.666	1.360.781.877	67.639.392.111
Giảm trong năm	(2.476.648.550)	(1.491.056.176)	(3.666.556.262)	(47.601.377.485)	(58.560.000)	(55.294.198.473)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.476.648.550)	(1.491.056.176)	(3.666.556.262)	(47.601.377.485)	(58.560.000)	(55.294.198.473)
Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	-	21.413.847.597	(21.413.847.597)	-	-
Tại ngày 31/12/2012	922.166.391.914	89.068.738.382	368.506.169.585	369.322.706.451	2.484.450.746	1.751.548.457.078
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2012	234.225.687.258	35.556.172.738	150.027.459.822	285.219.499.389	996.068.418	706.024.887.625
Tăng trong năm	36.744.179.112	14.017.210.478	40.825.904.371	47.294.768.982	36.048.959	138.918.111.902
- Khấu hao trong năm	36.744.179.112	14.017.210.478	40.825.904.371	47.294.768.982	36.048.959	138.918.111.902
Giảm trong năm	(2.057.425.674)	(1.489.880.321)	(3.643.336.775)	(46.944.962.166)	(58.560.000)	(54.194.164.936)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.057.425.674)	(1.489.880.321)	(3.643.336.775)	(46.944.962.166)	(58.560.000)	(54.194.164.936)
Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	-	18.905.304.406	(18.905.304.406)	-	-
Tại ngày 31/12/2012	268.912.440.696	48.083.502.895	206.115.331.824	266.664.001.799	973.557.377	790.748.834.591
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2012	580.605.445.478	44.337.538.997	174.954.142.562	97.055.658.991	113.005.633	897.065.791.661
Tại ngày 31/12/2012	653.253.951.218	40.985.235.487	162.390.837.761	102.658.704.652	1.510.893.369	960.799.622.487

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2012	681.261.463.230	263.934.526.842	4.006.195.039	949.202.185.111
- Tăng trong năm	9.735.126.941	15.110.162.023	-	24.845.288.964
Tại ngày 31/12/2012	690.996.590.171	279.044.688.865	4.006.195.039	974.047.474.075
Khấu hao lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2012	31.221.917.418	105.704.027.728	2.180.255.983	139.106.201.129
- Khấu hao trong năm	7.355.320.639	41.885.517.290	243.047.092	49.483.885.021
Tại ngày 31/12/2012	38.577.238.057	147.589.545.018	2.423.303.075	188.590.086.150
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2012	650.039.545.812	158.230.499.114	1.825.939.056	810.095.983.982
Tại ngày 31/12/2012	652.419.352.114	131.455.143.847	1.582.891.964	785.457.387.925

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Mua sắm tài sản cố định chưa dùng	92.066.716.501	82.723.810.366
Xây dựng cơ bản dở dang	146.461.865.236	287.731.636.599
Sửa chữa lớn tài sản cố định	797.957.993	143.078.500
	239.326.539.730	370.598.525.465

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang ("XDDD") tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Công trình XDDD tại Bảo hiểm Bảo Việt	64.839.702.808	43.158.633.420
Công trình XDDD tại Bảo Việt Nhân thọ	6.947.705.000	176.603.244.378
Công trình XDDD của Công ty Mẹ	62.591.184.951	67.969.758.801
Công trình XDDD của Bảo Việt Âu Lạc	12.083.272.477	-
	146.461.865.236	287.731.636.599

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đa, Cửa Cường, Mã Vàng thuộc thôn Gia Tân - Xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc. Các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án tại ngày lập báo cáo.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012			Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)		
		Giá gốc	Dự phòng giảm giá	Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng giảm giá	Giá trị thuần
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	10.414.796.247.039	(1.087.414.751.771)	9.327.381.495.268	7.589.621.158.904	(1.233.750.737.680)	6.355.870.421.224
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.2	19.835.688.305.191	(552.926.313.547)	19.282.761.991.644	19.567.949.467.444	(437.886.329.179)	19.130.063.138.265
		30.250.484.552.230	(1.640.341.065.318)	28.610.143.486.912	27.157.570.626.348	(1.671.637.066.859)	25.485.933.559.489

13.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại) VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD	13.1.1	8.449.299.538.923	4.411.118.781.000
Trái phiếu	13.1.2	748.635.945.143	1.575.388.740.592
Cổ phiếu niêm yết	13.1.3	1.070.558.981.071	1.477.853.365.412
Cổ phiếu chưa niêm yết		81.673.569.920	105.950.917.634
Cho vay và cho vay ủy thác	13.1.4	45.318.857.716	-
Đầu tư ngắn hạn khác		19.309.354.266	19.309.354.266
		10.414.796.247.039	7.589.621.158.904
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	13.1.5	(1.087.414.751.771)	(1.233.750.737.680)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn		9.327.381.495.268	6.355.870.421.224

13.1.1 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8.136.879.538.923	4.411.118.781.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng USD	312.420.000.000	-
	8.449.299.538.923	4.411.118.781.000

Các hợp đồng tiền gửi có thời gian đáo hạn trong vòng một năm và có lãi suất dao động từ 8%/năm đến 16%/năm đối với đồng Việt Nam và 4%/năm đối với đồng Đô la Mỹ

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.1.2 Trái phiếu

Loại trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn	Lãi suất (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
Trái phiếu Doanh nghiệp	VNĐ	2-6 năm	9,78 - 18,00	518.638.489.212
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	3 năm	11,25 - 12,10	229.997.455.931
				748.635.945.143

Các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu của Tập đoàn là các khoản trái phiếu có thời hạn còn lại dưới một năm.

13.1.3 Cổ phiếu niêm yết

Tập đoàn hiện đang nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn không nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường quốc tế.

13.1.4 Cho vay và cho vay ủy thác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã thực hiện trích lập dự phòng 100% cho toàn bộ số dư 45.318.857.716 đồng Việt Nam của các khoản cho vay và cho vay ủy thác do các khoản mục này đã bị phân nhóm là nợ xấu theo quy định.

13.1.5 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại) VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	590.607.102.097	460.418.435.114
Trái phiếu (*)	85.728.343.158	29.360.000.000
Cổ phiếu niêm yết	296.047.886.364	729.332.104.122
Cổ phiếu chưa niêm yết	47.908.072.502	14.640.198.444
Cho vay và cho vay ủy thác	45.318.857.716	-
Đầu tư ngắn hạn khác	21.804.489.934	-
	1.087.414.751.771	1.233.750.737.680

(*) Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dừng ghi nhận lãi dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái tức đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Khoản dự thu trái tức của trái phiếu Vinashin trong năm 2011 và năm 2012 là 145.798.507.061 đồng được Tập đoàn theo dõi ngoại bảng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13.2.1	366.365.372.992	373.783.823.698
Đầu tư dài hạn khác			
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD	13.2.2	2.296.015.600.000	1.652.600.600.000
Trái phiếu	13.2.3	15.303.781.368.291	15.505.822.821.207
Cho vay và cho vay ủy thác		-	45.318.857.716
Tạm ứng từ giá trị giải ước	13.2.4	667.347.421.564	780.962.705.056
Đầu tư dài hạn khác	13.2.5	1.202.178.542.344	1.209.460.659.767
		19.469.322.932.199	19.194.165.643.746
Tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn		19.835.688.305.191	19.567.949.467.444
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	13.2.6	(552.926.313.547)	(437.886.329.179)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn		19.282.761.991.644	19.130.063.138.265

13.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

Thuyết minh	Đơn vị được đầu tư	Ngày 31 tháng 12 năm 2012				Ngày 31 tháng 12 năm 2011
		Vốn điều lệ VNĐ	Vốn Tập đoàn đã góp (theo giá gốc) VNĐ	Tỷ lệ %	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VNĐ	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VNĐ
13.2.1.a	Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	60.000.000.000	21.000.000.000	35	21.000.000.000	21.000.000.000
13.2.1.b	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBEA ("VIGEBEA")	180.000.000.000	54.000.000.000	30	62.040.558.308	74.854.185.612
13.2.1.c	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Long Việt và Dự án Quang Minh	65.043.200.000	29.269.440.000	45	31.618.905.133	35.225.750.126
13.2.1.d	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	300.000.000.000	153.000.000.000	51	230.957.228.772	221.828.352.380
13.2.1.e	Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC	40.000.000.000	20.000.000.000	50	20.748.680.779	20.875.535.580
			277.269.440.000		366.365.372.992	373.783.823.698

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

13.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

13.2.1 a Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt

	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	21.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	21.000.000.000

13.2.1 b Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEB A

	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	74.854.185.612
Cổ tức được chia	(18.900.000.000)
Lợi nhuận trong năm thuộc về Tập đoàn	6.086.372.696
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	62.040.558.308

13.2.1.c Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt và dự án Quang Minh

	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	35.225.750.126
Điều chỉnh theo báo cáo kiểm toán 2011 của Long Việt	(4.080.287.126)
Lợi nhuận trong năm thuộc về Tập đoàn	473.442.133
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	31.618.905.133

13.2.1.d Đầu tư vào Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine

	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	221.828.352.380
Điều chỉnh theo báo cáo kiểm toán 2011 của BVTM	1.808.838.342
Cổ tức được chia	(38.086.720.038)
Lợi nhuận trong năm thuộc về Tập đoàn	45.406.758.088
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	230.957.228.772

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

13.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

13.2.1.e Đầu tư vào Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC

	VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	20.875.535.580
Cổ tức được chia	-
Lỗ trong năm thuộc về Tập đoàn	(126.854.801)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	20.748.680.779

13.2.2 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	2.296.015.600.000	1.652.600.600.000
	2.296.015.600.000	1.652.600.600.000

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 12 năm với mức lãi suất từ 8,8%/năm đến 16%/năm.

13.2.3 Trái phiếu

Loại trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (% năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Trái phiếu Doanh nghiệp	VNĐ	2-20	9,00-16,00	2.933.433.316.388
Trái phiếu Chính phủ	VNĐ	3-18	8,59-15,00	12.370.348.051.903
				15.303.781.368.291

13.2.4 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc.

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

13.2.5 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản mục đầu tư này bao gồm đầu tư góp vốn mua cổ phần của các công ty khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó. Vì vậy, các khoản đầu tư này không phải là các khoản đầu tư dưới dạng cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát hoặc hoạt động liên kết.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**13.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****13.2.5 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư này theo nguồn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VND
Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt	935.411.166.767	965.861.166.767
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	96.576.603.121	120.500.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	75.174.799.456	28.083.520.000
Công ty Chứng khoán Bảo Việt	90.275.973.000	90.275.973.000
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	4.740.000.000	4.740.000.000
	1.202.178.542.344	1.209.460.659.767

13.2.6 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VND
Cổ phiếu niêm yết	468.014.613.566	261.436.845.800
Cổ phiếu chưa niêm yết	84.911.699.981	108.972.790.000
Cho vay và cho vay ủy thác	-	45.318.857.716
Đầu tư ngắn hạn khác	-	22.157.835.663
	552.926.313.547	437.886.329.179

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VND
Số dư đầu năm	59.278.302.318	52.937.881.844
Tăng trong kỳ	33.589.664.959	124.008.325.600
Giảm trong kỳ	(51.932.483.993)	(117.667.905.126)
Số dư cuối năm	40.935.483.284	59.278.302.318

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay và nợ ngắn hạn bao gồm khoản vay 899.133.600.000 đồng Việt Nam của Baoviet Bank từ các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn từ 10 ngày đến 03 tháng với mức lãi suất từ 3,5%/năm đến 9,5%/năm với đồng Việt Nam và từ 1,2%/năm đến 3,0%/năm với đồng đô la Mỹ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

16.1 Phải trả thương mại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	195.827.482.211	132.014.578.002
Phải trả bồi thường bảo hiểm nhân thọ	73.584.508.350	54.123.395.183
Phải trả hoa hồng bảo hiểm nhân thọ	116.031.383.914	72.702.292.918
Phải trả hoàn phí bảo hiểm nhân thọ	673.500	101.362.801
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	6.210.916.447	5.087.527.100
Bảo hiểm phi nhân thọ	687.180.129.576	583.342.031.979
Phải trả hoa hồng	79.323.254.885	57.046.326.197
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	53.766.560.550	64.982.011.938
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	89.838.216.666	45.918.155.018
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	464.252.097.475	415.395.538.826
	883.007.611.787	715.356.609.981
Phải trả hoạt động tài chính		
Lãi trái phiếu nhận trước	23.323.558.904	23.028.362.467
Lãi tiền gửi nhận trước	3.523.084.365	4.259.401.713
Lãi tiền gửi phải trả khách hàng	158.158.345.750	60.857.472.646
Phải trả khác hoạt động tài chính	8.891.777.495	46.105.424.989
	193.896.766.514	134.250.661.815
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả nhà cung cấp	44.839.259.514	46.464.529.696
Phải trả cho công ty phát hành chứng khoán	3.631.186.752	1.915.878.752
Phải trả các hợp đồng repo trái phiếu	760.109.438.893	1.235.025.248.983
Phải trả khác	3.087.425.698	859.780.245
	811.667.310.857	1.284.265.437.676
	1.888.571.689.158	2.133.872.709.472

16.2 Người mua trả tiền trước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tạm ứng từ khách hàng để giao dịch chứng khoán	1.949.715.000	2.238.915.000
Phí bảo hiểm tạm thu	2.573.031.642	5.160.198.413
	4.522.746.642	7.399.113.413

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2012 VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Nộp ngân sách VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	29.048.426.803	398.306.828.864	(401.672.745.214)	25.682.510.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.617.987.887	448.194.863.779	(455.240.598.927)	52.572.252.739
Thuế thu nhập cá nhân	6.463.866.894	60.284.185.190	(60.522.074.412)	6.225.977.672
Tiền thuế đất	(29.217.026)	35.330.510.905	(35.154.353.241)	146.940.638
Các loại thuế khác	7.300.500.182	143.995.235.726	(132.237.252.721)	19.058.483.187
	102.401.564.740	1.086.111.624.464	(1.084.827.024.515)	103.686.164.689

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm 2012, ngoại trừ trường hợp của BVF và Bảo Việt - Âu Lạc, Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Đối với dịch vụ đào tạo của Bảo Việt - Âu Lạc mức thuế TNDN áp dụng là 10%. BVF có trách nhiệm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và với thuế suất 25% trong các năm tiếp theo, được miễn trừ thuế TNDN trong hai (02) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong ba (03) năm tiếp theo. Theo đó, từ năm 2008 đến năm 2010, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 10%. Từ năm 2011, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 20%.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn và các công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	448.194.863.779	320.575.293.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(24.624.208.165)	(8.893.512.085)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	423.570.655.614	311.681.781.890

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.861.704.298.781	1.520.697.866.221
Điều chỉnh lợi nhuận chịu thuế		
- Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế	132.026.945.645	36.377.754.084
- Cổ tức không chịu thuế	(63.433.305.368)	(92.034.690.927)
- Chi phí/(thu nhập) do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(4.028.207.693)
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc đã trích từ lợi nhuận sau thuế	(19.876.607.531)	-
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(68.382.127.343)	(522.449.627.384)
Các khoản lỗ không chịu thuế	-	319.029.371.343
Chuyển lỗ từ năm trước	(238.521.236.048)	-
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	(258.186.330.645)	(263.105.400.577)
Dự phòng đảm bảo cân đối	(6.940.009.967)	(6.062.818.336)
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	1.596.577.958.169	1.251.529.647.308
Trong đó:		
- TNCT của Công ty Mẹ chịu thuế suất ("TS") 25%	357.580.125.239	29.501.373.752
- TNCT của các công ty con chịu TS 25%	1.220.357.088.518	1.205.621.757.894
- TNCT của các công ty con chịu TS ưu đãi 20%	18.640.744.412	16.406.515.662
-TNCT của các công ty con chịu TS 10%	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ước tính	398.212.452.322	312.062.086.044
Điều chỉnh theo quyết định của cơ quan thuế	49.982.411.457	8.513.207.931
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính trong kỳ	448.194.863.779	320.575.293.975
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	59.617.987.887	57.244.721.410
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(455.240.598.927)	(318.202.027.498)
Thuế TNDN ước tính phải trả cuối kỳ	52.572.252.739	59.617.987.887

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Tập đoàn trong năm nay và năm trước được trình bày dưới đây:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại	37.572.956.616	13.955.800.374	23.617.156.242	1.286.893.066
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(1.007.051.923)	1.007.051.923	7.606.619.019
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			24.624.208.165	8.893.512.085

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tài sản thừa chờ xử lý	186.637.106	106.383.094
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	7.154.025.866	6.194.666.884
Phải trả lãi, cổ tức, vốn gốc	-	451.432.417
Phải trả các tổ chức theo nghiệp vụ chứng khoán	12.387.215.055	25.686.852.858
Phải trả cho HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited - dự án hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực	25.615.067.730	46.789.658.766
Phải trả cổ tức VIGEB A	59.481.550.723	81.000.000.000
Tạm ứng từ đối tác liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh	62.100.000.000	62.100.000.000
Phải trả đồng bảo hiểm	53.467.724.371	50.669.128.731
Phải trả khác (*)	225.205.615.116	60.658.251.225
	445.597.835.967	333.656.373.975

(*) Bao gồm khoản phải trả Kho bạc Nhà nước về việc mua Trái phiếu Chính phủ TD1215132 với tổng giá mua tương ứng là 99.922.000.000 VNĐ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Số dư đầu kỳ	69.026.615.476	69.113.381.479
Tăng trong kỳ	74.578.491.254	61.862.588.222
Sử dụng trong kỳ	(68.311.113.272)	(61.949.354.225)
Số dư cuối kỳ	75.293.993.458	69.026.615.476

20. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Số đầu năm	45.256.915.172
- Tăng trong năm	-
- Sử dụng trong năm	(1.856.162.090)
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	(43.400.753.082)
Số cuối năm	-

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền, vàng gửi các tổ chức tín dụng khác	2.636.138.607.863	3.572.928.705.159
Tiền gửi của khách hàng	4.512.334.518.136	3.376.564.722.633
	7.148.473.125.999	6.949.493.427.792

21.1 Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	10.135.085	50.031.105.159
Bằng vàng và ngoại tệ	883	-
	10.135.968	50.031.105.159
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	2.323.708.471.895	3.123.000.000.000
Bằng vàng và ngoại tệ	312.420.000.000	399.897.600.000
	2.636.128.471.895	3.522.897.600.000
	2.636.138.607.863	3.572.928.705.159

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

21.2 Tiền gửi của khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VND
Tiền gửi không kỳ hạn	318.128.542.595	388.147.261.951
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	296.955.147.184	379.147.217.646
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	5.507.732	18.674.674
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	20.975.385.722	7.757.397.007
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	192.501.957	1.223.972.624
Tiền gửi có kỳ hạn	4.177.701.089.566	2.980.486.803.938
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1.518.362.026.447	1.346.064.683.014
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	2.385.475.413.709	1.170.586.108.555
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	14.413.075.558	19.461.084.187
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	259.450.573.852	444.374.928.182
Tiền gửi ký quỹ	16.504.885.975	7.930.656.744
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	8.453.460.537	6.620.529.306
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng và ngoại tệ	8.051.425.438	1.310.127.438
	4.512.334.518.136	3.376.564.722.633

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 Lãi suất % năm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 Lãi suất % năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2,0 - 2,4	2,4
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	2,0 - 2,4	2,4
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5 - 0,6	0,5 - 0,6
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5 - 0,6	0,6
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	8 - 14	6 - 14
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	6 - 14	6 - 14
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5 - 0,2	0,5 - 5,55
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,5 - 5,95	1,5 - 5,95
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	14	14

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng phí chưa được hưởng(*) VNĐ	Dự phòng toán học VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Dự phòng chia lãi VNĐ	Dự phòng đảm bảo cân đối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2012	906.105.459.168	14.205.740.351.460	19.648.660.243	-	1.046.811.596.357	28.688.236.521	16.206.994.303.749
Thay đổi trong năm	(902.532.357.323)	1.938.817.008.288	(4.463.645.045)	-	76.206.447.096	6.940.009.967	1.114.967.462.983
Tại ngày 31/12/2012	3.573.101.845	16.144.557.359.748	15.185.015.198	-	1.123.018.043.453	35.628.246.488	17.321.961.766.732
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2012	1.824.811.454.844	-	1.389.414.078.060	253.629.412.392	-	-	3.467.854.945.296
Thay đổi trong năm	215.665.272.721	-	153.499.919.731	(112.902.109.581)	-	-	256.263.082.871
Tại ngày 31/12/2012	2.040.476.727.565	-	1.542.913.997.791	140.727.302.811	-	-	3.724.118.028.167
Tổng cộng tại ngày 01/01/2012	2.730.916.914.012	14.205.740.351.460	1.409.062.738.303	253.629.412.392	1.046.811.596.357	28.688.236.521	19.674.849.249.045
Tổng cộng tại ngày 31/12/2012	2.044.049.829.410	16.144.557.359.748	1.558.099.012.989	140.727.302.811	1.123.018.043.453	35.628.246.488	21.046.079.794.899

(*) Như đã đề cập ở thuyết minh 4.1.3, trong năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 125 thay đổi cơ sở tính toán quỹ dự phòng phí chưa được hưởng đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ. Theo đó, dự phòng phí chưa được hưởng chỉ áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một (01) năm trở xuống.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác (**) VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	16.075.608.000	119.375.561.070	16.808.794.107	24.323.877.509	103.568.802.818	1.396.325.060.565	11.665.524.425.266
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.348.268.878.430	1.348.268.878.430
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	43.322.944.059	3.563.363.231	5.484.240.777	-	(52.370.548.067)	-
Chia cổ tức cho năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	(816.565.720.800)	(816.565.720.800)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(79.525.997.338)	(79.525.997.338)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(3.825.543.681)	(3.825.543.681)
Tại ngày 31/12/2012	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	16.075.608.000	162.698.505.129	20.372.157.338	29.808.118.286	103.568.802.818	1.792.306.129.109	12.113.876.041.877

(*) Số dư 16.075.608.000 VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine từ đô la Mỹ sang VNĐ từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Đây là phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**23.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012			Ngày 31 tháng 12 năm 2011		
	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

23.4 Cổ tức

Ngày 26 tháng 04 năm 2012, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2011 để chi trả cổ tức cho năm 2011 với tỷ lệ 12% (1.200 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam, tương đương với số tiền 816.565.720.800 đồng Việt Nam.

24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Lợi ích cổ đông thiểu số VNĐ
Ngày 01 tháng 01 năm 2012	1.315.661.939.618
Lợi nhuận tăng trong năm	82.924.754.770
Tăng vốn trong năm	720.000.000.000
Chia cổ tức trong năm	(51.150.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.022.093.917)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm	(921.600.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.065.493.000.471

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25 DOANH THU

25.1 Thu phí bảo hiểm gốc

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	3.238.403.129.230	3.281.721.461.275
Bảo hiểm liên kết chung	1.735.337.865.798	1.023.137.761.895
Bảo hiểm tử kỳ	7.020.462.400	4.732.456.046
Bảo hiểm trọn đời	7.053.512.500	8.451.199.529
Niên kim nhân thọ	58.559.548.900	48.939.009.131
Điều khoản riêng	160.978.905.882	126.038.735.069
Bảo hiểm liên kết ngân hàng	1.585.667.387	1.446.679.157
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	5.208.939.092.097	4.494.467.302.102
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	365.861.710.081	386.891.983.343
Bảo hiểm Tàu thủy	469.913.982.517	558.109.554.062
Bảo hiểm Dầu khí	141.134.314	-
Bảo hiểm Hàng không	344.972.993.212	194.004.449.200
Bảo hiểm Kỹ thuật	354.247.069.850	408.300.040.205
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	416.416.052.123	386.102.884.641
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	101.435.803.317	106.484.421.168
Bảo hiểm Nông nghiệp	135.294.275.745	5.656.938.965
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.596.297.702.441	1.497.424.930.250
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	1.599.494.368.948	1.334.284.825.894
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	5.384.075.092.548	4.877.260.027.728
Tổng doanh thu bảo hiểm	10.593.014.184.645	9.371.727.329.830

25.2 Thu phí nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	10.891.153.861	25.984.469.176
Bảo hiểm Tàu thủy	69.091.749.077	43.506.512.583
Bảo hiểm Dầu khí	16.450.333.978	11.951.176.020
Bảo hiểm Hàng không	4.369.540.755	6.604.099.636
Bảo hiểm Kỹ thuật	53.420.694.668	47.141.296.066
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	159.142.820.549	94.089.282.635
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	11.211.844.328	-
	324.578.137.216	229.276.836.116

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25 DOANH THU (tiếp theo)**25.3 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	2.244.939.083	-
Bảo hiểm hỗn hợp	174.758.744	-
Bảo hiểm liên kết chung	1.513.899.448	-
Bảo hiểm tử kỳ	26.878.381	-
Bảo hiểm trọn đời	9.836.284	-
Niên kim nhân thọ	1.889.923	-
Điều khoản riêng	517.676.303	-
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	1.431.998.769.164	1.204.651.228.144
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	56.195.035.054	52.218.064.026
Bảo hiểm Tàu thủy	271.388.942.624	327.431.923.374
Bảo hiểm Dầu khí	4.752.851.500	2.547.500.377
Bảo hiểm Hàng không	340.479.208.967	196.809.850.479
Bảo hiểm Kỹ thuật	217.907.901.256	221.009.012.533
Bảo hiểm Hòa hoạn, các rủi ro đặc biệt và trách nhiệm chung	370.038.165.078	354.515.043.640
Bảo hiểm Nông nghiệp	120.496.520.404	-
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	50.740.144.281	50.119.833.715
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.434.243.708.247	1.204.651.228.144
Giảm phí	7.979.725.534	5.719.805.314
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	7.979.725.534	5.719.805.314
Hoàn phí	59.524.642.546	56.628.175.196
Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	7.932.490.862	6.668.300.803
Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	51.592.151.684	49.959.874.393
Tổng cộng các khoản giảm trừ	67.504.368.080	62.347.980.510
	1.501.748.076.327	1.266.999.208.654

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**26.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	2.272.529.733.980	2.123.692.952.496
Chi giá trị giải ước	550.681.388.375	809.795.948.365
Chi bồi thường	669.045.413.569	369.342.650.996
	3.492.256.535.924	3.302.831.551.857
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	146.730.152.889	148.938.069.648
Bảo hiểm Tàu thủy	326.865.275.408	463.101.730.904
Bảo hiểm Dầu khí	-	235.321.949
Bảo hiểm Hàng không	20.710.575.044	154.386.327.728
Bảo hiểm Kỹ thuật	53.458.255.039	96.907.735.964
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	159.185.202.134	106.467.690.925
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	10.039.591.195	15.987.566.306
Bảo hiểm Nông nghiệp	57.475.497.077	2.032.832.477
Bảo hiểm Xe cơ giới	878.121.163.884	813.995.452.616
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	858.352.688.521	670.434.658.755
	2.510.938.401.191	2.472.487.387.272
	6.003.194.937.115	5.775.318.939.129

26.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	10.921.720.664	5.333.694.956
Bảo hiểm Tàu thủy	36.108.901.259	24.371.477.542
Bảo hiểm Dầu khí	10.223.863.757	2.392.082.096
Bảo hiểm Hàng không	5.073.116.574	2.888.711.155
Bảo hiểm Kỹ thuật	16.021.063.689	22.751.822.921
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	63.092.074.620	19.141.488.978
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	6.560.937.081	-
	148.001.677.644	76.879.277.648

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (tiếp theo)**26.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	8.076.115.996	-
	8.076.115.996	-
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	34.955.014.970	36.024.416.809
Bảo hiểm Tàu thủy	185.168.420.282	279.207.549.422
Bảo hiểm Dầu khí	21.070.438	55.262.829
Bảo hiểm Hàng không	17.732.657.611	145.692.736.628
Bảo hiểm Kỹ thuật	44.264.645.425	87.597.656.969
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các Rủi ro đặc biệt	142.375.153.510	121.112.032.941
Bảo hiểm Nông nghiệp	48.606.313.106	-
Bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người	31.796.212.044	36.540.822.486
	504.919.487.386	706.230.478.084
	512.995.603.382	706.230.478.084

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	281.900.016.417	256.143.246.330
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	991.858.760.493	1.138.686.839.749
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	233.017.713.140	287.346.808.543
Thu khác từ hoạt động tín dụng	6.785.878	560.589.430
	1.506.783.275.928	1.682.737.484.052
Thu nhập hoạt động ngân hàng khác		
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ ngân hàng	14.328.478.315	17.862.453.184
Lãi hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.681.240.727	11.110.510.931
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	486.567.239	7.432.480.353
	16.496.286.281	36.405.444.468
Tổng thu nhập từ hoạt động ngân hàng	1.523.279.562.209	1.719.142.928.520
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự		
Trả lãi tiền gửi	(643.884.635.619)	(796.653.728.716)
Trả lãi tiền vay	(30.529.003.300)	(113.641.820.863)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(165.715.447.592)	(98.811.369.011)
	(840.129.086.511)	(1.009.106.918.590)
Chi phí ngân hàng khác		
Chi về hoạt động dịch vụ ngân hàng	(7.344.393.492)	(10.324.982.536)
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(1.226.977.549)	(6.627.981.054)
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	(1.031.800.000)	(2.955.801.431)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(57.887.927.096)	(42.642.750.035)
	(67.491.098.137)	(62.551.515.056)
Tổng chi phí hoạt động ngân hàng	(907.620.184.648)	(1.071.658.433.646)
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	615.659.377.561	647.484.494.874

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán	45.256.351.538	30.253.903.823
Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	62.995.770	217.627.110
Dịch vụ tư vấn đầu tư	5.180.687.568	7.524.581.192
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	2.564.813.089	1.820.862.462
Quản lý danh mục đầu tư	235.842.234	992.539.439
Quản lý bất động sản	2.747.905.026	193.594.715
Dịch vụ đào tạo	17.095.110.052	17.156.240.865
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	91.502.587.078	60.289.791.571
Doanh thu cho thuê nhà	22.827.648.265	7.418.119.419
Các dịch vụ khác	12.920.780.478	6.017.419.906
	200.394.721.098	131.884.680.502
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí dịch vụ môi giới chứng khoán	(33.810.121.113)	(27.510.844.737)
Chi phí bảo lãnh, phát hành chứng khoán	(5.154.547)	(266.638.912)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(4.947.884.577)	(6.744.542.429)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(9.070.653.295)	(8.166.882.592)
Quản lý danh mục đầu tư	(75.090.786)	(60.311.548)
Quản lý bất động sản	(30.558.089.044)	(22.841.166.329)
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	(92.599.937.913)	(57.440.184.237)
Các dịch vụ khác	(23.980.818.757)	(29.895.345.247)
	(195.047.750.032)	(152.925.916.031)
Thu nhập/(lỗ) thuần từ các hoạt động khác	5.346.971.066	(21.041.235.529)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	814.367.518.570	671.317.824.960
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.799.348.979	95.237.980.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.908.221.748	75.090.288.126
Thuế và chi phí lệ phí	14.825.134.751	9.586.215.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.963.352.387	330.193.258.738
Chi phí dự phòng	32.631.040.355	35.221.626.420
Chi phí khác	581.966.109.070	484.890.668.106
	1.947.460.725.860	1.701.537.862.286
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		
Chi phí nhân công	91.574.369.295	92.399.150.773
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.068.239.127	8.652.907.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.410.031.483	24.634.601.027
Thuế và chi phí lệ phí	920.688.256	834.517.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.756.032.517	67.688.563.938
Chi phí khác	23.397.766.248	22.648.091.811
	227.127.126.926	216.857.833.374
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	121.387.356.452	97.867.381.947
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.139.533.983	5.436.964.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.430.625.297	29.970.766.797
Thuế và chi phí lệ phí	14.682.875.855	3.960.839.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.434.661.040	46.676.661.604
Chi phí dự phòng	2.118.593.600	1.676.796.499
Chi phí khác	33.825.523.241	32.177.824.109
	267.019.169.468	217.767.235.044
	2.441.607.022.254	2.136.162.930.704

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

30.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.242.231.746.498	1.456.292.152.817
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.534.983.277.412	1.259.904.215.910
Lãi cho vay	141.688.347.234	151.317.180.675
Cổ tức được chia	62.633.305.368	92.034.690.927
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.218.196.149	40.785.039.660
Lãi đầu tư chứng khoán	54.636.122.136	151.017.272.935
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.138.853.649	44.281.976.559
	3.067.529.848.446	3.195.632.529.483

30.2 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Dự phòng chia lãi	76.206.447.096	139.851.398.754
Chênh lệch tỷ giá	21.839.274.894	26.448.129.333
Chi phí lãi vay	164.494.586.249	272.331.200.639
Trả lãi cho chủ hợp đồng	229.933.991.753	224.458.632.779
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	206.201.505.797	341.530.163.588
Các chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(33.193.352.050)	637.997.032.668
Các chi phí khác	82.601.942.573	85.439.102.238
	748.084.396.312	1.728.055.659.999

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	790.951.264	1.611.357.465
Thu nợ khó đòi	-	10.190.700
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	43.400.753.082	-
Thu nhập khác	13.347.336.843	11.897.025.661
	57.539.041.189	13.518.573.826
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(15.130.000)	(98.062.656)
Chi phí khác	(2.684.978.267)	(26.234.532.419)
	(2.700.108.267)	(26.332.595.075)
Lợi nhuận thuần/(lỗ thuần) hoạt động khác	54.838.932.922	(12.814.021.249)

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư / nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Cổ đồng sáng lập
HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited	Cổ đồng sáng lập
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ đồng sáng lập
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	Liên doanh
Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC	Liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Bao Viet Resort)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBEA (VIGEBEA)	Công ty liên kết

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền VNĐ
<i>Cổ đông sáng lập</i>		
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	579.011.760.000
SCIC	Cổ tức đã trả	26.585.280.000
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	51.864.398.720
	Cổ tức đã nhận	147.010.909.200
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>		
VIGEBA	Cổ tức đã nhận	18.900.000.000
Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức đã nhận	38.086.720.039

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn	1.725.000.000	1.560.000.000
	1.725.000.000	1.560.000.000

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.348.268.878.430	1.201.383.567.583
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	680.471.434	680.471.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.981	1.766

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn có thể báo cáo theo 5 bộ phận hoạt động như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng, bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người hỗ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.
- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... Dịch vụ quản lý đầu tư cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm thông qua các dịch vụ do BVF cung cấp. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.
- Dịch vụ ngân hàng bao gồm nhận các khoản tiền gửi của cá nhân, công ty và các tổ chức tín dụng, đồng thời cung cấp dịch vụ cho vay khách hàng, dịch vụ thấu chi, các dịch vụ liên quan đến thẻ tín dụng và chuyển khoản thông qua Baoviet Bank.
- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với tòa nhà Bảo Việt tại 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, tòa nhà 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và một số khu vực khác. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Nhân thọ ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá chuyển nhượng giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau. Các giao dịch chuyển giao này được loại bỏ hoàn toàn khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Theo lĩnh vực kinh doanh

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính và về doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, cụ thể như sau:

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu phí bảo hiểm gốc	5.208.939	5.384.075	-	-	-	-	10.593.014
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-	324.578	-	-	-	-	324.578
Các khoản giảm trừ	(10.177)	(1.491.571)	-	-	-	-	(1.501.748)
(Tăng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	(1.036.285)	(215.665)	-	-	-	-	(1.251.950)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	501	232.684	-	-	-	-	233.185
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	17.043	-	-	-	-	17.043
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.162.978	4.251.144	-	-	-	-	8.414.122
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(3.492.257)	(2.510.938)	-	-	-	-	(6.003.195)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(148.002)	-	-	-	-	(148.002)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	8.076	518.465	-	-	-	-	526.541
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	261.000	-	-	-	-	261.000
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	4.464	13.769	-	-	-	-	18.233
Trích dự phòng dao động lớn	-	(148.098)	-	-	-	-	(148.098)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(511.669)	(819.593)	-	-	-	-	(1.331.262)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(3.991.386)	(2.833.397)	-	-	-	-	(6.824.783)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	171.592	1.417.747	-	-	-	-	1.589.339
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	370.643	-	245.016	615.659
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	90.994	-	9.431	(95.077)	5.348
Chi phí bán hàng	(330.887)	-	-	-	-	-	(330.887)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(659.030)	(1.309.039)	(271.461)	(249.585)	(10.769)	58.277	(2.441.607)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	1.499.546	339.358	1.566.311	-	13.942	(1.099.710)	2.319.447
Lợi nhuận khác	12.780	3.424	22.932	423	17	15.261	54.837
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	49.568	49.568
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	694.001	451.490	1.408.776	121.481	12.621	(826.665)	1.861.704

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu phí bảo hiểm gốc	4.494.467	4.877.260	-	-	-	-	9.371.727
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-	229.277	-	-	-	-	229.277
Các khoản giảm trừ	(6.668)	(1.260.331)	-	-	-	-	(1.266.999)
(Tăng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	(312.328)	(228.451)	-	-	-	-	(540.779)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	-	192.558	-	-	-	-	192.558
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	14.226	-	-	-	-	14.226
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.175.471	3.824.539	-	-	-	-	8.000.010
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(3.302.832)	(2.472.487)	-	-	-	-	(5.775.319)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(76.879)	-	-	-	-	(76.879)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	715.682	-	-	-	-	715.682
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	188.000	-	-	-	-	188.000
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	(13.842)	(3.547)	-	-	-	-	(17.389)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(134.617)	-	-	-	-	(134.617)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(424.257)	(719.769)	-	-	-	-	(1.144.026)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(3.740.931)	(2.503.617)	-	-	-	-	(6.244.548)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	434.540	1.320.922	-	-	-	-	1.755.462
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	394.005	-	253.479	647.484
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	73.814	-	5.724	(100.579)	(21.041)
Chi phí bán hàng	(240.472)	-	-	-	-	-	(240.472)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(534.670)	(1.192.258)	(221.380)	(240.324)	(11.749)	64.218	(2.136.163)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	941.029	313.969	821.587	-	24.973	(633.981)	1.467.577
Lợi nhuận khác	5.855	4.479	(23.638)	435	55	-	(12.814)
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	60.665	60.665
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	606.282	447.112	650.383	154.116	19.003	(356.198)	1.520.698

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản							
Tiền và các khoản tương đương tiền	676.157	492.965	1.751.778	1.451.472	29.207	(323.600)	4.077.979
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	113.687	-	-	-	-	113.687
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	-	1.293.724	-	-	-	-	1.293.724
Các khoản phải thu khác	1.182.325	24.364	1.446.428	282.746	81.612	(923.680)	2.093.795
Đầu tư tài chính	17.498.059	3.365.598	11.340.880	4.414.695	115.000	(8.124.088)	28.610.144
Tài sản cố định hữu hình	278.810	224.567	374.550	46.505	36.369	-	960.801
Tài sản cố định vô hình	296.819	382.276	70.899	20.824	14.640	-	785.458
Cho vay khách hàng	-	-	-	7.041.809	-	1.070	7.042.879
Các tài sản khác	102.479	910.967	107.340	21.893	111.813	(7.753)	1.246.739
Tổng tài sản	20.034.649	6.808.148	15.091.875	13.279.944	388.641	(9.378.051)	46.225.206
Nợ phải trả							
Nợ phải trả ngắn hạn	961.626	1.163.603	1.662.707	1.225.327	116.341	(1.317.513)	3.812.091
Tiền gửi khách hàng	-	-	-	8.901.217	-	(1.752.743)	7.148.474
Nợ dài hạn	37.875	1.188	-	-	130	-	39.193
Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	17.321.961	3.724.118	-	-	-	-	21.046.079
Tổng nợ phải trả	18.321.462	4.888.909	1.662.707	10.126.544	116.471	(3.070.256)	32.045.837
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.713.187	1.919.239	13.429.168	3.153.400	272.170	(8.373.288)	12.113.876
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	2.065.493	2.065.493
Tổng nguồn vốn	20.034.649	6.808.148	15.091.875	13.279.944	388.641	(9.378.051)	46.225.206

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản							
Tiền và các khoản tương đương tiền	519.092	115.401	3.326.772	3.278.437	38.327	(1.798.206)	5.479.823
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	1.135.555	-	-	-	-	1.135.555
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	33.073	603.470	-	-	-	-	636.543
Các khoản phải thu khác	1.116.247	185.932	1.412.369	472.349	168.843	(1.496.789)	1.858.951
Đầu tư tài chính	17.388.588	3.360.504	9.318.443	2.750.195	95.000	(7.456.646)	25.456.084
Tài sản cố định hữu hình	204.430	187.400	410.436	51.708	43.092	-	897.066
Tài sản cố định vô hình	297.191	387.560	78.165	32.540	14.640	-	810.096
Cho vay khách hàng	-	-	-	6.594.633	-	1.429	6.596.062
Các tài sản khác	243.553	278.832	96.633	43.669	105.989	(57.548)	711.128
Tổng tài sản	19.802.174	6.254.654	14.642.818	13.223.531	465.891	(10.807.760)	43.581.308
Nợ phải trả							
Nợ phải trả ngắn hạn	1.988.947	1.235.695	1.605.393	4.693.121	87.012	(5.713.151)	3.897.017
Tiền gửi khách hàng	-	-	-	6.859.199	-	90.295	6.949.494
Nợ dài hạn	32.659	5.303	21.425	-	30	19.345	78.762
Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	16.206.994	3.467.855	-	-	-	-	19.674.849
Tổng nợ phải trả	18.228.600	4.708.853	1.626.818	11.552.320	87.042	(5.603.511)	30.600.122
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.573.574	1.545.801	13.016.000	1.671.211	378.849	(6.519.911)	11.665.524
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	1.315.662	1.315.662
Tổng nguồn vốn	19.802.174	6.254.654	14.642.818	13.223.531	465.891	(10.807.760)	43.581.308

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tổng số tiền thuê theo các hợp đồng không hủy ngang sẽ đến hạn trong vòng:		
- Dưới 1 năm	106.235.388.718	121.617.641.389
- Từ 1 đến 5 năm	221.917.808.744	310.124.904.246
- Trên 5 năm	161.678.396.004	17.174.185.403
	489.831.593.466	448.916.731.038

36. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản tranh chấp, kiện tụng

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Bảo hiểm Bảo Việt, công ty con của Tập đoàn, hiện đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 77.893.614.097 đồng Việt Nam, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 8.704.885.356 đồng Việt Nam. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu bồi thường này.

Thuế nhà thầu

Cho giai đoạn từ năm 2005 đến 2008, Bảo hiểm Bảo Việt chưa thực hiện giữ lại các khoản thuế nhà thầu có thể phát sinh từ các khoản thanh toán phí bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm nước ngoài trên cơ sở đây là thông lệ của ngành bảo hiểm, cũng như dựa trên tinh thần của các cuộc kiểm tra quyết toán thuế được thực hiện trong các năm trước. Công văn số 8667/BTC-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 về Xử lý thuế nhà thầu đối với dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài chính thức xác nhận các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phải nộp các khoản thuế nhà thầu đối với các khoản thanh toán phí bảo hiểm ra nước ngoài cho các nhà tái không phải là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Trong giai đoạn 2005-2008, theo ước tính của Bảo hiểm Bảo Việt, số thuế nhà thầu phát sinh từ các khoản phí tái bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm không phải đối tượng cư trú của các nước, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam là 1.472 triệu đồng. Số thuế nhà thầu của các khoản phí tái bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam là 33.620 triệu đồng. Bảo hiểm Bảo Việt đang tiến hành các thủ tục để kê khai, quyết toán các khoản thuế này.

Từ năm 2009 đến năm 2012, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái thuộc các nước không có hiệp định chống đánh thuế hai lần với Việt Nam và các nhà tái chưa gửi hồ sơ hợp lệ liên quan đến hiệp định chống đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước cư trú của các nhà tái đó. Bảo hiểm Bảo Việt không giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái đã gửi hồ sơ với tổng số tiền ước tính là 12.086.651.021 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Bảo lãnh thanh toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”), công ty con của Tập đoàn Bảo Việt hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, có thực hiện các nghiệp vụ hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán với các ngân hàng thương mại. Theo đó, Công ty sẽ thay mặt ngân hàng để quản lý tài sản đảm bảo là số dư tài khoản tiền gửi và của nhà đầu tư mở tại các ngân hàng và số dư chứng khoán được chấp thuận bởi Công ty trong tài khoản của nhà đầu tư đó tại Công ty, khi các nhà đầu tư vay vốn tại ngân hàng để thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh. Công ty được hưởng phí từ việc quản lý và toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo của khách hàng. Trong trường hợp nhà đầu tư không trả được nợ gốc và lãi khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Công ty trích tiền trong tài khoản của Công ty mở cho nhà đầu tư tại ngân hàng để thanh toán nợ.

Chi tiết dư nợ của các nhà đầu tư tại các ngân hàng mà BVSC đang thực hiện quản lý tài sản đảm bảo và cam kết thanh toán nợ thay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Ngân hàng TMCP Quân đội	76.156.893.946
Tổng giá trị	76.156.893.946

Bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết khác trong hoạt động ngân hàng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Baoviet Bank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Baoviet Bank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Baoviet Bank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Baoviet Bank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Baoviet Bank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Baoviet Bank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Baoviet Bank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Baoviet Bank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết khác trong hoạt động ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản công nợ tiềm tàng và cam kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Thư tín dụng trả ngay	9.794.658.592	65.836.555.555
Cam kết bảo lãnh khác	144.260.754.820	74.479.974.707
	154.055.413.412	140.316.530.262

37. THÔNG TIN SO SÁNH

Như đã trình bày ở Thuyết minh 4.1.2, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán trong việc ghi nhận và trích lập dự phòng đối với các khoản tiền gửi tại ALC II, VFC.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ được trình bày lại như sau:

Trích từ “Bảng cân đối kế toán hợp nhất”

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Số liệu đã báo cáo)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.332.020.534.627	23.849.886.597	6.355.870.421.224
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (xem thuyết minh số 13.1.5)	(1.257.600.624.277)	23.849.886.597	(1.233.750.737.680)
III. Các khoản phải thu	3.625.048.874.910	(23.849.886.597)	3.601.198.988.313
1. Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính (xem thuyết minh số 6)	1.664.984.667.705	(23.849.886.597)	1.641.134.781.108

38. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính của Tập đoàn là nhằm đạt được các mục tiêu tài chính và phi tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tập đoàn đã thành lập Hội đồng Quản lý rủi ro (HĐQLRR) do Giám đốc Khối Quản lý rủi ro (QLRR) Tập đoàn làm Chủ tịch. Các cuộc họp của HĐQLRR được tiến hành theo định kỳ hàng quý. Hội đồng đã phát triển và áp dụng một khung chính sách, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tập đoàn, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tập đoàn. Mỗi thành viên trong Ban Điều hành sẽ chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ của một chính sách trong toàn Tập đoàn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Quản lý tài sản nợ/tài sản có là yếu tố quan trọng trong quản trị rủi ro doanh nghiệp. Quản lý tài sản nợ/tài sản có là tiến hành quản lý một doanh nghiệp để điều phối các quyết định và hành động đối với tài sản nợ và tài sản có. Quản lý tài sản nợ/tài sản có liên quan trọng yếu đến khả năng quản lý tài chính thích hợp của Tập đoàn để đáp ứng nhu cầu trong tương lai về dòng tiền và các yêu cầu về vốn.

Ủy ban quản lý tài sản nợ/tài sản có (ALCO) được thành lập tại Tập đoàn từ năm 2010 có trách nhiệm xem xét và kiểm soát các chiến lược đầu tư để phù hợp với chính sách quản lý về tài sản nợ cũng như đáp ứng các yêu cầu về khả năng thanh toán của Tập đoàn.

Tập đoàn và các công ty con chủ động quản lý tài sản của mình bằng cách sử dụng phương pháp xem xét chất lượng tài sản/tín dụng, đa dạng hóa, phù hợp giữa tài sản nợ và tài sản có, quản lý thanh khoản và quản lý kỳ hạn để đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư. Mục tiêu của quá trình đầu tư là đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư với mức độ biến động tối thiểu. HĐ QLRR định kỳ đánh giá, đưa ra các khuyến nghị từ góc độ QLRR đối với danh mục đầu tư theo mục tiêu xác định, thiết lập, hướng dẫn nguyên tắc và các hạn mức đầu tư và giám sát quy trình quản lý tài sản nợ - tài sản có.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn và phần lớn các công ty con trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về khả năng thanh toán theo luật định. Tập đoàn và các công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng. Tập đoàn và các công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn trong năm 2012.

Yêu cầu về khả năng thanh toán phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tập đoàn và các công ty con, theo đó Tập đoàn và các công ty con phải giữ nguồn vốn đủ để đáp ứng các nghĩa vụ nợ cũng như các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

TÀI SẢN	Biên khả năng thanh toán (triệu VNĐ)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VNĐ)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)
Bảo hiểm Bảo Việt			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.493.739	1.054.270	142
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.141.581	961.551	119
Bảo Việt Nhân thọ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.155.441	897.159	129
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.084.127	811.620	134

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các công ty con kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính toán theo các hướng dẫn tại Thông tư 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm
- Rủi ro tài chính, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các quyền lợi bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai công ty con của Tập đoàn là Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ.

39.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nằm trong giới hạn rủi ro cho phép của Tập đoàn.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp stress testing. Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Bảng phân loại bệnh tật

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng cùng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, cụ thể là 5,3% đối với sản phẩm tham gia chia lãi và 2,05% với sản phẩm không chia lãi.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm cố định. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, do đó, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành mới được phép tiến hành giao dịch.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Để đạt mục tiêu mà hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm đặt ra, Bảo hiểm Bảo Việt đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro. Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2012, Bảo hiểm Bảo Việt đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo hai cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Hội sở Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã hoàn thành triển khai giai đoạn đầu phần mềm InsureJ và đưa vào phục vụ kinh doanh thành công Trung tâm dịch vụ khách hàng để hoàn thiện thêm một bước quy trình khai thác bảo hiểm và đặc biệt là quy trình tiếp nhận thông báo tai nạn, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị giải ước. Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), người tham gia bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi người tham gia bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm dành cho trẻ em.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi đối với quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ. Các quỹ này đưa ra mức thưởng hàng năm tùy chọn dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và dưới dạng phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

- (i) Phản ánh tình hình tài chính của Bảo Việt Nhân thọ;
- (ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm; và
- (iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu.

Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức thưởng công bố theo hợp đồng. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức thưởng. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia đều đặn dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro tử vong được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm – Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm 15, 20 hoặc 25 năm và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm tử vong là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu cho sản phẩm này là 5%, trong trường hợp người tham gia bảo hiểm tử vong, yêu cầu giải ước và khi hợp đồng đáo hạn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung (tiếp theo)

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Đối với dòng tiền ra phát sinh khi bồi thường, thời gian và giá trị không được dự báo trước trong điều kiện và điều khoản của hợp đồng. Tuy vậy, hầu hết các hợp đồng bảo hiểm quy định mức bồi thường tối đa. Trong trường hợp rủi ro tích tụ và rủi ro thảm họa, sau khi mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường và các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, mức trách nhiệm tối đa của Bảo hiểm Bảo Việt cũng được xác định. Mặt khác, với quy định về giới hạn thời gian khai báo tai nạn khi tổn thất xảy ra cũng như quy định thời gian giải quyết bồi thường, Bảo hiểm Bảo Việt đảm bảo chủ động nhất định trước các nhu cầu về nguồn tiền thanh toán bồi thường.

39.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Các yếu tố tác động đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Trong cơ cấu tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt, lợi nhuận của hoạt động bảo hiểm chiếm 30% nên trong trường hợp lợi nhuận hoạt động bảo hiểm có thay đổi lớn, tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt sẽ bị tác động đáng kể. Trong khi các chi phí ngoài chi phí bồi thường có độ ổn định và gần như không có biến động bất thường, tỷ lệ tổn thất là chỉ số khó dự báo trước và có tác động trực tiếp và ngay lập tức đến lợi nhuận hoạt động bảo hiểm. Cơ chế quản lý rủi ro hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ như đánh giá rủi ro trước bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã đảm bảo kiểm soát được tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được. Các số liệu lịch sử về tổn thất cho thấy tỷ lệ tổn thất thuộc phần trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt không có biến động lớn so với các năm trước và vẫn trong giới hạn hợp lý. Mặc dù môi trường kinh tế khó khăn, Bảo hiểm Bảo Việt đã duy trì được tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hoạt động bảo hiểm.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như rủi ro lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải. Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính nghĩa vụ bảo hiểm đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng trong quá trình ước tính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các nghĩa vụ bảo hiểm hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Các yếu tố tác động đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của sự thay đổi của các biến số chính như sau:

	Thay đổi biến %	Thay đổi nghĩa vụ được bảo hiểm (triệu VND)	Ảnh hưởng đến nguồn vốn (triệu VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	255.053	255.053
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(214.277)	(214.277)
Tỷ lệ tử vong	+10	6.693	6.693
Tỷ lệ tử vong	-10	(6.093)	(6.093)
Tỷ lệ tử vong	+20	14.125	14.125
Tỷ lệ tử vong	-20	(11.584)	(11.584)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(180.903)	(180.903)
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	220.127	220.127
Tỷ lệ tử vong	+10	6.234	6.234
Tỷ lệ tử vong	-10	(5.869)	(5.869)
Tỷ lệ tử vong	+20	12.858	12.858
Tỷ lệ tử vong	-20	(11.371)	(11.371)

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

Tích tụ rủi ro

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro hàng hóa vận chuyển, rủi ro tàu thủy, rủi ro hàng không, rủi ro dầu khí, rủi ro tài sản, rủi ro con người, rủi ro kỹ thuật,... do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,... Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về theo quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo rằng những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)***39.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)**Tích tụ rủi ro (tiếp theo)*

bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo rằng việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, Bảo Việt Nhân thọ có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

	<i>Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư có cấu phần không đảm bảo</i> VNĐ	<i>Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm không có cấu phần không đảm bảo</i> VNĐ	<i>Tổng</i> VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Điều khoản riêng	4.166.075.806	66.404.039.769	70.570.115.575
Trộn đời	69.393.700.645	-	69.393.700.645
Tử kỳ	-	5.164.924.213	5.164.924.213
Hỗn hợp	7.903.643.135.554	7.215.208.597.508	15.118.851.733.062
Liên kết chung	-	1.761.707.219.761	1.761.707.219.761
Niên kim	260.645.826.990	-	260.645.826.990
Tổng	8.237.848.738.995	9.048.484.781.251	17.286.333.520.246
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Điều khoản riêng	4.349.387.985	50.616.757.130	54.966.145.115
Trộn đời	65.488.323.156	-	65.488.323.156
Tử kỳ	-	2.210.175.710	2.210.175.710
Hỗn hợp	7.797.923.469.898	7.116.705.056.134	14.914.628.526.032
Liên kết chung	-	851.863.020.302	851.863.020.302
Niên kim	217.736.802.378	-	217.736.802.378
Khác	69.779.937.535	1.633.137.000	71.413.074.535
Tổng	8.155.277.920.952	8.023.028.146.276	16.178.306.067.228

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Tập đoàn chú trọng.

Năm 2012, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Quy trình này đã được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện từ nhiều năm và ước tính bồi thường ngày càng sát với các khoản chi trả thực tế. Quy trình thống kê bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt là một quy trình đầy đủ và chi tiết từ tiếp nhận khai báo tổn thất đến giải quyết bồi thường, được áp dụng cho từng loại rủi ro bảo hiểm. Khi có thông tin về tổn thất, những thông tin ban đầu của vụ tổn thất cũng như ước tính số tiền phải bồi thường được ghi nhận vào bảng thống kê tổn thất. Mỗi khi có thêm thông tin có thể làm thay đổi số ước bồi thường, số tiền phải bồi thường ước tính sẽ được cập nhật. Mỗi khi thực hiện tạm ứng hoặc chi trả bồi thường, thông tin về ngày tháng và số tiền tạm ứng, chi trả được cập nhật vào bảng thống kê bồi thường để làm giảm số ước còn phải bồi thường. Khi đã thanh toán bồi thường đầy đủ, hồ sơ vụ tổn thất sẽ được đóng lại.

Dự phòng tổn thất chưa giải quyết của Bảo Việt Nhân thọ được trích lập cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo Việt Nhân thọ nhận được thông báo tổn thất từ phía khách hàng. Số tiền ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi phí bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

39.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

39.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng - do khả năng hoặc thiện chí trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt), hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác), hoạt động cho vay của ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác.

Tín dụng bảo hiểm

Mặc dù điều kiện, điều khoản quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu tuân thủ chặt chẽ quy trình gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Đối với các khoản phí bảo hiểm

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tín dụng bảo hiểm (tiếp theo)

không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng như quy định của nhà nước đối với nợ quá hạn và làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên một bảng phân tích tín dụng nội bộ chi tiết. HĐQT của Tập đoàn xác định hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng mà Bảo Việt được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ 06 tháng. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. HĐQT của Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Tập đoàn đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng Quản trị. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp là khả năng thanh toán của tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán trái tức và gốc trái phiếu. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành xử lý tài sản đảm bảo. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn Trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm 78% tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Tín dụng ngân hàng

Đối với hoạt động ngân hàng, Tập đoàn thực hiện đánh giá tín dụng trước khi cấp tín dụng cho khách hàng và thường xuyên quản lý việc cấp tín dụng. Rủi ro tín dụng cũng được quản lý thông qua việc thẩm định và nắm giữ tài sản đảm bảo và các khoản bảo lãnh. Hoạt động giám sát tín dụng của ngân hàng được thực hiện hàng ngày nhằm cung cấp các thông tin chính xác và kịp thời về rủi ro tín dụng và đưa ra cảnh báo sớm về sự suy giảm trong chất lượng tín dụng.

Các chính sách về quản lý rủi ro tín dụng đang áp dụng tại Baoviet Bank bao gồm: Chính sách đa dạng hóa tín dụng (các giới hạn tín dụng theo ngành hàng, khu vực, loại tiền, kỳ hạn, sản phẩm tín dụng ...); Thẩm quyền phê duyệt; Quy trình, thủ tục cấp tín dụng; Hệ thống xếp hạng tín dụng; Chính sách về tài sản bảo đảm; Phân loại và kiểm soát nợ xấu; Kiểm tra và giám sát khoản vay.

Việc thẩm định tài sản đảm bảo cũng đang dần hoàn thiện theo cơ chế tập trung, theo đó Hội sở chính Baoviet Bank đưa ra phương pháp và cơ sở định giá thống nhất trong toàn hệ thống và thực hiện cơ chế giám sát, quản lý đối với công tác định giá tài sản đảm bảo của các đơn vị kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Dịch vụ cho vay ký quỹ được triển khai từ tháng 4/2012 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Công ty đã triển khai chính sách đánh giá tín nhiệm và phân loại khách hàng để quản trị rủi ro này. Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc duy trì tỷ lệ ký quỹ và xác định rõ các điều kiện xử lý tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình thấp.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Đơn vị: VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt	Bị giảm giá trị riêng biệt	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định	26.813.279.044.556	20.500.000.000	760.840.238.333	27.594.619.282.889
- Sẵn sàng để bán - Chứng khoán nợ	13.262.760.202.516	-	-	13.262.760.202.516
- Cho vay và phải thu - Chứng khoán nợ	2.864.850.357.501	-	671.440.238.333	3.536.290.595.834
- Cho vay và phải thu - Tiền gửi có kỳ hạn	10.685.668.484.539	20.500.000.000	89.400.000.000	10.795.568.484.539
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	5.560.754.464.573	683.287.891.220	869.324.852.700	7.113.367.208.493
Cho vay và ủy thác cho vay	-	-	-	-
Tạm ứng từ giá trị giải ước	941.577.760.397	-	-	941.577.760.397
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	396.690.517.826	150.663.021.206	-	547.353.539.032
Phải thu tái bảo hiểm	1.407.411.764.573	-	-	1.407.411.764.573
Phải thu khác	416.021.359.660	-	-	416.021.359.660
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	26.436.721.414	-	-	26.436.721.414
- Phải thu cổ tức	11.865.661.007	-	-	11.865.661.007
- Phải thu khác	377.718.977.239	-	-	377.718.977.239
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.977.824.233	-	-	4.077.977.824.233
	39.613.712.735.818	854.450.912.426	1.630.165.091.033	42.098.328.739.277

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Đơn vị: VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt	Bị giảm giá trị riêng biệt	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định	22.951.960.172.085	16.110.833.333	919.263.711.507	23.887.334.716.925
- Sẵn sàng để bán - Chứng khoán nợ	13.408.971.519.018	-	-	13.408.971.519.018
- Cho vay và phải thu - Chứng khoán nợ	3.754.620.013.841	-	725.943.711.507	4.480.563.725.348
- Cho vay và phải thu - Tiền gửi có kỳ hạn	5.788.368.639.226	16.110.833.333	193.320.000.000	5.997.799.472.559
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	6.500.770.311.905	45.568.962.121	332.359.346.403	6.878.698.620.429
Cho vay và ủy thác cho vay	-	-	-	-
Tạm ứng từ giá trị giải ước	1.053.728.631.725	-	-	1.053.728.631.725
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	511.775.979.135	55.419.152.877	-	567.195.132.012
Phải thu tái bảo hiểm	1.229.603.125.884	-	-	1.229.603.125.884
Phải thu khác	232.355.095.887	-	-	232.355.095.887
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	28.511.620.871	-	-	28.511.620.871
- Phải thu cổ tức	7.578.567.100	-	-	7.578.567.100
- Phải thu khác	196.264.907.916	-	-	196.264.907.916
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.479.823.264.414	-	-	5.479.823.264.414
	37.960.016.581.035	117.098.948.331	1.251.623.057.910	39.328.738.587.276

Các số dư trình bày ở đây là tổng giá trị thuần của các tài sản tài chính, bao gồm gốc, lãi dự thu, lãi trả trước và dự phòng trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.

Trong đó:

- **Chưa quá hạn và không giảm giá trị:** các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- **Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:** tài sản tài chính với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

- **Bị giảm giá trị riêng biệt:** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trong tổng tài sản quá hạn, có những khoản nợ Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ vì không thu được trong khi đã đủ cơ sở xóa nợ; có những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện; có những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

Phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:

Đơn vị: VND

	Trong vòng 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 12 - 36 tháng	Trên 36 tháng	Tổng quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt
31 tháng 12 năm 2012					
Đầu tư lãi suất cố định	20.500.000.000	-	-	-	20.500.000.000
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	616.918.310.114	34.095.070.925	32.274.510.181	-	683.287.891.220
Phải thu bảo hiểm	51.407.581.881	69.825.201.724	29.430.237.601	-	150.663.021.206
Các khoản quá hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng cộng	688.825.891.995	103.920.272.649	61.704.747.782	-	854.450.912.426
31 tháng 12 năm 2011					
Đầu tư lãi suất cố định	16.110.833.333	-	-	-	16.110.833.333
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	44.745.835.262	823.126.859	-	-	45.568.962.121
Phải thu bảo hiểm	-	29.211.136.458	26.208.016.419	-	55.419.152.877
Các khoản quá hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng cộng	60.856.668.595	30.034.263.317	26.208.016.419	-	117.098.948.331

39.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và áp dụng các biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản; duy trì một mức thanh khoản hợp lý, để bảo đảm có thể thực hiện được đầy đủ các cam kết tài chính của Tập đoàn trong điều kiện kinh doanh bình thường. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban ALCO. Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định một loạt các hành động phù hợp.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Baoviet Bank nỗ lực huy động đa dạng nguồn vốn, kiểm soát tỷ lệ huy động từ nhóm khách hàng có tiền gửi lớn; duy trì một lượng tài sản Có có khả năng thanh khoản cao để có thể đáp ứng mọi nghĩa vụ thanh toán tại bất cứ thời điểm nào và thực hiện đo lường, kiểm soát trạng thái mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền ra và dòng tiền vào; đo lường, kiểm soát các chỉ số thanh khoản chính và các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc đo lường, kiểm soát, giám sát và báo cáo rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Đầu tư kỳ hạn cố định	177.400	-	11.486.209	7.534.843	4.987.152	14.601.509	-	38.787.113
- Sản sàng để bán – Chứng khoán Nợ	-	-	1.566.443	4.737.704	2.910.769	12.387.629	-	21.602.545
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	88.000	-	714.522	1.092.787	1.911.657	1.193.213	-	5.000.179
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	89.400	-	9.205.244	1.704.352	164.726	1.020.667	-	12.184.389
Đầu tư vốn	-	1.346.361	-	-	-	-	-	1.346.361
- Sản sàng để bán	-	1.102.723	-	-	-	-	-	1.102.723
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	243.638	-	-	-	-	-	243.638
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.552.613	-	2.740.313	210.857	686.405	1.923.179	-	7.113.367
Tạm ứng từ giá trị giải ước	-	-	941.578	-	-	-	-	941.578
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	547.354	-	-	-	-	547.354
Phải thu tài bảo hiểm	-	-	1.407.412	-	-	-	-	1.407.412
Phải thu khác	-	26.407	389.615	-	-	-	-	416.022
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	26.407	30	-	-	-	-	26.437
- Phải thu cổ tức	-	-	11.866	-	-	-	-	11.866
- Phải thu khác	-	-	377.719	-	-	-	-	377.719
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	4.077.978	-	-	-	-	4.077.978
	1.730.013	1.372.768	21.590.459	7.745.700	5.673.557	16.524.688	-	54.637.185

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
NỢ TÀI CHÍNH								
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	-	-	1.039.615	(372.447)	1.161.742	25.901.526	10.120.832	37.851.268
Tiền gửi của khách hàng	-	375.978	3.934.656	261.750	106	68	-	4.572.558
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	-	24.582	3.633.050	-	-	-	-	3.657.632
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	331.490	-	-	-	-	331.490
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	554.090	-	-	-	-	554.090
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	39.063	1.045.964	120.004	1.428	3.253	-	1.209.712
- Nhận ký quỹ	-	39.063	-	-	130	-	-	39.193
- Phải trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
- Khác	-	-	1.045.964	120.004	1.298	3.253	-	1.170.519
Tổng cộng nội bảng	-	439.623	10.538.865	9.307	1.163.276	25.904.847	10.120.832	48.176.750
Các cam kết ngoại bảng	-	-	115.275	33.670	4.168	942	-	154.055
TỔNG CỘNG	-	439.623	10.654.140	42.977	1.167.444	25.905.789	10.120.832	48.330.805

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2011:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2011								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Đầu tư kỳ hạn cố định	193.320	-	7.870.153	5.024.212	6.460.722	17.014.632	-	36.563.039
- Sẵn sàng để bán – Chứng khoán Nợ	-	-	1.685.256	2.961.954	4.913.120	13.437.191	-	22.997.521
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	-	-	1.675.056	1.179.164	958.174	2.438.042	-	6.250.436
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	193.320	-	4.509.841	883.094	589.428	1.139.399	-	7.315.082
Đầu tư vốn	-	1.550.698	-	-	-	-	-	1.550.698
- Sẵn sàng để bán	-	1.244.616	-	-	-	-	-	1.244.616
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	306.082	-	-	-	-	-	306.082
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	377.928	-	2.936.894	787.220	762.134	2.014.523	-	6.878.699
Tạm ứng từ giá trị giải ước	-	-	1.053.729	-	-	-	-	1.053.729
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	55.419	-	511.776	-	-	-	-	567.195
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	1.229.603	-	-	-	-	1.229.603
Phải thu khác	-	25.847	206.509	-	-	-	-	232.356
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	25.847	2.665	-	-	-	-	28.512
- Phải thu cổ tức	-	-	7.579	-	-	-	-	7.579
- Phải thu khác	-	-	196.265	-	-	-	-	196.265
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	5.479.823	-	-	-	-	5.479.823
	626.667	1.576.545	19.288.487	5.811.432	7.222.856	19.029.155	-	53.555.142

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2011:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2011								
NỢ TÀI CHÍNH								
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	-	-	2.023.205	245.618	940.656	22.387.984	7.879.823	33.477.286
Tiền gửi của khách hàng	-	395.726	2.996.204	10.105	57	54	38	3.402.184
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	-	53.132	4.401.825	-	-	-	-	4.454.957
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	259.203	-	-	-	-	259.203
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	461.314	-	-	-	-	461.314
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	1.684.248	2.085	-	-	-	1.686.333
- Nhận ký quỹ	-	-	32.498	-	-	-	-	32.498
- Phải trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
- Khác	-	-	1.651.750	2.085	-	-	-	1.653.835
Tổng cộng nội bảng	-	448.858	11.825.999	257.808	940.713	22.388.038	7.879.861	43.741.277
Các cam kết ngoại bảng	-	-	140.317	-	-	-	-	140.317
TỔNG CỘNG	-	448.858	11.966.316	257.808	940.713	22.388.038	7.879.861	43.881.594

39.2.3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt và Baoviet Bank, tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ (tiếp theo)

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Mặc dù được thanh toán theo hình thức bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch nhưng với xu hướng đồng Việt Nam ngày càng mất giá, Bảo hiểm Bảo Việt có nguy cơ gia tăng công nợ theo đà tăng của tỷ giá. Để giảm tác động của rủi ro tỷ giá, Bảo hiểm Bảo Việt đã có một số giải pháp như xây dựng dự báo thu chi ngoại tệ dựa trên các khoản phải thu phải chi và số kinh nghiệm thu chi ngoại tệ; nỗ lực tích lũy nguồn ngoại tệ thông qua việc thu từ các giao dịch được phép và dự trữ để thanh toán.

Đối với Baoviet Bank, rủi ro tỷ giá ngoại tệ chủ yếu xuất phát từ hoạt động đầu tư, kinh doanh ngoại tệ, hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn bằng ngoại tệ. Ngân hàng từng bước quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ và thực hiện xây dựng các kịch bản, tình huống giả định về tình hình biến động tỷ giá trên thị trường (bao gồm cả trong điều kiện bất thường, xảy ra khủng hoảng); cũng như các kịch bản, tình huống về tình hình biến động giá trị danh mục tài sản có – tài sản nợ để xác định mức độ ảnh hưởng lên kết quả kinh doanh. Đồng thời, Baoviet Bank đã thiết lập một số loại hạn mức để quản lý như hạn mức trạng thái ngoại tệ, hạn mức lỗ tối đa đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Các hạn mức này do Ủy ban ALCO phê duyệt từng thời kỳ phù hợp với diễn biến tỷ giá trên thị trường và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

Trong năm 2012, tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ dao động với biên độ hẹp. Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

Biến động	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế VNĐ
31 tháng 12 năm 2012	
+5%	12.868.330.655
- 5%	(12.868.330.656)
31 tháng 12 năm 2011	
+5%	(933.383.178)
- 5%	933.383.178

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư vào trái phiếu có kỳ hạn cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ để phù hợp với các khoản phải trả trong tương lai. Danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất, tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động lãi suất giảm cũng tác động đến các dòng tiền đáo hạn để tái đầu tư vào danh mục tiền gửi và trái phiếu. Tập đoàn thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên các khoản

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

tái đầu tư trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Với chính sách quản lý rủi ro nhất quán, Tập đoàn đánh giá mức độ rủi ro tái đầu tư do lãi suất biến động đối với danh mục đầu tư của Tập đoàn ở mức trung bình.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro lãi suất của Baoviet Bank chủ yếu xuất phát từ các hoạt động đầu tư, hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn. Baoviet Bank thực hiện xây dựng các kịch bản, tình huống giả định về tình hình biến động lãi suất trên thị trường (bao gồm cả trong điều kiện bất thường, xảy ra khủng hoảng) nhằm mô phỏng biến động giá trị danh mục tài sản có – tài sản nợ để xác định mức độ tổn thất lợi nhuận/giá trị tài sản của Ngân hàng theo các kịch bản, tình huống đó. Dựa vào các kết quả đó, Ngân hàng quản lý quy mô, cơ cấu tài sản trong và ngoài bảng cân đối cũng như có chính sách điều hành lãi suất linh hoạt để bảo đảm ngăn ngừa, hạn chế mức độ rủi ro mà Ngân hàng phải đối mặt.

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể có xu hướng bất lợi nếu điều kiện thị trường xấu đi. Tình hình tài chính của các công ty mà Tập đoàn đầu tư và điều kiện thị trường có ảnh hưởng đến kết quả danh mục đầu tư. Hội đồng Quản trị Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc lựa chọn ngành nghề và công ty để đầu tư. Nhằm giảm thiểu các tác động xấu do điều kiện thị trường và hành vi của các nhà đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro (“VaR”) để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước:

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	HOSE VNĐ	HNX VNĐ	Tổng VNĐ
Giá trị sổ sách	1.085.877.736.393	384.094.244.676	1.469.971.981.069
Giá trị thị trường	511.245.788.250	311.767.962.700	823.013.750.950
VaR (95%, 1 ngày)	(10.214.906.692)	(9.193.757.395)	(19.408.664.087)
Mức độ giảm VaR (95%)	8.788.234.448	5.748.345.896	14.536.580.344
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(43.399.092.251)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(86.798.184.502)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(308.102.990.725)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	HOSE VNĐ	HNX VNĐ	Tổng VNĐ
Giá trị sổ sách	1.360.354.549.769	516.911.815.643	1.877.266.365.412
Giá trị thị trường	600.215.688.300	347.699.118.700	947.914.807.000
VaR (95%, 1 ngày)	(10.399.048.714)	(10.276.695.057)	(20.675.743.771)
Mức độ giảm VaR (95%)	11.193.616.270	9.133.887.068	20.327.503.338
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(46.232.368.556)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(92.464.737.113)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(328.217.257.130)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 19,4 tỷ đồng nghĩa là xác suất xảy ra mức tổn thất nhỏ hơn 19,4 tỷ đồng của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 95% hay xác suất xảy ra mức tổn thất lớn hơn 19,4 tỷ đồng của danh mục cổ phiếu niêm yết trong 1 ngày là 5%.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 nhỏ hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011; tuy nhiên tỷ lệ phần trăm của VaR so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (2,4%) cao hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (2,2%) là do giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu giảm 125 tỷ đồng.

Tập đoàn còn sử dụng phép thử "stress testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động đối với mỗi biến số chính, các biến còn lại không đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (*) VNĐ
31 tháng 12 năm 2012		
Kịch bản 1	+10%	46.426.652.369
Kịch bản 2	-10%	(47.617.761.371)
31 tháng 12 năm 2011		
Kịch bản 1	+10%	59.644.451.630
Kịch bản 2	-10%	(59.644.967.336)

(*) Lưu ý: Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC, do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Tổng VND	Giá trị hợp lý VND
31 tháng 12 năm 2012				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư kỳ hạn cố định	28.270.954.728.143	(676.335.445.254)	27.594.619.282.889	28.478.388.105.561
- Sản sàng để bán – Chứng khoán Nợ	13.262.760.202.516	-	13.262.760.202.516	14.171.286.228.643
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	3.622.018.938.991	(85.728.343.157)	3.536.290.595.834	3.093.038.155.431
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	11.386.175.586.636	(590.607.102.097)	10.795.568.484.539	11.214.063.721.487
Đầu tư vốn	2.243.243.210.758	(896.882.272.422)	1.346.360.938.336	1.331.350.176.256
- Sản sàng để bán	1.796.380.402.190	(693.657.366.410)	1.102.723.035.780	1.086.362.010.962
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	446.862.808.568	(203.224.906.012)	243.637.902.556	244.988.165.294
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	7.251.784.418.544	(138.417.210.051)	7.113.367.208.493	6.988.929.623.369
Cho vay và ủy thác cho vay	47.813.993.373	(47.813.993.373)	-	-
Tạm ứng từ giá trị giải ước	941.577.760.397	-	941.577.760.397	941.577.760.397
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	666.888.986.052	(119.535.447.020)	547.353.539.032	511.268.116.040
Phải thu tái bảo hiểm	1.407.411.764.573	-	1.407.411.764.573	1.407.411.764.573
Phải thu khác	437.332.120.192	(21.310.760.532)	416.021.359.660	416.021.359.660
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	26.436.721.414	-	26.436.721.414	26.436.721.414
- Phải thu cổ tức	11.865.661.007	-	11.865.661.007	11.865.661.007
- Khác	399.029.737.771	(21.310.760.532)	377.718.977.239	377.718.977.239
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.977.824.233	-	4.077.977.824.233	4.077.977.824.233
TỔNG CỘNG	45.344.984.806.265	(1.900.295.128.652)	43.444.689.677.613	44.152.924.730.089

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2011				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư kỳ hạn cố định	24.400.963.038.631	(513.628.321.706)	23.887.334.716.925	22.609.358.590.590
- Sẵn sàng để bán – Chứng khoán Nợ	13.408.971.519.018	-	13.408.971.519.018	12.512.741.441.204
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	4.509.923.725.348	(29.360.000.000)	4.480.563.725.348	3.937.290.281.914
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	6.482.067.794.265	(484.268.321.706)	5.997.799.472.559	6.159.326.867.472
Đầu tư vốn	2.665.079.997.086	(1.114.381.983.377)	1.550.698.013.709	1.488.076.349.576
- Sẵn sàng để bán	2.015.097.546.238	(770.481.114.528)	1.244.616.431.710	1.177.758.379.976
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	649.982.450.848	(343.900.868.849)	306.081.581.999	310.317.969.600
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	6.958.868.883.036	(80.170.262.607)	6.878.698.620.429	6.623.954.534.673
Cho vay và ủy thác cho vay	47.813.993.373	(47.813.993.373)	-	-
Tạm ứng từ giá trị giải ước	1.053.728.631.725	-	1.053.728.631.725	1.053.728.631.725
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	654.061.215.458	(86.866.083.446)	567.195.132.012	567.957.917.279
Phải thu tái bảo hiểm	1.229.603.125.884	-	1.229.603.125.884	1.227.493.144.431
Phải thu khác	250.315.952.079	(17.960.856.192)	232.355.095.887	232.355.095.887
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	28.511.620.871	-	28.511.620.871	28.511.620.871
- Phải thu cổ tức	7.578.567.100	-	7.578.567.100	7.578.567.100
- Khác	214.225.764.108	(17.960.856.192)	196.264.907.916	196.264.907.916
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.479.823.264.414	-	5.479.823.264.414	5.479.823.264.414
TỔNG CỘNG	42.740.258.101.686	(1.860.821.500.701)	40.879.436.600.985	39.282.747.528.575

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2012		
NỢ TÀI CHÍNH		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	18.969.974.820.846	18.969.974.820.846
Tiền gửi của khách hàng	4.572.558.059.255	4.582.987.478.071
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	3.657.632.373.241	3.662.785.445.409
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	331.490.329.288	331.490.329.288
Phải trả tái bảo hiểm	554.090.314.141	554.090.314.141
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	1.209.711.865.982	1.209.711.865.982
- Nhận ký quỹ	39.192.814.605	39.192.814.605
- Phải trả cổ tức	-	-
- Khác	1.170.519.051.377	1.170.519.051.377
Tổng cộng	29.295.457.762.753	29.311.040.253.737

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2011		
NỢ TÀI CHÍNH		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	17.821.349.557.680	17.821.349.557.680
Tiền gửi của khách hàng	3.402.183.719.223	3.404.829.756.366
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	4.454.956.608.862	4.453.917.728.379
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	259.203.114.550	259.203.114.550
Phải trả tái bảo hiểm	461.313.693.844	461.313.693.844
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	1.686.332.479.312	1.686.332.479.312
- Nhận ký quỹ	32.497.502.176	32.497.502.176
- Phải trả cổ tức	-	-
- Khác	1.653.834.977.136	1.653.834.977.136
Tổng cộng	28.085.339.173.471	28.086.946.330.131

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

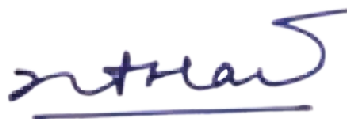
41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Ngày 08 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính đã có công văn số 2174/BTC-QLBH chấp thuận về nguyên tắc cho phép Bảo hiểm Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 02 năm 2013, Tập đoàn Bảo Việt đã chuyển 200 tỷ đồng cho Bảo hiểm Bảo Việt để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Bảo hiểm Bảo Việt đang làm các thủ tục để được Bộ Tài chính phê duyệt chính thức và cấp giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012, Quỹ BVF1 sẽ tiến hành giải thể vào ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thời gian thực hiện giải thể Quỹ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014. Việc giải thể Quỹ BVF1 cũng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài thông tin trên và những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện quan trọng này xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP THÍ ĐIỂM NĂM 2012

Theo quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 121/2011/TT-BTC về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013, bắt đầu từ năm 2011, Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện triển khai loại hình bảo hiểm này tại một số địa phương trên cả nước. Các sản phẩm bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai bao gồm bảo hiểm cây lúa, vật nuôi và thủy sản. Tình hình và kết quả thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho đến 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	
1	Doanh thu	45.022.925.934
1.1	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	126.781.226.069
1.2	Các khoản giảm trừ (phí nhượng tái)	(120.442.164.765)
	- Chuyển phí nhượng tái	(120.442.164.765)
1.3	Tăng (giảm) dự phòng phí	(1.695.955.873)
1.4	Thu hoa hồng nhượng tái	40.379.820.503
2	Chi phí	(31.593.736.000)
2.1	Chi bồi thường bảo hiểm gốc	(52.529.180.920)
2.2	Các khoản giảm trừ	49.902.721.874
2.3	- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	49.902.721.874
2.4	Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	(18.474.469.957)
2.5	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	(9.770.839.726)
2.6	Trích dự phòng dao động lớn	(721.967.271)
3	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	13.429.189.934
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19.017.183.911)
4.1	- Chi quản lý chưa lương	(13.851.896.518)
4.2	- Chi lương	(5.165.287.393)
5	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp	(5.587.993.977)

DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG

Dự phòng bồi thường các tổn thất chưa giải quyết	195.416.794.523
Phần trách nhiệm thu hồi từ nhà tái	(185.645.954.797)
Phần trách nhiệm thuộc về Bảo Việt	9.770.839.726





BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS)

Chuẩn mực - Minh bạch - Tin cậy

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	274
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	275
Bảng cân đối kế toán riêng	276 - 277
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	278
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	279
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng	280 - 320

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Ban Điều hành") chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành đã:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty Mẹ Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty Mẹ Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Lê Quang Bình
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2013



Ernst & Young Vietnam Limited
Linh Pham Quyen Business Center
360 Kim Ma Street, Ba Dinh District
Hanoi, S.R of Vietnam
Tel: + 84 4 3822 5100
Fax: + 84 4 3821 5090
www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 007808701504103

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") được trình bày từ trang 278 đến trang 320 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính riêng có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng và số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con.

Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Vũ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0204/KTV

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 672/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.947.254.810.976	6.200.121.003.949
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.018.050.613.752	2.707.341.698.658
111	1. Tiền		96.050.613.752	147.841.698.658
112	2. Các khoản tương đương tiền		922.000.000.000	2.559.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.736.283.051.941	2.195.895.515.504
128	1. Tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu		2.966.300.000.000	2.195.895.515.504
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(230.016.948.059)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.185.437.657.127	1.287.336.916.625
131	1. Phải thu khách hàng	7	372.348.852.093	241.339.584.735
133	2. Phải thu từ các bên liên quan	8	808.187.797.065	1.035.517.012.506
135	3. Các khoản phải thu khác		4.901.007.969	10.480.319.384
139	4. Dự phòng phải thu khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		13.314.000	12.124.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.470.174.156	9.534.749.162
151	1. Chi phí trả trước chờ phân bổ		6.741.694.213	8.017.547.391
158	2. Tạm ứng cho nhân viên		728.479.943	1.517.201.771
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.750.187.165.454	6.298.563.836.911
220	I. Tài sản cố định		496.218.867.954	537.753.676.989
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	366.023.443.809	397.883.490.411
222	Nguyên giá		525.163.208.987	509.353.668.705
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(159.139.765.178)	(111.470.178.294)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	66.109.896.920	71.031.231.173
228	Nguyên giá		120.638.599.406	115.903.423.100
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(54.528.702.486)	(44.872.191.927)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	64.085.527.225	68.838.955.405
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	7.240.355.070.314	5.757.200.614.626
251	1. Đầu tư vào công ty con và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	12.1	5.845.481.388.414	4.765.481.388.414
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.2	257.269.440.000	257.269.440.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12.3	1.680.862.479.282	1.562.797.533.529
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12.4	(543.258.237.382)	(828.347.747.317)
260	III. Tài sản dài hạn khác		13.613.227.186	3.609.545.296
268	1. Tài sản dài hạn khác		2.165.727.186	3.609.545.296
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	11.447.500.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.697.441.976.430	12.498.684.840.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

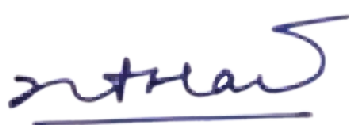
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.233.135.106.982	1.270.988.914.681
310	I. Nợ ngắn hạn		1.233.135.106.982	1.249.647.338.543
312	1. Phải trả người bán	13	4.664.723.759	27.545.584.897
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.808.741.959	(37.537.398.685)
315	3. Phải trả người lao động	15	24.976.904.190	17.383.564.622
317	4. Phải trả các bên liên quan	16	1.132.566.883.838	1.204.182.597.781
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	39.052.473.313	13.397.118.726
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	29.065.379.923	24.675.871.202
330	II. Nợ dài hạn		-	21.341.576.138
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	19	-	21.341.576.138
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.464.306.869.448	11.227.695.926.179
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	11.464.306.869.448	11.227.695.926.179
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.475.260.148.251	1.238.649.204.982
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.697.441.976.430	12.498.684.840.860

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
1.	Đô la Mỹ (USD)	826,21	873,52



Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.287.882.591.037	1.544.521.804.073
22	2. Chi phí tài chính	22	37.959.671.475	(508.724.697.266)
24	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính		1.325.842.262.512	1.035.797.106.807
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(196.766.641.959)	(166.979.250.228)
30	5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.129.075.620.553	868.817.856.579
31	6. Thu nhập khác	24	104.715.312.375	73.947.465.192
32	7. Chi phí khác	24	(24.370.731.180)	(24.650.766.530)
40	8. Lợi nhuận khác	24	80.344.581.195	49.296.698.662
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.209.420.201.748	918.114.555.241
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(139.162.219.176)	(14.651.320.771)
52	11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.2	11.447.500.000	-
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.081.705.482.572	903.463.234.470

Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		551.808.598.442	1.063.588.469.075
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		-	-
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(74.503.265.584)	(55.944.164.127)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(106.867.990.892)	(56.182.645.963)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		736.912.520.071	107.808.484.995
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(176.135.453.735)	(61.452.135.352)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		931.214.408.302	997.818.008.628
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(14.448.758.405)	(31.595.142.219)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	18.027.273
23	3. Tiền chi mua các khoản đầu tư của các đơn vị khác		(5.163.178.570.358)	(4.481.526.589.575)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các khoản đầu tư của đơn vị khác		4.153.687.556.355	6.133.923.991.174
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(780.000.000.000)	-
29	6. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		-	54.000.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.803.939.772.408)	1.674.820.286.653
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(816.565.720.800)	(816.321.876.360)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(816.565.720.800)	(816.321.876.360)
50	IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(1.689.291.084.906)	1.856.316.418.921
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.707.341.698.658	851.018.126.099
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	7.153.638
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	1.018.050.613.752	2.707.341.698.658

Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi 4 lần, lần 4 vào ngày 14 tháng 01 năm 2011.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 4 ngày 14 tháng 01 năm 2011 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản.
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Người đại diện theo pháp luật:	Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm Chức danh: Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông sáng lập	627.173.291	92,17%
- Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
- HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	122.509.091	18,00%
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,26%
Các cổ đông khác	53.298.143	7,83%
Tổng cộng	680.471.434	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn có các công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Baoviet Bank")	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng	52%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt ("PMU")	71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Đồng tiền kế toán

Đơn vị tiền tệ được Tập đoàn sử dụng trong việc hạch toán sổ sách kế toán là đồng Việt Nam (“VNĐ”).

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Ngoài ra, hàng quý, Tập đoàn còn lập các báo cáo tài chính riêng.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt cam kết đã lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng phản ánh các hoạt động của riêng Công ty Mẹ Tập đoàn và các đơn vị phụ thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con được lập riêng và độc lập với các báo cáo tài chính riêng này. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2011, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

4.1.1 Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo quy định của Thông tư này, riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính đến 31 tháng 12 năm 2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp, không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng.

Theo đó, năm 2012, Tập đoàn đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hạch toán toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2012 vào thu nhập trong năm. Chi tiết thay đổi Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trình bày tại thuyết minh số 19.

4.1.2 Thay đổi chính sách ghi nhận và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tiền gửi tại Công ty tài chính công nghiệp tàu thủy (VFC) và Công ty cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ALCII)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư của Tập đoàn được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Tuy nhiên, dựa trên đánh giá tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và lịch sử quá hạn trả gốc và lãi của trái phiếu Vinashin, Tập đoàn Bảo Việt đã dừng ghi nhận lãi dự thu trái phiếu Vinashin từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Đối với các khoản lãi quá hạn của ALCII và VFC, cũng căn cứ vào tình hình tài chính khó khăn và lịch sử quá hạn trả gốc và lãi của hai Công ty này, Tập đoàn đã dừng ghi nhận các khoản dự thu quá hạn tính theo lãi suất phạt và thực hiện điều chỉnh giảm trên số dư đầu kỳ của Báo cáo Tài chính năm 2012.

Tất cả các khoản lãi phạt quá hạn từ các hợp đồng tiền gửi ALCII và VFC, các khoản lãi trái tức Vinashin đã dừng ghi nhận trong năm 2012 trở đi được hạch toán theo dõi ngoại bảng.

Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách dự phòng đến số đầu kỳ của báo cáo tài chính năm 2012 xin xem Thuyết minh số 27.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi thanh toán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được chia trên lợi nhuận lũy kế của các công ty con kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các công ty con của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 12.1.

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1")

Khoản đầu tư góp vốn vào Quỹ BVF1 được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối kỳ. Định kỳ, dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào Quỹ BVF1 được ghi nhận khi giá trị vốn góp thực tế của các bên tại BVF1 lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của BVF1 tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán của BVF1.

Chi tiết thông tin về Quỹ BVF1 và tỷ lệ vốn góp của các bên được trình bày tại thuyết minh số 12.1.

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong các báo cáo tài chính riêng. Các khoản lợi tức được chia trên lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết, liên doanh kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.
- Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay ủy thác, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

Danh mục đầu tư của các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư

Tài sản và công nợ theo các hợp đồng đầu tư ủy thác được tổng hợp toàn bộ trên bảng cân đối kế toán riêng do Ban Điều hành cho rằng việc trình bày này phản ánh tổng quan tình hình hoạt động của Tập đoàn.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng theo công thức quy định trong Thông tư 228 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đối với chứng khoán niêm yết (tiếp theo)

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời ngày lập báo cáo tài chính} \times \left[\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \right]$$

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác là giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dừng dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái tức đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các khoản đầu tư tiền gửi tại ALCII và VFC, cũng do đánh giá tình hình thực tế tại ALCII và VFC, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần lãi dự thu trong hạn theo hợp đồng và dừng ghi nhận và trích lập dự phòng đối với phần lãi phạt quá hạn.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 228 như sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Số dư dự phòng trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn không bao gồm số dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản ủy thác đầu tư tại Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi được trình bày trên một tài khoản riêng.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ. Đối với các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Trên ba năm	100%

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

4.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Tài sản cố định khác	04 năm
Phần mềm tin học	03 - 05 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất dài hạn theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2009.

4.8 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo")

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ vào doanh thu trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 17% trên mức lương cơ bản của nhân viên (từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16% và trước 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính;
- *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù các nghĩa vụ quy định tại Điều 42 và Điều 17 Bộ Luật Lao động như nêu trên là bắt buộc, việc chấp hành các quy định này còn phụ thuộc vào các quy định chi tiết của Bộ Tài chính tại các thông tư hướng dẫn. Theo quy định tại thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 06 năm 1999 và sau đó là Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003, các công ty được hoạch toán dự

phòng trợ cấp thôi việc trên cơ sở từ 1%-3% quỹ lương cơ bản và tổng số dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây được trích lập từ 10% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 64 sẽ được chuyển sang dự phòng trợ cấp thôi việc như quy định tại Thông tư 82.

Trong năm 2012, Tập đoàn đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hạch toán toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm theo qui định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi lãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Lãi (tiếp theo)

dồn tích trước khi mua khoản trái phiếu đó đã được dự thu thì khi thu được tiền lãi của khoản đầu tư trái phiếu đó, Tập đoàn sẽ phân bổ vào cả kỳ trước và sau khi mua trái phiếu. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.13 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty Mẹ Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Công ty Mẹ Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm của Công ty Mẹ Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty Mẹ Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ (VNĐ)	221.234.138	631.940.600
Tiền gửi ngân hàng	95.829.379.614	147.209.758.058
Tiền gửi ngân hàng (VNĐ), gồm các nguồn:	95.811.381.714	147.191.564.383
- Nguồn tiền gửi của Công ty Mẹ Tập đoàn	91.713.383.154	26.200.732.556
- Nguồn ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	4.097.998.560	120.990.831.827
Tiền gửi ngân hàng đô la Mỹ (USD) quy VNĐ	17.997.900	18.193.675
- Nguồn tiền gửi của Công ty Mẹ Tập đoàn	17.997.900	18.193.675
Các khoản tương đương tiền (*)	922.000.000.000	2.559.500.000.000
Nguồn tiền gửi của Công ty Mẹ Tập đoàn	922.000.000.000	2.559.500.000.000
	1.018.050.613.752	2.707.341.698.658

(*) Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng (TCTD) có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền gửi ngắn hạn tại các TCTD (VNĐ) (*)		
Nguồn đầu tư của Tập đoàn	2.763.000.000.000	1.750.000.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	154.300.000.000	154.600.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	49.000.000.000	52.000.000.000
	2.966.300.000.000	1.956.600.000.000
Trái phiếu		
Nguồn đầu tư của Tập đoàn	-	239.295.515.504
	-	239.295.515.504
Tổng cộng đầu tư ngắn hạn	2.966.300.000.000	2.195.895.515.504
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)	(230.016.948.059)	-
Tổng đầu tư ngắn hạn	2.736.283.051.941	2.195.895.515.504

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các TCTD có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn bao gồm dự phòng cho các khoản tiền gửi đã quá hạn gốc và lãi và khoản lãi quá hạn của trái phiếu Vinashin. Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dừng dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái tức đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Khoản dự thu trái tức của trái phiếu Vinashin trong năm 2012 là 18.079.397.260 đồng được Tập đoàn theo dõi ngoại bảng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng là phần lãi phải thu từ hoạt động đầu tư của Tập đoàn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lãi phải thu từ:		
- Nguồn đầu tư của Tập đoàn	257.781.535.139	157.430.491.745
- Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	91.534.239.998	66.208.263.923
- Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	23.033.076.956	17.700.829.067
	372.348.852.093	241.339.584.735

8. PHẢI THU TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Phải thu:		
- Bảo Việt Nhân thọ	515.255.629.307	568.960.179.661
- Bảo hiểm Bảo Việt	269.283.070.853	376.231.855.767
- Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	9.412.627.106	12.519.465.449
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	5.422.658.987	15.505.049.607
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	7.108.117.198	8.168.682.294
- Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	1.260.000	1.260.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.704.433.614	54.130.519.728
	808.187.797.065	1.035.517.012.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2012	307.526.103.620	11.294.299.639	123.979.948.054	66.495.337.392	57.980.000	509.353.668.705
Tăng trong năm						
- Mua sắm mới	-	-	90.407.000	14.358.351.405	1.360.781.877	15.809.540.282
Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	-	21.413.847.597	(21.413.847.597)	-	-
Tại ngày 31/12/2012	307.526.103.620	11.294.299.639	145.484.202.651	59.439.841.200	1.418.761.877	525.163.208.987
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2012	29.108.024.394	4.404.472.507	36.253.985.924	41.645.715.469	57.980.000	111.470.178.294
Khấu hao trong năm	12.203.926.818	1.739.372.070	20.572.417.390	13.153.870.606	-	47.669.586.884
Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	-	18.905.304.406	(18.905.304.406)	-	-
Tại ngày 31/12/2012	41.311.951.212	6.143.844.577	75.731.707.720	35.894.281.669	57.980.000	159.139.765.178
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2012	278.418.079.226	6.889.827.132	87.725.962.130	24.849.621.923	-	397.883.490.411
Tại ngày 31/12/2012	266.214.152.408	5.150.455.062	69.752.494.931	23.545.559.531	1.360.781.877	366.023.443.809

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm tin học VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2012	63.135.267.200	52.768.155.900	115.903.423.100
Tăng trong năm	-	4.735.176.306	4.735.176.306
Tại ngày 31/12/2012	63.135.267.200	57.503.332.206	120.638.599.406
Hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2012	13.888.730.105	30.983.461.822	44.872.191.927
Khấu hao trong năm	1.708.119.864	7.948.390.695	9.656.510.559
Tại ngày 31/12/2012	15.596.849.969	38.931.852.517	54.528.702.486
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2012	49.246.537.095	21.784.694.078	71.031.231.173
Tại ngày 31/12/2012	47.538.417.231	18.571.479.689	66.109.896.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Các công trình đang được Ban quản lý dự án các công trình Bảo Việt quản lý VNĐ	Các phần mềm đang được triển khai xây dựng tại Tập đoàn VNĐ	Công trình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	30.604.617.855	20.710.970.661	17.523.366.889	68.838.955.405
Chi phí phát sinh trong năm	6.824.154.680	8.730.010.587	1.043.962.548	16.598.127.815
Giảm trong năm	(17.972.453)	(19.972.801.665)	(1.360.781.877)	(21.351.555.995)
Tại ngày 31/12/2012	37.410.800.082	9.468.179.583	17.206.547.560	64.085.527.225

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại) VNĐ
Đầu tư vào công ty con và BVF1		5.845.481.388.414	4.765.481.388.414
- Đầu tư vào công ty con	12.1	5.751.291.148.720	4.671.291.148.720
- Đầu tư vào BVF1	12.1	94.190.239.694	94.190.239.694
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.2	257.269.440.000	257.269.440.000
Đầu tư dài hạn khác		1.680.862.479.282	1.562.797.533.529
- Trái phiếu	12.3.a	545.451.312.515	394.936.366.762
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.3.b	200.000.000.000	202.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	12.3.c	935.411.166.767	965.861.166.767
		7.783.613.307.696	6.585.548.361.943
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12.4	(543.258.237.382)	(828.347.747.317)
		7.240.355.070.314	5.757.200.614.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Tình hình đầu tư tài chính dài hạn phân loại theo nguồn đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Bảo Việt Nhân thọ ủy thác đầu tư VNĐ	Bảo hiểm Bảo Việt ủy thác đầu tư VNĐ	Đầu tư dài hạn của Tập đoàn VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Đầu tư vào công ty con	-	-	5.751.291.148.720	5.751.291.148.720
Đầu tư vào BVF1	-	-	94.190.239.694	94.190.239.694
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	80.269.440.000	-	177.000.000.000	257.269.440.000
Đầu tư dài hạn khác	71.205.200.000	57.872.226.767	1.551.785.052.515	1.680.862.479.282
- Trái phiếu	-	-	545.451.312.515	545.451.312.515
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
- Đầu tư khác	71.205.200.000	57.872.226.767	806.333.740.000	935.411.166.767
	151.474.640.000	57.872.226.767	7.574.266.440.929	7.783.613.307.696

12.1 Đầu tư vào các công ty con và BVF1

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Bảo Việt Nhân thọ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Bảo hiểm Bảo Việt (*)	1.800.000.000.000	1.500.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	694.895.148.720	694.895.148.720
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (**)	1.560.000.000.000	780.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	110.000.000.000	110.000.000.000
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	36.396.000.000	36.396.000.000
	5.751.291.148.720	4.671.291.148.720

(*) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã chuyển 300 tỷ đồng cho Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt để tăng vốn điều lệ theo lộ trình tăng vốn từ 1.500 tỷ đồng lên thành 2.000 tỷ đồng của Bảo hiểm Bảo Việt từ nguồn vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt.

(**) Trong năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã chuyển số tiền 780 tỷ đồng Việt Nam trong tổng số 1.500 tỷ vốn góp thêm bởi các chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt từ mức 1.500 tỷ đồng lên mức 3.000 tỷ đồng, đáp ứng yêu cầu về vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định tại Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con và BVF1 (tiếp theo)

Đầu tư vào BVF1

BVF1 được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 07 năm 2006. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Vào ngày 27 tháng 7 năm 2011, BVF1 nhận được thông báo chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 19 tháng 7 năm 2014.

Quỹ có vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ và được chấp thuận cho tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng cho thành viên với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/ đơn vị quỹ theo các Công văn điều chỉnh sau:

Công văn điều chỉnh số

Ngày

83/UBCK-QLKD chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng

14 tháng 02 năm 2007

98/TB-UBCK chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng

04 tháng 03 năm 2008

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012, Quỹ BVF1 đang tiến hành giải thể bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thời gian thực hiện giải thể Quỹ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014. Việc giải thể Quỹ BVF1 cũng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVF1 như sau:

	Số vốn góp VNĐ	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	94.190.239.694	9,42%
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	821.659.537.741	82,16%
- Bảo Việt Nhân thọ	601.214.295.907	60,12%
- Bảo hiểm Bảo Việt	220.445.241.834	22,04%
	915.849.777.435	91,58%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Nguồn đầu tư Tập đoàn	177.000.000.000	177.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	153.000.000.000	153.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế ("VIGEB A")	15.000.000.000	15.000.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	80.269.440.000	80.269.440.000
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
VIGEB A	39.000.000.000	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	29.269.440.000	29.269.440.000
	257.269.440.000	257.269.440.000

Tình hình đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012:

Công ty được đầu tư	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn Tập đoàn đã góp VNĐ	Tỷ lệ %
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	60.000.000.000	21.000.000.000	35
VIGEB A	180.000.000.000	54.000.000.000	30
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	65.043.200.000	29.269.440.000	45
Liên doanh			
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine	300.000.000.000	153.000.000.000	51
		257.269.440.000	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn không có cam kết góp thêm vốn vào các công ty liên kết, liên doanh này.

12.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác

12.3.a Trái phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Trái phiếu Doanh nghiệp	545.451.312.515	394.936.366.762
	545.451.312.515	394.936.366.762

Các trái phiếu Doanh nghiệp mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 9,4%/năm đến 12,50%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**12.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác (tiếp theo)****12.3.b Tiền gửi có kỳ hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tiền gửi dài hạn tại các TCTD		
Nguồn đầu tư Tập đoàn	200.000.000.000	200.000.000.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	-	2.000.000.000
	200.000.000.000	202.000.000.000

Khoản đầu tư vào tiền gửi dài hạn của Tập đoàn bao gồm các hợp đồng tiền gửi có lãi suất 10,5%/năm.

12.3.c Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn của Tập đoàn vào các đơn vị khác không phải là công ty con, liên doanh hay công ty liên kết của Tập đoàn.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Nguồn đầu tư Tập đoàn	806.333.740.000	836.783.740.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo Việt Nhân thọ	71.205.200.000	71.205.200.000
Nguồn đầu tư ủy thác của Bảo hiểm Bảo Việt	57.872.226.767	57.872.226.767
	935.411.166.767	965.861.166.767

12.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng cho giảm giá chứng khoán niêm yết, dự phòng giảm giá đầu tư vào BVF1 và dự phòng cho các khoản đầu tư đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại) VNĐ
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	415.622.812.056	553.955.676.820
Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết	62.131.408.400	87.271.625.000
Dự phòng đầu tư tiền gửi và trái phiếu	-	157.902.633.355
Dự phòng giảm giá tài sản ròng của chứng chỉ quỹ	65.504.016.926	29.217.812.142
	543.258.237.382	828.347.747.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lãi tiền gửi nhận trước	991.666.716	1.214.218.979
Phải trả về dự án công nghệ thông tin	-	22.654.088.100
Phải trả người bán khác	3.673.057.043	3.677.277.818
	4.664.723.759	27.545.584.897

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2012 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã nộp trong năm VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Thuế và lệ phí				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.305.335.317	12.117.256.087	(12.516.946.053)	3.905.645.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(42.914.228.683)	139.162.219.176	(106.867.638.892)	(10.619.648.399)
Thuế thu nhập cá nhân	421.896.324	8.180.753.228	(8.180.591.456)	422.058.096
Tiền thuê đất	-	5.191.051.113	(5.164.543.215)	26.507.898
Các loại thuế khác	649.598.357	10.391.645.101	(1.967.064.445)	9.074.179.013
	(37.537.398.685)	175.042.924.705	(134.696.784.061)	2.808.741.959

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh 25.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Quỹ tiền lương còn phải trả	24.976.904.190	17.383.564.622
	24.976.904.190	17.383.564.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (trình bày lại) VNĐ
Bảo Việt Nhân thọ	784.272.592.007	852.374.741.583
Bảo hiểm Bảo Việt	286.232.138.856	283.154.495.199
VIGIBA	59.481.550.723	58.881.550.723
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	2.580.602.252	9.771.810.276
	1.132.566.883.838	1.204.182.597.781

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Kinh phí công đoàn	617.554.907	348.224.573
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	593.290.016	79.563.519
Bảo hiểm thất nghiệp	91.166.509	48.467.292
Phải trả các đơn vị về Chương trình 30A (*)	25.074.301.451	7.789.968.510
Phải trả tiền đặt cọc của các đơn vị thuê trụ sở làm việc	10.730.150.990	2.986.509.120
Phải trả phải nộp khác	1.946.009.440	2.144.385.712
	39.052.473.313	13.397.118.726

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến chi phí an sinh xã hội trong chương trình 30A của Chính phủ.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 01 tháng 01 năm 2012 VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Chi trong năm VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Quỹ khen thưởng	16.514.666.672	7.227.705.876	5.775.033.313	17.967.339.235
Quỹ phúc lợi	8.161.204.530	19.876.191.158	16.939.355.000	11.098.040.688
	24.675.871.202	27.103.897.034	22.714.388.313	29.065.379.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	21.341.576.138
Tăng trong năm	-
Sử dụng trong năm	(21.079.968)
Giảm trong năm	(21.320.496.170)
- Phần dự phòng đã trích theo tỷ lệ 1% - 3% quỹ lương cơ bản	(1.530.288.639)
- Phần dự phòng trích lập từ 10% lợi nhuận sau thuế	(19.790.207.531)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	-

Số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được hình thành từ việc trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư 64/1999/TT-BTC và Thông tư 82/2003/TT-BTC hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành. Trong năm 2012, Tập đoàn đã hạch toán số dư chưa sử dụng hết tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2012 của Quỹ dự phòng này vào thu nhập khác theo hướng dẫn của Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 180").

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2012	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.238.649.204.982	11.227.695.926.179
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	1.081.705.482.572	1.081.705.482.572
Chia cổ tức cho năm 2011	-	-	(816.565.720.800)	(816.565.720.800)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2011	-	-	(27.103.897.034)	(27.103.897.034)
Trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm	-	-	(1.424.921.469)	(1.424.921.469)
Số dư tại ngày 31/12/2012	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.475.260.148.251	11.464.306.869.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012			Ngày 31 tháng 12 năm 2011		
	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ	Tổng số VNĐ	Cổ phiếu thường VNĐ	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện trong năm tài chính 2012.

20.4 Cổ tức

Ngày 26 tháng 04 năm 2012, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2011, theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011 là 12% (1.200 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam, tương đương với số tiền 816.565.720.800 đồng Việt Nam.

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	25.495.142.928	4.699.768.880
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	527.204.529.019	579.761.967.639
Lãi trái phiếu	48.010.595.575	68.664.291.507
Cổ tức và lợi nhuận được chia	687.164.501.739	891.101.342.409
Các khoản thu nhập khác	7.821.776	294.433.638
	1.287.882.591.037	1.544.521.804.073

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
(Hoàn nhập)/ Dự phòng giảm giá đầu tư	(38.321.388.176)	506.072.221.138
Chi phí tài chính khác	361.716.701	2.652.476.128
	(37.959.671.475)	508.724.697.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	81.529.813.701	61.125.431.978
Chi phí vật liệu quản lý	1.211.724.045	862.617.761
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.425.670.383	1.027.136.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.400.746.130	21.448.712.733
Thuế, phí, lệ phí	14.581.007.295	2.825.749.800
Chi phí tư vấn	12.917.861.337	23.580.886.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.370.612.745	33.429.790.571
Chi phí quản lý khác	25.329.206.323	22.678.923.985
	196.766.641.959	166.979.250.228

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Thu nhập khác		
Cho thuê văn phòng	81.721.439.531	73.117.326.908
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	21.320.496.170	-
Các khoản thu nhập khác	1.673.376.674	830.138.284
	104.715.312.375	73.947.465.192
Chi phí khác		
Chi phí quản lý tòa nhà	(24.319.582.265)	(22.290.195.610)
Các khoản chi phí khác	(51.148.915)	(2.360.570.920)
	(24.370.731.180)	(24.650.766.530)
Lợi nhuận khác	80.344.581.195	49.296.698.662

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.209.420.201.748	918.114.555.241
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(687.164.501.739)	(891.101.342.409)
- Phần thu nhập từ hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc đã trích từ lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại TT 64/1999/TT-BTC chưa được sử dụng hết tại thời điểm 31/12/2012	(19.790.207.531)	-
- Thu nhập đã tính thuế từ các năm trước	(199.068.751.464)	-
- Thu nhập không chịu thuế khác	(86.400.000)	-
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	54.269.784.225	2.488.160.920
Tổng thu nhập chịu thuế	357.580.125.239	29.501.373.752
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	89.395.031.310	7.375.343.438
Thuế bổ sung theo thông báo của cơ quan Thuế	49.767.187.866	7.275.977.333
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	139.162.219.176	14.651.320.771

25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chính có các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.447.500.000	-	11.447.500.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			11.447.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư/ nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các bên liên quan của Công ty Mẹ Tập đoàn có giao dịch với Công ty Mẹ Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính (MOF)	Cổ đồng sáng lập
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ đồng sáng lập
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Cổ đồng sáng lập
Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty con
Bảo Việt Nhân thọ	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)	Công ty con
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (BVIinvest)	Công ty con
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Baoviet Bank)	Công ty con

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Cổ đồng sáng lập		
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	579.011.760.000
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ tức đã trả	26.585.280.000
HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật Cổ tức đã trả	10.534.979.085 147.010.909.200
Công ty con		
Bảo Việt Nhân thọ	Lợi nhuận chuyển về	454.203.205.581
	Lợi nhuận năm 2012 phải chuyển về Công ty Mẹ	359.752.000.000
	Doanh thu cho thuê nhà	8.171.559.818
Bảo hiểm Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về	358.950.031.460
	Lợi nhuận năm 2012 phải chuyển về Công ty Mẹ	243.165.000.000
	Doanh thu cho thuê nhà	11.324.313.287
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về	16.640.528.155
	Lợi nhuận năm 2012 phải chuyển về Công ty Mẹ	12.459.000.000
	Doanh thu cho thuê nhà	2.404.871.560
Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	Doanh thu cho thuê nhà	13.778.505.942
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Doanh thu cho thuê nhà	21.398.801.671
	Doanh thu lãi tiền gửi	163.813.777.759
Công ty Cổ phần đầu tư Bảo Việt	Chi phí quản lý tòa nhà	24.319.582.265
	Doanh thu cho thuê nhà	1.108.511.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số 8 và 16 trong báo cáo tài chính riêng này.

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	1.725.000.000	1.560.000.000
	1.725.000.000	1.560.000.000

27. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Như đã trình bày ở Thuyết minh 4.1.2, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán trong việc trích lập dự phòng đối với các trái phiếu Vinashin và các khoản tiền gửi tại ALC II, VFC.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày lại như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây	Trình bày lại	Số liệu sau khi trình bày lại
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
- Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7)	289.781.209.007	(48.441.624.272)	241.339.584.735
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 12.4)	(846.447.523.722)	18.099.776.405	(828.347.747.317)
- Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 16)	1.234.524.445.648	(30.341.847.867)	1.204.182.597.781

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

28.1 Cơ chế quản lý rủi ro

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính của Tập đoàn là nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược tài chính và phi tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tập đoàn đã thành lập Hội đồng quản lý rủi ro (HĐ QLRR) do Giám đốc Khối Quản lý rủi ro (“QLRR”) Tập đoàn làm Chủ tịch. Các cuộc họp của HĐ QLRR được tiến hành theo định kỳ hàng quý. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tập đoàn, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tập đoàn. Mỗi thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ của một chính sách trong toàn Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

28.1 Cơ chế quản lý rủi ro (tiếp theo)

Quản lý tài sản nợ/tài sản có là yếu tố quan trọng trong quản trị rủi ro doanh nghiệp. Quản lý tài sản nợ/tài sản có là tiến hành quản lý một doanh nghiệp để điều phối các quyết định và hành động đối với tài sản nợ và tài sản có. Quản lý tài sản nợ/tài sản có liên quan trọng yếu đến khả năng quản lý tài chính thích hợp của Tập đoàn để đáp ứng nhu cầu trong tương lai về dòng tiền và các yêu cầu về vốn.

Ủy ban quản lý tài sản nợ/tài sản có (ALCO) được thành lập tại Tập đoàn từ năm 2010 có trách nhiệm xem xét và kiểm soát các chiến lược đầu tư để phù hợp với chính sách quản lý về tài sản nợ cũng như đáp ứng các yêu cầu về khả năng thanh toán của Tập đoàn.

28.2 Quản lý rủi ro tài chính

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận.

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chịu tác động bởi rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

28.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng - do khả năng hoặc thiện chí trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, bao gồm tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác. Ban Điều hành đã ban hành một khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Các khoản đầu tư tài chính

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình nội bộ đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên bảng nội bộ phân tích tín dụng chi tiết. HĐ QLRR của Tập đoàn xác định hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng mà Bảo Việt được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ 06 tháng. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. HĐ QLRR của Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý khi cần thiết.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ và Ban Điều hành đánh giá mức độ rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

28.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

28.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VNĐ	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Bị giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	3.323.397.299.537	-	515.029.233.601	3.838.426.533.138
- Sẵn sàng để bán – Chứng khoán nợ	-	-	-	-
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán nợ	405.548.402.362	-	150.000.000.000	555.548.402.362
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	2.917.848.897.175	-	365.029.233.601	3.282.878.130.776
Phải thu từ các bên liên quan	808.187.797.065	-	-	808.187.797.065
Tài sản tài chính khác	19.612.691.303	-	-	19.612.691.303
- Phải thu cổ tức	8.643.600.000	-	-	8.643.600.000
- Phải thu thương mại	4.901.007.969	-	-	4.901.007.969
- Phải thu khác	6.068.083.334	-	-	6.068.083.334
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.018.050.613.752	-	-	1.018.050.613.752
Tổng	5.169.248.401.657	-	515.029.233.601	5.684.277.635.258

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VNĐ	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Bị giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	2.305.719.265.874	16.110.833.333	566.783.686.454	2.888.613.785.661
- Sẵn sàng để bán – Chứng khoán nợ	104.707.953.634	-	-	104.707.953.634
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán nợ	393.036.531.220	-	169.404.059.511	562.440.590.731
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	1.807.974.781.020	16.110.833.333	397.379.626.943	2.221.465.241.296
Phải thu từ các bên liên quan	1.035.517.012.506	-	-	1.035.517.012.506
Tài sản tài chính khác	21.721.374.940	-	-	21.721.374.940
- Phải thu cổ tức	-	-	-	-
- Phải thu thương mại	10.480.319.384	-	-	10.480.319.384
- Phải thu khác	11.241.055.556	-	-	11.241.055.556
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.707.341.698.658	-	-	2.707.341.698.658
Tổng	6.070.299.351.978	16.110.833.333	566.783.686.454	6.653.193.871.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

28.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

28.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tập đoàn đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trong đó:

- *Chưa quá hạn và không giảm giá trị:* các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- *Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:* tài sản tài chính với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- *Bị giảm giá trị riêng biệt:* các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Các tài sản bị đánh giá là giảm giá trị riêng biệt bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, đầu tư tiền gửi vào Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy Vinashin ("VFC") và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II ("ALC II") và đang được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trích lập dự phòng.

28.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được xem xét và báo cáo định kỳ cho Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt, trên cơ sở đó Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2012								
Tài sản Tài chính								
Đầu tư lãi suất cố định	365.029	-	3.022.456	456.992	338.500	71.600	-	4.254.577
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	-	-	102.850	235.700	338.500	71.600	-	748.650
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	365.029	-	2.919.606	221.292	-	-	-	3.505.927
Đầu tư vốn	-	656.683	-	-	-	-	-	656.683
- Sản sàng để bán	-	656.683	-	-	-	-	-	656.683
Phải thu từ các bên liên quan	-	-	808.188	-	-	-	-	808.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

28.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

28.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
- Phải thu thương mại khác	-	-	10.480	-	-	-	-	10.480
- Phải thu khác	-	-	11.241	-	-	-	-	11.241
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	2.707.342	-	-	-	-	2.707.342
Tổng	397.380	634.326	5.787.196	144.491	68.200	377.540	-	7.409.133
Nợ Tài chính								
Phải trả các bên liên quan	-	-	1.234.524	-	-	-	-	1.234.524
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	-	-	1.214	-	-	-	-	1.214
Phải trả thương mại	-	-	26.331	-	-	-	-	26.331
Phải trả thương mại khác	-	-	12.970	-	-	-	-	12.970
Tổng	-	-	1.275.039	-	-	-	-	1.275.039

Không có sự khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ theo thời gian đáo hạn của hợp đồng như đã trình bày ở trên.

28.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ:

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, rủi ro này của Tập đoàn không đáng kể do hầu hết các giao dịch tài sản và công nợ của Tập đoàn đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro giá cổ phiếu:

Danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể có xu hướng bất lợi nếu điều kiện thị trường xấu đi. Tình hình tài chính của các công ty mà Tập đoàn đầu tư và điều kiện thị trường có ảnh hưởng đến kết quả danh mục đầu tư. Hội đồng Quản trị Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc lựa chọn ngành nghề và công ty để đầu tư. Nhằm giảm thiểu các tác động xấu do điều kiện thị trường và hành vi của các nhà đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)**28.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****28.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)***Rủi ro giá cổ phiếu: (tiếp theo)*

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước:

Đơn vị: VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	312.401.600.000	57.624.000.000	370.025.600.000
Giá trị thị trường	67.119.076.800	121.010.400.000	188.129.476.800
VaR (95%, 1 ngày)	(2.109.908.774)	(5.944.412.603)	(8.054.321.377)
Mức độ giảm VaR (95%)	554.438.406	-	554.438.406
VaR (95%, 1 tuần)	NA	NA	(18.010.010.112)
VaR (95%, 1 tháng)	NA	NA	(36.020.020.225)
VaR (95%, 1 năm)	NA	NA	(127.858.388.063)

Đơn vị: VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	312.401.600.000	57.624.000.000	370.025.600.000
Giá trị thị trường	68.138.454.200	89.029.080.000	157.167.534.200
VaR (95%, 1 ngày)	(2.027.704.275)	(5.557.321.044)	(7.585.025.319)
Mức độ giảm VaR (95%)	621.224.559	36.688.148	657.912.707
VaR (95%, 1 tuần)	NA	NA	(16.960.632.224)
VaR (95%, 1 tháng)	NA	NA	(33.921.264.448)
VaR (95%, 1 năm)	NA	NA	(120.408.544.089)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 8,1 tỷ đồng nghĩa là xác suất xảy ra mức tổn thất nhỏ hơn 8,1 tỷ đồng của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 95% hay xác suất xảy ra mức tổn thất lớn hơn 8,1 tỷ đồng của danh mục cổ phiếu niêm yết trong 1 ngày là 5%.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lớn hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tuy nhiên tỷ lệ phần trăm của VaR so với giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (4,3%) thấp hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (4,8%) là do giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu tăng 31 tỷ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

28.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

28.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu: (tiếp theo)

Tập đoàn còn sử dụng phép thử “stress testing” để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động đối với mỗi biến số chính, các biến còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá.

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VNĐ)
31 tháng 12 năm 2012		
Kịch bản 1	+10%	7.069.047.987
Kịch bản 2	-10%	(7.069.047.987)
31 tháng 12 năm 2011		
Kịch bản 1	+10%	5.691.008.958
Kịch bản 2	-10%	(5.691.008.958)

(*) Lưu ý: Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC, do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu mà giá thị trường giảm xuống dưới giá gốc.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ để phù hợp với các khoản phải trả trong tương lai. Danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất, tuy nhiên, theo Bảo Việt đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động lãi suất giảm cũng tác động đến các dòng tiền đáo hạn để tái đầu tư vào danh mục tiền gửi và trái phiếu. Bảo Việt thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên các khoản tái đầu tư trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả khách hàng, nợ và vay và các khoản phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (i) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (ii) Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VNĐ
	Nguyên giá VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	
Tài sản tài chính				
Đầu tư kỳ hạn cố định	4.068.443.481.198	(230.016.948.060)	3.838.426.533.138	3.750.660.756.943
- Sẵn sàng để bán – Chứng khoán Nợ	-	-	-	-
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	591.992.461.873	(36.444.059.511)	555.548.402.362	515.661.665.676
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	3.476.451.019.325	(193.572.888.549)	3.282.878.130.776	3.234.999.091.267
Đầu tư vốn	1.029.601.406.461	(372.917.948.526)	656.683.457.935	598.372.641.205
- Sẵn sàng để bán	1.029.601.406.461	(372.917.948.526)	656.683.457.935	598.372.641.205
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải thu từ các bên liên quan	808.187.797.065	-	808.187.797.065	808.187.797.065
Tài sản tài chính khác	19.612.691.303	-	19.612.691.303	19.612.691.303
- Phải thu cổ tức	8.643.600.000	-	8.643.600.000	8.643.600.000
- Phải thu thương mại khác	4.901.007.969	-	4.901.007.969	4.901.007.969
- Phải thu khác	6.068.083.334	-	6.068.083.334	6.068.083.334
Tiền và các khoản tương đương	1.018.050.613.752	-	1.018.050.613.752	1.018.050.613.752
TỔNG CỘNG	6.943.895.989.779	(602.934.896.586)	6.340.961.093.193	6.194.884.500.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VNĐ
	Nguyên giá VNĐ	Dự phòng giảm giá trị VNĐ	Tổng VNĐ	
Tài sản tài chính				
Đầu tư kỳ hạn cố định	3.066.700.945.415	(176.002.409.755)	2.890.698.535.660	2.668.594.733.952
- Sẵn sàng để bán – Chứng khoán Nợ	104.707.953.634	-	104.707.953.634	104.477.241.139
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán Nợ	579.480.590.732	(17.040.000.000)	562.440.590.732	452.970.251.444
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	2.382.512.401.049	(158.962.409.755)	2.223.549.991.294	2.111.147.241.369
Đầu tư vốn	1.060.051.406.461	(360.752.582.942)	699.298.823.519	548.914.574.971
- Sẵn sàng để bán	1.060.051.406.461	(360.752.582.942)	699.298.823.519	548.914.574.971
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải thu từ các bên liên quan	1.035.517.012.506	-	1.035.517.012.506	1.035.517.012.506
Tài sản tài chính khác	21.721.374.940	-	21.721.374.940	21.721.374.940
- Phải thu cổ tức	-	-	-	-
- Phải thu thương mại khác	10.480.319.384	-	10.480.319.384	10.480.319.384
- Phải thu khác	11.241.055.556	-	11.241.055.556	11.241.055.556
Tiền và các khoản tương đương	2.707.341.698.658	-	2.707.341.698.658	2.707.341.698.658
TỔNG CỘNG	7.891.332.437.980	(536.754.992.697)	7.354.577.445.283	6.982.089.395.027

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2012		
Nợ Tài chính		
Phải trả các bên liên quan	1.132.566.883.838	1.132.566.883.838
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	991.666.716	991.666.716
Phải trả thương mại	3.501.315.843	3.501.315.843
Phải trả thương mại khác	8.492.052.410	8.492.052.410
Tổng cộng	1.145.551.918.807	1.145.551.918.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2011		
Nợ Tài chính		
Phải trả các bên liên quan	1.234.524.445.648	1.234.524.445.648
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	1.214.218.979	1.214.218.979
Phải trả thương mại	26.331.365.918	26.331.365.918
Phải trả thương mại khác	12.970.219.885	12.970.219.885
Tổng cộng	1.275.040.250.430	1.275.040.250.430

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong phạm vi lãnh thổ, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Ngày 08 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính đã có công văn số 2174/BTC-QLBH chấp thuận về nguyên tắc cho phép Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã chuyển 300 tỷ đồng cho Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và đã chuyển tiếp 200 tỷ đồng vào ngày 28 tháng 02 năm 2013 để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Bảo hiểm Bảo Việt đang làm các thủ tục để được Bộ Tài chính phê duyệt chính thức và cấp giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012, Quỹ BVF1 sẽ tiến hành giải thể vào ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thời gian thực hiện giải thể Quỹ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014. Việc giải thể Quỹ BVF1 cũng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài các thông tin trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

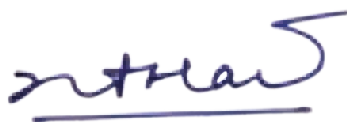
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	38,96	49,61
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	61,04	50,39
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng Nguồn vốn	%	9,71	10,17
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	%	90,29	89,83
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,01	4,96
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,01	4,96
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	91,91	59,44
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	83,99	58,49
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/ tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	9,52	7,35
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8,52	7,23
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,44	8,05



Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán



Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ông Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Ngày 25 tháng 03 năm 2013



THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Chuẩn mực - Minh bạch - Tin cậy

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thông tin tài chính bổ sung này được trích dẫn từ Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con ("Tập đoàn") được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS").

Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng việc thuyết minh các thông tin tài chính bổ sung sẽ giúp cho người sử dụng Báo cáo thường niên hiểu rõ hơn về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế được áp dụng rộng rãi trên thế giới.

Toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán được đăng tải trên trang web của chúng tôi tại địa chỉ www.baoviet.com.vn. Người sử dụng Báo cáo thường niên này nên tham chiếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS đã được kiểm toán để đảm bảo tính đầy đủ và chính xác của thông tin tài chính.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Thu phí bảo hiểm	10.850.087.953.781	9.538.656.185.436
Trừ: Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.434.243.708.247)	(1.204.651.228.144)
Thu ròng về phí bảo hiểm	9.415.844.245.534	8.334.004.957.292
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(215.665.272.721)	(228.451.155.395)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	9.200.178.972.813	8.105.553.801.897
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	233.185.227.477	192.558.555.611
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	17.042.548.860	14.226.006.537
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	9.450.406.749.150	8.312.338.364.045
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	599.090.669.666	644.126.796.591
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	2.696.758.365.118	2.306.425.138.290
Thu nhập hoạt động khác	214.533.009.206	145.403.254.328
Tổng doanh thu khác	3.510.382.043.990	3.095.955.189.209
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	12.960.788.793.140	11.408.293.553.254
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm	(6.295.789.889.970)	(6.130.177.759.034)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(148.001.677.644)	(76.879.277.648)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	512.995.603.382	706.230.478.084
Thay đổi góp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(1.573.964.423.037)	(413.310.196.948)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	477.123.552.496	12.971.044.632
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	(7.027.636.834.773)	(5.901.165.710.914)
Chi hoa hồng và CP khai thác hoạt động bảo hiểm	(1.243.322.203.860)	(1.064.890.075.807)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(72.969.818.599)	(50.891.994.259)
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	(14.969.830.513)	(28.243.488.151)
Chi phí bán hàng	(330.887.098.697)	(240.472.050.406)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.323.893.187.300)	(2.166.009.475.902)
Chi phí tài chính	(247.186.327.701)	(357.028.181.022)
Chi phí hoạt động khác	(197.800.355.273)	(180.660.254.568)
Tổng hoa hồng và chi phí	(4.431.028.821.943)	(4.088.195.520.115)
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	(11.458.665.656.716)	(9.989.361.231.029)
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	1.502.123.136.424	1.418.932.322.225
Phân chia lợi nhuận từ công ty liên kết, liên doanh	49.568.269.333	60.664.500.392
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.551.691.405.757	1.479.596.822.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(381.006.374.075)	(316.865.984.296)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.170.685.031.682	1.162.730.838.321
LỢI NHUẬN SAU THUẾ THUỘC VỀ:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	1.100.242.090.234	1.159.671.630.655
Lợi ích cổ đông thiểu số	70.442.941.448	3.059.207.666
	1.170.685.031.682	1.162.730.838.321
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.617	1.704

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

BÁO CÁO THU NHẬP TỔNG HỢP HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.170.685.031.682	1.162.730.838.321
Thu nhập tổng hợp khác trong năm		
Tài sản đầu tư sẵn sàng để bán:		
Thay đổi ròng của quỹ dự phòng giá trị hợp lý	1.963.893.162.862	(723.827.009.976)
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(488.030.166.157)	172.422.677.074
Thu nhập tổng hợp khác đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	1.475.862.996.705	(551.404.332.902)
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	2.646.548.028.387	611.326.505.419
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	2.546.087.557.357	622.174.590.299
Lợi ích cổ đông thiểu số	100.460.471.030	(10.848.084.880)

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	1.074.199.762.176	1.034.775.583.371
Bất động sản đầu tư	23.448.947.000	23.448.947.000
Tài sản cố định vô hình	618.443.101.530	630.175.643.845
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	366.365.372.992	373.783.823.698
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
- <i>Sẵn sàng để bán</i>	14.171.286.228.643	12.512.741.441.205
- <i>Cho vay và phải thu</i>	14.178.038.096.917	10.439.990.338.451
Đầu tư cổ phiếu		
- <i>Sẵn sàng để bán</i>	1.086.891.850.001	1.177.758.379.977
- <i>Phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ</i>	245.994.016.294	310.317.969.600
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	7.106.333.528.013	6.656.102.091.602
Tạm ứng từ giá trị giải ước	941.577.760.397	1.053.728.631.725
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	228.906.973.164	449.468.854.752
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	961.519.768.543	857.638.046.851
Tài sản tái bảo hiểm	2.047.616.266.166	1.576.830.405.613
Các khoản trả trước và tài sản khác	937.385.151.922	901.440.524.449
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.977.824.233	5.479.823.264.414
TỔNG TÀI SẢN	48.065.984.647.991	43.478.023.946.553
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ đã góp	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
Lợi nhuận chưa phân phối	1.079.327.575.879	931.373.295.541
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	885.480.177.557	(560.365.289.566)
Quỹ chênh lệch tỷ giá	16.075.608.000	16.075.608.000
Quỹ đầu tư phát triển	20.372.157.338	16.808.794.107
Quỹ dự phòng tài chính	29.808.118.286	24.323.877.509
Quỹ dự trữ bắt buộc	162.698.505.129	119.375.561.070
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	12.286.377.666.204	10.640.207.370.676
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.078.442.362.608	1.311.075.585.494
TỔNG VỐN	14.364.820.028.812	11.951.282.956.170
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	22.460.925.748.757	20.601.427.297.845
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	38.437.392.964	29.255.220.333
Các khoản tiền gửi khách hàng	4.572.558.059.252	3.402.183.719.223
Các khoản phải trả các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	3.657.632.373.241	4.454.956.608.862
Người mua trả tiền trước	4.522.746.642	7.399.113.413
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	103.686.164.689	102.401.564.740
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	203.751.002.904	3.471.208.041
Phải trả hoạt động bảo hiểm	883.007.611.787	715.356.609.981
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	1.776.643.518.943	2.210.289.647.945
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	33.701.164.619.179	31.526.740.990.383
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	48.065.984.647.991	43.478.023.946.553

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VNĐ	Quỹ chênh lệch tỷ giá VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	6.267.090.790.000	3.076.807.671.197	699.630.394.338	(22.868.249.208)	16.075.608.000
Tăng vốn chủ sở hữu	537.623.550.000	107.524.710.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.159.671.630.655	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	(49.145.565.167)	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(816.565.720.800)	-	-
Lợi nhuận phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(58.935.221.290)	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(3.477.222.195)	-	-
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	(537.497.040.358)	-
Tăng/ giảm khác	-	-	195.000.000	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	931.373.295.541	(560.365.289.566)	16.075.608.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	931.373.295.541	(560.365.289.566)	16.075.608.000
Tăng vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.100.242.090.234	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	(52.370.548.067)	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(816.565.720.800)	-	-
Lợi nhuận phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(79.525.997.338)	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(3.825.543.691)	-	-
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	1.445.845.467.123	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.079.327.575.879	885.480.177.557	16.075.608.000

<i>Quỹ đầu tư và phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ dự trữ bắt buộc</i>	<i>Quỹ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Lợi ích cổ đông thiểu số</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
13.810.688.873	18.316.956.265	79.245.733.155	103.568.802.818	10.251.678.395.438	1.356.574.783.097	11.608.253.178.535
-	-	-	-	645.148.260.000	10.000.000.000	655.148.260.000
-	-	-	-	1.159.671.630.655	3.059.207.666	1.162.730.838.321
3.005.245.751	6.010.491.501	40.129.827.915	-	-	-	-
-	-	-	-	(816.565.720.800)	(43.200.000.000)	(859.765.720.800)
-	-	-	-	(58.935.221.290)	(972.223.499)	(59.907.444.789)
-	-	-	-	(3.477.222.195)	(489.600.000)	(3.966.822.195)
-	-	-	-	(537.497.040.358)	(13.907.292.544)	(551.404.332.902)
(7.140.517)	(3.570.257)	-	-	184.289.226	10.710.774	195.000.000
16.808.794.107	24.323.877.509	119.375.561.070	103.568.802.818	10.640.207.370.676	1.311.075.585.494	11.951.282.956.170
16.808.794.107	24.323.877.509	119.375.561.070	103.568.802.818	10.640.207.370.676	1.311.075.585.494	11.951.282.956.170
-	-	-	-	-	720.000.000.000	720.000.000.000
-	-	-	-	1.100.242.090.234	70.442.941.448	1.170.685.031.682
3.563.363.231	5.484.240.777	43.322.944.059	-	-	-	-
-	-	-	-	(816.565.720.800)	(51.150.000.000)	(867.715.720.800)
-	-	-	-	(79.525.997.338)	(1.022.093.916)	(80.548.091.254)
-	-	-	-	(3.825.543.691)	(921.600.000)	(4.747.143.691)
-	-	-	-	1.445.845.467.123	30.017.529.582	1.475.862.996.705
20.372.157.338	29.808.118.286	162.698.505.129	103.568.802.818	12.286.377.666.204	2.078.442.362.608	14.364.820.028.812

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	12.457.680.958.628	13.902.800.060.531
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(8.368.151.577.665)	(10.135.849.080.892)
Tiền chi trả cho người lao động	(1.068.313.662.691)	(936.091.568.255)
Tiền chi trả lãi vay	(16.605.387.892)	(29.918.104.709)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(455.240.598.927)	(318.202.027.498)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.153.119.365.366	3.944.979.558.577
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.796.048.602.263)	(4.610.469.445.115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.906.440.494.556	1.817.249.392.639
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(97.488.528.824)	(245.096.750.509)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	208.610.761	4.329.056.451
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(14.191.212.522.421)	(14.454.071.507.608)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	12.216.319.794.524	13.687.793.771.947
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(1.350.213.053.444)	(2.457.439.473.566)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	1.652.042.816.841	2.371.929.256.663
Tiền thu lãi cho vay, trái tức và lợi nhuận được chia	199.251.338.835	193.222.697.537
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.571.091.543.728)	(899.332.949.085)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	720.000.000.000	-
Tiền nhận được từ các khoản vay ngắn hạn, dài hạn	85.195.778.594	5.847.902.825
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông	(816.565.720.800)	(816.321.876.360)
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	(1.725.118.460.639)	(471.989.769.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.736.488.402.845)	(1.282.463.742.689)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.401.139.452.017)	(364.547.299.135)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5.479.823.264.414	5.844.707.147.758
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	(705.988.164)	(336.584.209)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4.077.977.824.233	5.479.823.264.414

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. ĐỐI CHIẾU NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN GIỮA CÁC CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS)**(i) Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn Bảo Việt**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Theo VAS	1.861.704.298.782	1.520.697.866.221
1. Tài sản tài chính		
Định giá cổ phiếu	(56.429.837.633)	(25.026.389.558)
Đầu tư có kỳ hạn cố định	(165.856.130.736)	18.013.064.753
Tiền gửi có kỳ hạn	46.847.422.540	109.291.750.664
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	(17.364.953.974)	10.331.273.494
2. Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh dự phòng IBNR	(78.788.806.881)	(70.622.321.374)
Hoàn nhập dự phòng dao động lớn	(112.902.109.581)	(53.577.791.539)
Dự phòng phải thu bảo hiểm	113.183.537.976	(34.672.761.660)
3. Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho ghi nhận vào BCKQKD	339.864.704	(2.642.226.510)
Hợp đồng Repo	(89.798.879)	742.121.855
Hoàn nhập phí TSCTA đã xóa sổ	15.764.071.594	4.253.092.843
Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	(54.439.087.804)	(37.386.409)
Điều chỉnh tài sản cố định vô hình	(616.842.595)	2.016.896.695
Điều chỉnh tài sản cố định hữu hình	29.041.025	29.096.383
Các khoản phải trả khách hàng	310.737.219	(310.737.222)
Phải khoản mục khác	-	1.111.273.974
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	1.551.691.405.757	1.479.596.822.610

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. ĐỐI CHIẾU NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN GIỮA CÁC CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (tiếp theo)**(ii) Tài sản ròng của Tập đoàn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 VNĐ
Theo VAS	14.179.369.042.349	12.981.186.364.884
1. Tài sản tài chính		
Định giá cổ phiếu	(13.475.069.361)	(112.621.709.136)
Đầu tư có kỳ hạn cố định	539.661.915.272	(1.102.798.639.448)
Tiền gửi có kỳ hạn	215.043.124.708	168.195.702.169
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	(7.033.680.480)	10.331.273.494
2. Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh dự phòng IBNR	(536.489.302.216)	(457.700.495.335)
Hoàn nhập dự phòng dao động lớn	176.355.549.299	282.317.648.913
Dự phòng phải thu bảo hiểm	(341.469.836)	(113.525.007.812)
3. Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho ghi nhận vào BCKQKD	(26.909.867.499)	(27.249.732.203)
Hợp đồng Repo	(661.093.066)	(571.294.186)
Chi phí TSCTA	(24.625.009.201)	(40.389.080.794)
Trợ cấp thất nghiệp	(38.437.392.964)	16.001.694.839
Điều chỉnh tài sản cố định vô hình	(85.163.078.036)	(84.546.235.441)
Điều chỉnh tài sản cố định hữu hình	(56.653.802)	(85.694.827)
Các khoản phải trả khách hàng	-	(310.737.222)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(12.416.986.356)	433.048.898.262
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	14.364.820.028.811	11.951.282.956.157

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

Khoản mục	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	<p>Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm.</p> <p>Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm.</p> <p>Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.</p>	<p>i) Các tài sản tài chính xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là các tài sản tài chính được lựa chọn khi ghi nhận lần đầu xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</p> <p>ii) Các khoản đầu tư được dự định tiếp tục nắm giữ được phân loại là sẵn sàng để bán và được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý cộng với chi phí giao dịch trực tiếp hoặc chỉ phát sinh khi có giao dịch xảy ra. Tại mỗi lần khóa sổ, giá trị hợp lý được xác định lại, các khoản lãi lỗ sẽ được ghi nhận vào khoản mục Các thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ ở mục quỹ dự trữ hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, các thu nhập hoặc lỗ lũy kế đã được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</p> <p>iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản phải trả đã được xác định trước và không được báo giá trên thị trường tích cực. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, và đây là giá trị hợp lý của giá trị trả ra để có được khoản đầu tư. Tất cả các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua cũng được cộng vào giá gốc của đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được xác định giá trị theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Lãi và lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản đầu tư được dừng ghi nhận hoặc bị giảm giá trị, cũng như qua việc phân bổ giá trị.</p>
Dự phòng giảm giá trị	<p>Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như chi phí mua vượt quá giá thị trường tại ngày khóa sổ báo cáo.</p>	<p>Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán, đối với tài sản này thay đổi về giá trị hợp lý được ghi nhận vào Thu nhập tổng hợp khác.</p> <p>Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ Sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi đảo vào thu nhập khi giá trị hợp lý tăng.</p> <p>Đối với các công cụ vốn Sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi đảo vào vốn chủ.</p>
Công ty liên kết	<p>Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không phải là đối tượng đánh giá tổn thất theo như chuẩn mực VAS 7.</p>	<p>Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi về giá trị sau này đối với phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.</p>

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	VAS	IFRS
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các con nợ khác và trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Nợ khó đòi là khoản thiệt hại ước tính phát sinh từ các khoản nợ không còn khả năng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo. Phân dự phòng này được tính theo tỷ lệ khác nhau dựa trên tuổi nợ của các khoản phải thu.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi các dự phòng nợ khó đòi.
Nhà xưởng, trang thiết bị	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng giao động lớn).
Trình bày	Dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày theo dạng ròng trừ đi các tài sản tái bảo hiểm.	IFRS 4 không cho phép cản trừ tài sản tái bảo hiểm với các nghĩa vụ bảo hiểm có liên quan hoặc cản trừ thu nhập hoặc chi phí từ hợp đồng tái bảo hiểm với các hợp đồng bảo hiểm có liên quan. Do đó, các tài sản và công nợ phí chưa được hưởng phải được trình bày dưới dạng gộp trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng lên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng phải được trình bày dưới dạng gộp.
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ vì mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

1	ALCO	Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
2	BANCASSURANCE	Bán chéo các sản phẩm bảo hiểm qua hệ thống ngân hàng
3	BCTC	Báo cáo tài chính
4	BKS	Ban Kiểm soát
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
7	ĐVTV/CTTV	Đơn vị thành viên/Công ty thành viên
8	EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
9	E&Y	Công ty Kiểm toán Ernst & Young
10	KPI	Chỉ tiêu hoạt động cơ bản
11	HĐQT	Hội đồng quản trị
12	HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
13	HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
14	HSBC	HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
15	IFRS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Quốc tế
16	LNST	Lợi nhuận sau thuế
17	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
18	M&A	Thâu tóm và sáp nhập
19	P/E	Hệ số giá trên thu nhập của cổ phiếu
20	QLRR	Quản lý rủi ro
21	ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
22	ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
23	RMC	Hội đồng Quản lý rủi ro
24	SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
25	TTLK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
26	UBKT	Ủy ban Kiểm toán
27	VAS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam

Bảo vệ **MÔI TRƯỜNG** là
TRÁCH NHIỆM của mỗi chúng ta

